

ĐẠI TƯỚNG
LÊ TRỌNG TẤN

TỪ
ĐỒNG QUAN
ĐẾN
DIỆN BIÊN



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

ĐC. 85
T. 550
959. 704 1
T. 550 Đ

Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

TỪ ĐỒNG QUAN ĐẾN ĐIỆN BIÊN

HỒI ỨC

ĐỖ THÂN ghi



NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 1994

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

TỦ ĐÔNG QUAN ĐỀ NHIỆM BIÊN

HỘI LƯC

ĐỒ THẠNH

KHO DỮ LỆCH
THƯ VIỆN TỈNH DÂN BIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 1984





Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Từ Đồng Quan đến Điện Biên là cuốn hồi ức của Đại tướng Lê Trọng Tấn, được đại tá Đỗ Thân thể hiện. Nội dung cuốn sách viết về đoạn đường hoạt động và chiến đấu mà đồng chí Lê Trọng Tấn đã tham gia, từ trận Đồng Quan trong những ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước (8-1945), đến trận Điện Biên Phủ – trận đánh kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).

Năm 1985, bản thảo của cuốn hồi ức được viết xong. Đồng chí Đại tướng Lê Trọng Tấn dự định sẽ tiến hành sửa chữa, nâng cao thêm. Nhưng rất tiếc dự định đó chưa kịp thực hiện thì đồng chí qua đời.

Để những dòng tâm huyết của một người suốt đời phấn đấu vì lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhân dân, quân đội ta đến với bạn đọc, đại tá Cao Hùng, đại tá Nguyễn Viết Nhâm, đại tá Thanh Phong, Thiếu tướng Trần Duy Hạnh cùng một số đồng chí từng theo dõi bản thảo từ khi khởi thảo đến lúc viết xong đã đóng góp nhiều công sức chỉnh lý bản thảo như ý kiến của đồng chí Lê Trọng Tấn trước đây. Tuy còn một số hạn chế, nhưng cuốn hồi ức đã ghi lại được nhiều kỷ ức và tư liệu quý, góp phần làm sáng tỏ thêm truyền thống cách mạng, truyền thống chiến đấu

anh hùng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân một lần nữa xin chân thành cảm ơn các đồng chí, các bạn và gia đình đồng chí Lê Trọng Tấn đã giúp cho cuốn sách được xuất bản.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn hồi ức Từ Đồng Quan đến Điện Biên, tác phẩm cuối cùng mà đồng chí Đại tướng Lê Trọng Tấn đã để lại cho chúng ta trước lúc qua đời.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

LỜI GIỚI THIỆU CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

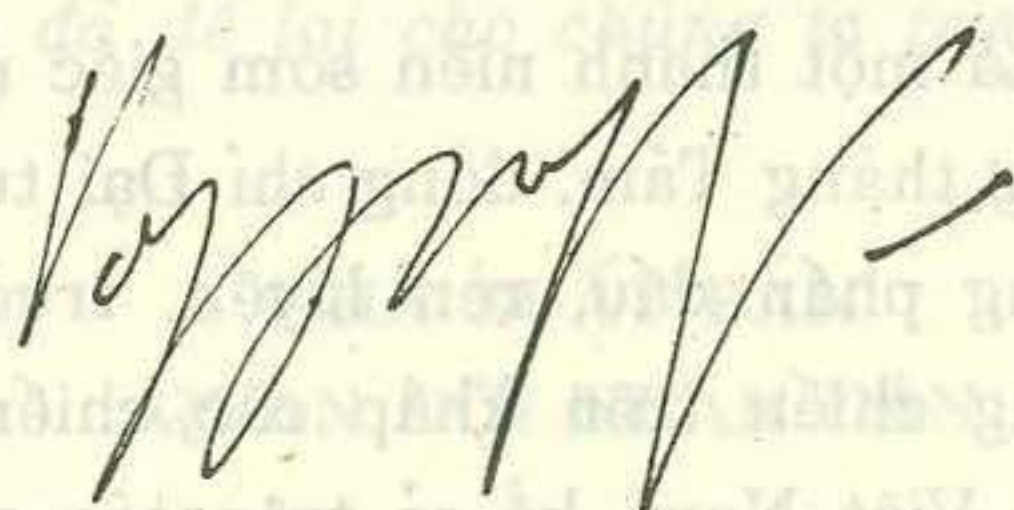
Là một thanh niên sớm giác ngộ, đi theo Đảng từ Cách mạng tháng Tám, đồng chí Đại tướng Lê Trọng Tấn không ngừng phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành trong khói lửa kháng chiến trên khắp các chiến trường miền Bắc, miền Nam Việt Nam, kể cả trên các chiến trường nước bạn; từ một cán bộ đội tự vệ đến trung đoàn trưởng, đại đoàn trưởng, Phó tư lệnh miền Nam và Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng chí Lê Trọng Tấn là một cán bộ chỉ huy dũng cảm và sáng tạo, mưu lược và quyết đoán, một người đồng chí trung thành và cương trực, rất mực thương yêu đồng đội, tình nghĩa thủy chung, được nhân dân và quân đội yêu mến và tin cậy. Chiến công và thành tích của đồng chí đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

Cuốn hồi ức "Từ Đồng Quan đến Điện Biên" tuy còn một số hạn chế, nhưng cũng đã ghi lại được nhiều kỷ ức và tư liệu, nói lên một phần cống hiến của đồng chí trong quá trình chỉ huy, lãnh đạo bộ đội trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với tình cảm sâu sắc đối với đồng chí Lê Trọng Tấn, người cán bộ quân sự xuất sắc, người bạn chiến đấu rất thân thiết, tôi xin giới thiệu với bạn đọc cuốn hồi ức của đồng chí.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 1993



Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

CHƯƠNG MỘT

BÀI HỌC VỖ LÒNG

Sau cuộc đảo chính lật Pháp tháng 3 năm 1945, Nhật nắm được toàn bộ mạng lưới mật thám của Pháp ở Hà Nội đã ra tay khủng bố phong trào Việt Minh. Tổ chúng tôi có người đã bị bắt. Chúng tôi được lệnh dời "cơ quan ẩn loát" (hai viên đá li-tô) sang một địa điểm khác. Tôi được lệnh về Hà Đông tiếp tục nhận công tác mới.

Từ rặng ỏi Vĩnh Tuy, tôi đạp xe đến Ngã Tư Vọng vào lúc trời chưa sáng. Phía sau, Hà Nội vẫn chìm trong giấc ngủ nặng nề. Phía trước là bớt cảnh sát Ngã Tư Vọng. Tôi xuống xe quan sát, không thấy những chiếc xe đạp dựng trước cửa như thường lệ. Như vậy là bọn cảnh sát đi tuần đêm chưa về. Cũng không thấy viên cảnh sát râu ngạnh trê trong khung cửa. Tôi liếc nhìn xuống khoeo chân phải, nơi buộc khẩu súng Bờ-rao-ninh. Ống quần hơi cộm một chút, phải để ý lắm mới thấy. Thế là tôi yên tâm lấy đà đạp qua bớt cảnh sát Vọng. Với cái sơ mi tàu tàu, cái quần xanh Thượng Hải, tôi như một anh thư ký "cà khổ" trong dòng người dòng xe từ thành phố đi ra.

Hồi đó từ Ô Cầu Dền trở ra vẫn còn là ruộng lúa. Từ sớm tinh mơ, những tốp xe tay chở rau, đậu, gà, vịt, trứng từ các làng ven đô vào thành phố. Đi ra là những chiếc xe bò, xe ba gác chở xác những người chết đói về phía làng Giáp Bát để chôn.

Trước thế thua hiển nhiên và đứng trước phong trào cách mạng đang sôi sục, phát xít Nhật câu kết với thực dân Pháp đã dùng lương thực như một thứ vũ khí giết người hàng loạt để làm cho nhân dân, cho cách mạng Việt Nam tàn lụi. Chính trong tình hình kinh tế và xã hội cực kỳ nghiêm trọng đó, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng trí tuệ và tài năng tổ chức tuyệt vời, đã phát động một cao trào cách mạng từ rừng núi, nông thôn đến thành thị trên phạm vi cả nước.

Rời đường số 1, tôi đạp xe dọc theo đê sông Đáy về Ứng Hòa. Lúa chiêm năm đó tốt lạ thường. Sau lũy tre xơ xác, những bóng người xám ngắt, thất thểu, nhìn ra cánh đồng nắng chói chang, ước ao cố sống cho đến ngày lúa chín. Đồng bào ta ăn cám, ăn củ chuối, quả sung, rau má, ăn cả khô dầu, diếp đại để kéo dài sự sống. Tôi vừa đạp xe qua một điểm canh đê thì có tiếng quát giật giọng: "Xuống xe! Giơ tay lên!". Tôi chưa kịp phanh xe đã nghe thấy tiếng bước chân chạy uỳnh uych ở sau lưng. Lố nhố những tay thước, gậy tây, mã tấu. Tôi đoán đây là bọn tuần vũ dũng. Lúc này, trong mình tôi không mang một thứ giấy tờ gì. Đến cái thẻ thuế thân cũng không có nốt. Tôi đang hoảng xuống xe, nhìn những người vừa chạy từ trong

điểm ra. Họ có mấy người, phần lớn còn rất trẻ. Họ không mang tù và, không mang dây trói, những thứ bọn tuần vũ dũng thường dùng. Một anh hỏi tôi:

– Anh đi đâu? Có súng bỏ ra!

Không quát tháo, không hỏi thẻ thì chắc không phải bọn tuần vũ dũng. Nếu là tuần vũ dũng thì câu hỏi đầu tiên phải là: "Thẻ đâu đưa đây!". Hay họ là bọn thanh niên Đại Việt (một tổ chức thanh niên do Nhật lập ra)? Tôi nhìn quần áo anh em mặc. Một cái quần nâu đã vá nhiều chỗ. Một cái áo ta cũng thùng lỗ chỗ. Có thể đây là đội viên đội tự vệ cứu quốc của Việt Minh. Nếu là bọn thanh niên Đại Việt thì cách ăn mặc phải khác. Đồng phục ka-ki, đầu húi cua, đi đờ-mi ghệt. Tôi toan cười để làm quen với anh thanh niên ốm nhách, đứng chỉ quá vai mình. Nhưng cậu ta mặt lạnh như tiền thọc luôn tay vào bụng tôi. Những anh em khác quây lấy tôi, tay lăm lăm cây gậy. Tôi nín thở liếc nhìn khoeo chân, nơi giấu khẩu súng ngắn và nhìn vào mắt từng người. Tôi chuẩn bị một thế võ thoát hiểm nếu họ khám cả phần chi dưới. Khám không thấy súng, anh ta hỏi tôi giọng dịu hẳn:

– Anh về đâu?

– Tôi về Quảng Uyên bốc mộ cho ông cụ!

– Anh có giấy tờ gì không?

– Có, nhưng Nhật nó lấy hết rồi.

Tôi rút bao thuốc lá Mê-li-a mời mỗi anh một điếu. Lúc đó anh ta mới cười: "Cứ tưởng ông anh là mật thám Nhật". Tôi đoán đúng. Anh em là tự vệ cứu quốc.

Chỉ có hơn một tháng tôi không về Quảng Uyên mà phong trào Việt Minh huyện Ứng Hòa đã chuyển lên cao trào. Một tháng trước, mỗi khi đi qua các điểm canh, tôi phải tìm đường vòng. Hôm nay trên đường đi không những không có bọn tuần vũ dũng lộng hành, bọn thanh niên Đại Việt ngang ngược, mà lại có những đội tự vệ chiến đấu công khai canh gác trên các điểm canh không cho bọn mật thám thâm nhập vào vùng căn cứ.

Như một mối lửa bén vào đồng rơm khô giữa mùa gió tây, khẩu hiệu hướng dẫn hành động của Đảng đã tạo cho phong trào cách mạng có những bước phát triển nhảy vọt. "Phá kho thóc để cứu đói" là một trong những khẩu hiệu như vậy.

Tôi về Quảng Uyên mà cảm thấy như về thôn Nghĩa Lộ, Hoài Đức quê tôi. Ở Quảng Uyên cũng như ở một số vùng khác thuộc Hoài Đức, Ứng Hòa... chính quyền của địch ở nông thôn gần như bị tê liệt. Một số ít địa chủ lớn ở gần các thị trấn, thị xã còn dựa vào thế Nhật tiếp tục chống phá cách mạng, nhưng phần lớn hương chức đã hoang mang, dao động. Trước khí thế cách mạng, họ chưa tin, không ủng hộ, nhưng cũng không dám chống. Số khác, phần lớn là trung nông lớp dưới, nhất là lớp thanh niên đã đi học ngoài thị xã hoặc trên Hà Nội về đều hăng hái tham gia cách mạng. Tôi vào nhà ông chánh hội Lỗ. Cả hai ông bà đều là cơ sở của ta. Trông thấy chiếc xe đạp không chắn bùn, không chắn xích của tôi là đám trẻ con reo lên: "A! Anh ký đã về! Anh ký đã về!".

Ngay từ ngày đầu khi tôi được anh Nguyễn Phan Lễ, cán bộ Việt Minh Ứng Hòa đưa vào nhà ông Lỗ, ông đã nói trông tôi hao hao giống một anh thư ký ca-đát (thư ký đặc điền) thường hay qua lại vùng này. Ông dặn các con ông có ai hỏi thì nói ông khách nhà cháu làm ký ca-đát. Thư ký ca-đát, một anh chuyên vẽ, đo đạc bản đồ ruộng đất, một chức vụ không to đến nỗi xa lánh bà con, cũng không nhỏ đến mức bọn hương lý có thể bắt nạt. Và hình thức thì chỉ riêng nước da đen cháy của tôi cũng có vẻ "ca-đát" rồi. Thế là từ đó, trẻ con cứ trông thấy tôi là gọi anh ký.

Vào nhà ông Lỗ được một lát thì các hội viên cứu quốc lần lượt đến. Anh Nguyễn Phan Lễ thay mặt huyện ủy Ứng Hòa phổ biến chỉ thị sửa soạn Tổng khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh. Giở bản chỉ thị in thạch bằng mực tím, chữ nhỏ li ti, anh Lễ đọc: "... Tổng bộ xét thấy cần phải vạch ra những nhiệm vụ dưới đây để các đồng chí gấp rút thi hành. Nói đến khởi nghĩa, trước hết phải đặt mấy câu hỏi dứt khoát:

- Ai xông ra đánh quân thù?
- Lấy gì mà đánh?
- Đánh bằng cách gì?
- Đánh vào lúc nào sẽ thắng?
- Làm thế nào đẩy mạnh phong trào tiến tới khởi nghĩa?"...

Từng câu, từng chữ trong bản chỉ thị làm cho mọi người hồi hộp, xúc động. Chúng tôi nghe say sưa và cảm thấy như các anh "thượng cấp" đã đọc được những suy nghĩ, những băn khoăn thầm kín nhất của mình.

Bản chỉ thị vừa làm sáng rõ những điều chúng tôi còn lơ mờ, lại vừa chỉ ra những việc thiết thực cần làm mà chúng tôi chưa hình dung được.

Nghiên cứu xong chỉ thị, anh Lễ cho biết thêm Quảng Uyên đã thành lập đội tự vệ cứu quốc nhưng chưa được huấn luyện. Anh đề nghị tôi vừa làm huấn luyện viên, vừa chỉ huy đội. Trong cuộc họp, các đồng chí ở Quảng Uyên có ý kiến nên đánh đồn Đồng Quan, lấy súng trang bị cho đội tự vệ và lấy thóc để cứu đói. Đồng Quan là đồn do một tiểu đội lính bảo an làm nhiệm vụ canh gác kho thóc cho Nhật ở đây.

Tôi hỏi về tình hình địch ở đồn Đồng Quan, anh em bảo "ngon ăn" lắm. Hỏi như thế nào là "ngon ăn" lắm, anh em nói bọn lính bảo an chỉ đánh tổ tôm suốt ngày. Tôi hỏi đồng chí Lê Thanh, tổ trưởng tổ tự vệ chiến đấu về trang bị của đội, Lê Thanh cho biết cả tổ chỉ có một khẩu súng ngắn với sáu viên đạn. Hỏi tình hình huấn luyện, anh em đã học tập gì? Anh cho biết mới tập đi đều bước.

Tất nhiên không thể tiến công một đồn bảo an chỉ bằng một khẩu súng ngắn có sáu viên đạn và trình độ đi đều bước. Lúc ấy tôi mới vén ống quần, lấy khẩu Bờ-rao-ninh bóng loáng thông thả đặt lên bàn. Mắt anh nào anh nấy sáng lên. Tôi nói: "Chúng ta sẽ học bắn. Nhưng trước hết các đồng chí phải cho mình đi xem cái đồn Đồng Quan nó ra sao đã".

Đồng Quan xa huyện, xa tỉnh, lại gần Quảng Uyên – căn cứ của ta. Đánh xong rút dễ và không lo địch ứng viện. Anh em tự vệ ai cũng biết rõ điều này. Có anh

thuộc cả tên và số hiệu của từng tên lính. Trưa hôm sau, chúng tôi lên Đồng Quan. Tôi đi xe đạp, còn anh em đóng vai ăn mày vào xin nước mưa. Hồi đó trong cơn đói khủng khiếp của tháng ba năm Ất Dậu (1945), những thanh niên sức dài vai rộng đi ăn mày là chuyện bình thường.

Tôi đạp xe lên trước, vào đồn. Anh em cùng đi cũng vào. Đúng như anh em nói, ăn cơm xong là bọn lính trải chiếu, chụm đầu đánh tổ tôm. Thấy mấy người lạ mặt đi vào đồn, tên lính gác súng khoác vai đang châu rìa quát:

– Đi đâu mấy tên kia?

– Thưa thầy khát quá, vào xin thầy hộp nước mưa.

– Mẹ kiếp! Đây có phải hàng nước đâu mà ngày nào chúng mày cũng xin nước.

Một anh tự vệ vật nài:

– Đói quá chỉ xin thầy hộp nước. Xin các thầy làm phúc!

– Nước trong vại, uống nhanh lên rồi xéo!

Hình như cái việc ăn mày vào xin nước giữa trưa đã thành lệ cho nên sau tiếng quát "xéo", Lê Thanh và anh em, chân bước đến vại nước mà mắt thì dán vào những khẩu súng trần bóng nhoáng đặt trên giá. Chao! Mười hai khẩu "mút" dầu mỡ tinh tươm, cả những bao đạn, bao lưỡi lê. Thấy anh em dừng lại trước giá súng, tôi lừ mắt ra hiệu: "Kìa vào xin các thầy hộp nước rồi đi!".

Tôi biết chỉ cần cái gật đầu của tôi anh em sẽ nhào vào bọn lính, xông tới chỗ giá súng không do dự.

Nhưng đã là đánh địch dù là đánh bất ngờ, dù địch có sơ hở đến mấy cũng phải đánh có tổ chức. Huống chi đây lại là trận đầu ra quân của đội tự vệ chúng tôi.

Bỗng tên cai ngồi xổm dậy rút từng nhóm quân bài quạt đen đét xuống chiếu buồng một câu:

– Có lèo!

Đám lính kể cả tên gác xúm quanh đám bài mắt hau háu nhìn từng quân bài. Tên cai vớ cái điều rít một hơi dài. Chứng kiến cảnh đó, một kế hoạch tác chiến hình thành ngay trong đầu tôi: một bộ phận sẽ bất ngờ dùng súng ngắn uy hiếp tên cai và đám lính giữa lúc chúng đang say mê sát phạt. Một bộ phận sẽ cướp súng. Nhưng muốn thế trước hết chúng tôi phải biết sử dụng những khẩu súng hiện có và phải "chế tạo" những khẩu súng giả sao cho mỗi người có được một khẩu. Chúng tôi chào, cảm ơn tên cai, ung dung ra về.

Trong cuộc đời đánh giặc, đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi đi trình sát đồn địch bằng xe đạp.

Tôi dự thảo kế hoạch huấn luyện đưa ra để anh em bàn bạc. Ban ngày chúng tôi học chính trị và sử dụng vũ khí. "Hội trường" và "thao trường" là căn buồng xép nhà ông Lỗ. Ban đêm học võ ngay trên sân nhà ông. Phân chế tạo vũ khí giao cho anh Duật. Những khẩu súng ngắn bằng gỗ do anh Duật chế tạo được quét mực tàu trông khá giống súng thật. Hàng ngày bà Lỗ bê những bao trấu ra rê ở bụi tre ngoài cổng để gác vòng ngoài. Ông Lỗ ngồi vót mây gác cả "công trường" chế tạo súng và căn buồng xép.

Hồi đó thanh niên chúng tôi ai cũng mê học võ. Con nhà giàu học để giữ cửa, để phòng thân. Chúng tôi học để không ai bắt nạt được mình. Tôi học võ từ năm mười bảy tuổi ở lò võ Rặng Ổi, Vĩnh Tuy, Hà Nội. Lúc đầu học quyền, nhưng người tôi cao lớn, chân tay dài nghêu, múa không dẻo nên tôi chuyển sang học song đao. Bài này có miếng "song thiên đà đao phản trăm nghìn" rất lợi hại. Ở miếng này, tôi có thể phát huy cặp giò dài nghêu và sức bật cường tráng của tuổi trẻ. Sau vài hiệp đầu giao đấu qua loa, cố ý múa cho đường đao của mình rối loạn rồi vờ thua chạy nhử cho đối phương đuổi theo, lúc đó mới bất ngờ quay lại tung hai chân đá vào mặt đối phương rồi hoa hai cây song đao bổ xuống. Dạy võ cũng là nghề kiếm sống lúc đó. Đêm đêm chúng tôi dạy võ cho con nhà giàu. Trong những ngày hội, chúng tôi đi các làng ngoại thành thi đấu để chiếm giải. Tôi không ngờ những bài võ lúc này lại trở nên có ích trong hoạt động cách mạng.

Hồi đó không có môn học nào lại làm chúng tôi say mê bằng học súng ngắn. Khi đã biết vài miếng võ, trông thấy những khẩu súng ngắn trong tay mấy tên mật thám thì chân tay cứ ngứa ngáy thế nào ấy. Trong anh em chúng tôi có người mới chỉ nhìn thấy khẩu súng ngắn trong các cuốn từ điển hoặc trong các cuốn tiểu thuyết trinh thám. Chưa bao giờ được sờ một khẩu súng thật. Cái bệnh mê súng này đã suýt để xảy ra tai nạn.

Sau khi hướng dẫn cho anh em cách tháo lắp, cách sử dụng khẩu Bờ-rao-ninh, tôi để anh em luân phiên nhau tập. Một đội viên tự vệ trong lúc tháo đạn đã sơ ý

làm súng cướp cò. "Đoàng!", một tiếng nổ bất ngờ. Mùi khói súng khét lẹt. Ông Lỗ tái mặt. Bà Lỗ, sau một giây ngơ ngác, vác luôn cái sào nửa đập chan chát trên sân gạch miệng la:

- Úi, úi, cái đàn gà chết tử chết tiệt! Sáng trời mới được đấu thóc mà nó tái thế kia thì còn gì nữa hử trời.

Chúng tôi bùng miệng cười, khâm phục bà nhanh trí.

Sau khi huấn luyện xong, chúng tôi chọn một buổi trưa nắng đi đánh Đồng Quan. Những anh em đi đánh đồn mỗi người được một bát cháo cám. Khoác cái áo tơi rách vào người, súng thật, súng giả giắt cặp quần, chúng tôi tiến ra đồn Đồng Quan với tinh thần quyết thắng.

Trong lúc bọn lính bảo an xúm xít quanh chiếu tổ tôm không thềm đoái hoài dám ăn mày rách rưới vào xin nước mưa như thường lệ thì anh em đã hình thành hai nhóm. Đội trưởng và anh em có súng thật vây bàn tổ tôm. Một số anh em mang súng giả vây xung quanh giá súng. Đội trưởng bất ngờ rút khẩu Bờ-rao-ninh chìa thẳng vào mặt tên cai hô:

- Muốn sống ngồi im! Việt Minh đây!

Tên cai và bọn lính dờ người trước hai họng súng chìa tận mặt. Chúng không kịp hạ bài cứ thế giơ cao hai tay. Anh em xông vào giá súng lên đạn lách cách.

Đội trưởng giải thích văn tắt cho lính bảo an thế thua đã rõ ràng của phát xít Nhật, khuyên anh em nên về nhà làm ăn.

Trận đánh diễn ra nhanh và gọn đến nỗi khi anh em bó súng vào áo tơi ra về, bà con xung quanh vẫn không hay đồn Đồng Quan đã bị mất.

Cùng với những trận đánh táo bạo của tự vệ vào các toán lính bảo an đi thu thóc, thu rơm cho ngựa trên nhiều địa phương, trận đánh Đồng Quan đã góp phần tạo nên khí thế mới đưa cao trào cách mạng của quần chúng lên cao. Số súng lấy được ở đồn Đồng Quan được chia cho đội tự vệ các nơi khác đã góp phần vào các trận đánh phá kho thóc cứu đói về sau.

Phong trào cách mạng càng mạnh, cơ sở chính trị càng phát triển thì các đội tự vệ càng trưởng thành. Làng Quảng Uyên tổ chức hẳn một lò rèn để rèn dao kiếm cho tự vệ. Tôi được phân công vừa dạy võ, vừa huấn luyện cách dùng những khẩu súng mới cướp được. Thanh niên nam nữ đua nhau xin vào tự vệ. Về sau số lượng tự vệ quá đông, chúng tôi phải tổ chức huấn luyện theo lối dây chuyền. Người nào đã được huấn luyện thì về dạy lại người chưa biết. Đêm đêm trên sân đình làng Quảng Uyên, trong các sân nhà, không những tự vệ mà cả các hội viên cứu quốc cũng thi nhau tập luyện. Có anh khi đi tập chỉ có bát cháo sung nhưng học rất hăng. Có anh múa xong bài đao mồ hôi vã ra như tắm. Với số súng mua được của lính bảo an và súng mới cướp được, chúng tôi tổ chức cho anh em bắn đạn thật ở Miếu Môn, vùng giáp giới giữa Hà Đông và Hòa Bình. Mục đích bắn đạn thật là để anh em có lòng tin vào vũ khí của bản thân mình. Bởi vì không rõ do đâu anh em cho rằng bắn súng trận phải là người to lớn khỏe mạnh. Người nhỏ bé, súng có

thể giật ngã, gãy xương vai. Tất nhiên với số đạn thật có hạn, mỗi người chỉ được bắn có một viên.

Một hôm được tin người làng nhấn tôi về có việc gấp, thì ra anh em tự vệ làng Nghĩa Lộ muốn mượn súng của Quảng Uyên phá kho thóc để cứu đói. Ở thôn La Khê, La Cả cạnh Nghĩa Lộ làng tôi, cứ qua một đêm là có nhiều người chết đói. Cả thôn có 4.893 người đã chết đói mất non nửa. Hơn một trăm gia đình cả nhà chết đói không còn một người nào. La Khê, La Cả không có ruộng. Từ trước tới nay đồng bào sống bằng nghề dệt the, dệt lụa. The La Cả nổi tiếng cả nước. Làng tôi chưa có người chết nhưng cái đói đã kề. Tôi đi một vòng quanh làng. Làng xóm tiêu điều xơ xác. Những vạt rau má bị vất trụi. Một búp sung non không còn. Người đi vất vờ như những cô hồn. Có người trông tiều tụy đến nỗi không nhận được ra. Tôi ra đình, nơi đặt kho thóc thuế, cửa gỗ lim đóng kín mít. Trong đình là kho thóc nghĩa sương để nuôi tuần vũ dũng. Ngoài cửa có dấu niêm phong của tri huyện Hoài Đức. Anh em đã xin trên cho phá kho cứu đói nhưng chưa được chuẩn y vì làng Nghĩa Lộ khá gần thị xã Hà Đông. Bọn Nhật có thể ập đến bất cứ lúc nào. Hồi này chính quyền bù nhìn đã rệu rã tới mức bọn Nhật phải cho quân trực tiếp xuống nông thôn mới thu được thóc thuế.

Tri huyện Hoài Đức là một trí thức trẻ mới nhậm chức. Qua một số bài báo viết trên tờ *Thanh nghị*, tạp chí của trí thức, tôi thấy viên tri huyện ít nhiều có đầu óc dân tộc. Anh em bàn với nhau sẽ dùng uy thế của Việt Minh kết hợp với thuyết phục để yêu cầu viên

tri huyện cho phá kho thóc nghĩa sương cứu đói. Nhưng cần tạo ra một cái cơ hợp pháp cho viên tri huyện. Chúng tôi làm một lá đơn xin phép huyện cho thành lập đội bảo vệ mùa màng và dùng thóc nghĩa sương để nuôi đội đó. Với nhân dân, chúng tôi làm một danh sách những gia đình neo đơn nhất cần cứu đói và niêm yết cho nhân dân biết.

Sau đó, anh em cử tôi lên gặp viên tri huyện. Ông ta tiếp tôi khá lịch sự. Sau khi nghe tôi trình bày, ông ta nói:

– Chúng tôi biết các ông là ai rồi. Một hành động vì dân có tổ chức như thế này chúng tôi không có lý do gì từ chối! – Ông ta ký vào lá đơn xin dùng thóc nghĩa sương rồi nói tiếp:

– Mong rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau!

Tôi nói:

– Miễn là đi cùng một chiều thì thế nào chúng tôi cũng sẽ gặp các ông. (Sau Cách mạng tháng Tám, ông này đi theo cách mạng).

Nhờ có số thóc đó, nhân dân thôn tôi đã vượt qua cơn đói khủng khiếp của những ngày giáp hạt.



Tháng 5 năm 1945, phát xít Đức đầu hàng Đồng minh. Từ mấy tháng trước đó, chúng tôi say sưa theo dõi những mũi tiến quân như vũ bão của Hồng quân Liên Xô. Với tám bản đồ cắt ra từ tờ báo *Đông Pháp*, chúng tôi theo dõi từng mũi tiến công đến mức thuộc

cả tên những thống soái lừng danh của Hồng quân. Sức mạnh tiến công không gì cưỡng lại được của Hồng quân, tài thao lược của Bộ thống soái tối cao Liên Xô đã đem đến cho chúng tôi niềm tin và khát vọng muốn được nhìn tận mặt, siết thật chặt bàn tay của các chiến sĩ Hồng quân, những người đã cứu nhân loại khỏi họa phát xít.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945, Chính phủ Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Ngày 9 tháng 8, hai phương diện quân Viễn Đông đột kích tuyến phòng thủ của đạo quân Quan Đông, lực lượng xung kích chủ yếu của lục quân Nhật ở Mãn Châu. Ngày 15 tháng 8, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Ngay hôm đó, Xứ ủy Bắc Kỳ họp tại làng Vạn Phúc ra nghị quyết khởi nghĩa từng phần, chiếm chính quyền ở những nơi chắc thắng trước, khoan đánh vào những nơi có quân Nhật. Ngay đêm hôm đó, anh Nguyễn Phan Lễ gọi tôi đi họp cán sự Việt Minh Ứng Hòa. Cuộc họp quyết nghị khẩn trương chuẩn bị cướp chính quyền ở hai huyện Ứng Hòa, Thường Tín. Các chị phụ nữ may cờ, cắt khẩu hiệu. Tự vệ, thanh niên mài dao, thử súng, phân công giám sát những tên phản động. Một số cán bộ đến thẳng nhà bọn đảng phái phản động và nhà giàu có súng để thu hoặc mượn súng, đề phòng những hành động phá hoại của chúng. Có thôn đánh trống họp nhân dân tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng. Có thôn ban hành lệnh "thiết quân luật" để chuẩn bị lực lượng. Cuộc mít tinh hưởng ứng lệnh khởi nghĩa của Việt Minh có hàng nghìn người dự.

Trên một vùng rộng lớn của Hà Đông lúc đó, quyền làm chủ đã thực sự về tay nhân dân.

Riêng ở thị xã Hà Đông, phong trào quần chúng phát triển khá mạnh, nhất là trong học sinh, sinh viên và thanh niên. Đội tự vệ thị xã đã có một súng trường, bảy súng ngắn. Anh em tổ chức được một cơ quan ấn loát. Đội tuyên truyền xung phong đã rải truyền đơn giác ngộ được một số hạ sĩ quan và binh lính trong trại bảo an binh.

Ngày 23 tháng 7 năm 1945, anh Phạm Đức Kính tức Ái, bí thư tỉnh ủy huy động lực lượng tự vệ, được đông đảo nhân dân vũ trang hỗ trợ, đã phục kích tiểu đội bảo an từ Ứng Hòa về làng Trạm Xá dốc thuế. Trận phục kích thu được thắng lợi giòn giã. Viên đội chỉ huy ngoan cố đã bị bắn chết. Bọn còn lại xin hàng. Ta thu được hai súng. Bốn ngày sau, anh Ái lại tổ chức tự vệ hóa trang thành lính bảo an bất ngờ đột nhập huyện Chương Mỹ tịch thu toàn bộ súng ống, đốt sổ sách, giấy tờ. Binh lính, quan lại chạy trốn không dám chống cự.

Trước tình hình đó, ở thị xã Hà Đông, quân Dưỡng, nguyên quân khố xanh, tay chân tâm phúc của Hoàng Trọng Phu được Nhật cho làm chánh lãnh binh chỉ huy toàn bộ lực lượng bảo an Hà Đông đã ra lệnh thu lại toàn bộ súng của lính bảo an huyện để không lọt vào tay Việt Minh. Hắn đã tự tay vô hiệu hóa chính quyền cấp huyện. Lúc này từ Quảng Uyên đi xuống các cơ sở được các anh phân công, tôi không còn phải đóng vai anh ký ca-đát như mấy tháng trước nữa. Với chiếc xe đạp không chấn bùn, không chấn xích, tôi

miệt mài đi ngày, đi đêm với niềm vui của người dân nô lệ được giải phóng, với hạnh phúc của con người được tự mình quyết định vận mệnh của mình. Có ngày không ăn cơm mà vẫn cảm thấy no. Không ngủ hàng mấy đêm liền vẫn không thấy mệt. Từ xa trông thấy cái dáng cao lênh khênh, nước da đen bóng của tôi, các em đã reo lên như thể gặp lại người thân trong gia đình. Niềm vui đó càng nhân lên khi chúng tôi nhận được lệnh của đoàn thể về tham gia cướp chính quyền ở thị xã Hà Đông.

Ở thị xã Hà Đông tình hình không bình thường. Cho tới ngày 18 tháng 8 vẫn chưa thống nhất được phong trào thị xã. Lực lượng chủ yếu trong thị xã vẫn là thanh niên cứu quốc do một đồng chí thành ủy viên Hà Nội phụ trách. Kế hoạch khởi nghĩa chưa cụ thể. Nhưng trước mệnh lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, trong cao trào sục sôi khởi nghĩa của các huyện chung quanh thị xã, một bộ phận nòng cốt trong thanh niên cứu quốc đã chủ trương biến cuộc biểu tình thành cuộc đột nhập trại bảo an binh.

Sáng 18 tháng 8, trong khi một bộ phận thanh niên đến nhà in Thái Bình Dương của một tên Đại Việt buộc tên này phải cho in truyền đơn Việt Minh thì một bộ phận khác đã vào trại bảo an binh buộc tên quản Dưỡng phải để cán bộ Việt Minh nói chuyện với anh em binh sĩ. Quản Dưỡng nhận thi hành nhiều điều kiện của Việt Minh. Anh em ta kiểm soát kho vũ khí, nói chuyện với anh em binh sĩ rồi cho treo cờ đỏ sao vàng. Đồng bào trong thị xã bắt chấp nước lút đã xuống đường. Đồng bào ven thị xã đổ vào, biến thành

một cuộc biểu tình tuần hành qua các phố. Nhưng do không có sự thống nhất chỉ huy nên sau khi vào trại bảo an binh, anh em ta chỉ cử một người giao thiệp với quản Dưỡng. Trên thực tế, trại bảo an binh vẫn nằm trong tay quản Dưỡng. Sau khi lực lượng thanh niên đi khỏi, bọn Đại Việt lén lút vào trại lính kích động tên quản Dưỡng. Và ngay đêm hôm đó, quản Dưỡng đã trở mặt.

Tối 18 tháng 8, Dưỡng bắt giam đội Nùng và đội Hiền, hai nhân mối của ta. Dưỡng cho vợ con binh lính lánh đi nơi khác, ra lệnh cho binh lính chuẩn bị đối phó. Cũng trong đêm hôm đó, tôi được anh Lê Lộc, Xứ ủy viên phụ trách phong trào Hà Đông chỉ định làm ủy viên quân sự trong Ủy ban cách mạng lâm thời. Tôi được phát một thanh kiếm Nhật dài lê thê.

Ngày 17 tháng 8 đê Đông Lao vỡ. Nước tràn vào thị xã Hà Đông. Theo kế hoạch của ban tỉnh ủy, trưa ngày 20 tháng 8 lực lượng cứu quốc bắc Ứng Hòa do anh Nguyễn Phan Lễ phụ trách cùng với các đội tự vệ chọn lọc của các huyện Hoài Đức, Thanh Oai, Thanh Trì sẽ phối hợp cùng lực lượng tự vệ trong thị xã biểu tình vũ trang chiếm đốc bộ đường, buộc tổng đốc Hà Đông phải ra lệnh cho quản Dưỡng đầu hàng. Chúng tôi hăm hở lên đường.

Không hiểu bằng cách nào, anh em kiếm được một chiếc xe gíp. Chúng tôi trèo lên cả 16 người. Xe chật cứng. Trên mũi xe, một lá cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phật. Đến khúc đường quanh thuộc địa phận Thanh Oai, xe không giảm tốc độ, lật nghiêng hất chúng tôi xuống ruộng, mỗi đứa một nơi. Thế mà

không ai việc gì. Anh em hè nhau lật chiếc xe lại, khiêng bổng xe lên mặt đường rồi lại phóng về thị xã. Đêm hôm đó, lực lượng các nơi tập kết ở Mỗ Lao. Trưa hôm sau, chúng tôi tiến vào đốc bộ đường theo kế hoạch. Không tìm thấy tổng đốc, chúng tôi sang nhà riêng cũng không có (về sau tôi được biết tổng đốc đã về Hà Nội xin gặp Tổng bộ Việt Minh để trao chính quyền tỉnh). Không tìm thấy tổng đốc là một tình huống ngoài dự kiến. Trong lúc ban chỉ huy chưa kịp xử trí thì quân chúng đã kéo nhau sang trại bảo an binh. Cổng trại đóng chặt. Thấp thoáng trong lô cốt những tên lính bảo an súng lăm lăm trong tay. Không đẩy cổng được, quân chúng trèo lên tường tràn vào trại. Đứng trên lô cốt, quân Dưỡng ra lệnh cho lính bắn súng chỉ thiên. Tiếng súng nổ càng kích động sự phẫn nộ của quân chúng. Từ lâu, quân chúng đã căm ghét tên quân khố xanh này. Thấy bóng quân Dưỡng, một thanh niên vác dao xông lên. Dưỡng đã ra lệnh cho lính nổ súng. Một số lính vứt súng bỏ chạy, một số bắn súng chỉ thiên. Số khác bắn thẳng vào đám biểu tình.

Tình huống diễn ra quá nhanh và đột biến. Khi tôi vượt lên thì anh thanh niên trước mặt tôi đã ngã gục. Dưỡng chạy vào lô cốt dùng đại liên quét vào đám biểu tình. Đạn cắm phập phập trước mặt. Xung quanh tôi những người bị thương đang quằn quại, không cố ai băng bó. Trước mặt tôi là một bãi cỏ may chạy tới sát chân tường lô cốt. Những người bị thương, những người hy sinh đang giãy giụa. Có tiếng gọi ở phía sau. Tôi ngoảnh lại, bắt gặp khuôn mặt đỏ tía của một anh

trong ban chỉ huy khởi nghĩa. Anh khoát tay ra lệnh cho tôi rút lui. Lúc này đã có trên bốn mươi người bị hy sinh và bị thương, sáu bảy chục người bị bắt. Có lệnh của ban chỉ huy khởi nghĩa tạm thời rút lui vì không thể đánh chiếm một trại lính đã chuẩn bị chống cự bằng tay không với một lực lượng, tuy áp đảo về số lượng so với địch, nhưng chưa được tổ chức. Tôi nhìn xung quanh không còn ai. Thanh trường kiếm lúc này sao mà công kênh, vừa khó vận động lại vừa lộ. Lại có lệnh giục tôi phải ra gấp. Tôi hít một hơi căng lồng ngực, chống kiếm vọt dậy chạy ra khỏi đồn. Một làn đạn đại liên cùng cục trên đầu.

Tối hôm đó, tôi được lệnh ra Hà Nội báo cáo với Tổng bộ Việt Minh. Những tưởng ra Hà Nội sẽ gặp toàn đồng chí mình cả thì cần gì giấy tờ, tôi cứ ụng dung vào trại bảo an binh nơi đặt sở chỉ huy của Ủy ban khởi nghĩa Hà Nội. Tôi báo cáo tình hình cướp chính quyền Hà Đông nhưng không ai tin. Trong khí thế xung thiên của cách mạng đang thành công trên quy mô cả nước, khi tổng đốc Hà Đông đã ra Hà Nội gặp Tổng bộ Việt Minh để trao chính quyền thì không một ai tin rằng ở ngay cái thị xã Hà Đông nhỏ tí lại có một tên quân khố xanh nào đó dám ra lệnh nổ súng chống lại cách mạng. Tôi bị tạm giữ vì không có giấy tờ gì. Tôi kể tên những đồng chí lãnh đạo, những đồng chí tiểu tổ Việt Minh ở Hà Nội. Nhưng trong tình hình khẩn trương lúc đó không ai có thì giờ nghe tôi. Hãy cứ tạm giữ cho chắc chắn. Các đồng chí ấy bảo tôi như vậy, mong tôi vui lòng tạm nghỉ một đêm. Đêm hôm đó tôi suy nghĩ về trận đánh đầu tiên, trận Đồng

Quan, bài học vỡ lòng trong cuộc đời phục vụ quân đội của mình. Tất cả đều đã rõ. Thành công của trận đánh đồn Đồng Quan chủ yếu là chúng tôi hiểu rất rõ đối tượng tác chiến. Từ quân số, trang bị, cả đến cái thú đánh tổ tôm của địch. Chính sự hiểu biết cận kề đó đã dẫn đến một kế hoạch tiến công vừa táo bạo, vừa chắc thắng. Còn trận đánh vào trại bảo an binh thì rõ ràng chúng tôi tuy có nhiệt tình, lòng dũng cảm và có lực lượng áp đảo nhưng khi quyết định đánh chiếm trại bảo an bằng vũ trang chúng tôi đã thiếu hẳn một vấn đề then chốt tạo ra sức mạnh tiến công. Đó là kế hoạch. Là người chỉ huy, tôi chỉ biết xách kiếm xông lên như mọi người. Trong trận Đồng Quan, chúng tôi đã có kế hoạch và kế hoạch đó được phổ biến tới từng chiến sĩ. Mọi người tham gia trận đánh đều hiểu kế hoạch như người chỉ huy. Còn người chỉ huy thì hiểu mọi người như hiểu chính mình. Trong trận đánh vào trại bảo an binh ở thị xã Hà Đông, kẻ thù đã khiếp nhược đến mức cho cán bộ cách mạng vào tiếp xúc với anh em binh sĩ trong trại, để chúng ta treo cờ cách mạng, nhưng có một việc quan trọng nhất là buộc bọn bảo an trao súng cho cách mạng thì ta không làm. Mục đích xông vào trại bảo an cũng không rõ. Nếu để đánh chiếm thì phải có kế hoạch đánh chiếm và kế hoạch phải khác. Nếu định dùng biểu tình làm áp lực kết hợp với nhân mối bên trong để đánh chiếm, kế hoạch lại phải khác, cách sử dụng lực lượng cũng phải khác. Về chỉ huy, chúng tôi đã không có sự chỉ huy thống nhất. Cho nên mặc dù lực lượng đông ở tỷ lệ áp đảo, mặc dù súng không ít, lại có nhân mối bên trong,

chúng tôi cũng không tạo ra được sức mạnh buộc tên quân Dưỡng phải đầu hàng mà một số quân chúng tích cực bị thương vong (về sau tên quân Dưỡng bị cách mạng bắt và trừng trị).

Ở đây, tôi muốn ôn lại đôi điều về hai trận đánh đầu tiên của một người cầm súng đi theo Đảng, có nhiệt tình nhưng sự hiểu biết về quân sự còn quá ít. Và chính từ những kinh nghiệm thành công và không thành công trong buổi đầu cầm súng, tôi tự xác định cho mình phải đi sâu học tập quân sự, học trong thành công và học trong thất bại, học những vấn đề cơ bản và học từ những cái nhỏ nhất. Đó là khoa học để chiến thắng kẻ thù.

Từ điểm xuất phát ban đầu ấy, tôi và một số đồng chí, đồng đội, được Đảng và Bác Hồ giáo dục, chỉ bảo, được tôi luyện trong lò lửa của chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng đã từng bước trưởng thành.

Việc tôi bị giam giữ được xác minh ngay trong đêm hôm đó. Sáng hôm sau, tôi được mời lên gặp ban chỉ huy. Một anh trông nho nhã, thư sinh gặp tôi có ý xin lỗi, đề nghị tôi thông cảm. Tôi không ngờ vài hôm sau anh được bổ nhiệm chính trị viên cùng tôi xây dựng chi đội chủ lực đầu tiên của tỉnh Hà Đông.

CHƯƠNG HAI

SƯƠNG MÙ

Tôi vừa về Hà Đông thì được lệnh lên Quân khu nhận công tác. Anh Văn Tiến Dũng, Chính ủy Quân khu thay mặt Đoàn thể phân công tôi và anh Nguyễn Quyết xây dựng chi đội chủ lực đầu tiên của Quân khu. Tưởng ai, hóa anh Nguyễn Quyết chính là anh cán bộ có dáng thư sinh, nhỏ nhả đã gặp tôi ở trại bảo an binh Hà Nội mấy hôm trước. Tôi nói vui:

– Chắc bây giờ ông không cho bắt tôi nữa chứ!

Anh Quyết cười:

– Công việc bù đầu, anh em bắt lúc nào mình không biết, thả lúc nào mình cũng không hay. Chỉ biết anh em bảo đi gặp cảm thông một đồng chí bị bắt nhầm của Hà Đông.

Anh Dũng chó chúng tôi biết tình hình đất nước đang rất khẩn trương. Quân Nhật tuy đầu hàng nhưng còn giữ nguyên vũ khí. Quân Đồng minh chưa vào giải giáp quân Nhật, nhưng tàu chiến Pháp đã lăm le vào cảng Hải Phòng. Tham vọng chiếm lại Đông Dương

của đế quốc Pháp đã có ngay từ khi cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai chưa kết thúc.

Ngày 8 tháng 12 năm 1943, trong lúc đang còn lưu vong ở An-giê-ri, Đờ Gôn đã tuyên bố sẽ giải phóng Đông Dương. Ngày 17 tháng 8 năm 1945 ủy ban quốc phòng Pháp quyết định thành lập lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Lực lượng gồm sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 do Va-luy chỉ huy đang làm nhiệm vụ chiếm đóng ở Đức, binh đoàn thiết giáp do Mát-suy chỉ huy và sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3. Ở Viễn Đông lúc đó Pháp có một phái đoàn quân sự ở Côn Minh (Vân Nam, Trung Quốc), một bộ phận ở Că-n-đi (Xri-lan-ca) một bộ phận ở Can-quýt-ta (Ấn Độ). Pháp còn trung đoàn thuộc địa số 5 do Ble-dô chỉ huy và lữ đoàn cơ động Viễn Đông ở Ma-lai-xi-a.

Ở Việt Nam sau khi bị phát xít Nhật hất cẳng, các nhà cai trị Pháp tập hợp nhau ở Côn Minh. Trong đám này có viên trung úy phòng nhì Pháp mang biệt danh Sanh-tơ-ni, người của Đờ Gôn mới từ Pa-ri sang.

Ngày 15 tháng 8, tại Côn Minh, Sanh-tơ-ni được tin Nhật đầu hàng Đồng minh. Mặc dù trong tay không có lực lượng và phương tiện, nhưng viên trung úy tình báo này đã thảo ngay một kế hoạch đổ bộ bằng máy bay xuống Hà Nội. Tất nhiên kế hoạch này không tính đến tình hình chính trị của Hà Nội lúc đó. Qua tin tức của phái bộ Anh và Mỹ, Sanh-tơ-ni được biết ở Việt Nam có một tổ chức cách mạng rất có uy tín trong quần chúng là Mặt trận Việt Minh. Người Pháp cần phải tức khắc có mặt ở Việt Nam. Sanh-tơ-ni lựa chọn được một tốp những người tình nguyện trở lại Đông

Dương trong số những viên chức và sĩ quan Pháp có mặt ở Côn Minh lúc đó. Y cũng đã điều đình xong với đoàn phi hành Pháp lái chiếc Đa-cô-ta từ Ấn Độ sang Côn Minh để sửa chữa. Bọn Mỹ biết tổng âm mưu lấu cá của người Pháp nên đã chỉ thị cho bọn Tưởng tại sân bay không được để cho người Pháp đến Hà Nội trước lúc Đồng minh vào tiếp quản, và người Pháp càng không được đến một mình.

Ngày hôm sau, 16 tháng 8, Sanh-tơ-ni bèn xoay cách khác để đưa bằng được phái đoàn của Pháp trở lại Việt Nam trước khi quân Đồng minh vào. Ông ta đề đạt với người Mỹ rằng hải quân Pháp còn hai chiếc tàu chiến vẫn ở vùng biển Hạ Long, rằng người Pháp sẵn sàng giúp đỡ Đồng minh trong việc giải giáp quân đội Nhật. Được sự đồng ý của Mỹ, Sanh-tơ-ni điện cho viên trung úy hải quân Pháp Bờ-lăng-sa chỉ huy hai tàu chiến Cờ-ray-sắc và E-rê-kin kéo cờ tam tài cập bến Hải Phòng. Nhân danh phái bộ Đồng minh, Bờ-lăng-sa ra lệnh cho quân đội Nhật không được bắn vào máy bay Đồng minh. Bốn ngày sau, ngày 22 tháng 8, Sanh-tơ-ni đã trở thành một thành viên trong phái đoàn tiên trạm của Đồng minh đến Hà Nội.

Từ sân bay Gia Lâm đi ô-tô về khách sạn Mê-trô-pôn (nay là khách sạn Thống Nhất), Sanh-tơ-ni hết sức ngạc nhiên và có phần thất vọng khi thấy cái "xứ Bắc Kỳ bảo hộ" này hoàn toàn không giống một tí nào với những điều ông ta nghe được qua miệng các viên quan cai trị Pháp đã nói với ông ta hồi ở Côn Minh. Trong cuốn hồi ký *Một nền hòa bình dở dang*, Sanh-tơ-ni viết: Cả Hà Nội lỏng lẻo một biển cờ đỏ. Những

tấm vải đỏ sộ chằng từ cây này sang cây khác ngang đường phố với những dòng chữ bằng các thứ tiếng Pháp, Anh, Nga nói lên quyền làm chủ của Việt Nam: "Độc lập hay là chết!", "Nước Việt Nam là của người Việt Nam!".

Càng đi vào Hà Nội, nỗi thất vọng của Sanh-tơ-ni lại càng lớn. Lịch sử đã sang trang. Chính quyền cách mạng đã được thành lập. Người Pháp không thể theo gót quân Đồng minh để chiếm lại thuộc địa cũ.

Mấy ngày sau, nhân danh phái đoàn Đồng minh đi thăm những tù binh Pháp bị Nhật giam giữ, Sanh-tơ-ni đến khách sạn Mê-trô-pôn. Một ngày sau y lại đi cùng mấy sĩ quan Nhật vào thẳng phủ toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch). Ngay hôm sau, lá cờ tam tài được kéo lên cột cờ. Lá cờ tam tài xuất hiện ở phủ toàn quyền đã gây nên mối công phẫn trong nhân dân Thủ đô. Thanh niên nô nức tòng quân, sẵn sàng giết giặc.

Trung đoàn Hà Đông vừa thành lập được một tuần lễ thì tôi và anh Quyết được gọi lên Quân khu nhận nhiệm vụ. Anh Quyết được lệnh đi Khu 5, còn tôi lên Sơn La. Ở Khu 5, mặt trận Tây Nguyên bị vỡ; ở Sơn La, Lai Châu có nơi ta chưa lập xong chính quyền thì tàn quân Pháp từ Côn Minh đang quay trở lại. Hai nơi đó đang thiếu cán bộ.

Tôi ra Hà Nội báo tin cho gia đình biết để đi Sơn La.

Hà Nội đang chuyển mình sang tư thế sẵn sàng chiến đấu nhưng những dấu vết của một "Hà thành

hoa lệ" vẫn còn đậm nét. Trước vườn hoa Con Cóc (nay là vườn hoa Chi Lăng) có một bức tranh lớn cổ động phong trào mùa đông binh sĩ. Một anh bộ đội vạm vỡ trong bộ quân phục màu xanh lục, mặc áo trấn thủ, tay cầm súng hiên ngang trong tư thế sẵn sàng mang tính mệnh mình để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Một Hà Nội cách mạng đang sẵn sàng đi vào cuộc thử thách một mất một còn. Trong khi đó ở phố Khâm Thiên vẫn còn những nhà cô đầu, phố Cửa Nam còn tiệm nháy. Xen lẫn với những bài ca cách mạng hùng tráng vẫn còn những bài hát lả lướt, rên rỉ. Một Hà Nội ăn chơi đang tiếp những người khách mới. Đó là những sĩ quan Mỹ trong phái bộ Đồng minh quân phục là thẳng nếp, lái xe gíp một tay, miệng nhai kẹo cao su. Những sĩ quan Anh bộ mặt lạnh lùng, khinh khỉnh. Đông nhất là những sĩ quan "thiên triều" của Tưởng Giới Thạch. Cùng với các sĩ quan "thiên triều" là đám binh lính Tưởng, người đẩy bụi bặm, mệt nhọc, đói khát ập xuống Hà Nội như một đàn châu chấu. Theo hiệp định của Đồng minh, cuối tháng 8 năm 1945 gần 20 vạn quân Tưởng vào đất nước ta để tước vũ khí quân Nhật. Chúng có bốn quân đoàn. Tất cả các quân đoàn này đều đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Lư Hán, một tên quân phiệt ở Vân Nam. Tưởng Giới Thạch chưa thật tin Lư Hán nên sau lại điều thêm quân đoàn 53 sang. Đây là một quân đoàn chính quý được Mỹ trang bị tương đối hiện đại do Châu Phúc Thành chỉ huy. Ngoài ra còn có đám dân binh ốm đói, bọn du thủ du thực được tập hợp theo hiệu lệnh thanh la, được cấp quân trang rồi sang Việt Nam. Theo sau

đám quân Tưởng ô hợp này là bọn Việt gian phản động. Bọn Việt Nam cách mạng đồng minh hội trở về theo đường Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái. Bọn Quốc dân đảng theo đường Lao Cai, Hà Giang.

Về Hà Nội bọn Quốc dân đảng phản động núp trong những biệt thự sang trọng, những khách sạn của Hoa kiều. Đó là những tên Việt gian nhâng nháo. Đến cái mũ chúng đội cũng là một sự sao chép. Hai đầu nhọn chào mào là của Pháp, phía trước cái lưới trai sùm sụp, kiểu Tàu nhưng phía sau lại đột lõ có dây buộc theo kiểu Nhật. Tôi không ngờ sau đó không lâu, trong trận đánh đầu tiên ở Sơn La lại gặp bọn lính này. Ở Hà Nội, chúng núp sau quân đội Tưởng, ở Sơn La, chúng đứng dưới lá cờ tam tài của Pháp.

Sau khi báo cho gia đình và mua một ít viên ký ninh, tôi mua vé ô-tô lên Sơn La.



Đối với phần lớn người Hà Nội và chúng tôi, Sơn La thời đó gợi lên một xứ ma thiêng nước độc, nơi Pháp cầm tù những người cộng sản. Sơn La vừa huyền bí, vừa hấp dẫn. Phong cảnh, đường sá, núi non, con người cái gì cũng mới lạ. Đi trên mảnh đất này mà tưởng như mình đang đi trong một xứ sở cách biệt với những nơi mà mình đã từng quen biết.

Nhưng lại có một Sơn La khác, một Sơn La được viết nên bằng máu và nước mắt của những người tù cộng sản, bởi sự hy sinh anh dũng của đồng bào các dân tộc Sơn La.

Từ năm 1930, đồng bào Thổ ở Sơn La đã tham gia cách mạng. Đồng bào Mường, đồng bào Thái đã hăng hái tham gia phong trào Việt Minh. Khi Pháp đánh Sơn La, thanh niên dân tộc Mường đã hăng hái gia nhập quân đội. Sơn La đã có những cơ sở du kích mạnh như Mường Chanh, Phù Yên, Yên Châu.

Đến đây tôi muốn nói đôi nét về phong trào cách mạng Sơn La trước Cách mạng tháng Tám. Bởi lẽ chính phong trào cách mạng Sơn La cùng với sự thăng trầm của nó và thực tiễn Sơn La đã quyết định cách hoạt động của trung đoàn Sơn La. Dưới đây là lời kể của đồng chí Quàng Văn Pâng tức Lô Xuân, người Thái, nguyên đội viên đội vũ trang Trung Dũng nói với tôi về những ngày đầu Cách mạng tháng Tám ở châu Mường La.

"Tôi là Quàng Văn Pâng, người Thái, bí danh Lô Xuân, người Bản Cọ, xã Tòng Xá, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Thời Pháp, họ Quàng là họ lép vế nhất, coi ngang với người Puộc, người Xá vậy. Đến nhà họ Bạc, họ Cầm cũng là người Thái cả, nhưng họ Quàng chỉ được đứng dưới chân cầu thang. Làm ruộng, họ Quàng chỉ làm nương, đi rẫy, ít người có ruộng nước. Nói gì đến việc làm các chức dịch trong làng. Họ Quàng tôi ở gần huyện lỵ Mường La nên bố tôi cố lo cho con ăn học. Hồi đó cả Sơn La chỉ có một trường tiểu học.

Năm 16 tuổi tôi đỗ sơ học yếu lược (tương đương với lớp ba). Năm đó, Pháp bị Đức đánh thua to nên

cần nhiều lính. Pháp cho người đến dụ chúng tôi đi lính sang Pháp. Họ nói đi lính sướng lắm. Dân thiếu số chúng tôi có sang Pháp cũng không phải ra trận đâu. Khi mãn hạn lính về thì cứ gọi là tri châu cũng không bằng (!) Tri châu còn thua lính viễn chinh đấy.

Tôi nghĩ: sang Pháp kẻ cũng thú bởi vì ở Sơn La lúc đó, muốn học thêm cũng không có trường lớp. Chỉ bằng sang Pháp để cho biết đó, biết đây, lại có cái ăn, cái học. Tôi nói chuyện đó với bố tôi. Bố tôi bảo:

– Ấy dà! Ai chứ lính mà lại hơn tri châu thì tao không tin. Đến họ Cẩm, họ Bạc mà là dân thường cũng còn phải đi "cuông", đi "nhuốc" nữa là họ Quàng!

Cũng trong thời kỳ này, các anh tù cộng sản ở nhà tù Sơn La thường hay vào bản để mua rau. Mỗi lần đi đều có lính khố xanh đi kèm. Đối với tù cộng sản, lúc đầu tiếp xúc, chúng tôi cũng chờn chợn. Từ lâu bọn cai trị Pháp đã gieo vào đầu óc trẻ thơ chúng tôi một tâm lý sợ tù cộng sản. Có đứa xem tù cộng sản như một thứ bệnh nguy hiểm, lại có đứa coi như một thứ gì huyền bí như ma gà. Đối với chúng tôi, lớp tuổi đã lớn, lại có đôi chút chữ nghĩa thì các anh là những người võ nghệ cao cường, tài năng xuất chúng, xuất quỷ nhập thần.

Thi đỗ xong, tôi không biết làm gì. Muốn học lên thì phải sang tỉnh khác. Nhà tôi không có tiền. Tôi lại là con trai độc nhất nên bố mẹ tôi cũng không muốn cho con đi xa. Thế là tôi chỉ quanh quẩn ở nhà, do vậy tôi có dịp tiếp xúc với những người tù cộng sản.

Tôi để ý thấy các anh vào bản thường tìm đến những nhà "sàn trắng", tức là những nhà nghèo không

có trâu đàn, vịt bầu mới lên chơi. Vào nhà thì thăm già, hỏi trẻ. Mua bán trả tiền sòng phẳng. Nói chuyện với nhân dân thì toàn bàn những chuyện làm ăn thiết thực. Các anh hỏi bố tôi một năm làm được mấy gánh thóc? Bố tôi nói năm nào được mùa thì được vài chục gánh. Các anh bảo thế thì thừa ăn rồi! Bố tôi bảo không thừa đâu. Làm ra nhiều nhưng chỉ được ăn có ba gánh thôi! Lại hỏi thế số thóc kia đi đâu? Trả lời: "Ây dà! Nộp cho quan đồn, nộp cho phía tạo, nộp thuế thổ, thuế điền". Lại hỏi nữa, thế quan đồn và phía tạo có làm ruộng không? Bất nộp nhiều thế thì dân lấy gì mà ăn?

Cứ thế rỉ rả từ ngày này sang ngày khác, các anh đã chỉ ra cho bà con dân bản thấy rõ sự bất công xã hội, thấy ách áp bức, bóc lột của bọn thực dân Pháp và bọn tay sai. Các anh đã dần dần xóa bỏ cái tâm lý tự ti dân tộc, làm cho mọi người tin ở mình. Dần dần các anh như những người thân trong gia đình. Lâu không đến lại thấy nhớ. Rồi tôi được anh Tạo tổ chức vào Hội thanh niên Thái cứu nước cùng với một số thanh niên trong bản.

Một hôm, tôi được anh Tạo giao nhiệm vụ tìm người thạo đường tắt đi về xuôi. Lúc đầu chúng tôi cử P. một người chơi với cánh buôn thuốc phiện lậu khá thạo đường. Nhưng P. không đi bèn cử anh Lò Văn Giá. Anh Giá nhận nhiệm vụ rất hăng hái khi được biết sẽ dẫn đường cho các anh ở nhà tù Sơn La vượt ngục vì dưới xuôi phong trào đang lên, thiếu nhiều cán bộ. Anh Giá chuẩn bị gạo, muối, thẻ. Chuyến đi trót lọt. Nhưng khi về có đứa báo Tây nên anh Giá bị bắt. Bọn Pháp dùng

cực hình tra tấn nhưng không moi được ở anh một lời khai nào. Không có chứng cứ để xử, chúng bịa ra chứng cứ. Một hôm sai anh đi làm cỏ vê, chúng đã hèn hạ bắt anh và vu cho anh trốn tù.

Rồi Nhật đảo chính lật Pháp. Bọn Nhật cho tay chân đứng ra tổ chức thanh niên. Chúng tôi tìm anh Tạo nhưng anh đã về xuôi rồi. Các anh dặn có gì khó khăn cứ gặp anh Chu Văn Thịnh ở thị xã mà hỏi. Nhưng anh Thịnh lúc này lại đang đi học lớp cán bộ dưới xuôi chưa lên. Chúng tôi bàn nhau cái hội "thanh niên" do Nhật lập ra là không tốt rồi! Nhưng nó mời mà mình không đi nó sẽ nghi. Chi bằng ta cứ đi rồi tìm cách lôi kéo thanh niên tốt cho Đoàn thể. Tưởng hội trưởng "thanh niên" là ai, hóa ra là con trai tổng đốc Cẩm Ngọc Phương. Hắn nói với chúng tôi: "Người Thái chúng ta gốc từ bên Trung Quốc (?) theo năm dòng sông tiến xuống phía nam. Người Thái ta tụ tập đông nhất ở bên Xiêm La (Thái Lan), cả ở Lào nữa. Sơn La, Lai Châu rồi đây sẽ sáp nhập vào Xiêm La do người Nhật bảo hộ. Thanh niên Thái ta phải tham gia hội để bảo vệ xứ Thái".

Rồi anh Thịnh đi học về. Anh Thịnh cùng anh Quàng Đôn xuống báo cho chúng tôi biết Đoàn thể đã có chỉ thị chuẩn bị cướp chính quyền. Anh giới thiệu tôi với anh Thành người Kinh làm công nhân ở nhà máy điện Sơn La. Chúng tôi chọn nhà anh Nguyễn Văn Phúc làm nơi chuẩn bị khởi nghĩa, công việc may cờ, dán khẩu hiệu được xúc tiến. Các anh phân công anh Quàng Đôn lên Châu Thuận, anh Đỗ Thát, anh phán Du và anh em chúng tôi chuẩn bị giành chính

quyền tỉnh. Cũng trong thời gian này, tại Mường Chanh cũng có phong trào cứu quốc do anh em tù Sơn La tổ chức. Nhưng hai tổ chức cứu quốc Mường La và Mường Chanh không có liên lạc với nhau. Tỉnh ủy cũng chưa được tổ chức.

Bộ phận Mường La chúng tôi tổ chức được anh Lò Văn Mười, quản khố xanh thành hội viên cứu quốc. Anh Mười bí mật chuyển cho chúng tôi mười khẩu súng trường, lại có ba anh lính khố xanh làm nội ứng. Chúng tôi bàn nhau để anh phán Du rủ tri châu Mường La Bé Văn Diễm chơi cờ. Trong nhà Bé Văn Diễm có anh Tòng Văn Lanh, người giúp việc cho Diễm cũng là hội viên cứu quốc. Theo kế hoạch, khi anh Du và Diễm đang chơi cờ, tôi xách súng xông vào. Thấy tôi giương súng, anh Du giữ tay Diễm nói:

– Trước nay chúng ta là bạn chơi cờ. Nay tôi nói để bạn biết, tôi là Việt Minh đây!

Bé Văn Diễm ở người khi thấy anh phán Du người bạn cờ, Tòng Văn Lanh, người giúp việc và cả cậu học trò họ Quàng đều là Việt Minh cả. Gì chứ Việt Minh thì Diễm hiểu rõ lắm. Ở Việt Bắc, ở vùng xuôi, Việt Minh đánh cả Pháp lẫn Nhật và bọn Việt gian phản quốc. Lơ mơ với họ là không xong. Đám người nhà nhốn nháo. Bố Diễm là Bé Văn Định nằm ở nhà trong, thấy tiếng ồn ào liền quát:

– Làm cái gì mà ồn ào thế bay!

Biết Định là một tay thiện xạ nên tôi và Tòng Văn Lanh xách súng vào nhà trong. Tôi dùng mũi súng gạt màn, gí súng vào ngực Định nói:

– Im ngay, không được kêu. Ta là Việt Minh đây! Giơ tay lên!

Định nhóm dậy vâng vâng dạ dạ. Tôi quay sang đám gia nhân nói:

– Chúng tôi là Việt Minh. Các anh là người làm công không có gì mà sợ! Ai nhúc nhích là không được! Tất cả ở đâu yên đó!

Tôi ra lệnh nhưng trong bụng cũng lo. Lo vì khẩu súng của tôi chỉ có mỗi một viên đạn. Nó mà thối thì... Bé Văn Định bảo con:

– Anh xem các ông ấy có cần tiền không?

Tôi nói:

– Chúng tôi đến đây để giành chính quyền cho cách mạng. Nhà ông có súng không?

Bé Văn Điềm nộp hai khẩu súng săn. Anh Du dẫn Điềm đi gọi lính cơ ra lệnh nộp súng cho cách mạng. Cai cơ vốn là nhân mối của ta từ trước nên mở kho nộp cho chúng tôi toàn bộ số súng và đạn của huyện Mường La. Sau đó, chúng tôi kéo nhau vào tư dinh của Cẩm Ngọc Phương thu được thêm hai khẩu nữa. Sau đó không biết làm gì tiếp, chúng tôi xác định chờ chỉ thị của trên. Chờ mãi không thấy gì, chúng tôi kéo nhau vào vùng Bản Rạng lập căn cứ, tập bắn súng. Được hai hôm thì nhận được thư của anh Chu Văn Thịnh gọi Mường La đem quân lên thị xã Sơn La cướp chính quyền. Thanh niên Mường La, Bản Rạng nô nức đi theo có đến mấy trăm, khí thế lắm! Lên thị xã, tưởng Việt Minh là ai hóa ra là những anh em quen biết cả.

Lúc này ở thị xã, quân Nhật có khoảng một trung đội đóng ở ty Liêm phóng. Các anh cho người vào yêu cầu nộp súng. Viên sĩ quan Nhật nói:

– Quân đội thiên hoàng chỉ nộp vũ khí cho Đồng minh thôi.

Cán bộ ta nói:

– Quân Nhật đã đầu hàng không có quyền giữ súng.

Bên trong các anh điều đình, bên ngoài chúng tôi làm áp lực, hô khẩu hiệu ầm ầm xung quanh trại lính Nhật. Phần vì thấy lực lượng ta đông, phần vì lý của ta đúng cho nên cuối cùng viên sĩ quan Nhật phải đồng ý nộp súng nhưng chỉ nộp súng của Pháp thôi. Chúng tôi được cả một kho súng mấy trăm khẩu. Ấy dà! Sướng quá! Có súng, chúng tôi kéo nhau vào rừng tập tháo lắp, tập bắn cứ đi dòm cả ngày. Thấy bắn đã hơi được, một anh nêu ý kiến:

– Chúng ta đông thế này lại có súng, sợ gì mấy thằng lính Nhật.

Thế là chúng tôi kéo sang vây trại lính Nhật. Song thấy cổng đóng, chúng tôi hăm hờ vây chặt rồi gọi hàng. Gọi mãi, gọi mãi không thấy cổng mở bèn xông vào. Trại lính vắng ngắt. Thì ra bọn lính Nhật đã kéo nhau theo lối cổng sau về Lai Châu từ lúc nào.

Rồi lại có tin quân Tàu Tưởng theo lệnh Đồng minh đang từ Lai Châu kéo xuống Sơn La dưới danh nghĩa tước khí giới quân Nhật. Các anh cử người nhân danh chính quyền cách mạng đi đón. Hoa kiều ở phố Chiềng Lê cũng cử người đi. Nhưng do có chủ tâm từ trước nên đám quân Tàu này không đi theo đường chính mà theo

lối tắt vào nhà bang trưởng rồi lên luôn dinh công sứ. Các anh cử người đến gặp thì chúng nó bắt luôn. Trong đó có các anh Chu Văn Thịnh, Nguyễn Văn Phúc, Đỗ Thát, Cẩm Minh. Tôi về Mường La gặp anh Lò Văn Sơn. Anh Sơn cho biết quân đội cách mạng đang ở dưới xuôi lên do một "anh quan sáu" chỉ huy đã lên đến Mộc Châu. Anh Sơn rủ tôi đi đón quân cách mạng để nện cho bọn "Tàu ô" này một trận. Đang tức bọn Tàu Tưởng nên tôi đi ngay. Xuống đến Mộc Châu mới hay chẳng có "quan sáu" cách mạng nào cả. Chỉ có một tiểu đoàn của ông Đinh Công Đốc mới thành lập.

Ở Mộc Châu, tri châu đã thuận theo cách mạng ngay từ ngày đầu. Anh Lò Văn Sơn định xuôi thẳng về Hà Nội để xin chỉ thị. Chúng tôi bàn với nhau ở Sơn La có cách mạng thì thế nào thượng cấp cũng lên, bèn quay về. Về đến làng thấy bọn chức sắc trong làng có vẻ khác trước. Thì ra ở tỉnh bọn Tàu Tưởng đã đưa Cẩm Ngọc Phương lên làm tỉnh trưởng. Bọn tạo bản được lệnh mỗi tên chuẩn bị hai cái thùng để bắt trói cán bộ. Có tên nhắn tin cho chúng tôi: "Cách mạng gì chúng bay mấy thằng nhãi ranh nhạt muồm rộp". Tôi nghe vậy tức lắm bèn họp thanh niên lại nói: "Thượng cấp chưa lên mà bọn chức việc đang bày kế bắt chúng ta. Ai có súng theo tôi, ta lập chiến khu chống lại chúng". Bọn chức việc nghe vậy cũng chờn.

Cho đến một hôm có một tiểu đoàn vệ quốc ở Phú Thọ lên do anh Nguyễn Duy Phiên làm tiểu đoàn trưởng. Cùng đi với anh có anh Dương Văn Ty tức Nhạ, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ cùng mười cán bộ từ Việt Bắc và dưới xuôi lên. Gặp các anh mới hay cách mạng

đã thành công trong cả nước. Chính quyền cách mạng đã thành lập xong từ trung ương tới xã. Đứng đầu chính quyền là cụ Hồ Chí Minh, một lãnh tụ tài ba. Xem ảnh thấy một ông cụ gầy gầy trán cao, râu thưa, mắt có hai đồng tử sáng thì tin lắm.

Lên được ít hôm, anh Ty tổ chức chính quyền tỉnh gồm có chủ tịch Cẩm Văn Dung nguyên tri châu Mai Sơn, phó chủ tịch là anh Chu Văn Thịnh, các ủy viên có các ông Lò Văn San, Bạc Cẩm Huy, Bạc Cẩm Khan, thư ký Bế Văn Diễm.

Tôi lên Thuận Châu được mười hôm thì được tin bố tôi bị bắt. Các anh Cẩm Văn Minh, Chu Văn Thịnh cũng bị bắt. Tôi cảm thờ báo *Suối reo* của các anh tù Sơn La cho khi trước lên gặp anh Văn Chiến đại diện Bộ Nội vụ hỏi: "Tôi làm cách mạng sao cách mạng lại bắt bố tôi?". Anh Chiến bảo để hỏi chính quyền xem, chắc là bắt nhầm thôi. Tôi sang ủy ban gặp ông Cẩm Văn Dung hỏi:

– Ông chủ tịch à! Ông theo Cụ Hồ hay theo Tàu?

– Chết! Sao cậu lại hỏi thế? Chính quyền cách mạng là chính quyền Cụ Hồ chứ sao lại theo Tàu?

– Thế tại sao tôi đi làm cách mạng, ở nhà ông lại cho bắt bố tôi!

Lúc ấy ông Dung mới biết là bố tôi bị bắt. Ông bảo tôi:

– Để rồi tôi cho lệnh thả cụ ra.

– Phải thả ngay bố tôi ra!

– Cậu nóng quá! Làm cách mạng phải từ từ mới được. Chạy nhanh để ngã đấy!

Vài ngày sau bố tôi được thả. Tôi bảo bố:

– Tình hình lộn xộn lắm bố à! Con phải cầm súng thôi.

– Bây giờ cách mạng đổi đời rồi, họ Quàng ta được gánh vác việc nước là nhà mình có phúc đấy, con cứ đi đi. Nước mất thì nhà tan con à!

Thế là tôi trở thành anh Vệ quốc đoàn Sơn La".

Qua lời kể của người trong cuộc, chúng ta đều biết tuy đảng bộ Sơn La chưa có nhưng do ảnh hưởng của những người tù cộng sản, ở Sơn La đã có phong trào cách mạng. Mường La do anh Nguyễn Văn Phúc phụ trách; Mường Chanh do các anh Chu Văn Thịnh, Cẩm Văn Minh, Cẩm Vĩnh Chi. Cả hai nơi đều không có liên lạc với nhau và cũng không bắt liên lạc được với phong trào toàn quốc. Mặc dù vậy, ảnh hưởng của cách mạng với những mục tiêu thiết thực đã đáp ứng nguyện vọng sâu xa của quần chúng. Cho nên khi có thời cơ Nhật đầu hàng, phong trào cứu quốc Sơn La đã tự động nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh rồi chia nhau đi cướp chính quyền ở các châu. Bọn quan lại hầu hết đều không chống cự. Giành xong chính quyền anh em treo cờ tổ chức mít tinh rồi đầu lại vào đấy. Ở một số nơi, anh em có lập chính quyền, nhưng chính quyền gồm phần lớn là thanh niên mới lớn, chưa có kinh nghiệm, cũng chưa có uy tín với nhân dân. Nhân dân chưa hiểu cách mạng là gì, lại sợ địch trở lại khủng bố.

Phìa tạo tuy không ưa gì cách mạng, nhưng vì sợ nên phải theo. Phần lớn thanh niên, học sinh, viên chức nhỏ rất hăng hái tham gia, xin đi bộ đội, vào đoàn thể, một số khác không theo ai, khi Tàu vào thì theo Tàu. Các đoàn thể vừa yếu lại vừa thiếu. Có người gọi đoàn thể là "hội hai hào" vì thấy vào hội xong không thấy làm gì chỉ mỗi tháng phải nộp hai hào hội phí. Có người gọi là "hội tổ trưởng", vì chỉ toàn thấy tổ trưởng đi họp.

Sau khi tổ chức xong chính quyền ở tỉnh Sơn La, các anh Dương Văn Ty, Chu Văn Thịnh lên Lai Châu, nơi chưa có phong trào cách mạng, nơi Pháp cai trị theo kiểu đạo quan binh. Khi Pháp trốn Nhật chạy sang Trung Quốc, chúng để lại Lai Châu khá nhiều súng. Trước đây ở Lai Châu có hai tiểu đoàn do viên trung tá Phoóc-na-sa chỉ huy. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh, số quân này từ Vân Nam trở lại Lai Châu rồi chiếm Phong Thổ vào tháng 12 năm 1945. Từ Lai Châu, quân Pháp theo đường số 41 thọc xuống Luán Châu, Tuần Giáo và từ Phong Thổ xuống Quỳnh Nhai. Do số quân không đủ, chúng lại co về Lai Châu.

Lai Châu có cha con họ Đèo thay nhau thống trị mấy đời. Cha là Đèo Văn Tri tức Tạo Luông đã có lúc theo Tôn Thất Thuyết nổi lên đánh Pháp. Nhưng Tri có bụng phản đã bí mật mặc cả với Pháp. Sau khi ngã giá Pháp cho Tri làm quản đạo. Con là Đèo Văn Long được Pháp cho sang Pháp học, nói tiếng Pháp như người Pháp. Con rể Long là quan ba phòng nhì Lu-i Boóc-di-ê. Khi Pháp thua Nhật chạy theo đường Phong Thổ - Xín Hồ sang Trung Quốc, Long rút theo Pháp.

Khi quân Tưởng kéo vào tước khí giới quân Nhật, Long là người dẫn đường. Khi quân Tưởng rút, Long ở lại dùng tên Nguyễn Xuân Tôn, một tên Quốc dân đảng phản động làm quân sư. Khi phái đoàn Chính phủ ta lên Lai Châu gặp Long, lúc đầu Long bằng lòng theo cách mạng. Nhưng do ta không có lực lượng lên Lai Châu ngay nên tên Nguyễn Xuân Tôn dùng lực lượng Đèo Văn Long chống lại chính quyền cách mạng. Thế là tháng 11 năm 1945, Lai Châu lại rơi vào tay bọn phản động.

Tháng sau, anh Dương Văn Ty cùng ông Cẩm Văn Dung chủ tịch lại lên Lai Châu chuyển nũa. Bọn Long giữ ông Dung và thả anh Ty. Cuối tháng 1 năm 1946, Đèo Văn Long dẫn quân Lai Châu xuống cướp phá Quỳnh Nhai. Ở Quỳnh Nhai có ông Điều Chính Chân, một người yêu nước, chống lại Long.

Tháng 11 năm 1945, Trung ương quyết định thành lập Mặt trận Tây Bắc. Bộ Tổng Tham mưu điều lên Tây Bắc bảy đại đội. Tháng 12, các lực lượng trên cùng hai đại đội và hai trung đội đã lên từ trước tổ chức thành chi đội Sơn La.

Khi tôi lên thì chi đội Sơn La đã được tổ chức xong. Chi đội có ba tiểu đoàn: tiểu đoàn 71, tiểu đoàn 90 và tiểu đoàn 86. Chiến sĩ phần lớn mới chỉ được huấn luyện bắn súng. Cán bộ tiểu đoàn, một số chưa phải đảng viên, có người xuất thân là lái trâu, buôn lậu. Với nguồn gốc xuất thân đó, khi đã có quyền lực trong tay, có người sinh ra kiêu căng, quân phiệt, rượu chè, trai gái. Chính những yếu kém về chính trị và sa sút về phẩm chất của số cán bộ trên đã dẫn đến những



Bác Hồ với cán bộ và chiến sĩ tại Chiến khu Việt Bắc, năm 1949. (Người đứng thứ năm *từ phải sang trái* là đồng chí Lê Trọng Tấn).



Đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó tư lệnh Liên khu 10 (người đứng thứ hai, *từ trái sang*) và đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hản, đội trưởng đội xung phong Lào Bắc (người đứng thứ ba) tại huyện Xiềng Kho, tỉnh Sầm Nưa, Lào, năm 1949.



Bộ chỉ huy chiến dịch Sông Thao (năm 1949) giao nhiệm vụ cho đơn vị. (Người đứng thứ hai bên cột cờ, từ phải sang trái là chỉ huy trưởng chiến dịch Lê Trọng Tấn).



Bộ tư lệnh Liên khu 10 trong chiến dịch Sông Lô, năm 1949. (Từ trái sang phải: Chính ủy Song Hào, Tư lệnh Bằng Giang, Phó tư lệnh Lê Trọng Tấn).

khuyết điểm nghiêm trọng trong tác chiến, trong xây dựng đơn vị và xây dựng địa bàn.

Với cái vốn ban đầu đó, chúng tôi tiến lên Lai Châu. Khác với Sơn La, trước Cách mạng tháng Tám Lai Châu gần như chưa có phong trào cách mạng. Ở Lai Châu phần đông là đồng bào Thái trắng sống gần biên giới. Lai Châu còn nhiều tập tục mê tín dị đoan. Mỗi gốc cây là một ông thần, một cái lá có thể là một con ma. Một trong những đặc điểm của đồng bào là không quen nghĩ trừu tượng. Đồng bào thường đánh giá qua hành động tiếp xúc ban đầu. Trước Cách mạng tháng Tám, đồng bào các dân tộc ít tiếp xúc với người Kinh nên chưa thật hiểu người Kinh. Những người Kinh đồng bào thường tiếp xúc là đám lính và vợ con lính mua một cướp mười, là bọn con buôn lừa đảo và bóc lột đồng bào hết sức trắng trợn. Nền kinh tế vùng này là nền kinh tế tự túc. Nhân dân còn tiêu bạc trắng. Chế độ tù trưởng, chủ nô vẫn được thực dân Pháp duy trì như trước. Sự phân hóa giai cấp chưa có bao nhiêu. Thị trường trao đổi hồi đó rất hạn chế cho nên có khi chỉ vài cái kim, một ít muối, một ít chỉ màu là có thể đổi được gà, gạo, lợn, trâu. Những thứ thiết thân của đồng bào để sinh sống như dao, cuốc, thuổng, muối, kim, chỉ là những thứ mà nền kinh tế tự túc không thể sản xuất ra được đều bị bọn lái buôn người Kinh bắt chẹt. Ở vùng Xuân Đài, Thanh Sơn, Thạch Kiệt, Lai Động, Thu Cúc còn có bọn tù vượt ngục, bọn tội phạm, lưu đầy gây tai vạ cho nhân dân địa phương. Nền kinh tế tự túc và chế độ "công", "lam" đã đẻ ra tâm lý mặc cảm tự ti. Tôi còn nhớ khi đơn vị chuyển từ Sơn La về Phú Thọ có nhiều chiến sĩ họ Quảng đổi

là họ Hoàng, họ Lò đổi thành họ Lê. Có chiến sĩ không dám nói tiếng Thái. Nền kinh tế tự túc khép kín trong phạm vi từng bản, giao thông chưa phát triển cộng với toàn bộ cơ cấu xã hội từ xa xưa để lại đã tạo nên tâm lý thuần phác, dễ phục tùng trong đồng bào. Giữa nhân dân và bộ đội cách mạng chưa có gì gắn bó sâu sắc. Có nơi nhân dân xem việc tiếp tế lương thực, thực phẩm cho bộ đội như một nghĩa vụ họ buộc phải làm cũng như đối với quân Pháp, hoặc với phía tạo.

Chúng tôi chia chi đội làm ba mũi tiến lên Lai Châu. Cùng đi có các anh trong tỉnh ủy Sơn La. Lúc tới Thuận Châu, viên tri châu cung kính đón chúng tôi theo nghi thức đón các quan cai trị Pháp. Nhìn nước da xám ngắt và cái nhìn căm xuống đất của y, tôi đoán kẻ địch ở cách đây không xa. Chúng tôi ra lệnh cho bộ đội ra rừng ở. Viên tri châu cung kính mời ban chỉ huy chi đội dùng cơm. Cơm xong, trời vừa tối, tôi định ra về thì viên tri châu tha thiết mời tôi nghỉ lại. Bức rèm xa-tanh thêu hoa văn vừa kéo lên đã thấy một đệm bông trắng nõn trải vải hoa, một bàn đèn thuốc phiện và một cô gái trạc đôi mươi. Cô gái gò má ửng hồng quỳ xuống chào tôi theo tục lệ nhà quan. Viên tri châu xin phép cho cô cháu gái được hầu tiếp. Tôi từ chối trước cặp mắt ngạc nhiên của viên tri châu và cô gái. Tôi về chỗ trú quân của anh em. Bên đống lửa hồng anh em đang vai kề vai tập hát một bài hành khúc cách mạng. Sống trong không khí lành mạnh, vui tươi của đơn vị lòng tôi vẫn thắc thỏm nhớ lại cái cảnh sau bức rèm xa-tanh ở nhà viên tri châu. Sự sa đọa về đạo đức của một vài cán bộ Sơn La lúc đó có lẽ bắt đầu từ những chiếc đệm bông này.

Ngay trong đêm tôi cử một tiểu đội trinh sát đi trước.

Hôm sau trời chưa sáng tiểu đội trinh sát đã dẫn về một thanh niên trẻ măng. Anh ta chào tôi mừng rỡ như gặp lại người quen lâu ngày không gặp.

– Tên em là gì? – Tôi hỏi.

Anh ta không trả lời mà nhìn tôi không chớp với vẻ không hài lòng về cách xưng hô gia trưởng của tôi. Đồng chí trinh sát cho biết người thanh niên tên là Cẩm Vĩnh Chi, đoàn viên thanh niên cứu quốc, người Thái được chỉ thị của Đoàn thể đến bắt liên lạc với bộ đội.

Thì ra cũng giống như ở đồng bằng, dưới cái vẻ bề ngoài ao tù nước đọng của nông thôn là phong trào cách mạng sôi sục của nông dân đồng bằng. Ở đây, bên cạnh cái thuần phác nhẩn nhục gần như cam chịu lại có những thanh niên hăng hái, đã sớm được những người tù cộng sản giác ngộ từ trước. Về sau qua tiếp xúc với lớp thanh niên dân tộc Thái tôi mới biết đồng bào Thái tuy thiếu cái sắc sảo, hăng hái, nhưng khi đã tin, đã giác ngộ cách mạng thì dốc một lòng đi theo cách mạng. Trước sau dù khó khăn gian khổ đến mấy cũng một lòng son sắt, thủy chung. Đã tin cậy thì không bao giờ phản bội lại lời thề. Khi nhân dân đã hiểu, đã tin thì cán bộ nói là nhân dân nghe, khó mấy cũng vượt và không nghe ai nữa. Có chú liên lạc như Quàng Văn Ân mới 15 tuổi khi ra trận không cho cán bộ đi trước, mà Ân chạy lên trước xem đạn địch bắn ra sao rồi mới cho cán bộ lên. Hỏi vì sao làm như vậy, Ân chỉ cười rất hiền:

– Anh ấy là cán bộ, nếu cho đi trước anh ấy có làm sao thì đơn vị không có người chỉ huy.

Về sau này đọc những cuốn sách viết về Sơn La, tôi được biết ngay từ khi Pháp xâm lược nước ta lần thứ nhất, nhân dân Thái ở Sơn La đã cùng các ông Hoàng Công Chất, Tôn Thất Thuyết đánh Pháp. Năm 1943 – 1944 ở Sơn La đã có "Hội mù mán chất mừng" (Hội tuổi trẻ cứu nước) và "Hội cần táy chất mừng" (Hội người Thái cứu nước). Sự hăng say của lớp thanh niên trẻ của Cách mạng tháng Tám đã làm sống lại khí thế hào hùng của những ngày nhân dân Thái đi theo Hoàng Công Chất, Tôn Thất Thuyết đánh Tây.

Tôi hỏi Chi tình hình địch, địa hình. Chi cười lớn:

– Mình người vùng này mà!

Chi cho biết ở Tuần Giáo có khoảng một đại đội lính khố đỏ do một sĩ quan chỉ huy. Chỉ có một số ít lính cũ, còn phần lớn là lính người địa phương mới mộ. Đây chính là bọn lính của Đèo Văn Long.

Bọn lính này chỉ đặt có một vọng gác chừng một tiểu đội trên con đường đi vào Tuần Giáo. Tôi nghĩ bắt sống được tiểu đội này thì có thể bí mật tiếp cận Tuần Giáo. Tôi cho một đại đội đi vòng đường rừng để chặn đường rút của chúng. Đại bộ phận sẽ đi dọc theo đường cái lên. Đi đầu bộ phận này là một tiểu đội trinh sát được chọn lọc có nhiệm vụ bí mật bắt sống tiểu đội lính gác. Nghe xong kế hoạch Cẩm Văn Chi xoa tay nói:

– Bắt sống được thôi! Bọn này có canh gác gì đâu! Trời rét chúng nó chỉ trùm chăn hút thuốc Lào vật thôi!

Sáng sớm hôm sau trong lúc sương mù còn dày đặc chúng tôi đã lên đường. Sương như một cái chăn bông trắng bồng bạc phủ kín núi rừng. Nhìn gần sương như một màn bụi nhỏ li ti, xoắn xuýt với nhau; ở dưới vực sâu, sương cuộn thành từng đống to tướng như quơ tay có thể vơ vào lòng từng nắm. Những hạt sương quẩn quýt bay theo đội hình hành quân. Người đi trước cách người đi sau có vài bước mà chỉ trông thấy cái bóng mờ ảo thấp thoáng. Đến gần vọng gác, anh em cho một tổ chặn cửa. Một tổ bao vây phía sau. Một tổ xông vào chỗ chúng đang ngủ. Khi anh em xông vào có tên còn lúng túng chưa kịp hiểu ra sao đã bị bắt trói. Không một tên nào thoát. Không phải nổ một phát súng. Tôi cho trói bọn tù binh, ra lệnh điều khẩu trung liên cào cào lên trước. Bọn tù binh cho biết vào giờ này bọn lính trên đồn đang chào cờ. Chào cờ xong sẽ tập đi đều. Bọn lính mới chưa tập bắn súng. Trời sáng sương lại càng dày đặc. Từ thung lũng, sương cuộn cuộn bốc lên như một chảo nước sôi khổng lồ đang bốc hơi. Trong sương mù bồng bênh, hình thù châu ly Tuần Giáo hiện lên nhòe nhoẹt như có như không.

Khi cách đồn trong tầm ném lựu đạn, tôi cho triển khai đội hình. Phía trước đội hình là khẩu trung liên cào cào, hỏa lực mạnh nhất và duy nhất của tiểu đoàn. Phía sau lối nhớ những khẩu súng trường dài một mét sáu, những khẩu khai hậu lấp đạn ở cuối nòng, những khẩu Mút-cơ-tông, Anh-đô-si-noa và nhiều nhất vẫn là những ngọn mác cán bằng tre đực.

Đã nghe rõ tiếng giày đinh rầm rập trên nền sỏi. Đã nhìn rõ cánh cổng gỗ lim nặng nề, những cọc rào

ngăn trâu bò. Chúng tôi lặng lẽ và đã nhìn thấy gương mặt những tên lính. Chúng đang tập động tác quay, súng giá vào nhau. Không thể tiến gần hơn được nữa, tôi ra lệnh dừng lại chuẩn bị xung phong. Tôi nhìn khẩu cào cào được anh em lau dầu bóng loáng mà trong bụng khẩn thâm: "Tao chỉ cần mày nổ cho một băng thôi! Chỉ một băng thôi rồi mày hãy hóc!". Hồi đó mỗi khi ra trận cái đáng ngại nhất là súng hóc. Có khẩu khi thử thì nổ giòn nhưng khi vào trận lại câm như hến. Khẩu cào cào này lại chấp vá từ các khẩu khác sang. Xạ thủ trung liên đang lấy đường ngắm, cái đầu khẩu trung liên ngo ngoáy. Tim tôi đập thình thịch. Lấy xong đường ngắm xạ thủ quay lại nhìn tôi chờ lệnh. Tôi gật đầu. Lập tức khẩu trung liên nháy tâng tâng trên nền đường với những tiếng nổ đanh, chắc. Tôi trút một hơi thở dài. Một làn khói xanh biếc tỏa ra dễ chịu. Tôi khoan khoái hít căng lồng ngực, vung khẩu súng ngắn ra lệnh xung phong. Ngay từ loạt đạn đầu, đám lính đang tập đã chạy tóe ra như đàn mối vỡ tổ. Anh em ùa vào đồn rượt bắt bọn lính. Một tên dẫn anh em ra kho súng. Viên tri châu mắt còn ngái ngủ chỉ chỗ để xe. Anh em xếp hơn một trăm khẩu súng lên xe. Tiếng còi xe "tí toe, tí toe" nghe như tiếng "thắng to, thắng to".

Anh Nhạ cho đánh trống nhà tạo mời nhân dân đến dự mít tinh. Một đồng chí biết tiếng Thái tập hợp binh sĩ giải thích âm mưu của bọn phản động Quốc dân đảng tay sai của Pháp định dùng người Thái giết người Kinh, dùng người Kinh giết người Thái. Sáng hôm sau mũi vu hồi của Lường Văn Cúc mới tới.

Trận Tuần Giáo đã mở đường cho chi đội tiến lên Lai Châu, lên Điện Biên. Anh Nhạ tức Dương Văn Ty trong ban cán sự cùng đi với bộ đội để tổ chức chính quyền cách mạng. Trong ban chỉ huy, chúng tôi phân công nhau, anh Lê Hiến Mai đi Điện Biên Phủ, anh Nam Hải ở lại Mộc Châu. Tôi lên Lai Châu. Chúng tôi đi trong niềm vui phấn chấn vì vừa đánh một trận thắng to.

Một buổi chiều trong lúc chúng tôi đang hành quân thì đột nhiên có hàng loạt súng cối bắn vào đội hình. Anh em dừng lại. Một quả rơi trúng nền đường. Anh em nằm rạp xuống hai bên vệ đường. Tiếp đó là tiếng đạn hú như lụa xé. Trong hàng quân đã có tiếng xôn xao, có người nằm úp mặt xuống đất. Hồi đó súng cối còn là loại vũ khí rất mới mẻ. Không nghe thấy tiếng nổ đầu nòng, không trông thấy bọn bắn đứng ở đâu. Chỉ thấy tiếng đạn hú, tiếng đạn nổ, tiếng mảnh gang bay. Lại một loạt đạn nữa nổ ở phía sau. Rõ ràng lối bắn cối của bọn xạ thủ có bài bản – lối bắn bao bọc. Tôi biết nằm lại tức là chấp nhận một sự thương vong không cần thiết. Bởi vì chỉ vài quả đạn bắn thử nữa, bọn chúng sẽ tìm ra khoảng bắn xác suất trúng đích. Tôi ra lệnh rút nhanh. Thế là điều tất yếu xảy ra đã xảy ra. Tôi không chỉ huy được một đội hình rút lui hỗn loạn. Chúng tôi đã mất quyền chủ động.

Từ kinh nghiệm này, tôi rút ra một điều là trong hành quân, trong chiến đấu khi triển khai nhiệm vụ người chỉ huy phải dự kiến cho hết mọi tình huống có thể xảy ra, kể cả những tình huống xấu nhất để có phương án xử trí đối phó. Người chỉ huy phải luôn

luôn chủ động. Khi lâm vào thế bị động, phải nắm chắc đơn vị, nhanh chóng chuyển từ bị động sang chủ động. Để thực hiện được điều đó, bao giờ cũng phải dự kiến các tình huống và có sẵn phương án cơ bản để ứng phó. Khi tình huống dự kiến đã diễn ra, phải dựa vào phương án cơ bản đã chuẩn bị và căn cứ vào tình hình cụ thể lúc bấy giờ mà đề ra quyết định kịp thời và sáng suốt. Điều không kém quan trọng là mọi phương án giả định phải được phổ biến cho cán bộ cấp dưới và cả chiến sĩ để khi lâm trận tạo nên sự thống nhất về ý chí và hành động.

Sau lần rút lui đó, chúng tôi tập hợp anh em lại nêu những kinh nghiệm trên để mọi người cùng quán triệt và tiếp tục cuộc hành quân.

CHƯƠNG BA

KHÔNG ĐƯỢC XUÔI TAY

Sau trận bất ngờ gặp địch trên đường hành quân rồi rút lui, chúng tôi có đánh một số trận ở Quỳnh Nhai, Luân Châu nhưng không có trận nào thắng lợi. Thời gian này ở Lai Châu, được bọn phỉ tạo cữ tiếp tế, dẫn đường, trong một thời gian ngắn, địch đã chiếm lại toàn bộ Lai Châu.

Trước tình hình đó, đại đội của Hoàng Cầm được lệnh lên Quỳnh Nhai để cùng địa phương xây dựng chính quyền ở Lai Châu. Khi lên đến nơi thì Quỳnh Nhai đã bị địch chiếm. Đại đội ở lại hoạt động tại vùng Bắc Ma. Trong suốt hai tháng trời, nhiều lần đơn vị bị địch bao vây, nhưng anh em đã tổ chức thoát vây. Các chiến sĩ đã phải ăn củ chuối thay cơm. Trong đại đội có hai đồng chí người Thái là Liêm và Xoong. Hai đồng chí này đã dẫn đường cho bộ đội thoát vây khi bị địch càn. Khi đơn vị hết lương ăn, hai đồng chí đã vận động nhân dân Bản Mẩn tiếp tế lương thực. Nằm ở Bắc Ma, đại đội phát hiện được quy luật của địch là khoảng 18 giờ 30 phút hàng ngày, chúng đổi gác cho một đại đội khác về Quỳnh Nhai. Hoàng Cầm cho đại đội ra độn

thổ phục kích ở bờ sông. Khi bọn địch mới đến vừa rời thuyền, Hoàng Cầm cho lệnh xung phong, diệt một số địch và cướp thuyền.

Ở Bắc Ma, trong một lần địch càn, đại đội đã tổ chức đánh được một trận nữa, diệt một số địch. Bắc Ma là vùng đông dân, kinh tế khá sung túc, có thể ở cả một tiểu đoàn, nhưng do lúc đó không có tư tưởng hoạt động vùng sau lưng địch nên đại đội tìm cách về lại tiểu đoàn.

Cho tới tháng 8 năm 1946, chúng tôi về đến Chiềng Pắc (cách Sơn La 15 ki-lô-mét về phía tây-bắc). Nói là chỉ huy trung đoàn nhưng thực chất chỉ trực tiếp chỉ huy tiểu đoàn 90 hoạt động tác chiến trên trục đường số 41, tiểu đoàn 86 vẫn bố trí dưới Mộc Châu, tiểu đoàn 71 hoạt động ở vùng Phiêng Bang bên hữu ngạn sông Đà. Các đơn vị cách xa nhau hàng trăm ki-lô-mét.

Thời gian này, bọn Pháp ở Tây Bắc đang chờ viện binh từ Pháp sang nên dừng lại củng cố những vùng đã chiếm, chưa đủ sức tiếp tục tiến công. Thế là hình thái trực tiếp tiếp xúc được hình thành giữa ta và địch. Ở Chiềng Pắc, Quân khu cho một đại đội quân chính quy lên tăng viện. Anh em đánh rất hăng nhưng do binh lực ít nên cũng chỉ tiêu hao một số địch, không có trận nào quyết định được cục diện.

Ở Chiềng Pắc được hơn một tháng, tôi bị một cơn sốt rét ác tính, tiểu tiện ra máu, mê man không biết gì. Anh em mua vé ô-tô đưa tôi về xuôi. Điều trị khoảng hai tuần lễ, tôi được trên bổ nhiệm làm trung đoàn trưởng một trung đoàn ở Nam Định. Ở Nam Định

được hơn một tháng, cuối năm 1946 tôi lại được lệnh lên lại Sơn La.

Vừa nhận bàn giao trung đoàn xong thì ngày 5 tháng 1, địch ở Chiềng Pắc có bốn phản động địa phương dẫn đường theo đường tắt luồn rừng đánh úp các cơ quan của tỉnh ở Mường La, Mường Chanh, Mường Bú. Các cơ quan phía sau yên trí có bộ đội ở Chiềng Pắc nên không tổ chức canh gác, không đề phòng. Hồi đó cơ quan chưa tổ chức tự vệ như hiện nay. Có nơi địch cứ dàn hàng ngang kéo vào không cần nổ súng. Có nơi chúng mặc giả bộ đội tiến vào. Khi địch bắn súng thị uy, nhân dân tưởng bộ đội tập trận rủ nhau đi xem. Khi biết là địch mới hoảng hốt bỏ chạy.

Cuộc tiến công của địch tuy không gây thiệt hại gì lớn cho ta, nhưng đã phát sinh một biến động về tâm lý khá nặng nề trong các đơn vị và nhân dân. Được tin địch đánh úp ở phía trước, ban chỉ huy trung đoàn chủ trương tập hợp bộ đội, kiên quyết đánh địch.

Sau khi tập hợp được bộ đội, trung đoàn tổ chức đánh địch trên ba hướng: Mường Chanh, Mường Bú và Mường La. Nhưng do lực lượng phân tán, chỉ huy không chặt chẽ nên trong đợt phản công này, ta chỉ lấy lại được Mường Chanh. Không có lực lượng chiếm giữ nên cuối cùng ta phải rút...



Sau đợt rút lui trong những ngày đầu năm 1947, tôi tự đặt cho mình trách nhiệm nhất thiết phải nắm lại

các đơn vị, phải tổ chức đánh chặn địch từng bước, nếu có rút lui phải rút có kế hoạch, có tổ chức, phải đánh được địch dù chỉ là tiêu diệt dăm ba tên. Đối với nhân dân, nghiêm cấm những hành động sách nhiễu.

Tiểu đoàn 90 được lệnh theo đường số 41 rút về Hát Lót tổ chức đánh chặn địch. Tư tưởng tôi lúc này vẫn còn băn khoăn về nhiệm vụ giữ đất. Nhiệm vụ của trung đoàn là chiến đấu bảo vệ Sơn La, nay địch đã chiếm thị xã Sơn La và một số vùng trong tỉnh, vậy trung đoàn có hoàn thành nhiệm vụ được không? Do vậy, trong cuộc họp với cán bộ chỉ huy tiểu đoàn 90, tôi vẫn nhấn mạnh phải giữ đất. Trong mệnh lệnh tôi nói rõ: tiểu đoàn phải tổ chức đánh địch ở Hát Lót (cách thị xã Sơn La gần 30 ki-lô-mét về hướng đông - nam), dựa vào địa hình có lợi, bố trí phục kích, tiêu hao chặn bước tiến của chúng. Không có lệnh của trung đoàn không được tự ý rút lui.

Về tiểu đoàn, tiểu đoàn trưởng gọi đại đội trưởng Cẩm Vĩnh Chi lên giao nhiệm vụ bằng mọi giá phải giữ cho được Hát Lót. Mệnh lệnh là mất Hát Lót thì mất đầu. Tôi mà mất đầu thì anh cũng mất đầu. Với đại đội của Hoàng Cẩm, tiểu đoàn giao nhiệm vụ đánh địch trên con đường từ Tiểu Cò Nòi đi sông Đà. Ra lệnh xong tiểu đoàn trưởng lên ngựa phi nước đại quay lui.

Nhận lệnh về, Cẩm Vĩnh Chi bàn bạc với anh em và đi nghiên cứu địa hình. Bản Hát Lót địa hình bằng phẳng, phía đông - bắc có dãy núi đá bố trí phục kích địch rất thuận lợi. Sau khi nghiên cứu thực địa, Cẩm Vĩnh Chi quyết định đưa đại đội lên bố trí phục kích ở

dãy núi đá. Nói là đại đội nhưng số quân lúc bấy giờ chỉ khoảng 30 đồng chí.

Sau khi chiếm thị xã Sơn La không mấy khó khăn, ngày 26 tháng 1 năm 1947 địch cho quân theo đường số 41 xuống chiếm Hát Lót. Dọc đường không thấy bóng dáng Việt Minh đâu, chúng càng chủ quan cho là ta đã khiếp nhược bỏ chạy. Chúng tiến vào Hát Lót, không mấy đề phòng. Chờ cho địch đến vừa tầm súng, Cẩm Vĩnh Chi ra lệnh nổ súng xung phong. Bị đánh bất ngờ vào sườn, địch hoảng hốt bỏ chạy. Một tiểu đội địch bị diệt, trong đó có viên quan ba Pháp chỉ huy hành quân. Anh em phát hiện trong túi viên quan ba có tập thư của một tên phản động loại có cớ ở Sơn La báo cáo với quân Pháp tình hình của bộ đội, chính quyền và nhân dân trong tỉnh với chỉ huy quân sự người Pháp trong vùng. Ta cho bắt ngay tên phản động và trưng trị. Tất nhiên sau trận đánh đó, địch vẫn chiếm Hát Lót nhưng không ai bị mất đầu.

Sau khi nghiên cứu con đường từ Tiểu Cò Nòi đi Tạ Khoa, trên hữu ngạn sông Đà, Hoàng Cẩm cho đại đội bố trí phục kích trên một quả đồi ven đường có rừng thưa ở Nậm Sủm. Hai đại đội địch từ Tiểu Cò Nòi hành quân ra. Khi đến gần Nậm Sủm, địch phát hiện có quân ta trên quả đồi, chúng chia làm hai cánh đánh lên định diệt gọn. Đại đội phó Hoàng Cẩm lúc này nằm cạnh Hiếu, cán bộ tiểu đội trực tiếp nắm khẩu trung liên (Hiếu là lính thợ mới ở Pháp về). Thấy địch đông và dự kiến tình hình chiến đấu sẽ khó khăn, Hiếu có hai quả lựu đạn, chia cho Hoàng Cẩm một quả, Hiếu giữ một quả, với ý nghĩ sẽ chiến đấu

quyết tử với bọn giặc. Quả lựu đạn sẽ là vũ khí cuối cùng để diệt địch và hy sinh vì Tổ quốc, nhất định không để giặc bắt người và thu vũ khí.

Địch từ hai phía tiến lên, các chiến sĩ cũng từ hai hướng sẵn sàng đón đánh chúng. Để địch tiến tới gần, đại đội phó Hoàng Cẩm ra lệnh thống nhất cho hai bộ phận đồng loạt nổ súng. Tuy không còn yếu tố bí mật, bất ngờ nhưng nhờ lợi thế của địa hình, ta trên cao, địch dưới thấp, khẩu trung liên của Hiếu và các khẩu súng trường của đơn vị đã diệt ngay từ loạt đạn đầu một tiểu đội địch. Quân địch bị đánh bật trở lại, không biết lực lượng ta có bao nhiêu, thương vong nhiều, lại ở thế bất lợi, chúng bỏ chạy và rút về Tiểu Cò Nòi.

Tuy chỉ là những trận đánh nhỏ, nhưng hai trận Hát Lót và Nậm Sủm đã lấy lại khí thế cho trung đoàn. Tình trạng rút lui vô tổ chức chấm dứt hẳn. Thời gian sau đó, trung đoàn thực hiện vừa chiến đấu ngăn chặn tiêu hao địch, vừa rút theo kế hoạch. Tổ chức, kỷ luật được chấn chỉnh. Cán bộ sai phạm được gọi lên uốn nắn.

Sau hai trận Hát Lót và Nậm Sủm, trung đoàn bộ rời về Tà Làng, dưới Yên Châu 12 ki-lô-mét. Địch bị tiêu hao lực lượng và mất viên quan ba chỉ huy, chúng không ngهنh ngang như trước mà lo củng cố các vùng đã chiếm được. Tình hình mặt trận tương đối yên tĩnh.

Về phía trung đoàn, từ khi địch mở cuộc tiến công, đã một tháng trôi qua, vẫn chưa liên lạc được với tiểu đoàn 71 bên hữu ngạn sông Đà. Trong lòng tôi lúc nào

cũng như có lửa đốt. Là người chỉ huy trung đoàn không nắm được tiểu đoàn thì còn chỉ huy thế nào, trách nhiệm sẽ ra sao? Sau những ngày suy nghĩ, đắn vật, tôi quyết định phải tự mình đến tận nơi xem anh em hoạt động chiến đấu thế nào, giúp anh em có phương hướng hoạt động đúng đắn, đồng thời nhân chuyến đi này sẽ tìm hiểu tình hình chung của chiến trường, đặc biệt là đời sống và tình hình các mặt của đồng bào các dân tộc Sơn La.

Bàn bạc kế hoạch trong thời gian tôi vắng mặt ở trung đoàn bộ với ban chỉ huy trung đoàn xong, tôi và đồng chí Trần Duy Hạnh thư ký trung đoàn khẩn trương lên đường. Lúc này vào khoảng hạ tuần tháng 1 năm 1947.

Hai anh em hai con ngựa, một khẩu các-bin, một khẩu súng ngắn với năm ngày gạo. Không người dẫn đường, tự mình bảo vệ lấy mình, chúng tôi nhắm phía sông Đà tiến bước. Từ Yên Châu qua Mường Lùm, chúng tôi tiến đến bờ sông Đà, bên này Tạ Khoa. Chưa thể đột nhiên vượt sông Đà vì không hiểu tình hình địch bên đó thế nào, thỉnh thoảng vẫn nghe từng tràng súng dội qua khi trời sẩm tối. Tối đó chúng tôi ngủ lại Tạ Khoa, nhờ nhà dân địa phương. Hôm sau, chúng tôi đang loay hoay thì thấy có một thuyền chài đánh cá ven bờ. Trên thuyền có hai vợ chồng người đánh cá và một cháu nhỏ. Chúng tôi ra hiệu cho thuyền ghé vào bờ. Biết chúng tôi là bộ đội muốn qua sông, vợ chồng người đánh cá vui vẻ cho chúng tôi xuống thuyền xuôi dòng về Vạn Yên, khoảng 50 ki-lô-mét. Thuyền đi ban ngày vì phải qua

hai thác Tiểu Ông và Tiểu Bà rất nguy hiểm. Dựa vào bờ phía hữu ngạn, thuyền xuôi tương đối nhanh. Bờ sông Đà vắng lặng, chỉ thỉnh thoảng mới gặp một chiếc thuyền đánh cá. Tối ngày hôm đó chúng tôi đến Vạn Yên bên hữu ngạn an toàn. Tôi và Trần Duy Hạnh tiếp tục cuộc hành trình. Đến Tường Phong, Tường Phù thì quân địch đã rút về Phiêng Ban. Quang cảnh ở đây đúng là một vùng tiêu thổ kháng chiến. Nhà nào còn sót lại khi nhân dân bỏ chạy thì quân địch đến đốt nốt. Không một ngôi nhà, không một bóng người, chỉ còn lại các lều trú quân của địch làm bằng cây rừng, lợp lá chuối nằm từng dãy ven bìa làng và trên đồi. Đúng là một vùng đất chết, vắng lặng đến dễ sợ. Thực tế này đặt cho tôi một vấn đề phải suy nghĩ. Quân địch đến vùng đất này là để chiếm đóng, nhưng tại sao chúng đến đây rồi lại phải rút trong khi không gặp sự kháng cự nào đáng kể của bộ đội ta. Tôi và Hạnh trao đổi một hồi mới vỡ lẽ. Vấn đề là ở đây không có dân. Trong tình hình đường sá giao thông khó khăn, không có dân, không được tiếp tế, chúng không thể sống được.

Từ đó, chúng tôi càng thấy vai trò của nhân dân là vô cùng quan trọng. Quan trọng đến mức kẻ thù mà không có dân cũng không sống được phải rút. Còn bộ đội cách mạng thì rõ ràng không có dân sẽ không tồn tại chứ đừng nói đến hoạt động và chiến đấu. Tôi lại nghĩ đến chủ trương tiêu thổ kháng chiến của Đảng và Bác Hồ. Tường Phong, Tường Phù thực hiện tiêu thổ trong khi không có kế hoạch, để lương thực, tài sản bị mất mát làm cho đồng bào lâm vào cảnh khốn cùng là

Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đến làm việc với bộ chỉ huy mặt trận Lê Hồng Phong I, năm 1949. (Từ trái sang phải: chỉ huy phó chiến dịch Cao Văn Khánh, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng chiến dịch Lê Trọng Tấn, Tư lệnh Liên khu 10 Bằng Giang).

*

Đồng chí Lê Trọng Tấn đại đoàn trưởng đại đoàn 312 đến thăm tiểu đoàn Phủ Thông sau chiến thắng Ba Huyện chiến dịch Trần Hưng Đạo, năm 1951.





Bác Hồ đến thăm Trường sĩ quan lục quân, năm 1961. Cùng đi với Bác có Thiếu tướng Lê Trọng Tấn, Phó tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

✱

Đại đoàn trưởng đại đoàn 312 Lê Trọng Tấn, nhà quay phim Pháp Rô-man Các-men, đại đoàn phó đại đoàn 308 Cao Văn Khánh tại Điện Biên Phủ, tháng 5 năm 1954.



Tại miền Đông Nam Bộ, tháng 12 năm 1968. (Từ trái sang phải: các đồng chí Nguyễn Thị Định, Trần Văn Trà, Trần Độ, Lê Trọng Tấn).

khuyết điểm lớn nhưng tiêu thổ ở giai đoạn này là một chủ trương đúng đắn. Nếu không tiêu thổ chắc gì quân địch đã rút đi! Không có người dẫn đường, không có ai tiếp tế, không có đối tượng để đàn áp, cướp bóc, bắt phu, bắt lính rõ ràng chúng sẽ lâm vào tình trạng khốn quẫn. Nhớ lại những hành động của cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật quần chúng, sách nhiễu dân, là người chỉ huy tôi thấy giạt mình, hổ thẹn và càng thấy trách nhiệm của mình nặng nề trong việc giáo dục, xây dựng đơn vị. Mặt khác, tôi nghĩ đồng bào Tây Bắc nhiều năm sống dưới ách đô hộ của phong kiến, thực dân, vừa bị chúng đàn áp, bóc lột, vừa bị đầu độc bởi chính sách ngu dân, lại thêm nhiều tập tục mê tín dị đoan ràng buộc. Người dân ở đây chưa được giác ngộ cách mạng bao nhiêu, phải làm họ hiểu rõ bản chất của kẻ thù xâm lược, hiểu rõ vì ai mà bộ đội hy sinh chiến đấu. Phải có cách để phát động, giáo dục và tổ chức họ lại thành sức mạnh, thực hiện toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến như Bác Hồ đã huấn thị. Ngay lúc ấy tôi chưa nghĩ ra được bằng cách nào để thực hiện điều đó, nhưng rõ ràng đây là việc hệ trọng đến kháng chiến, đến bộ đội, nhất định phải làm cho bằng được.

Hai anh em tôi lại tiếp tục đi, tìm gặp tiểu đoàn 71. Trên đường đi Phiêng Ban thì chúng tôi gặp tiểu đoàn. Phần viết ở trên của các đơn vị thuộc tiểu đoàn 71 những ngày địch tiến công chính là do ban chỉ huy tiểu đoàn báo cáo lại. Nghe anh em báo cáo xong, tôi thông báo lại tình hình chiến đấu của trung đoàn và ra những chỉ thị cần thiết cho đơn vị trong thời gian tới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh vấn đề bám địch và đánh

địch, vai trò của đồng bào các dân tộc, vấn đề quan hệ với nhân dân, vấn đề kỷ luật dân vận.

Xong việc, chúng tôi từ Vạn Yên vượt sông Đà đi về hướng Mộc Hạ. Tháng chạp trời rét buốt, lại mưa lâm thâm. Bản đồ chẳng có, người dẫn đường cũng không, chúng tôi vừa đi vừa hỏi đường. Mãi mới tìm được người dẫn đường đi về Mộc Hạ. Đường khó đi, trời tối đen như mực, khoảng tám giờ tối, chúng tôi tới Mộc Hạ.

Mộc Hạ là một làng to, đông dân, khá sầm uất. Mộc Hạ là căn cứ của Việt Minh hồi còn hoạt động bí mật trước Cách mạng tháng Tám. Vào làng thấy các nhà còn ánh đèn và mùi hương trầm ngào ngạt đến cồn cào ruột gan. Tôi và Hạnh tính toán với nhau, mới biết hôm nay đã là 30 tháng chạp ta. Giờ này mọi nhà đang chuẩn bị cúng giao thừa đón ông bà về ăn Tết với con cháu. Mộc Hạ là vùng trước đây tôi có đến nên có quen biết một số gia đình và nhân dân nhiều người biết tôi là trung đoàn trưởng. Hai anh em vào nhà chị Hảo. Chị buộc ngựa, lấy ngô cho ngựa ăn rồi mời chúng tôi lên nhà sàn. Bữa cơm giao thừa với gia đình chị Hảo hôm đó ngoài món xôi, thịt gà, thịt lợn, rượu còn có món nậm phịa rán (ruột non của trâu rán). Theo phong tục địa phương, nậm phịa rán là món ăn được ưa thích, chỉ để mời khách sang, khách quý. Nậm phịa rán hơi đắng, có mùi vị đặc biệt.

Đêm hôm đó hai anh em đến thăm một số gia đình. Được tin chúng tôi về Mộc Hạ, bà con kéo đến thăm rất đông, vui mừng khôn xiết. Qua người dẫn đường tình nguyện, qua tình cảm tiếp đón của bà con Mộc

Hạ, tôi thấy đồng bào rất quý mến và tin yêu bộ đội, luôn luôn hướng về cách mạng. Tuyệt đại bộ phận nhân dân Sơn La, nhân dân Tây Bắc đều là người yêu nước. Phải đi sâu giáo dục, giác ngộ họ. Đây là chỗ dựa vững chắc của bộ đội, là sức mạnh đáng sợ đối với kẻ thù. Bộ đội phải tạo được chỗ đứng trong lòng dân, từ đó tạo thế đứng trong vùng sau lưng địch.

Cũng trong đêm giao thừa này ở Mộc Hạ, chúng tôi đã gặp đồng chí Trần Quyết bí thư tỉnh ủy và các đồng chí trong tỉnh ủy Sơn La. Tôi và các anh có trao đổi về tình hình những ngày qua, về vị trí và vai trò của nhân dân, nhất là những việc phải làm sắp tới, trong đó có việc phải tổ chức đội vũ trang tuyên truyền.

Trên đường về chúng tôi không theo đường cũ mà đi thẳng Mộc Châu rồi theo ven đường số 41 lên Tà Làng, nơi trung đoàn bộ đóng.



Nhờ có chuyến đi này, tôi thấy được nhiều vấn đề mới mẻ liên quan đến phương thức hoạt động và tác chiến của trung đoàn trên địa bàn Sơn La sau này.

Thời kỳ đầu, khi mới tiếp xúc với dân, chúng tôi phải qua môi giới hệ thống phía tạo nên chỉ mới thấy mặt thuần phác và sự phục tùng của nhân dân. Khi địch đánh ra, chúng bắt nhân dân tiếp tế, dẫn đường, có người cho là nhân dân lạc hậu, dễ đi theo địch, đánh đồng cả bộ đội cách mạng và quân xâm lược.

Nhưng qua những điều tai nghe, mắt thấy trong chuyến đi vừa qua, chúng tôi thấy nhân dân rất tốt. Nhân dân Tây Bắc tuy chưa trải qua đấu tranh cách mạng như đồng bào dưới xuôi, nhưng khi đã được phát động, đã nghe ra thì không bao giờ phản bội lại lời thề. Cuối năm 1946 đầu 1947, khi một bộ phận lớn đất đai Sơn La rơi vào tay giặc, hầu hết anh em chiến sĩ con em các dân tộc Sơn La đều đi theo trung đoàn. Trong số đó có nhiều đồng chí sau này giữ những cương vị cao trong quân đội và các cơ quan nhà nước. Nhưng khi nhân dân chưa tin cách mạng thì bộ đội và cán bộ địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Kẻ địch dám luôn rừng đánh úp ta vì chúng được nhân dân dẫn đường, cung cấp tin tức, tiếp tế. Khi bộ đội ta không được nhân dân ủng hộ thì dù số quân có đông, trang bị, vũ khí có được tăng cường, tiếp tế, thuốc men có bảo đảm cũng không thể hoạt động và chiến đấu thắng lợi được.

Nói về chỗ đứng của trung đoàn Sơn La trong những ngày đầu kháng chiến, phải nói đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy Sơn La. Chính những hoạt động cực kỳ gian khổ, sự hy sinh cao quý và những chiến công thầm lặng của các đảng viên cộng sản, của đồng bào các dân tộc Sơn La đã tạo điều kiện cho trung đoàn có chỗ đứng chân, đủ nuôi dưỡng, đùm bọc trung đoàn trong những tháng năm đầy khó khăn, gian khổ.

Nhớ lại, tôi lên Sơn La được ít lâu thì Trung ương cử đồng chí Trần Quyết lên thay đồng chí Dương Văn Ty làm bí thư tỉnh ủy. Số đảng viên ở Sơn La lúc đó còn quá ít chưa đủ để thành lập chi bộ, các đồng chí

sinh hoạt với các đảng viên trung đoàn thành một chi bộ ghép. Đến tháng 10 năm 1946, chi bộ kết nạp thêm một số đảng viên mới, đủ điều kiện thành lập một chi bộ độc lập.

Chi bộ đầu tiên của Sơn La ra đời trong một ngôi nhà vắng chủ ở bản Hát Lót, châu Mai Sơn. Đây là bước ngoặt của phong trào cách mạng Sơn La. Trong khi địch tiến công ồ ạt, chính quyền tỉnh chưa được củng cố, chi bộ phải đảm nhận chức năng của một đảng bộ tỉnh.

Sớm nhận rõ muốn thúc đẩy phong trào thì phải gấp rút đào tạo cán bộ địa phương, từ tháng 5 đến tháng 6 năm 1946, đồng chí bí thư tỉnh ủy đã gấp rút mở những lớp huấn luyện ngắn ngày theo chương trình cộng sản sơ giải và chương trình Việt Minh. Một số học viên học lớp này đã trở thành cán bộ cốt cán của phong trào Sơn La như đồng chí Hoàng Nó sau này là bí thư tỉnh ủy, đồng chí Cẩm Ngoan chủ tịch tỉnh. Song song với việc đào tạo cán bộ, đảng bộ tỉnh đã chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Đồng chí Chu Văn Thịnh ở Mường Chanh đã có sáng kiến vận động nhân dân quyên góp trâu để mua súng. Nếu như ở đồng bằng có phong trào nhin ăn một bữa lập hũ gạo cứu đói, phong trào may áo trấn thủ trong cuộc vận động mùa đông binh sĩ, có "Tuần lễ vàng" thì ở Sơn La, phong trào góp trâu mua súng từ Mường Chanh đã lan nhanh đi khắp các châu trong toàn tỉnh. Riêng ở Mường Chanh, số trâu quyên được lên đến hàng trăm con, mua được 30 khẩu súng. Phong trào đã có tác dụng thức tỉnh tinh thần giữ

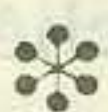
bản, giữ mừng, nâng cao lòng yêu nước của đồng bào các dân tộc Sơn La.

Ít lâu sau, Trung ương lại cử lên Sơn La hai đồng chí tỉnh ủy viên và quyết định thành lập ban chấp hành tỉnh ủy Sơn La. Cũng trong thời gian này, sau khi đánh chiếm thị xã Sơn La và phần lớn các vùng trong tỉnh, địch xúc tiến việc lập chính quyền từ tỉnh xuống các châu. Ở tỉnh, Bạc Cầm Quý làm tỉnh trưởng, Cầm Ngọc Quang làm phó tỉnh trưởng, viên quan năm Pháp Ê-cu-lát làm cố vấn. Thực chất quyền hành tập trung vào tay viên cố vấn này. Bộ máy ở châu có tri châu, châu úy và bang tá. Số này là giai tầng thống trị cũ, nay theo Pháp trở lại đàn áp nhân dân với mối hận thù của những người bị tước đoạt đặc quyền đặc lợi.

Bọn ngụy quyền tay sai dựa vào quân Pháp thẳng tay bắt phu, bắt lính, vợ vét, cướp đoạt không từ một thứ gì của nhân dân. Thực dân Pháp còn đặt ra chế độ cống nộp phụ nữ. Chúng ra lệnh cho bọn phìa tạo phải bắt con gái các bản lên nộp cho chúng. Mỗi đợt hàng chục chị em bị quân Pháp thay nhau hãm hiếp, sau một tuần lễ mới được thả về. Người nào có nhan sắc, kể cả người đã có chồng cũng bị chúng bắt làm vợ. Trước những hành động dã man, tàn bạo của giặc, đồng bào đã công phẫn thốt lên: "Ở với bộ đội gần hai năm, dân mới góp có hai con trâu để mua súng. Tây mới cướp Mường La một tháng đã mất gần 100 con trâu". Sự căm phẫn lúc này so với thái độ cam chịu lúc trước khác biết bao! Nhớ lại khi mới lên Sơn La, có đồng chí hỏi đồng bào thích ở với Tây hay thích bộ

đội, có người trả lời: "Nhân dân chúng tôi như khúc gỗ tròn, lăn đi đâu cũng được, như cái kiềng bếp, đặt nổi lên cũng được, đặt chảo lên cũng vừa". Nhưng ngày nay thì đồng bào lại nhận thức khác rồi!

Trước tình hình nhân dân bị áp bức, bóc lột hết sức tàn nhẫn, có nơi phải ăn củ chuối, bột báng hàng tháng trời, sự căm phẫn của nhân dân đã lên đến cao độ, tỉnh ủy quyết định phải trở về với đồng bào. Anh Trần Quyết, bí thư tỉnh ủy cùng 10 cán bộ len lỏi trở lại Sơn La. Địa điểm các anh chọn là Mộc Hạ. Như nắng hạn gặp mưa rào, thấy cán bộ Cụ Hồ trở về, nhân dân vô cùng mừng rỡ. Chỉ trong một thời gian ngắn, các anh đã bắt được liên lạc với cơ sở cũ. Và chính ở Mộc Hạ, tôi đã gặp các anh trong cái đêm giao thừa đáng ghi nhớ ấy. Rồi chi bộ Mộc Hạ được thành lập. Phong trào kháng chiến ở Mộc Hạ khởi sắc dần lên.



Sau chuyến tôi qua tả ngạn sông Đà trở về, tình hình mặt trận Sơn La trở lại yên tĩnh. Quân địch lo củng cố những vùng chúng đã chiếm. Chúng rải quân xây đồn dọc theo đường số 41 từ thị xã Sơn La đến Yên Châu. Thời gian này, trung đoàn cũng lo củng cố lực lượng và rút kinh nghiệm những hoạt động tại chiến trường vừa qua, đồng thời tổ chức những trận đánh nhỏ, tiêu hao quân địch. Tiểu đoàn 90 nhiều lần tổ chức đánh địch ở Yên Châu, mỗi trận diệt được năm, bảy tên địch.

Trận đánh đồn Bản Tằm trên đường số 41 gần Yên Châu do một đại đội thuộc tiểu đoàn 90 đảm nhiệm. Đại đội đã chiếm lĩnh trận địa và sắp xung phong thì đại đội trưởng nghe tiếng còi rúc liên hồi. Lại có tiếng súng ngắn và tiếng thét xung phong bằng tiếng Pháp "A-la-xô! A-la-xô!". Đại đội trưởng tưởng là bị quân địch đánh úp sau lưng liền cho bộ đội rời trận địa. Rút ra ngoài rồi vẫn không thấy quân địch mới vỡ nhẽ đó là hành động của tiểu đoàn trưởng S. Không thể để người chỉ huy như S. trong bộ đội, đã nhiều lần vi phạm bản chất cách mạng của bộ đội, và với những hành động cá nhân ngỗ ngược đó có khi làm hại sinh mệnh của đơn vị, tôi quyết định cho thay, đưa S. ra khỏi quân đội và đưa một tiểu đoàn trưởng khác ra tòa án binh vì những lỗi lầm không thể tha thứ được của anh ta đối với đồng bào và chiến sĩ.

Từ ngày gặp anh Trần Quyết bí thư tỉnh ủy ở Mộc Hạ, tôi vẫn nung nấu việc tổ chức đội vũ trang tuyên truyền hoạt động trong vùng sau lưng địch. Nhớ lại khi thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Bác Hồ đã chỉ thị phải coi trọng nhiệm vụ chính trị nặng hơn quân sự, rồi các đội tuyên truyền xung phong hoạt động trong nội thành Hà Nội trước Tổng khởi nghĩa, từ những kinh nghiệm đó, tôi thấy việc tổ chức đội vũ trang tuyên truyền của trung đoàn là hết sức cần thiết và cấp bách trong lúc này. Chính đội vũ trang tuyên truyền là người đi sâu, đi sát tuyên truyền, giáo dục, phát động và tổ chức quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị trong nhân dân, tranh thủ lòng tin của

nhân dân, dựa vào nhân dân tạo thế đứng hoạt động lâu dài và chuẩn bị bàn đạp cho bộ đội về hoạt động.

Tôi bàn với các anh trong ban chỉ huy và được sự nhất trí từ trước của tỉnh ủy Sơn La, trung đoàn quyết định tổ chức đội vũ trang tuyên truyền của trung đoàn. Tháng 4 năm 1947, đội vũ trang tuyên truyền mang phiên hiệu 88 ra đời với 30 cán bộ, chiến sĩ gồm người Kinh, người các dân tộc được chọn lựa kỹ trong các đơn vị. Đội được giao nhiệm vụ hoạt động ở các vùng Vạn Yên, Tường Phong, Tường Phù, Quang Huy, Phiêng Ban. Đội phải dựa hẳn vào dân, vừa xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng, vừa chiến đấu tiêu hao địch, bảo vệ lực lượng, bảo vệ nhân dân. Đội vũ trang tuyên truyền 88 là đội đầu tiên hoạt động ở vùng sau lưng địch tỉnh Sơn La. Hoạt động của đội rất có hiệu quả. Và chính từ những kinh nghiệm ban đầu của đội 88, sau đó không lâu đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh, các đội xung phong Trung Dũng, xung phong Quyết Tiến được thành lập và bước vào hoạt động.

Ngày 25 tháng 4 năm 1947, được tăng viện quân dù, chuẩn bị lực lượng từ Lào và bên hữu ngạn sông Mã, địch tổ chức tiến công cắt phía sau Tà Làng, nơi trung đoàn bộ trú quân và nhảy dù xuống cao nguyên Mộc Châu. Trung đoàn rút qua Mộc Châu về Vạn Yên sang tây-nam Phú Thọ an toàn, một bộ phận ở Đà Bắc. Hai ngày sau địch chiếm Vạn Yên. Thế là toàn tỉnh Sơn La rơi vào tay địch.

Trong khi trung đoàn rút đi, đội vũ trang tuyên truyền 88 vẫn trụ bám trong nhân dân để hoạt động.

Tuy địch đã chiếm Sơn La nhưng chúng chưa có thời gian củng cố. Đội 88 đã cùng cán bộ địa phương đi sâu xây dựng cơ sở chính trị cho nhân dân. Các vùng Phiêng Ban, Quang Huy, Vạn Yên đã có cơ sở vững chắc. Thấy phong trào quần chúng được phát động, tổ chức, bộ đội có thể đứng chân hoạt động, anh Trần Quyết lên Khu xin cho bộ đội về đánh địch.

Đại đội đầu tiên trở lại vùng sau lưng địch ở Sơn La do đồng chí Hoàng Cẩm chỉ huy. Lúc đó ở Mộc Châu địch thường vận chuyển lương thực, vũ khí từ Mộc Châu sang Vạn Yên qua đường Mộc Hạ – Hướng Càn – Xôm Lôm. Chúng lập chân kho ở Hướng Càn, Xôm Lôm. Thời gian này chúng biết bộ đội ta đã rút nên chủ quan không đề phòng. Ngày 28 tháng 7 năm 1947, Hoàng Cẩm chia đại đội thành hai bộ phận: một bộ phận đánh kho Xôm Lôm. Một bộ phận đánh địch hành quân trên đường Hướng Càn. Do không đề phòng, khi ta nổ súng, địch bị hoàn toàn bất ngờ. Ta diệt nhiều lính khố đỏ, lính ngự, trong đó có tên chỉ huy người Pháp, thu nhiều vũ khí, lương thực. Ngay trong đêm đó, lực lượng vũ trang phối hợp với du kích, công an bắt sống một số tên phản động lợi hại như Sa Ngọc Châu, tri châu Mộc Châu và bọn phía ở Hướng Càn.

Cùng một lúc, vừa tiêu diệt lực lượng địch, chỗ dựa của bọn ngự quyền, vừa tiêu diệt bọn ngự quyền đầu sỏ, tai mắt và tay chân của địch, thắng lợi Hướng Càn làm cho nhân dân vô cùng phấn khởi, địch rất hoang mang. Đáng tiếc là đánh xong, đơn vị lại rút sang sông trở về Đà Bắc nên không có lực lượng để khuếch

trương thắng lợi. Trước tình hình đó, tỉnh ủy nhận định thế nào địch cũng cần quét nên tỉnh phải có lực lượng vũ trang của mình để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ cơ sở. Trung đội vũ trang tuyên truyền đầu tiên của tỉnh Sơn La được thành lập ở núi Pu Tê, Mộc Châu.

Như vậy ở Sơn La đã có hai đội vũ trang tuyên truyền cùng hoạt động: đội 88 của trung đoàn và đội của tỉnh Sơn La. Tháng 9 năm 1947 trung đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh vượt sông sang Đà Bắc để học tập, huấn luyện và nhận trang bị. Tôi đã tiếp xúc với trung đội vũ trang tuyên truyền tỉnh. Việc đội 88 vẫn trụ bám tốt tại Sơn La cùng với đại đội của Hoàng Cầm trở lại đánh địch trong hậu địch đã gợi lên sự chín muồi trong tôi về hình thức tổ chức lực lượng để trở lại Sơn La.

Thu đông năm 1947, giặc Pháp mở cuộc tiến công đại quy mô lên Việt Bắc. Lúc này, hầu hết các cán bộ chủ chốt đã trở về các cơ sở cũ không những được khôi phục mà còn phát triển; có nơi cơ sở chính trị được xây dựng ngay trong hàng ngũ địch. Như ở Mường Tè có 15 đồng thì 10 người là đoàn viên thanh niên cứu quốc. Ngụy quyền của cả khu Mộc Hạ chỉ còn mình Sa Văn Ênh là theo Pháp. Ênh vốn trước là quân chúng trung kiên của ta, sau theo Pháp trở thành tay sai của Lường Triệu Đường, phía Mộc Châu. Để Ênh thì phong trào bị khống chế, diệt Ênh thì lộ lực lượng quá sớm. Các đồng chí ta sau khi cân nhắc đã quyết định dùng đội vũ trang tuyên truyền đột nhập thuyết

phục Ênh. Ênh nhận lời theo cách mạng vì gần như toàn bộ bộ hạ của Ênh đều là người của ta. Thế là bộ máy nguy quyền ở Mộc Hạ bị vô hiệu hóa.

Trong khi địch tập trung quân tiến công lên Việt Bắc, ở Sơn La có nhiều sơ hở, chúng tôi thống nhất với tỉnh ủy tổ chức thêm một số đội vũ trang xung phong đi sâu vào hậu địch phối hợp với du kích địa phương phá chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng, trừng trị bọn Việt gian đầu sỏ, lôi kéo bọn lũng chừng, mạnh dạn đưa quân chúng ra đấu tranh từ thấp đến cao. Ngoài ra trung đoàn còn chủ trương lần lượt đưa các đại đội trở về Sơn La hoạt động và đánh địch giữ thế chiến trường, hỗ trợ cho các đội vũ trang tuyên truyền. Trong khi các đại đội phân tán đi hoạt động, cuối năm 1947 đầu 1948 lực lượng còn lại của trung đoàn được biên chế thành một tiểu đoàn mang phiên hiệu tiểu đoàn 108 để chiến đấu tập trung.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của chiến trường Sơn La mà chúng tôi tổ chức các hình thức hoạt động và chiến đấu cho các đội vũ trang, các đại đội và tiểu đoàn chủ lực mà theo sự chỉ đạo của Bộ sau này gọi là đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung.

Một vấn đề vừa mang tính bản chất có ý nghĩa quyết định sự sống còn và hoạt động, chiến đấu của bộ đội, vừa mang tính cấp thiết trước yêu cầu nhiệm vụ mà chúng tôi nhận thức được trong thời gian này là vai trò của nhân dân trong chiến tranh giải phóng. Chiến tranh nhân dân phải do toàn dân tham gia. Bộ đội không nắm được dân, không được nhân dân ủng

hộ thì không thể hoạt động, chiến đấu thắng lợi, ngay cả sự tồn tại của mình cũng khó có thể bảo đảm, nhất là trong tình hình đầy khó khăn của năm đầu kháng chiến.

Muốn năm được dân phải làm cho dân tin. Muốn làm cho dân tin phải thể hiện được bản chất của bộ đội cách mạng, bộ đội Cụ Hồ bằng hành động thực tế. Đồng thời phải gần gũi, giúp đỡ, từng bước làm cho nhân dân hiểu đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa, hiểu được bộ đội cách mạng là con em của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà hy sinh, chiến đấu. Nó hoàn toàn khác với quân Pháp là quân xâm lược chuyên đàn áp, bắn giết, cướp bóc nhân dân. Ta phải biết khơi dậy lòng yêu nước của đồng bào các dân tộc.

Không phải từ đầu cuộc kháng chiến chúng tôi đã nhận thức được vấn đề cơ bản trên mà phải sau một năm chiến đấu, trải qua bao gian nan, thử thách, cả những thất bại cay đắng mới rõ được vấn đề. Nhận thức này là vô cùng sâu sắc; nó giúp tôi có một định hướng rõ ràng trong việc giáo dục xây dựng đơn vị, đồng thời là cái nền, là chỗ dựa vững chắc cho các hình thức hoạt động và tác chiến của trung đoàn trong thời gian tới.

CHƯƠNG BỐN

HÀNH ĐỘNG THEO YÊU CẦU CỦA CUỘC SỐNG

Rút về châu Thanh Sơn huyện Cẩm Khê, tây-nam Phú Thọ, trung đoàn được bổ sung một số cán bộ trẻ, khỏe, năng động. Phần lớn số cán bộ này đã hoạt động trước Cách mạng tháng Tám, là các đoàn viên thanh niên cứu quốc và đảng viên. Số cán bộ thoái hóa, biến chất đã bị thay thế.

Trong số cán bộ mới bổ sung, tôi gặp lại Lê Thanh, tiểu đội trưởng tự vệ nay là tiểu đoàn trưởng. Về Cẩm Khê việc đầu tiên là tổ chức học tập lá thư của Bác Hồ gửi các đảng viên. Chúng tôi đọc thư Bác mà tưởng như Bác đã theo dõi từng bước đi, từng hành động, Bác hiểu rõ cả những suy nghĩ thầm kín của cán bộ, chiến sĩ. Trong muôn vàn khó khăn ban đầu của cuộc kháng chiến, Bác nhắc nhở trách nhiệm của người đảng viên trong quân đội. Bác thức tỉnh những đồng chí phạm sai lầm, cổ vũ những đồng chí đang khao khát muốn cống hiến nhiều hơn, tốt hơn cho cách mạng. Trong thư gửi các đồng chí Bắc Bộ, Bác viết: "Trong lúc dân tộc đang ở ngã tư đường, chết hay

sống, mất hay còn, mỗi một đồng chí và toàn cả Đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp và làm cho nước thống nhất và độc lập"¹. Bác phê phán tác phong quan liêu, hủ hóa, bệnh tự kiêu, bè phái của một số cán bộ, đảng viên. Qua học tập thư Bác, chúng tôi càng thấy trách nhiệm nặng nề của mình trước Đảng, trước quân đội và nhân dân.

Tại Cẩm Khê, lần đầu tiên tôi gặp đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng mà chúng tôi thường gọi thân mật là anh Văn. Anh Văn phổ biến cho chúng tôi nghị quyết của hội nghị chính trị ủy viên quân khu và chính ủy trung đoàn. Đây là hội nghị cán bộ chính trị đầu tiên của quân đội ta do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân ủy Trung ương và đồng chí Văn Tiến Dũng, Cục trưởng Cục Chính trị chủ trì. Những nhận định của hội nghị về tình hình bộ đội lúc đó cũng đúng với tình hình trung đoàn Sơn La: "Tình hình quân sự đang diễn ra cái thế bộ đội ta có thể bị bao vây, tan rã hay tiêu diệt". Những nghị quyết về xây dựng Đảng, về công tác chính trị, công tác tư tưởng đã chỉ ra phương hướng xây dựng đội quân kiểu mới – quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng trong quân đội lúc bấy giờ là: Đề phòng bị bao vây và tan rã; rèn luyện bộ đội thành một bộ đội du kích, tổ chức

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 291.

thêm và chấn chỉnh dân quân và xác định nhiệm vụ các đảng viên trong quân đội là dù trong trường hợp nào cũng phải nắm cho vững bộ đội, củng cố và mở rộng cơ sở Đảng, thi hành cho được nhiệm vụ quân sự.

Về quân sự, chúng tôi học "Huấn lệnh về sự cần thiết phải chuyển sang du kích vận động chiến". Tư tưởng tác chiến theo kiểu trận địa chiến bị phê phán. Tinh thần chủ động tiến công bằng đánh lẻ, đánh úp, đánh mai phục, đánh gần được đề cao. Tư tưởng tác chiến đã được xác định thì nội dung học tập càng rõ.

Hồi đó, tuy chưa có tài liệu biên soạn thống nhất, nhưng căn cứ vào những chỉ thị của trên và qua kinh nghiệm của bản thân, chúng tôi huấn luyện cho bộ đội những gì mà cuộc sống và chiến đấu ở Sơn La đã đặt ra. Mục đích huấn luyện là để đánh thắng kẻ thù, để giành lại dân, để trở lại Sơn La. Sơn La đối với chúng tôi như một mảnh đất của nơi chôn nhau cắt rốn.

Chúng tôi tập hành quân với tốc độ cao có mang theo trang bị. Chúng tôi còn tập hành quân dai sức, tập luôn rừng, tập hành quân đêm, tập bí mật rời vị trí. Về cá nhân chiến đấu, học bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, lợi dụng địa hình địa vật, xung phong.

Về chính trị, trung đoàn tổ chức cho anh em học "Mười điều kháng chiến của Hồ Chủ tịch", "Mười lời thề danh dự", "Mười hai điều kỷ luật dân vận", "Mười lăm điều bí mật quân sự".

Từ đây, những yếu lĩnh quân sự của Pháp, Nhật, của quân Tưởng đều có sự chọn lọc để phù hợp với thực tế chiến đấu của trung đoàn trên địa hình rừng núi Tây Bắc. Những vấn đề chung chung về chính trị

như học "hai phe, bốn mâu thuẫn" đã được thay thế bằng những bài học chính trị thiết thực. Học để hành động thiết thực, hành động có hiệu quả ở một vùng địch đã chiếm đóng, nhân dân chưa được phát động.

Về văn hóa, chúng tôi đặt chỉ tiêu cuối năm 1947 cả trung đoàn phải thanh toán xong nạn mù chữ. Chủ trương này đã đáp ứng được nguyện vọng sâu xa của số đông anh em xuất thân từ nông dân, một số khá đông anh em là người dân tộc. Hồi đó chưa có kinh phí văn hóa; giấy, bút, mực đều thiếu. Anh em đã dùng than thay phấn, dùng mẹt, cánh cửa thay bảng, dùng lá chuối non, vỏ tre tươi thay giấy, dùng nhựa trám làm đèn để học.

Những bài học quân sự thiết thực, những bài học chính trị dễ hiểu, cụ thể có tính chất chỉ đạo hành động và sinh hoạt văn hóa đã làm thay đổi không khí của trung đoàn. Ban ngày các tổ chia nhau rèn luyện trên các thao trường nhỏ. Ban đêm học hát, học văn hóa, hoặc bình báo, tập diễn kịch. Vở ca kịch "Nụ cười sơn cước" của Bùi Tuấn San tức Hoài Niệm đã ra đời trong bối cảnh ấy. Hồi đó nhạc cụ không có. Trung đoàn đóng quân ở gần rừng trúc. Anh em vào rừng cắt trúc làm sáo, bắt ếch lột da làm tang nhị, tước dây điện thoại làm dây đàn, trồng đi mượn của dân. Bài hát được anh em ưa thích là bài *Trở về Sơn La* của đồng chí Như Long. Đêm đêm quanh đống lửa hồng, anh em vỗ tay hát:

"Kìa Sơn La dân chúng đang ngóng chờ

Sơn La máu loang chảy dưới gót xâm lăng

Người tan tác, nương đồi hoang xơ xác

Về mau, đoàn quân Sơn La diệt thù.

Rừng xanh vất đã quen hơi

Bao năm dãi dầu mưa nắng

Một ống nước với năm cơm xôi

Chúng ta tiến bước cười vang"-

Mặc dù cơm ăn vẫn còn chưa đủ, quần áo vẫn vá chằng vá đụp, thuốc men vẫn thiếu, có những mái tóc rụng vì sốt rét chưa kịp mọc, nước da còn tái, nhưng không khí lạc quan, yêu cuộc sống, yêu nhân dân, yêu đơn vị đã như một liều thuốc hồi sinh tạo nên sức mạnh mới cho trung đoàn. Những anh em người Sơn La suốt đời chưa bao giờ đi xa, khi mới về Phú Thọ trông thấy người đông cũng ngại, thấy anh hàng phố gánh rao hàng không hiểu họ bán cái gì nay đã nhanh chóng hòa mình vào tập thể. Anh em coi trung đoàn như chính gia đình mình. Và bản thân tôi, người chỉ huy anh em cũng được động viên trong không khí lạc quan, thân tình đầm ấm ấy.

Trong việc xây dựng đơn vị, khó nhất là khâu cán bộ. Trông chờ trên bổ sung thì không đủ. Hơn nữa những trường đào tạo chính quy cũng không thể nào đáp ứng được yêu cầu của một trung đoàn đang chuẩn bị đi vào vùng sau lưng địch để phát động chiến tranh nhân dân. Chúng tôi tự tổ chức lấy trường quân chính của mình. Trường đóng ở vùng Thạch Kiệt gần Địch Quả. Nhiều đội trưởng đội vũ trang tuyên truyền đã được đào tạo ở đây. Thu đông năm 1947, khi địch tiến công ra tây-nam Phú Thọ, cán bộ và học viên trường quân chính đã đánh một trận phục kích diệt

địch, thu được súng. Đánh xong, anh em luôn rừng theo đường tắt đánh trận thứ hai. Nhân dân và các đoàn thể cứu quốc địa phương vùng Giáp Lại, Thạch Khoan, Thạch Kiệt rất thương. Thấy anh em ăn đói, bị sốt rét đi không vững mà vẫn đánh được giặc, bảo vệ nhân dân, bà con mang mía, sắn, chuối đến úy lạo. Hồi đó việc cung cấp, nuôi dưỡng bộ đội chủ yếu là dựa vào các đoàn thể và chính quyền địa phương; chúng tôi vừa huấn luyện vừa phải tăng gia để tự túc một phần lương thực, thực phẩm. Trung đoàn có một trại tăng gia ở Dịch Quả. Trại do đồng chí Giang Văn Vít phụ trách. Trại cấy lúa, trồng sắn, nuôi gà, nuôi lợn, có cả máy khâu để vá quần áo cho anh em. Trại đã góp phần nâng cao sức khỏe cho anh em thương binh, bệnh binh.

Trong cuộc đời phục vụ quân đội của chúng tôi, những ngày ở Cẩm Khê là những ngày đầy kỷ niệm, không thể quên. Tại Cẩm Khê, chúng tôi đã học những bài học vỡ lòng về bản chất quân đội cách mạng, về cách phát động chiến tranh nhân dân ở vùng địch tạm chiếm. Cũng ở đây, Đảng đã trang bị cho chúng tôi chiếc chìa khóa để mở cửa tiến vào Sơn La, một vấn đề có ý nghĩa chiến lược về quân sự để giành thắng lợi. Đó là phương thức hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung. Có được chủ trương đúng đắn và sáng suốt này chính là do Bác Hồ, Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy đã nghiên cứu, đúc kết từ tình hình ta, địch trên các chiến trường toàn quốc, trong đó có chiến trường Sơn La, Tây Bắc mà đề ra.

Mùa đông năm 1947, thực hiện chủ trương trên, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương quyết định tăng thêm cán bộ cho những tổ vũ trang tuyên truyền còn trụ bám được ở vùng Mộc Hạ, Sơn La. Bộ trưởng đã viết quyết định bằng tay đề bạt đại đội trưởng Cầm Vĩnh Chi lên tiểu đoàn phó, làm đội phó đội vũ trang tuyên truyền Trung Dũng do đồng chí Lê Thanh làm đội trưởng đã vào Mộc Hạ từ trước.

Đối với Sơn La, đội vũ trang tuyên truyền là bước mở đầu để chiếm lại hậu phương quân địch. Nói là bước mở đầu vì chỉ có dùng hình thức vũ trang tuyên truyền mới khôi phục lại ảnh hưởng chính trị đã bị mất, mới xây dựng lại cơ sở chính trị trong nhân dân để tiến tới phát động chiến tranh du kích ngay trong lòng địch. Gọi là đội vì quân số lúc đó khoảng trên dưới 20 người. Gọi là vũ trang vì đi xây dựng cơ sở chính trị trong lòng địch mà không có vũ trang thì không thể đứng vững được. Nếu mang binh lực lớn hơn hoạt động dễ lộ, di chuyển khó khăn, việc tiếp tế cứu thương cũng rất khó. Đội vũ trang tuyên truyền được lựa chọn chặt chẽ, có vũ khí để tự vệ, lại được huấn luyện cả về chính trị và quân sự, vừa có khả năng tác chiến, vừa có khả năng xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng chính quyền cách mạng ở những vùng cơ sở trắng. Hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền đã dần dần làm giảm ảnh hưởng của địch, nâng cao ảnh hưởng của ta, gây cơ sở chính trị rồi phát động chiến tranh du kích trong vùng địch chiếm. Hoạt động của đội khác với đội tuyên truyền xung phong (thường hoạt động trong thời gian ngắn rồi lại rút ngay). Đội

vũ trang kiên trì trụ bám, xây dựng cơ sở làm địa bàn cho đại đội độc lập đứng chân rồi đi tiếp sang địa bàn khác, cho tới khi cả hậu phương quân địch trở thành tiền phương của ta. Là một trung đoàn tập trung nay phân tán một bộ phận đi làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, phát động quần chúng cho nên trước khi lên đường đội phải nắm chắc chủ trương, kế hoạch của cấp ủy và chính quyền địa phương. Về mặt này các anh trong tỉnh ủy Sơn La đã liên hệ chặt chẽ với trung đoàn ủy. Trước khi đi, quyền hạn, nhiệm vụ của đội được quy định khá rõ. Đội cũng nắm được kế hoạch công tác của cấp ủy.

Khi vào sâu trong lòng địch, xa cấp trên, xa căn cứ, khi cơ sở chính trị còn yếu, liên lạc với cấp trên và đơn vị bạn có khó khăn nên chúng tôi chú trọng bồi dưỡng cho đội khả năng tự động công tác, tự túc về hậu cần kể cả đạn dược, thuốc men và lương thực.

Đội trưởng, đội viên đội vũ trang được chọn lọc kỹ. Về chính trị phải là những đội viên tin cậy nhất. Hoạt động trong lòng địch chỉ cần một người dao động là cả đội gặp khó khăn. Mỗi chiến sĩ trong đội phải là một cán bộ thực sự có khả năng cả về quân sự và chính trị, có ý thức tổ chức kỷ luật cao. Đội viên phải biết tiếng của đồng bào các dân tộc. Trong đội nhất thiết phải có người địa phương, vừa thông thạo đường sá, vừa thuộc phong tục tập quán của người địa phương.

Đội xung phong Quyết Tiến – đội vũ trang tuyên truyền lớn nhất của Liên khu 10 do đồng chí Luân, ủy viên thường vụ tỉnh ủy Yên Bái làm đội trưởng, đồng

chí Hồng Quân bí thư tỉnh ủy Hà Giang làm chính trị viên.

Sau khi vượt sông Hồng, đội xung phong Quyết Tiến bắt đầu tiến vào vùng địch. Trước mặt anh em là đồn Ca Vịnh trấn giữ con đường duy nhất đi vào Tú Lệ. Toàn đội loanh quanh ở đó hàng tuần lễ mà chưa đi được. Bộ tư lệnh Liên khu 10 thấy vậy bèn viết thư giục, đồng thời phái đại đội Kim Sơn vào tập kích Ca Vịnh, tạo điều kiện cho anh em vượt sâu vào bên trong. Đại đội Kim Sơn đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Quân địch ở Ca Vịnh bỏ đồn rút chạy. Phần khởi trước thắng lợi buổi đầu, toàn đội cứ theo đường cái tiến vào Gia Hội, rồi Tú Lệ đang hoang như một đơn vị chủ lực. Anh em quên mất đặc điểm hoạt động của mình, quên cả ý thức giữ bí mật. Bộ chỉ huy Liên khu nắm được tình hình ấy lại có thư nhắc nhở. Sau đó đội mới bớt chủ quan, bắt đầu chuyển từ hành quân ban ngày sang ban đêm. Nhưng đội vẫn tiến rất dễ dàng vì quân địch nghe đồn có "năm nghìn quân Việt Minh kéo vào" nên chúng đã cuốn gói bỏ chạy. Trong đội lại phát sinh tư tưởng chủ quan. Vào Tú Lệ không mất một viên đạn, lại thấy nhân dân nô nức kéo ra đón mừng, các đồng chí bèn tổ chức một cuộc liên hoan khá tưng bừng. Mọi công tác quân chúng gần như chưa làm được gì. Toàn đội chỉ mới thực hiện được một việc là gọi những tên tay sai của địch cùng các phìa tạo đến cảnh cáo, bắt phải cam đoan trung thành với cách mạng không được làm hại nhân dân.

Sau một tuần ở Tú Lệ, đội tiếp tục tiến vào vùng Kim Nọi. Trời bắt đầu mưa tầm tã ngày này qua ngày

khác. Đèo trơn, suối lũ. Cuộc hành trình lúc đó mới bắt đầu vất vả. Suối lũ Tây Bắc quả là dữ. Đoàn quân không dài lắm, những người đi trước, khi lội qua nước mới chỉ đến quá đầu gối, đến người cuối cùng nước đã ngập ngang cổ. Trong lúc toàn đội đang tiến thì giặc Pháp đã tập trung hàng mấy trăm quân, từ Lai Châu kéo về, từ Than Uyên kéo ra chuẩn bị càn quét mà đội không hề biết.

Khi tới Cáp Na (chưa tới Kim Nọi) toàn đội đã sa vào một trận phục kích của địch. Mặc dầu tinh thần rất dũng cảm nhưng lâm vào thế bị động, đội phải chia làm ba bộ phận để rút. Đồng chí Luân nắm một bộ phận lên rẻo cao của đồng bào Mèo. Đồng chí Châu Thành cùng một bộ phận rút về vùng Bản Khi. Đồng chí Hồng Quân cùng hai tiểu đội lui trở ra Tú Lệ định liên lạc với đại đội Kim Sơn nhưng đại đội này đã lên vùng đồng bào Mèo từ trước. Nhận thấy đạn dược của toàn đội đã bị tiêu hao gần hết trong trận phục kích đánh địch vừa qua, Hồng Quân quyết định quay trở ra Nghĩa Lộ để bắt liên lạc với Quân khu xin tiếp tế. Trời vẫn mưa, suối lũ vẫn ngập tràn. Tới Ngòi Thia, Hồng Quân cùng anh em chặt chuối làm mảng để vượt qua. Trong khi ấy, ở bên kia sông, một toán địch đi tuần kéo tới.

Hồng Quân cầm sào nhảy xuống chiếc bè đầu tiên cùng đồng chí Năng một đội viên trước kia là chính trị viên tiểu đoàn. Hai người vừa ra đến giữa dòng thì một băng đạn trung liên từ bụi cây bên bờ đối diện đột ngột nổ xé. Hồng Quân ôm ngực, ngã vật trên bè. Năng cũng không kịp nói một lời, buông ngay cây sào

ngã xuống... Và cứ thế chiếc bè tiếp tục băng băng trôi theo dòng nước lũ. Tất cả các đồng chí còn lại đành gạt nước mắt, quay trở lại Cáp Na, tìm bắt liên lạc với bộ phận đồng chí Châu Thành đang bám dân, cố thủ ở đó. Mưa vẫn sùi sụt. Bản Khì nằm lọt trong một vùng suối lũ bao quanh. Ta không ra được, địch cũng không vào được. Cho đến lúc này anh em trong đội mới bắt đầu thấm bài học chủ quan, mới bắt đầu thấy là cần phải bám lấy dân, tích cực giáo dục, tổ chức nhân dân mới có thể sống và hoạt động.

Nhân dân Bản Khì vốn nghèo đói, nay bị mưa lũ giam chân, địch lại vây chặt bốn bề, không đi rừng kiếm củ mài, củ sắn được nên càng đói khổ. Tuy nhiên không một ai quên bộ đội. Còn một mẫu sắn cũng chia đôi. Một tháng sau, trời bừng sáng, lũ rút. Nhân dân lại đeo dao lên núi kiếm ăn. Anh em vũ trang tuyên truyền cũng chuẩn bị lên đường định bắt liên lạc với bộ phận đồng chí Luân. Nhưng địch lại cản. Trận cản này còn lớn hơn trận cản trước gấp bội. Hơn một nghìn quân từ Mường Cang đánh xuống, hai trăm quân từ Nghĩa Lộ đánh lên. Lần này địch không ồ ạt tiến công như trước mà chia thành từng mũi nhỏ lùng sục tất cả các ngọn nguồn, khe núi. Các cơ sở đội mới xây dựng bị tan vỡ. Một số đồng chí hy sinh; một số giạt lên vùng đồng bào Mèo, một số bật trở lại sông Hồng, mặc dầu đội đã vào sâu được hai trăm cây số.

Đội xung phong Trung Dũng có 17 đồng chí, đại đa số anh em trong đội là người dân tộc Thái như Cẩm Vĩnh Chi, Quảng Văn Anh tức Quang Trung, Lò Văn

Xuân. Chỉ huy đi vào địch hậu là đồng chí Xích Vân, có nhiệm vụ đưa đội vượt sông Hồng trở lại Sơn La để bắt liên lạc với đồng chí Lê Thanh đội trưởng đã hoạt động từ trước ở Mộc Thượng, Mộc Hạ, vùng cơ sở của tỉnh ủy Sơn La.

Sau mấy ngày dừng lại ở Mộc Thượng, Mộc Hạ, toàn đội Trung Dũng tiếp tục lên đường, do đồng chí Lê Thanh làm đội trưởng. Tới bản A Má, một bản nằm trong vùng du kích, toàn đội dừng lại vì được tin địch sẽ về sục sạo khủng bố. Đội quyết định phải tìm mọi cách bảo vệ dân. Sau khi điều tra, biết bọn địch càn chính là do hướng dẫn của một tên người làng A Má làm châu đoàn ở Mộc Châu. Các đồng chí bèn tìm đến nhà Lò Văn Tình là em ruột tên châu đoàn. Anh này vốn là một thanh niên tốt. Các đồng chí nói với Lò Văn Tình phải theo dõi mọi hoạt động của tên kia và giúp đội bắt nó. Anh Tình không những không ngần ngại mà còn vui vẻ nhận lời. Quả nhiên hôm sau tên châu đoàn đem lính về, anh Tình đã lập mưu đưa cán bộ ta vào nhà bắt sống. Tới khi tên châu đoàn bị ta trói chặt, Tình mới khóc: "Dầu sao nó cũng là anh em với tôi. Nay đã đưa cán bộ về bắt được nó rồi tôi chỉ xin cán bộ tha chết cho nó, còn bắt nó tù bao nhiêu năm cũng được!". Cảm động trước tinh thần cách mạng, lòng yêu nước đẹp đẽ của người thanh niên thật thà chất phác này, đội đã tha chết cho tên châu đoàn. Lò Văn Tình mừng lắm, đề nghị được đi theo đội. Về sau, dần dần anh đã trưởng thành, trở nên một trong những cán bộ trung kiên. Sau khi rời A Má, toàn đội đi sâu vào vùng địch hậu. Từ đây đội thay đổi cách hoạt động. Đội chia thành hai bộ phận. Một bộ phận

táo bạo đi thật nhanh, thật sâu vào một cái đích đã định sẵn rồi dừng lại xây dựng cơ sở. Trong khi đó bộ phận đi sau tiến dần, vừa tiến vừa xây dựng cơ sở hai bên đường để nối với cái đích mà đội đi trước đã xây dựng. Theo phương thức hoạt động bài bản, chắc chắn đó, đội Trung Dũng phấn đấu tiến lên tới đích mà Bác Hồ đã chỉ: Điện Biên Phủ.

Đồng chí Lê Thanh chỉ huy bộ phận đi trước, đồng chí Xích Vân chỉ huy bộ phận đi sau. Để che mắt địch, anh em hóa trang giả làm binh lính địch về phép. Anh em cố tìm được một bộ ka-ki cho đồng chí cao lớn nhất làm "đội", còn anh em ăn mặc như lính đồng. Sau ba ngày đầu thuận lợi, anh em yên trí đã che mắt được địch và cả nhân dân hai bên đường. Nhưng không ngờ đi tới đâu nhân dân cũng nhận ra ngay đây là bộ đội Cụ Hồ. Vì dù ăn mặc theo kiểu địch nhưng qua cách nói năng cư xử, đồng bào đã nhận ra ngay bản chất tốt đẹp của quân đội cách mạng. Thấy nhân dân đã nhận ra mình, các đồng chí lo lắng. Nhưng đi hết bản này tới bản khác toàn đội vẫn bình yên. Thậm chí có nơi tạo bản còn ra lệnh cho dân làng không được bép xép lộ bí mật của "các đồng chí". Đội tới Mường Sài, một bản cách biên giới Việt – Lào không xa. Đây là cái đích đã được chọn để cho bộ phận đi trước cắm lại. Đồng chí Lê Thanh cho anh em vào rừng làm lán ở tạm, rồi cử một đồng chí trong đội trước đây vốn là chủ tịch Mường Sài trở về làng tìm cách bắt liên lạc với gia đình. Một đồng chí trước làm thư ký ủy ban ở xã bên cũng được phái về làng để xây dựng cơ sở.

Công việc trong những ngày đầu khá trót lọt. Đội dựa vào cơ sở mới được xây dựng lại, chia làm ba nhóm

hoạt động trên một vệt dài mấy bản liền nhau từ Chiềng Khương xuống Mường Sài. Trước tình hình đó, Lê Thanh cử người về đón Xích Vân. Nhưng chỉ mấy hôm sau có tin chẳng lành đưa về. Hai đồng chí đi đón đồng chí Xích Vân bị địch phục kích bắn chết một. Địch đang tập trung quân kéo về Mường Sài càn quét. Khi đội vừa chuyển vào rừng thì địch càn đến. Địch bắt bớ nhân dân, lòng rừng, sục núi ráo riết. Tất cả các đường dây liên lạc với cơ sở đều bị đứt. Cuộc càn phá dai dẳng nhằm dồn đội vào thế bí. Đội Trung Dũng buộc phải rời Mường Sài sang một bản khác. Bản này toàn là người mắc bệnh hủi. Các đồng chí trong đội không quản bệnh tật vào từng nhà thăm hỏi đồng bào. Gặp bộ đội đồng bào vừa ngạc nhiên, vừa cảm động. Đội lại có thêm một cơ sở khá vững vàng nữa.

Cuối năm, Liên khu 10 tổ chức hội nghị chuyên đề về vũ trang tuyên truyền trong vùng địch. Anh Văn Tiến Dũng thay mặt Bộ xuống dự hội nghị này. Những thiếu sót được vạch ra chủ yếu là các đội thường nặng về tác chiến, coi nhẹ xây dựng cơ sở. Tổ chức một số đội còn nặng nề, công kênh, chưa thích hợp với chiến trường Tây Bắc. Cán bộ và đội viên người địa phương còn quá ít. Ngoài ra trình độ công tác của các đội viên còn thấp. Anh em được huấn luyện chưa tốt. Tất cả chỉ có được một điều cơ bản là lòng trung thành và tinh thần tận tụy. Những kinh nghiệm trên được đúc kết lại thành những nguyên tắc phổ biến cho các nơi học tập.



Đi liền với hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền là hoạt động của đại đội độc lập. Đại đội độc lập được rút ra từ các tiểu đoàn, trung đoàn tập trung. Đại đội độc lập có nhiệm vụ phát động chiến tranh nhân dân ở một khu vực nhất định. Khu vực đó rộng hay hẹp là tùy theo địa hình, mật độ dân số, vị trí chính trị, xã hội và tình hình địch ở khu vực đó.

Về quân sự, đại đội độc lập phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy và chính quyền địa phương, cùng với dân quân du kích bảo vệ địa phương. Về chính trị, đại đội độc lập phải cùng với các đoàn thể giáo dục nhân dân nhận rõ kẻ thù, có lòng tin vào khả năng của chiến tranh du kích, tiến tới tổ chức ra lực lượng vũ trang để tự vệ. Khi lực lượng vũ trang địa phương đã trưởng thành, dân quân đã tổ chức rộng khắp, du kích đã tác chiến có hiệu quả thì đại đội sẽ rút về các đơn vị chủ lực. Về tổ chức, đại đội độc lập được tổ chức gọn nhẹ để di chuyển nhanh, phân tán nhanh và tập trung nhanh. Khi hoạt động ở vùng địch tạm chiếm, đại đội độc lập có nhiệm vụ đánh những trận tiêu diệt nhỏ, những đội tuần tiểu nhỏ, những đội vận tải tiếp tế của địch giữa các cứ điểm. Hoạt động của đại đội độc lập tạo điều kiện cho các đội du kích hoạt động trưởng thành, đồng thời tạo bàn đạp cho những trận đánh của các tiểu đoàn, trung đoàn tập trung. Về trang bị, hồi đó vũ khí rất thiếu. Về tư tưởng, phải chống quan niệm cho rằng trang bị của ta phải ngang hoặc hơn địch mới có thể hoạt động được. Sự thật dù ta có tập trung ưu tiên trang bị cho các đại đội độc lập thì hỏa lực của ta vẫn yếu hơn địch trên chiến trường. Mặt khác, phải đấu tranh chống khuynh hướng cho rằng

trong vùng địch hậu rộng mênh mông mà tung các đại đội độc lập vào khác nào muối bỏ bể. Anh em không thấy nhiệm vụ của đại đội độc lập là xây dựng cơ sở để phát động chiến tranh nhân dân. Và chính sự tham gia của nhân dân sẽ quyết định sự thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường vùng sau lưng địch. Có đơn vị nặng về vũ trang, ở biệt lập không được nhân dân che chở nên đã bị tổn thất nặng (Hoàng Su Phì). Ngược lại có đại đội khi cơ sở chính trị còn non đã vội vàng phát động đấu tranh nên khi địch cần quét đã không bảo vệ được cơ sở. Nhưng thực tế cuộc sống đã sàng lọc những biện pháp không thích hợp. Bên cạnh những đại đội độc lập còn những khuyết điểm ấu trĩ khó có thể tránh được trong bước đi ban đầu, chúng ta cũng có những đại đội đã sớm nắm vững chủ trương của Đảng như đại đội Kim Sơn.

Đại đội Kim Sơn đã giác ngộ được viên thống lý người Mèo ở Trạm Tấu nên đã gây được nhiều cơ sở tốt ở vùng Bản Lìu, Bản Hát. Đại đội đã tổ chức được nhiều đội du kích đánh rất giỏi, tiêu biểu là đội du kích Cao Phạ. Đội du kích anh hùng này đã giữ vững căn cứ du kích trên núi Cao Phạ trong suốt tám năm kháng chiến chống Pháp. Đường liên lạc của địch từ Than Uyên đi Nghĩa Lộ thường xuyên bị cắt đứt. Đường từ Nghĩa Lộ đi Mù Cang Chải cũng bị uy hiếp. Có những gia đình cả hai anh em cùng tham gia du kích và cùng chiến đấu hăng hái, bền bỉ, như hai anh em ông Giành Khố Kỷ. Trong lịch sử chiến đấu của đội có lần chín đội viên của đội bị địch bắt. Nhưng cả chín đội viên ấy khi bị giải về Nghĩa Lộ đã lấy súng của địch trốn về đầy đủ. Không những thế, anh em còn mở

cửa nhà giam cho một số đông nhân dân cùng trốn theo. Có lúc địch cần lớn, đại đội Kim Sơn hoạt động ở xa, toàn đội du kích Cao Phạ bị mất liên lạc với đảng bộ, bộ đội và chính quyền nhưng vẫn tuyệt đối trung thành, chiến đấu liên tục cho tới khi giải phóng hoàn toàn Tây Bắc.



Tiểu đoàn tập trung có nhiệm vụ đánh địch lấn chiếm ở vùng giáp ranh. Khi luồn sâu vào vùng sau lưng địch, địa bàn hoạt động của tiểu đoàn là những vùng mà các đại đội độc lập và các đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được căn cứ. Đối tượng tác chiến của tiểu đoàn là những cứ điểm nhỏ, những đội quân ứng chiến nhỏ. Một trong những tiểu đoàn tập trung tiêu biểu của Sơn La là tiểu đoàn 108 (sau đổi tên là tiểu đoàn 652).

Từ những trận phục kích trên đường Đồn Vàng – Thu Cúc, tiểu đoàn đã tiến lên đánh nhiều trận vào thị trấn Thanh Thủy, đánh địch trong công sự kiên cố ở Suối Rút, Mỏ Hẻm, phục kích địch ở Yên Châu, Mộc Châu và đánh bại tiểu đoàn cơ động ứng chiến Thái ở Quang Huy.

Ngày mà trung đoàn 148 (danh hiệu mới của trung đoàn Sơn La) trở về đất cũ là ngày không thể quên được đối với chúng tôi. Lúc này anh Nguyễn Bàng làm trung đoàn trưởng. Nếu như trong những ngày đầu kháng chiến trung đoàn chỉ là sự tập hợp các tiểu

đoàn bộ binh, đóng quân xa nhau, vũ khí thiếu, quân số thiếu, đa số bị sốt rét thì nay trung đoàn là một cơ thể thống nhất, dày dặn và mạnh hơn xưa.

Trung đoàn trở lại Sơn La như trở về giữa những bà con thân thuộc. Những đội vũ trang tuyên truyền, những căn cứ du kích, những đại đội độc lập có đơn vị phần lớn là người địa phương. Tỉnh ủy, nhân dân Sơn La đã trưởng thành, ủy ban kháng chiến hành chính Sơn La và ban chỉ huy quân sự tỉnh, các huyện đội, xã đội đón trung đoàn như đón những đứa con đi xa trở về.

Từ tập trung trung đoàn có tính chất hình thức rồi phân tán một số bộ phận đi làm nhiệm vụ theo yêu cầu của tình hình, nay tình thế đã chín muồi, trung đoàn lại tập trung, một sự tập trung đầy hiệu lực. Như những ngón tay nắm lại thành quả đấm trong lòng địch, trung đoàn thực sự trở thành nỗi khiếp sợ của kẻ thù và là niềm tin của các dân tộc Sơn La.

Một phần thưởng đối với chúng tôi là cục diện chiến trường Tây Bắc đã thay đổi.

Mùa xuân năm 1948, sau thất bại Việt Bắc, khi binh đoàn Com-muy-nan tới tả rút lui trên sông Lô thì ở hướng nghi binh, binh đoàn Ta-bo cũng rút khỏi Đồn Vàng. Trên mặt trận Yên Bái, chủ lực ta đánh thắng ở Khánh Mộc, Đồng Bằng, đuổi địch từ bờ sông Thao vào Nghĩa Lộ. Như trên đã nói, lợi dụng thời cơ địch dồn quân ra phía ngoài, phía trong bị sơ hở, theo chỉ thị của Tổng Quân ủy, từ tháng 12 năm 1947, các đội vũ trang tuyên truyền đã từ phía Phú Thọ tiến vào Mộc

Châu, bắt liên lạc với tỉnh ủy Sơn La. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, huyện ủy Mộc Châu đã kiên trì trụ bám từ trước, được lực lượng vũ trang trợ lực đã lãnh đạo nhân dân vùng Mộc Hạ nổi lên phá tề, thành lập khu du kích. Tiếp đó các đại đội độc lập vào củng cố và mở rộng cơ sở vùng sau lưng địch, tiêu diệt và bức rút các đồn lẻ. Những đồn trên dưới một trung đội địch phải rút về tập trung thành các cứ điểm lớn. Đồng bào Sơn La sát cánh cùng bộ đội tham gia kháng chiến. Tính đến cuối mùa hè năm 1948, nghĩa là sau một năm Sơn La mất đất mất dân, chúng ta đã giải phóng được bảy phần mười huyện Mộc Châu, kiểm soát được 2.000 ki-lô-mét vuông, tiêu diệt và bức rút 40 đồn. Chính quyền Sơn - Lai (Sơn La, Lai Châu) được thành lập. Chính quyền châu và xã được thành lập trên toàn tỉnh. Về quân sự, Sơn La đã có ban chỉ huy quân sự từ tỉnh, châu xuống tới xã. Quân địch trở nên lúng túng. Binh lính địch mất tinh thần. Lính đông chỉ chờ ngày bị đánh là đào ngũ. Ảnh hưởng chính trị của cách mạng đã lan rộng ra khắp tỉnh và một phần ở Thượng Lào. Bộ mặt thật của kẻ thù dần lộ rõ. Nhân dân Sơn La ở vùng giải phóng rất phấn khởi, quyết tâm tham gia kháng chiến. Tình trạng tự ti, mặc cảm như trước đây giảm dần. Bộ mặt tinh thần của nhân dân đã thay đổi hẳn. Nhân dân trong vùng địch tạm chiếm có nơi đã tự động nổi lên chống Pháp. Nhiều nơi nhân dân cử người đi đón cán bộ và bộ đội về để giải phóng quê hương. Cuối năm 1948 chúng ta đã lấy lại được trên 6.000 ki-lô-mét vuông, xây dựng được chính quyền trong bốn huyện. Những vị trí có ý nghĩa như Mộc Châu bị bao vây bốn mặt. Con đường tiếp tế



Đồng chí Lê Trọng Tấn, Tư lệnh
và đồng chí Lê Quang Đạo, Chính
ủy mặt trận Đường 9 - Nam Lào
tại sở chỉ huy chiến dịch, năm 1971.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp -
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,
Thượng tướng Văn Tiến Dũng -
Tổng tham mưu trưởng, Thiếu
tướng Lê Trọng Tấn - Phó tổng
tham mưu trưởng chụp ảnh kỷ
niệm sau khi kết thúc chiến dịch
Đường 9 - Nam Lào, năm 1971.



Bàn giao phòng
ngự Quảng Trị, năm
1972. (Ngồi bên trái là
đồng chí Lê Trọng Tấn,
đồng chí Lê Quang Đạo.
Ngồi bên phải là đồng chí
Song Hào, đồng chí Trần
Quý Hai).



Cửa Việt năm 1973.



Trên đường vào giải
phóng Sài Gòn trong
chiến dịch Hồ Chí Minh
lịch sử.



Chỉ huy cánh quân Duyên Hải và cánh Đông trong Tổng tiến công
Xuân 1975.

duy nhất của địch là máy bay. Đường giao thông của địch giữa Hòa Bình và Sơn La sang Thượng Lào bị gián đoạn. Điều cực kỳ quan trọng là chiến thuật cứ điểm nhỏ, đội ứng chiến nhỏ, một thành công của Pháp dùng để bình định ở Bắc Phi nay đã mất tác dụng ở Tây Bắc. Đội ứng chiến nhỏ bị tiêu diệt, cứ điểm nhỏ bị tiêu diệt hoặc bị bức rút. Có cứ điểm nhỏ do binh lính được giác ngộ đã nổi lên làm binh biến, giết bọn chỉ huy mang súng trở về với cách mạng. Mặc dù số quân chủ lực địch ở Sơn La còn đông gấp đôi ta, nhưng chúng ta vẫn nắm quyền chủ động. Bằng phương thức đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, tiến tới trung đoàn tập trung, chúng ta đã vừa tiêu diệt được địch, giành được dân, vừa giải phóng được đất đai, càng đánh càng mạnh. Chỉ sau có một năm, quyền chủ động đã về tay quân ta, nhược điểm của địch đã bộc lộ ngày càng rõ cả về chính trị và quân sự.

Về chính trị, khoảng đầu năm 1947, chúng còn lợi dụng sự non kém của nhân dân đưa ra chiêu bài "Xứ Thái tự trị", nhưng cuối năm chúng đã phải dùng thủ đoạn bóc lột ngày một trắng trợn. Chúng bắt dân phải tập trung thóc lúa để chúng phát theo khẩu phần ăn hàng ngày. Từng bữa ăn, đồng bào phải lên đồn lính từng bơ gạo đổ vào nồi đã sẵn nước về nấu ăn. Chúng bắt dân nộp thuế ruộng, thuế nhà, thuế vợ chồng. Những hành động dã man ấy đã làm cho nhân dân oán ghét, chỉ chờ cơ hội là nổi lên chống lại. Như một mối lửa châm vào thùng thuốc súng, những đội vũ trang tuyên truyền đã nhen lên ngọn lửa đấu tranh của đồng

bào các dân tộc Sơn La. Giặc Pháp từ chỗ lợi dụng được nhân dân, đem sức người, sức của Sơn La, Lai Châu để đánh chiếm Yên Bái, Lào Cai nay đã bị cô lập. Nhân dân các dân tộc Sơn La đã đứng hẳn về phía cách mạng.

Đây là một thất bại căn bản của Pháp trên mặt trận Tây Bắc. Về hậu cần, do không nắm được dân, địch đã gặp khó khăn về vận tải, tiếp tế. Con đường duy nhất để tiếp tế là máy bay và sức người. Muốn tiếp tế bằng ô-tô, địch phải huy động một lực lượng rất lớn để giải tỏa giao thông. Ngay trong những cuộc hành quân đã được bảo vệ chu đáo, chúng cũng không được an toàn. Tiếp tế bằng máy bay thì máy bay chỉ có hạn không thể thỏa mãn được nhu cầu thường xuyên của các cứ điểm. Ở Mộc Châu do không đủ dù, Pháp đã phải dùng sọt đựng lương thực thực phẩm, cho máy bay bay thấp quăng xuống. Máy bay bay thấp lại dễ bị bắn rơi. Du kích ta ở trên cao có lần đã bằng một phát súng hạ máy bay vận tải của địch.

Cuối năm 1948, quân ta đập tan phòng tuyến sông Đà. Khu giải phóng từ Mộc Châu đã qua Mai Sơn, Yên Châu, Mường La vươn tới Thuận Châu. Nhân dân được phát động. Chính quyền cách mạng được thiết lập. Cuối năm đó, chấp hành chỉ thị của Bộ, theo phân công của Liên khu ủy 10, tôi đã theo con đường anh em ta mở sang miền Tây. Tôi và Hạnh, hai anh em lại trở về con đường mà hơn một năm trước trung đoàn đã rút lui. Tại căn cứ của tỉnh ủy, tôi gặp lại anh Trần Quyết bí thư tỉnh ủy. Anh em gặp nhau tay bắt mặt

mừng. Anh Quyết đang tổng kết phong trào cách mạng Sơn La. Làm việc xong các anh trong tỉnh ủy cho ăn cơm. Bữa cơm của tỉnh ủy hôm đó có ngô bung, có canh ốc nấu chua, lại thêm món thịt chuột rừng hun khói chấm với muối ớt. Từ Mộc Châu, tôi đi theo hướng của đội xung phong Lào Bắc. Hồi đó theo sự thỏa thuận giữa Trung ương hai nước Việt - Lào, đội xung phong Lào Bắc được thành lập để phối hợp hành động giữa cách mạng hai nước. Trong đội có các đồng chí bạn Lào và quân tình nguyện Việt Nam. Trong số này có các đồng chí Lương Văn Cúc, Nguyễn Văn Tý. Chúng tôi đến Phiêng Xạ, căn cứ du kích của các bạn Lào, được nhân dân bạn đón chúng tôi như đón những người thân trong gia đình.

Ngày nay mỗi khi nhớ lại những ngày đầu kháng chiến ở Sơn La, chúng tôi đều coi Sơn La là trường học đầu tiên trong cuộc đời phục vụ cách mạng, phục vụ quân đội của mình. Tại Sơn La chúng tôi đã bước đầu nếm trải những thử thách nặng nề khi quân thù ồ ạt tiến công, đã được những bài học đầu tiên về phát động chiến tranh du kích và phát triển từ du kích chiến lên vận động chiến. Và cũng tại vùng rừng núi thân thương này, chúng tôi đã được nhân dân ủng hộ, tổ chức những chiến dịch tiến công Tây Bắc rồi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp ở Điện Biên Phủ.

Tại Sơn La, cứ qua một năm chiến đấu, lòng tin vào sức mạnh của nhân dân trong chúng tôi lại càng sâu sắc. Chúng tôi học cách phát động, cách tổ chức đồng

bào các dân tộc ở một vùng rừng núi mà kẻ địch đã kìm kẹp, mê hoặc lâu đời. Từ thực tế ở chiến trường Sơn La, cùng với các đồng chí trong cấp ủy đảng, chính quyền và dựa hẳn vào nhân dân, chúng tôi đã tìm được cách đánh thích hợp trong tình hình trang bị và so sánh lực lượng nghiêng hẳn về phía địch.

Kế thừa những kinh nghiệm hoạt động bí mật của những người cộng sản tiên bối, những kinh nghiệm của các đội vũ trang cách mạng, nhất là đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, chúng tôi đã thực hiện có hiệu quả phương thức hoạt động đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung theo chỉ thị của Bộ. Chính nhờ hoạt động kiên trì theo phương thức đó, đánh địch bằng cả chính trị, quân sự và binh vận, trung đoàn đã cùng nhân dân các dân tộc ở Tây Bắc thực hiện được tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ và giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch lớn hơn.

Trong bước đi chập chững ban đầu để tìm tòi cách đánh, cách hoạt động, bí quyết giúp chúng tôi thành công là lòng tin không gì lay chuyển nổi vào sự lãnh đạo kháng chiến của Bác Hồ, Trung ương Đảng, tin tưởng vào sự tất thắng của cách mạng. Cùng với lòng tin là khát vọng nồng cháy của những người dân vừa thoát vòng nô lệ, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

CHƯƠNG NĂM

NHỮNG CUỘC TẬP DƯỢT

Đến tháng 9 năm 1949, Liên khu 10 đã tập trung được 27 đại đội độc lập trở về để xây dựng các trung đoàn chủ lực. Phòng tuyến sông Đà của quân Pháp bị đập tan. Trên sông Hồng, sông Chảy, địch chỉ còn những vị trí cô lập. Ở vùng này địch cũng không còn cái hùng hổ ban đầu. Theo chỉ thị của Trung ương, Tổng Quân ủy quyết định mở chiến dịch Sông Thao. Tôi được trên chỉ định làm Tư lệnh chiến dịch. Anh Cao Văn Khánh làm Phó tư lệnh. Nhanh nhẹn trong bộ quân phục xi-ta màu xám pha tía, với cặp mắt thông minh, nụ cười chân tình, cởi mở, ngay từ buổi gặp đầu tiên tôi đã có cảm tình với người cán bộ quân sự trí thức này. Cho tới khi về Bộ Tổng Tham mưu, cùng nhau chiến đấu trong một số chiến dịch, cảm giác ban đầu đó đã không lừa dối tôi. Hồi đó, các văn nghệ sĩ có phong trào đi thực tế, đi vào công nông binh. Tôi đã gặp các nhà văn Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Trần Đăng, nhà thơ Tố Hữu cùng đi chiến dịch.

Đối với tôi đây là chiến dịch đánh lớn đầu tiên. Gọi là chiến dịch, đánh tập trung, nhưng thực ra chỉ

có hai tiểu đoàn bộ binh và một đại đội pháo. Chúng tôi phân công nhau, tôi chỉ huy chung và đi với hỏa lực, anh Cao Văn Khánh đi với tiểu đoàn đánh Đại Bực. Mục đích của chiến dịch là đập tan phòng tuyến sông Thao và tập dượt cho các tiểu đoàn chủ lực của Bộ đánh cứ điểm đồng thời góp phần phá âm mưu chính trị của địch trong việc đưa Bảo Đại về làm "quốc trưởng".

Tiểu đoàn bộ binh 54 có pháo binh phối hợp được giao nhiệm vụ tiêu diệt đồn Đại Bực. Tiểu đoàn 11 tiêu diệt đồn Đại Phác. Chỉ huy tiểu đoàn 54 là đồng chí Vũ Lăng. Tiểu đoàn 11 do đồng chí Vũ Yên chỉ huy. Vũ Yên với tôi là người quen biết cũ.

Hồi đó một trận đánh có pháo yểm hộ, lại sử dụng tới hai tiểu đoàn chủ lực đã được xem là một trận đánh lớn. Pháo có khẩu mang từ Hà Nội lên, có khẩu lấy được của địch. Phần lớn không đủ máy ngắm phải ngắm trực tiếp qua nòng. Phương tiện vận chuyển không có, chúng tôi phải tháo pháo ra thành từng bộ phận rồi xếp vào xe quệt do anh em vào rừng lấy gỗ tự đẽo lấy. Anh em mua một con trâu mộng chuyên kéo gỗ giá 500 đồng để kéo pháo. Có lúc đường trơn, dốc cao, con trâu ghì cả bốn chân, cong đuôi kéo vẫn không nhúc nhích. Anh em lấy dây song buộc vào hai càng xe kéo phụ với trâu. Chiến dịch này chúng tôi được các anh trong tỉnh ủy Yên Bái điều động cho một số dân công. Do hành quân ban đêm nên có lúc chị em dân công đi lạc vào giữa hai sợi dây kéo pháo mà không biết. Anh em ta cứ mặc cho chị em đi. Tới khi xe đổ dốc, trâu thở phì phì sau lưng, chị em dân công

giật mình. Anh em ta mới phá lên cười. Chị em dân công cũng đỏ mặt cười giòn. Những tiếng cười trẻ trung vang cả một khu rừng.

Đồn Đại Bực có khoảng một trung đội cả Pháp lẫn ngụy đóng giữ. Cổng đồn treo một tấm biển đề "Biệt thự Hoa Hồng". Các chiến sĩ nói với nhau: "Được! Để rồi xem đây là biệt thự nghỉ mát của chúng mày hay là hỏa ngục". Cái "Biệt thự Hoa Hồng" này hình tam giác. Ba góc của tam giác là ba lô cốt bằng gỗ và đất. Mỗi cạnh của tam giác là một bức tường bằng đất nện. Phía ngoài bằng gỗ súc ken dày. Mặt tường có lỗ châu mai. Tường bao quanh đồn cũng là tường nhà của lính ở. Giữa đồn có một lô cốt ba tầng cao tới 7-8 mét. Trên lô cốt có một đại liên để khống chế hướng tiến công chủ yếu của quân ta. Quanh đồn có ba lớp rào tre được vót nhọn cao hai mét.

Theo kế hoạch, pháo sẽ yểm hộ cho Đại Bực đánh trước, Đại Phác sẽ nổ súng sau. Công binh sẽ mở cửa, bộ binh chia làm hai mũi tiến công trên hai hướng vào hai khu.

Hồi đó chưa có thuốc nổ nên công binh phải mở cửa bằng dao, mã tấu, câu liêm và chèn tấm xăng. Đặc biệt trận này, lần đầu tiên chúng ta dùng súng phóng bom do kỹ sư Trần Đại Nghĩa thiết kế, công binh xưởng sản xuất. Bộ binh chủ yếu trang bị bằng mác xung kích... Tiểu liên có rất ít, chỉ những đồng chí có tinh thần chiến đấu cao, bắn giỏi mới được giữ tiểu liên. Một chiếc mũ nan, bộ quần áo nâu tùm ống, hai

quả lựu đạn trong rọ tre, một lưới mắc là hình ảnh của anh chiến sĩ bộ binh thời đó.

Buổi sáng ngày 19 tháng 5, tiểu đoàn 54 đã chiếm lĩnh xong trận địa. 12 giờ, địch cho một bộ phận sục sạo vào quả đồi có vị trí chỉ huy của tiểu đoàn... Vũ Lăng ra lệnh cho một bộ phận nhỏ đánh địch. Vị trí chỉ huy, trận địa hỏa lực tiểu đoàn vẫn ở nguyên vị trí cũ. Quyết tâm gan góc này đã giữ được bí mật đến giờ nổ súng. Thấy vậy tôi ra lệnh pháo bắn. Lúc đó là 16 giờ 30. Pháo đầu tiên trúng đồn khu A. Trận địa cối lấy điểm chạm của pháo làm chuẩn đã phát hỏa tiếp theo. Tất cả các ổ súng trong đồn bị tê liệt. Một lát sau khẩu đại liên trên nóc lô cốt ba tầng điên cuồng nhả đạn. Công binh dùng mìn tẩu, câu liêm vẫn không phá được hàng rào. Sau phải dùng chèn trăn thủ tấm xăng đốt hàng rào. Xung kích xách mìn ào lên đập đổ hàng rào đang cháy xông vào đồn. Tiểu đoàn trưởng ra lệnh nổi trống xung phong. Đây là cái trống đình mượn của dân mà anh đã công phu đưa lên trận địa từ đêm hôm trước. Thấy sự kháng cự của địch yếu ớt, tiểu đoàn trưởng tung thê đội hai vào. Đại đội trưởng lệnh cho ba-dô-ca bắn vào lô cốt ba tầng. Hỏa điểm địch bị đập tắt. Xung kích bám theo những cây tre ghép theo đường lô cốt leo lên. Đến tầng hai, anh em dùng lựu đạn thả vào. Lựu đạn vừa nổ, anh em đã xách mìn nhảy vào trong lô cốt. Lối đánh gần đúng mãnh này làm cho quân địch khiếp đảm. Hỏa điểm bị đập tắt hoàn toàn. Xung kích kiệu nhau vượt rào, vượt tường nhảy vào đồn... Tên đồn trưởng bị bắt sống.

Tiểu đoàn 54 đã tiêu diệt Đại Bục trong 30 phút.

Trận đánh kết thúc, tiểu đoàn trưởng Vũ Lăng cùng các văn nghệ sĩ và cả tiểu đoàn vào đồn chụp một "pô" ảnh kỷ niệm trong đồn Đại Bực còn đang nghi ngút khói.

Bên Đại Phác, tiểu đoàn trưởng Vũ Yên đã cho anh em bí mật chiếm lĩnh trận địa từ đêm hôm trước. Với kinh nghiệm Phủ Thông, anh em đã bí mật gỡ được 20 mét hàng rào.

Đại Phác là sở chỉ huy tiểu khu của địch, tuy quân số có đông hơn nhưng rào chông, công sự cũng tương tự như Đại Bực. Hỏa lực của địch tuy mạnh nhưng tiểu đoàn đã có kinh nghiệm dùng hỏa lực của bản thân bịt từng lỗ châu mai. Trước tình hình đó, Vũ Yên hạ quyết tâm cứ nổ súng tiến công Đại Phác không cần chờ pháo phối hợp như kế hoạch đã định. Vũ Yên dẫn các đại đội trưởng ra sát đồn, phân công từng hỏa điểm, từng lỗ châu mai cho từng đơn vị. Trong khi đó các chi bộ bản cách thực hiện quyết tâm mới: tiêu diệt Đại Phác bằng lực lượng bản thân tiểu đoàn. Mười phút sau khi Đại Bực tiến công, Đại Phác nổ súng. Nghe tiếng súng nổ bên Đại Phác, biết Vũ Yên là một người táo bạo nhưng tôi vẫn băn khoăn. Liệu tiểu đoàn có giải quyết nhanh gọn được Đại Phác không? Không có pháo, tiểu đoàn sẽ khắc phục các hỏa điểm bằng cách nào? Không có điện thoại, vô tuyến điện lại càng không có, Đại Bực lúc đó cũng chưa giải quyết xong. Không thể rời vị trí chỉ huy trong lúc này được, tôi đành cử một phái viên đốc chiến đến chỗ Vũ Yên. Khi phái viên tới thì xung kích đã vào đồn. Thì ra sau khi dùng hỏa lực của bản thân tiểu đoàn bịt các lỗ châu

mai, anh em đã dùng thang ván vượt rào vào đồn. Thang ván không đủ anh em công kênh nhau nhảy vào đồn. Tên quan hai chỉ huy đồn bị đâm chết tại chỗ. Các chiến sĩ chia thành các tổ nhỏ, đánh chiếm từng lô cốt. Ở khu B địch chống trả quyết liệt. Quân ta vẫn không phá được hàng rào. Tiểu đoàn trưởng cho đổi hướng xung phong phối hợp với một mũi ở khu A đánh sang. Không kết quả. Các chiến sĩ lợi dụng trời tối, được ba-dô-ca bắn tập trung phối hợp, đã dùng vai khiêng chiếc cự mã quảng sang một bên. Cửa vào khu B đã mở. Xung kích ào lên kết thúc trận đánh.

Tiếp sau các trận Đại Bực, Đại Phác, ngày 24 tháng 5, tiểu đoàn 54 tiến công vị trí Dóm nhưng không thành công. Từ ngày 3 đến 5 tháng 6, sau khi dùng địch vận không kết quả, bộ đội ta tiến công hai vị trí Phát và Phục Linh, nhưng cũng không diệt được hai vị trí này.

Bị đòn đau ở Đại Bực, Đại Phác và bị bao vây uy hiếp nhiều nơi, Bộ chỉ huy Pháp vội vã điều quân từ Lao Cai, Phong Thổ đến tăng cường cho các vị trí Dóm, Bảo Hà, Phát, Phục Linh, Than Uyên.

Đợt hai "chiến dịch Sông Thao" mở đầu bằng trận đánh công kiên kéo dài 40 giờ từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 6 của các tiểu đoàn 11, 54 và 79 có pháo binh, công binh phối hợp. Quân ta đã tiêu diệt cứ điểm chỉ huy phân khu Phố Ràng cùng các vị trí Khe Phìa, Ngòi Mác, Thôn Mã nằm bên tả ngạn sông Thao. Phân khu Phố Ràng bị diệt, phòng tuyến sông Thao bị phá vỡ trên một quãng dài 30 ki-lô-mét từ Bảo Hà đến Bắc Công. Hai phân khu Đại Phác, Gốc Lu bị uy

hiếp. Đường liên lạc của địch giữa Bảo Hà với Lao Cai, giữa Bảo Hà với Nghĩa Đô bị cắt đứt. Hoảng sợ trước nguy cơ bị bao vây tiêu diệt, địch tăng viện một tiểu đoàn cho Lao Cai, đóng thêm vị trí Phố Lu, tăng quân cho vị trí Phát, Bảo Hà, đồng thời rút bỏ Phục Linh và Làng Nhược.

Ngày 16 tháng 7, hai tiểu đoàn 54 và 79, các đại đội pháo binh 301 và 307 tiến công đồn Dóm, làm chủ vị trí này sau hai giờ chiến đấu. Vị trí Dóm bị diệt kéo theo sự rút chạy của một loạt các vị trí khác: Phát, Đồng Bồ, Ca Vịnh, Sài Lương. Phòng tuyến sông Thao của địch bị vỡ thêm một mảng lớn từ Ba Khe đến Bảo Hà, dài 70 ki-lô-mét.

"Chiến dịch Sông Thao" (từ ngày 19 tháng 5 đến ngày 18 tháng 7 năm 1949) kết thúc thắng lợi. Kết quả, ta đã tiêu diệt chín vị trí, bức địch rút bỏ 16 vị trí khác. Tuyến phòng thủ sông Thao, hành lang che chở hậu phương địch ở Tây Bắc bị phá từng mảng lớn. Cơ sở chính trị, vũ trang của ta trong vùng địch tạm chiếm được mở rộng gồm 82 bản làng với 20.000 dân trên địa bàn rộng 6.000 ki-lô-mét vuông. Qua chiến dịch này, bộ đội chủ lực tiến bộ vượt bậc về chiến thuật diệt cứ điểm. Lần đầu tiên trong một chiến dịch, ta tiêu diệt hoàn toàn một tiểu khu của địch gồm nhiều vị trí lớn, nhỏ, có công sự phòng ngự tương đối vững chắc.

Chiến dịch Sông Thao kết thúc. Anh em chúng tôi được tỉnh ủy Yên Bái chiêu đãi một bữa chè đường và món sắn luộc trong các chảo đường. Anh Trịnh Xuân Tiến tổ chức mít tinh mời tôi lên nói chuyện. Tôi xúc

động nhìn đồng chí, đồng đội, đồng bào. Mọi người nước da còn tái xám vì sốt rét chưa hồi phục. Tôi bùi ngùi nhớ tới những đồng chí đã thâm lặng ngã xuống trong lòng địch vì bom đạn, vì sốt rét ác tính và cả vì đói ăn. Tất cả sự hy sinh cao quý, những tìm tòi, những sáng tạo về cách đánh đã tạo nên cục diện mở đầu tốt đẹp hôm nay.

Tôi giới thiệu anh Cao Văn Khánh, giới thiệu các anh văn nghệ sĩ tuy chưa được tập luyện như bộ đội nhưng vẫn đi cùng xung kích tham gia chiến dịch. Tôi nói về mục đích của chiến dịch và báo cáo với đồng bào những kết quả chúng tôi đã thực hiện được. Chiến dịch Sông Thao, một chiến dịch quy mô tuy nhỏ, nhưng không có trận nào thất bại. Đó là bước phát triển tất yếu để cho quân đội ta tập dượt cơ động, tập đánh cứ điểm tương đối kiên cố bằng sử dụng lực lượng tập trung. Tôi nói những suy nghĩ của mình về con đường tiến lên của quân đội ta, của chủ lực ta, về sự cần thiết phải đẩy mạnh tác chiến du kích để tạo điều kiện cho chủ lực tập trung đánh lớn ở những chiến trường quyết định.

Đồng bào vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Anh Tiến thân thiết bắt tay tôi. Bất giác tôi thấy lạnh lạnh ở vế đùi. Chao ôi! Cái quần ka-ki cũ của tôi rách tự lúc nào. Thế là tôi buông hai tay theo tư thế đứng nghiêm, cúi chào đồng bào.

Ngày hôm sau tôi được lệnh lên Bộ họp. Chúng tôi đi xe đạp sang Thái Nguyên. Tới Đại Từ, một thị trấn

khá sầm uất lúc đó thì chuyển sang đi ngựa đẽ theo giao liên của Bộ vào Khu an toàn - biệt danh của cơ quan Bộ. Ngựa chúng tôi phải đi nước kiệu men theo những hố phá đường ngang dọc. Đường đi càng hẹp. Khi đến Chợ Chu, theo con đường ngựa thồ, qua nhiều khúc suối cắt ngang trong vắt. Rừng ngày một rậm. Xa xa là ngọn núi Hồng xanh ngắt. Dưới chân núi là cơ quan Bộ Tổng tư lệnh. Đi một thôi đường rừng thì đến một thung lũng nhỏ. Đây đó những cánh đồng lúa đang chín vàng, những bản nhỏ rải rác trên những ngọn đồi thấp. Nhà nào cũng có vườn cây. Những đàn trâu mập mạp. Những đàn vịt bầu nhớn nhoe trên mặt ao. Những chú lợn con trông như những quả dưa hấu biết chạy, tung tăng dưới những cây cau, cây bưởi. Bản nào cũng có những trạm gác máy bay. Thấp thoáng đã thấy những đường dây điện thoại, những trạm gác bí mật đầu các đường mòn.

Từ không khí khẩn trương ở cơ quan chỉ huy chiến đấu trở về, chúng tôi cảm thấy khoan khoái, nhẹ nhõm trong không khí thanh bình, tin cậy của cơ quan chỉ đạo chiến lược. Cơ quan Bộ đặt ngay trong bản. Nơi làm việc là những ngôi nhà nửa xinh xắn gần bản. Những căn nhà mái nửa, vách nửa, bàn ghế cũng bằng nửa, những vật liệu rất dễ kiếm tại chỗ.

Sáng hôm sau, chúng tôi báo cáo kết quả chiến dịch trước cơ quan Bộ. Nghe chúng tôi báo cáo có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thiếu tướng Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Ngồi bên cạnh hai anh là một người da ngăm ngăm, cặp mắt sáng, thông minh, sâu thẳm, mái tóc đen nhánh trẻ trung. Anh Văn giới

thiệu đó là anh Nguyễn Chí Thanh mới ở Đoàn thanh niên sang làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị thay anh Văn Tiến Dũng xuống Khu 3, một chiến trường nóng bỏng nhất ở Bắc Bộ lúc đó. Tôi báo cáo vắn tắt diễn biến và kết quả chiến dịch, cả những khuyết điểm về chỉ huy của chúng tôi. Các anh trong Quân ủy rất chú ý những vấn đề về phản ứng của địch, cách phòng ngự, sự chống đỡ của chúng, những vấn đề về chỉ huy. Anh Văn rất chú ý đến tốc độ tiến công nhanh của tiểu đoàn 54 trong trận Đại Bực và cách tổ chức hỏa lực bản thân để kiềm chế hỏa lực địch của tiểu đoàn 11 trong trận Đại Phác. Tôi hiểu các anh muốn "nhân" những kinh nghiệm của hai trận đánh ra phạm vi toàn quốc để nhanh chóng đưa chủ lực ta tiến lên đáp ứng yêu cầu mới của cuộc kháng chiến.

Sáng hôm sau tôi được các anh gọi lên giao nhiệm vụ mới. Tôi được bổ nhiệm làm trung đoàn trưởng kiêm chính ủy trung đoàn 209 tức trung đoàn Sông Lô, chủ lực của Khu 10 nay thuộc Bộ. Cùng tham gia cuộc họp hôm ấy có các anh Hoàng Sâm, Tư lệnh Liên khu 3, anh Lê Chuông mới ở Trị - Thiên ra. Anh Nguyễn Chí Thanh, Phó bí thư Quân ủy chủ trì cuộc họp.

Theo quyết định của Trung ương, Bộ quyết định mở chiến dịch mở thông đường từ Việt Bắc xuống Khu 3, vào Khu 4, đồng thời thu hút lực lượng địch đang tập trung càn quét vùng đồng bằng Bắc Bộ. Vùng mở chiến dịch được xác định là từ Hồi Xuân, Mai Hạ đến bắc Thanh Hóa. Lực lượng tham gia chiến dịch gồm có trung đoàn 9 của Quân khu 4, trung đoàn 66 của Quân khu 3 và trung đoàn 209.

Đây là các trung đoàn chủ lực cơ động của các quân khu, sau này sẽ là nòng cốt của các đại đoàn 320, 304, 312 và lực lượng cơ động chiến lược trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Chiến dịch mang mật danh Lê Lợi. Do phạm vi chiến dịch rộng, liên lạc lại khó khăn nên anh Thanh phân công anh Hoàng Sâm làm tư lệnh trưởng phụ trách chỉ huy tác chiến từ Hồi Xuân lên Mai Hạ, tôi là phó tư lệnh đánh từ Chợ Bờ về Suối Rút. Hình thức tác chiến phải linh hoạt. Khi phân tán đánh du kích buộc địch phải căng lực lượng ra đối phó trên một phạm vi rộng, khi tập trung chủ lực mạnh đánh cứ điểm để diệt quân tiếp viện.

Hồi đó đường từ Việt Bắc xuống Khu 3 bị địch phong tỏa rất gắt gao. Đường đi phải qua hai cứ điểm địch trên đường số 6, đoạn Dốc Bụt, lại phải đi qua một cánh đồng hoang lầy thụt. Biệt kích địch do tên Tây lùn chỉ huy thường mặc giả làm dân buôn, cũng áo nâu, nón lá, kẹp tiểu liên trong áo tơ đi phục.

Trung đoàn 66 có pháo phối hợp đã nổ súng tiêu diệt đồn Đồng Bền, vị trí có một đại đội địch. Chiều ngày 25 tháng 11 trung đoàn 209 cùng một lúc tiến công Suối Rút và Mỏ Hẻm nhằm nhử viện binh địch ra tiêu diệt. Cả hai trận đều không thành công. Đồn Suối Rút có bốn lô cốt và một hầm ngầm. Xung quanh tường là những hàng rào tre đan chéo cánh sẻ. Binh lực địch có khoảng một trung đội. Lực lượng tiến công của ta có tiểu đoàn 130, một quả đạn 94 ly của công binh và hai khẩu súng phóng bom do quân giới ta tự chế tạo bằng ống tuýp xe lửa và hai cái bệ máy hỏng. Máy ngầm lại sơ sài. Liều thuốc phóng không đúng

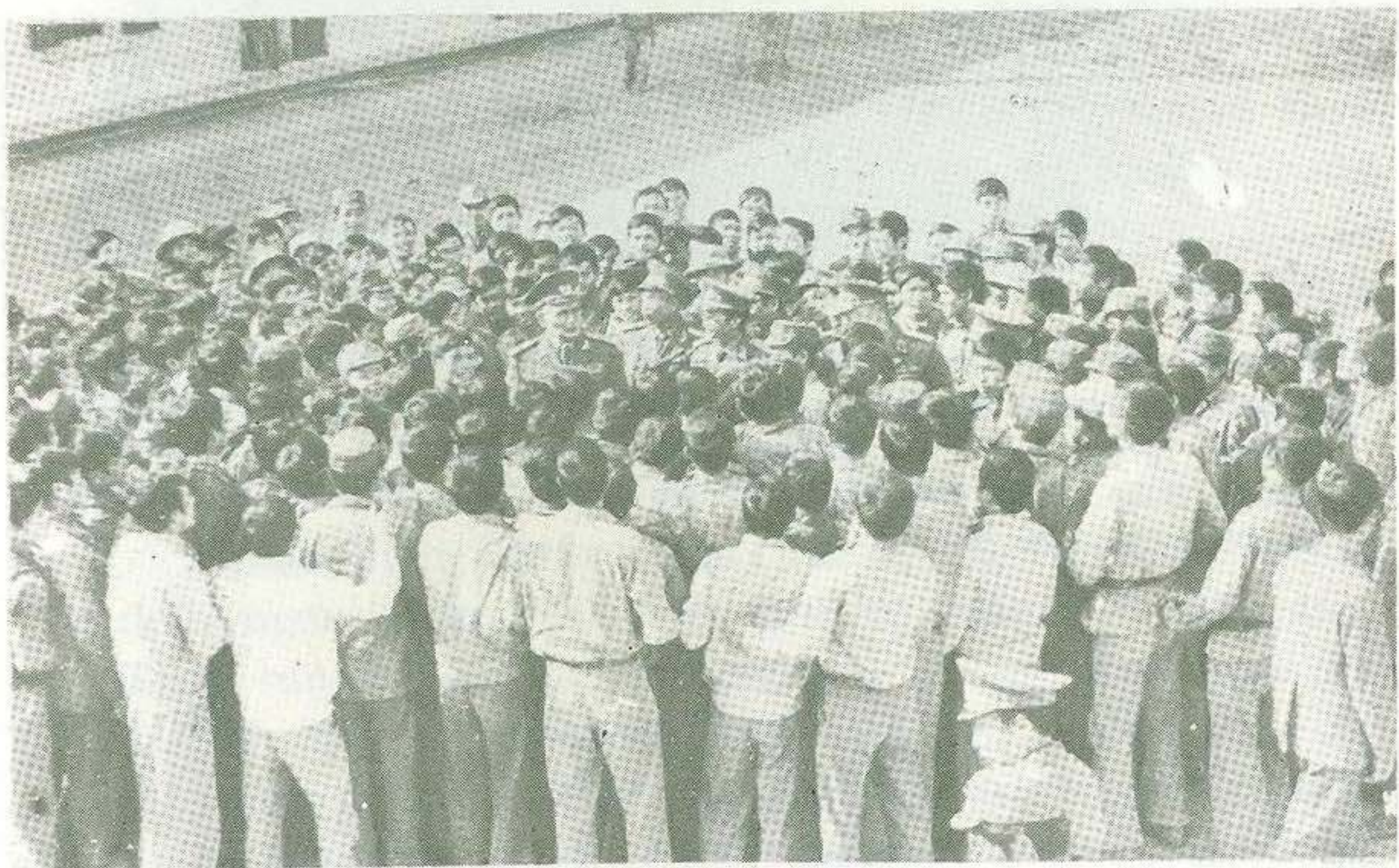
quy cách. Tất nhiên với súng ấy, đạn ấy thì sau khi hỏa lực bắn chuẩn bị, lô cốt địch vẫn còn nguyên vẹn và cửa mở vẫn chưa mở được. Các chiến sĩ dùng hỏa lực bắn thânkiem chế hỏa lực địch rồi dùng kéo cắt và câu liêm giật đổ hàng rào. Tốc độ tiến công bị chậm lại. Địch dùng hỏa lực bắn ra ác liệt.

Ở sở chỉ huy, tôi rất sốt ruột vì không nắm được tình hình. Máy điện thoại liên lạc với trung đoàn lúc được lúc mất. Tôi lấy một tiểu đội cảnh vệ ra thẳng Mỏ Hēm. Đang đi thấy có một bóng đen đang lẩn. Đồng chí cảnh vệ bắn một phát súng chỉ thiên hô đứng lại. Thì ra là địch. Tên địch khai chúng phải rút vì đạn hết, lương ăn không còn. Biết địch bị bức rút nhưng sống chết chúng cũng không thể bỏ Suối Rút, tôi ra lệnh cho anh Bàng trung đoàn phó tiếp tục bám Suối Rút. Nếu địch lên thì bao vây chặt, đồng thời tăng thêm lực lượng đánh viện ở Bưởi. Anh Bàng cho tiểu đoàn 156 tiếp tục bao vây Suối Rút, tiểu đoàn 166 bao vây Mỏ Hēm và tiểu đoàn 154 đánh viện. Về tư tưởng phải xác định đánh viện là chính. Đồng thời tôi cũng cho người về báo cáo với anh Thanh cho phép tôi trực tiếp đi cùng anh em. Vì tình hình chỉ huy trong đánh vận động diễn biến rất nhanh, không đi sát, dễ bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch.

Đúng như dự kiến của ta, địch cho một đại đội từ Hòa Bình theo đường sông lên tiếp viện. Hai trung đội địch vừa đổ bộ lên bãi cát trũng trận địa phục kích của ta bố trí bí mật trong bãi lau. Quân ta bất ngờ nổ súng đồng loạt. Toàn bộ quân địch bị diệt gọn. Không có viện binh, bọn địch ở Suối Rút, Mỏ Hēm phải bỏ



Đoàn đại biểu quân sự cấp cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do đồng chí Lê Trọng Tấn, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam làm trưởng đoàn, sang thăm Ấn Độ năm 1985. Tiếp đoàn là Thủ tướng Ấn Độ In-đi-ra Gan-đi.



Đồng chí Lê Trọng Tấn về thăm sư đoàn 312 nhân kỷ niệm 35 năm ngày thành lập sư đoàn (27-12-1950 – 27-12-1985).

đồn thảo chạy. Bọn này bị tiểu đoàn 166 bắt sống. Phần lớn tù binh là bọn lê dương da trắng mới ở Pháp sang. Sau trận này, tôi thấy nếu ta vừa đánh Tu Vũ vừa đánh viện trên đường số 6 và ven sông Đà thì không những không đủ lực lượng tiêu diệt Tu Vũ, mà lực lượng đánh viện lại quá mỏng. Trong tay không có lực lượng dự bị để tung ra khi có thời cơ diệt viện. Tôi ra lệnh rút lực lượng ở Tu Vũ về để tập trung đánh viện. Ra lệnh xong tôi nghĩ đến nhiệm vụ đánh Tu Vũ đã có trong kế hoạch của Bộ, nhưng tôi cho rằng khi trên giao nhiệm vụ đánh Tu Vũ cũng nhằm mục đích đập tan tuyến ngăn chặn của địch từ Việt Bắc xuống Khu 3, vào Khu 4. Nếu nhiệm vụ đó hoàn thành thì việc rút không đánh Tu Vũ để tập trung lực lượng đánh quân tiếp viện trên sông và trên đường số 6 cũng là một cách hoàn thành nhiệm vụ. Tôi điện báo cáo lên Bộ và xin chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Địch ở Suối Rút, Mỏ Hẻm buộc phải rút men theo hai quả núi cao hiểm trở đúng ý định của ta. Hai trung đội địch lọt vào trận địa phục kích. Một trung đội bị diệt gọn, một trung đội chạy thoát đóng bè định vượt sông. Quan sát thấy tôi trực tiếp tổ chức đại đội dự bị 363 nhanh chóng vận động ra. Đại đội này đã tiêu diệt trung đội địch trong 20 phút.

Chiến dịch Lê Lợi kết thúc thắng lợi. Bức tường địch ngăn chặn giữa Việt Bắc và Khu 3 bị đập tan. Toàn huyện Mai Châu được giải phóng. Âm mưu lập "Xứ Mường tự trị" của địch bị phá sản. Chiều hôm đó, tôi nhận được bức điện của Bộ biểu dương chủ trương bỏ không đánh Tu Vũ, khen ngợi đã chấp hành mệnh

lệnh có sáng tạo. Sáng hôm sau, thăm anh em thương binh xong tôi đi gặp bọn tù binh. Bọn chúng phần lớn là lê dương da trắng. Tôi tìm trong bọn tù binh xem có thằng Tây lùn không nhưng không thấy. Hỏi về tội ác của chúng trên đường số 6 thì tên nào cũng đổ tại làm theo mệnh lệnh. Một số tên có vẻ có học thức. Đồng bào đòi xử tội những tên lê dương. Tôi nghĩ đã xử chúng thì phải lập tòa án đảng hoàng. Tội ác phải được xử theo pháp luật. Tôi bàn với anh Lê Linh chủ nhiệm chính trị trung đoàn. Các anh trong ban chính trị chọn một ngôi nhà sàn lớn ven sông Đà để thiết lập tòa án. Bên kia sông là Diêm, căn cứ để lập "Xứ Mường tự trị" của Pháp.

Tòa án được tổ chức, có đủ chánh án, thẩm phán, thư ký. Bọn tù binh bị đưa ra xử rất sợ. Vốn quen với nếp sống của pháp luật tư sản, chúng hiểu rằng không thể hy vọng vào sự khoan hồng của một tòa án quân sự xét xử trong chiến tranh. Từng tên được gọi ra khai trước tòa về họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, ngày sang Việt Nam, đã đánh bao nhiêu trận, giết bao nhiêu người, đốt bao nhiêu nhà, hãm hiếp bao nhiêu phụ nữ? Những tên bị hỏi cung mặt xám như chàm đổ. Có tên sợ quá đứng không vững. Có tên xin tha tội chết vì sắp đến hạn về nước. Tới khi tuyên án thì tất cả đều sững sốt vì không có tên nào bị xử bắn. Trên cương vị chánh án tòa án quân sự, tôi kết tội bọn phản động trong giới cầm quyền Pháp là tội phạm chính trong cuộc chiến tranh ăn cướp này. Tất cả bọn tù binh đều bàng hoàng, xúc động vì sự khoan hồng mà chúng không thể hình dung nổi.

Dường như những gì thuộc phạm trù văn minh, đạo đức, những giá trị tinh thần đối với bọn chuyên đốt nhà, hiếp dân này đều là không thể hiểu được. Từ bàng hoàng chuyển sang mừng rỡ, có tên xin vào bộ đội ta để lập công chuộc tội.

Từ chiến dịch Sông Thao đến chiến dịch Sông Đà, chủ lực ta đã có bước trưởng thành rõ rệt. Trong điều kiện bốn bề bị địch bao vây, trang bị thiếu thốn, chính quyền vừa giành được đã phải bước vào cuộc chiến tranh đánh một kẻ thù được trang bị mạnh hơn, huấn luyện tốt hơn, Đảng ta đã vận dụng nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh và quân đội vào thực tiễn Việt Nam. Trong những ngày đầu ta đã kiên quyết và kiên trì dùng đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập đi đôi với tiểu đoàn tập trung để phát động và tổ chức nhân dân nhất tề đứng dậy đánh quân thù. Khi cơ sở chính trị trong nhân dân được khôi phục, củng cố vững chắc, khi lực lượng vũ trang đã trưởng thành, có thể đảm đương được nhiệm vụ đánh giặc, bảo vệ địa phương, theo chủ trương của Bộ, ta kiên quyết tập trung các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung hoạt động phân tán ở các địa phương về xây dựng bộ đội chủ lực. Xây dựng bộ đội chủ lực được coi là công tác trung tâm của quân đội ta lúc bấy giờ. Xây dựng bộ đội chủ lực, chúng tôi đã quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ bảy là khi tập trung chủ lực không được coi nhẹ lực lượng vũ trang địa phương và phải xây dựng cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích cùng lớn mạnh.

Trên địa bàn hoạt động của mình, chúng tôi đã thực hiện Nghị quyết Trung ương tương đối tốt. Khi các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung rút đi, lực lượng vũ trang địa phương ở cơ sở đã đảm nhiệm được nhiệm vụ tác chiến, tiếp tục phát động chiến tranh du kích ở địa phương. Để cả ba lực lượng cùng trưởng thành lớn mạnh, cái cốt lõi của sự thành công vẫn là vai trò của đồng bào các dân tộc, cơ sở chính trị phải mạnh, phát động được toàn dân tham gia kháng chiến. Đó chính là nét độc đáo của chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Với những thành công đó, chúng tôi đã tham gia hai chiến dịch đầu tiên của quân đội ta. Qua mỗi chiến dịch tuy lực lượng chỉ có vài tiểu đoàn, trung đoàn nhưng quá trình diễn biến chiến dịch là quá trình rèn luyện, thử thách đối với người chỉ huy. "Quân lệnh như sơn", người chỉ huy phải nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh của trên nhưng không cứng đờ và phải có sáng tạo. Tôi quyết định rút, không đánh Tu Vũ để tập trung đánh viện vẫn hoàn thành nhiệm vụ của chiến dịch, được Bộ biểu dương là ở trường hợp ấy. Qua thử thách trong thực tiễn chiến đấu, chiến dịch, được Đảng giáo dục, cấp trên chỉ bảo, tôi thấy mình từng bước được trưởng thành theo sự trưởng thành chung của quân đội.

CHƯƠNG SÁU

TỰ VƯỢT MÌNH

Tiếp sau chiến dịch Lê Lợi, đầu năm 1950, Bộ quyết định mở chiến dịch Lê Hồng Phong. Trung đoàn 165 chủ lực Liên khu 10 và trung đoàn 102 chủ lực Bộ đã tiêu diệt và bức rút nhiều đồn địch, quét sạch những cứ điểm còn sót lại trên phòng tuyến sông Thao, giải phóng một khu vực rộng lớn hàng trăm ki-lô-mét vuông cùng hàng vạn dân. Trung đoàn 102 diệt cứ điểm Phố Lu có hai đại đội địch. Đây là cứ điểm lớn đầu tiên mà chúng ta học đánh tập trung trung đoàn. Tháng 5 năm 1950, trung đoàn 174 lại bất ngờ tiến công tiêu diệt gọn cứ điểm Đông Khê có trên hai đại đội địch trong công sự kiên cố. Năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp tuy còn nhiều khó khăn nhưng đang trên đà phát triển thuận lợi.

Tháng 1 năm 1950 toàn quân ta sung sướng chào đón một sự kiện lịch sử quan trọng: Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng. Về nhiệm vụ quân sự cần kíp, hội nghị nêu rõ: "Một mặt chiến đấu để tiêu diệt sinh lực địch, một mặt gấp rút bồi dưỡng và xây dựng quân đội nhân dân, xây dựng bộ đội chủ lực hợp với

khả năng và tình thế mới". Báo cáo quân sự của Trung ương nhấn mạnh: "Xây dựng một quân đội nhân dân ngày càng tinh nhuệ, ngày càng chính quy hóa, trung thành với lợi ích của nhân dân và lợi ích cách mạng".

Chúng tôi coi những nghị quyết của Đảng như những cột mốc trên chặng đường mình đi. Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống. Hàng nghìn cán bộ cao cấp, trung cấp, sơ cấp của Đảng được điều vào tăng cường cho quân đội. Bộ Tổng tư lệnh nhanh chóng được kiện toàn để trở thành cơ quan chỉ huy các quân khu, các binh đoàn chủ lực. Bộ Tổng tư lệnh có ba bộ phận: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và Tổng cục Hậu cần. Ở dưới đơn vị lần đầu tiên chủ lực ta được thống nhất biên chế, thống nhất trang bị. Đây là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến huấn luyện, đến kỹ thuật, chiến thuật và chỉ huy chiến đấu. Trang bị của bộ binh ta từ chỗ mác búp đa, dao tông tiến lên có súng trường rồi tiểu liên nhiều loại, nhiều kiểu. Nay được trang bị súng trường 7,9 mi-li-mét, lại có súng cối 82, pháo 75. Và không phải chỉ có vài khẩu mà là cả một trung đoàn pháo. Về kỹ thuật, môn thuốc nổ và công sự được nâng lên thành những kỹ thuật lớn bắt buộc phải học. Về hậu cần, đáng kể là có một đại đội ô-tô 60 chiếc.

Trước đây, khi tiến công cứ điểm, thuốc nổ chỉ dùng ở quy mô nhỏ và thường là để phá cầu. Nay thuốc nổ được dùng rộng rãi. Từ gói thuốc nổ đánh bộ binh địch ở gần (thủ pháo) đến bộc phá ống phá hàng rào, bộc phá khối phá lô cốt, đánh hầm ngầm. Cách

dùng thuốc nổ một cách phổ biến và với trang bị vũ khí được tăng cường đã dẫn đến sự thay đổi về chiến thuật và biên chế. Trong đội hình chiến đấu của các đại đội bộ binh có trung đội bọc phá, tiểu đội bọc phá. Tốc độ mở cửa nhanh hơn. Hiệu quả chiến đấu của bộ binh trong đánh gần được nâng lên rõ rệt.

Trang bị vũ khí được tăng cường của bộ binh đặt ra cho người chỉ huy những vấn đề mới. Trước đây khi chỉ có vài khẩu tiểu liên, một ít súng trường, còn lại toàn là mác xung kích, người đại đội trưởng có thể xách súng xông lên chiến đấu như một chiến binh. Nhưng khi đại đội được trang bị tiểu liên, súng trường, trung liên, khi đã có pháo 75 và cối 82 yểm hộ từ lúc đột phá cho đến khi đánh tung thâm, người chỉ huy phải tính toán đến hiệp đồng giữa xung lực và hỏa lực, thời cơ xung phong sau khi hỏa lực đã làm tê liệt hỏa lực địch, khi bọc phá đã mở thông cửa mở và pháo 75 đã chuyển sang mục tiêu khác. Những phương tiện, trang bị một mặt giúp cho người chỉ huy có thêm sức mạnh nhưng mặt khác, cũng đòi hỏi người chỉ huy phải có một trình độ thích ứng mới có thể chỉ huy chiến đấu thắng lợi.

Đầu năm 1950, giữa lúc công tác đang bẻ bộn, cấp trên điều động chí Trần Độ, trưởng phòng tuyên truyền về làm chính ủy trung đoàn Sông Lô. Tôi rất mừng.

Mùa hè năm 1950 các đơn vị tổ chức huấn luyện quân sự và chính trị. Về quân sự, chúng tôi tổng kết, rút kinh nghiệm những trận đánh thành công và thất bại từ trận Phủ Thông đến trận đánh mới nhất là Phố Lu. Những kinh nghiệm của từng trận đánh trên từng

chiến trường được đúc kết thành nguyên tắc như chiến thuật đánh gân, đánh điểm diệt viện, tập trung binh hỏa lực, chiến đấu hiệp đồng.

Về chính trị, chúng tôi học tình hình và nhiệm vụ mới, những vấn đề cơ bản của một quân đội kiểu mới như vai trò Đảng lãnh đạo quân đội, bản chất quân đội nhân dân, vai trò công tác đảng - công tác chính trị. Chi bộ đảng được củng cố vững mạnh. Trong lúc anh Trần Độ lãnh đạo cuộc chỉnh huấn thì chúng tôi những cán bộ quân sự đi chuẩn bị chiến trường.

Tháng 10 năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Biên giới giữa Trung Quốc và Việt Nam trở thành biên giới hữu nghị.

Tháng 6 năm 1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch vùng biên giới phía bắc.

Ở biên giới phía bắc địch chia thành hai khu: "khu độc lập" Tây Bắc và "liên khu biên giới" ở Đông Bắc. Ở Tây Bắc địch có sáu tiểu đoàn, Đông Bắc có 11 tiểu đoàn và chín đại đội, trong đó có bốn tiểu đoàn Âu Phi làm lực lượng cơ động. Ở Đông Bắc được sự giúp đỡ của Mỹ, Pháp đã củng cố vùng này thành một phòng tuyến mạnh. Lực lượng được tăng cường, công sự được cải tiến. Các cứ điểm nhỏ được xây dựng thành cụm cứ điểm tương đối vững chắc có lực lượng từ hai đại đội đến một hoặc hai tiểu đoàn.

Tháng 7 năm 1950, sau khi cân nhắc hướng mở chiến dịch, Trung ương chọn Đông Bắc là hướng chính, Tây Bắc là hướng nghi binh. Chiến dịch mang mật danh Lê Hồng Phong 2. Ở Tây Bắc, sau khi đánh

xong Phố Lu chúng ta vẫn để lại một bộ phận chủ lực làm như chuẩn bị tiến công Lao Cai. Đánh vào Đông Bắc chúng ta có điều kiện tiêu diệt sinh lực địch lớn hơn, sẽ giải phóng một vùng đất đai quan trọng. Những điều kiện để bảo đảm chắc thắng là địch bị bất ngờ, đường sá chúng ta có thể dựa vào mạng lưới giao thông của địch để triển khai binh hỏa lực. Địch tuy mạnh ở từng mục tiêu nhưng nhìn chung trên toàn tuyến chúng dễ bị chia cắt.

Ngày 25 tháng 7 năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng làm Bí thư, trực tiếp lãnh đạo các lực lượng quân, dân, chính thực hiện mục đích chiến dịch. Bộ chỉ huy chiến dịch do Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp phụ trách. Đồng chí Tổng tư lệnh là Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy.

Trong lúc "ở nhà" anh Trần Độ lo chuẩn bị bộ đội, những cán bộ quân sự chúng tôi phấn khởi lên đường đi chuẩn bị chiến trường. Lúc đầu chúng ta dự định đánh Cao Bằng nhưng sau khi đi trình sát thực địa, thấy Cao Bằng là nơi địch mạnh nhất trên tuyến phòng thủ, lại là nơi đông dân cư nên chúng ta chọn Đông Khê làm trận mở màn chiến dịch. Đánh Đông Khê chúng ta vừa tránh được chỗ cứng lại vừa cắt đôi được tuyến phòng thủ của địch, buộc địch phải đưa quân viện lên để ta đánh viện. Đánh Đông Khê vừa buộc địch phải rút Cao Bằng, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho ta tập trung tiêu diệt địch ở ngoài công sự. Trung đoàn 209 và trung đoàn 174, hai trung đoàn

mạnh trực thuộc Bộ có nhiệm vụ tiêu diệt Đông Khê. Đại đoàn 308 được dành riêng để tiêu diệt quân viện từ Thất Khê lên hoặc từ Cao Bằng rút về. Chỉ riêng việc lựa chọn hướng chiến dịch và sử dụng lực lượng, chúng tôi đã học tập được nhiều điều mới mẻ. Tại cuộc họp để nhận mệnh lệnh, tôi đã được gặp những đồng chí bấy lâu nghe tiếng nhưng chưa thấy mặt, những trung đoàn trưởng và chính ủy các trung đoàn chủ lực trực thuộc Bộ. Các đồng chí Chu Huy Mân, Đặng Văn Việt ở trung đoàn Cao Bắc Lạng, Vương Thừa Vũ đại đoàn trưởng đại đoàn 308, các đồng chí ở pháo binh, công binh, thông tin và các đồng chí chủ trì các cục của Bộ Tổng Tham mưu.

Chúng tôi đã ít nhiều quen biết nhau từ những ngày đầu đất nước bước vào cuộc chiến tranh chống thực dân xâm lược Pháp. Đứng trước tấm bản đồ toàn tuyến phòng thủ của địch trên biên giới phía bắc và cứ điểm Đông Khê, chúng tôi thấy trách nhiệm của mình trước yêu cầu mới của giai đoạn chiến lược mới. Từ đồng chí Tổng tư lệnh đến chúng tôi, những người chỉ huy ở cấp chiến thuật và các chiến sĩ, tất cả đang vượt qua trình độ của mình để vươn tới trình độ mới. Nếu như trận Phố Lu việc tiêu diệt một cứ điểm hai đại đội địch phải mất sáu ngày đã là một kỳ công thì trong những trận đánh sắp tới, chúng ta phải tiến công tiêu diệt từng binh đoàn lớn của địch trong một thời gian tương đối ngắn hơn và một không gian lớn hơn nhiều. Những kinh nghiệm của Phủ Thông, Đại Bục, Đại Phác, Phố Lu chỉ cách đây vài tháng còn giữ nguyên giá trị thì ngày nay đứng trước nhiệm vụ mới, trước

những mục tiêu tiến công mới không còn hoàn toàn phù hợp. Phải phát huy những kinh nghiệm cũ đồng thời phải vươn tới những kinh nghiệm mới về chiến dịch, chiến thuật, về tổ chức và chỉ huy chiến đấu.

Và thật là một niềm vui và vinh dự lớn: Bác Hồ đến thăm chúng tôi! Tin Bác đi chiến dịch chúng tôi ít nhiều cũng biết. Ai cũng tưởng Bác đã ở tuổi 60, với tuổi cao, địa hình hiểm trở Bác sẽ ở một địa điểm nào đó thật an toàn. Cho nên khi được thông báo Bác đến, chúng tôi vui mừng đến sững sờ. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc – Chủ tịch Hồ Chí Minh – Bác Hồ, người mà ngay đến tên gọi cũng làm kẻ thù khiếp sợ và nhân dân thì rất mực tin yêu. Người giản dị làm sao, trong sáng làm sao! Sự giản dị của Bác khiến ta thấy thật dễ gần gũi, như con với cha. Bác mặc bộ quân phục màu xanh lá cây như mọi chiến sĩ khác. Sự trong sáng của Bác biểu hiện trên đôi mắt tinh anh, trên gương mặt thanh tú, hơi gầy, có chòm râu thưa và nụ cười cởi mở. Khi giao nhiệm vụ, Bác lại là một thống soái có quyết tâm rất cao và sự lạc quan của một người chỉ huy hiệu rõ kẻ thù và nắm chắc phần thắng trong tay. Sức truyền cảm của những lời Bác nói sao mà mạnh mẽ: "Chiến dịch Cao Bắc Lạng rất quan trọng. Các chú chỉ được đánh thắng mà không được đánh thua. Phải có quyết tâm rất cao, có tinh thần dũng cảm một trăm phần trăm".

Từ nhiệm vụ được giao, với lời Bác trong tim, chúng tôi đi trình sát thực địa đồn Đông Khê.



Mệnh lệnh số 1 của Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ định anh Hoàng Văn Thái làm chỉ huy trưởng và tôi làm chỉ huy phó trận tiến công cụm cứ điểm Đông Khê. Các trung đoàn bộ binh 174, 209, 36, các tiểu đoàn 11, 426 và lực lượng pháo binh có nhiệm vụ tiêu diệt địch ở Đông Khê. Chuẩn bị chiến trường để tiêu diệt một cụm cứ điểm mạnh, tiếp đó lại đánh viện quy mô lớn không thể làm như trước đây. Chúng tôi phải quan sát toàn bộ cụm cứ điểm để hiểu rõ ý đồ phòng ngự của địch. Những chỗ mạnh của địch ta cần khống chế. Những chỗ yếu ta có thể lợi dụng. Hướng tiến công của ta, điểm đột phá ở hàng rào mở cửa, sự hiệp đồng giữa các mũi khi đánh vào tung thâm, hiệp đồng giữa bộ binh và pháo binh, vị trí xuất phát tiến công, vị trí xuất phát xung phong đều phải được nghiên cứu xác định kỹ lưỡng. Hàng ngày chúng tôi leo lên núi Nà Rịa cách Đông Khê 800 mét để quan sát, ban đêm bò vào sát hàng rào để xây dựng kế hoạch tác chiến và tổ chức hiệp đồng tại thực địa. Các cán bộ tiểu đoàn Hoàng Cầm, Tuấn Khanh, Thăng Bình... rất xông xáo trong khi trinh sát. Nhiều lần chúng tôi đã vào cách địch chỉ vài trăm mét, có thể nhìn rõ những khuôn mặt đỏ au của bọn lính lê dương. Một hôm sau khi đi trinh sát xong, chúng tôi vào khu rừng lê ở dưới chân núi Nà Rịa. Đang mùa lê chín. Mùi thơm ngọt ngào, thanh khiết của rừng lê làm dịu hẳn thần kinh đang căng thẳng. Anh em đang trèo hái lê thì có tiếng súng tiểu liên nổ dồn dập, có tiếng Tây xì xồ. Tôi ra lệnh cấm không được nổ súng. Tiếng giày đinh giẫm trên cành cây rào rào. Như vậy là địch vẫn chưa phát hiện

được ta. Tôi ra lệnh cho đoàn cán bộ cắt rừng về, anh em trình sát đi sau bảo vệ. Đoàn cán bộ rút an toàn. Tối hôm đó anh em lại tiếp cận những khu vực mà ban ngày đã quan sát được. Kế hoạch tác chiến lần đầu được hình thành từ tổ ba người đến tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, rồi trung đoàn. Quyết tâm chiến đấu của Ban chỉ huy Đông Khê được quán triệt tới từng người. Nhưng kế hoạch đã không tính đầy đủ đến sự hiệp đồng với pháo binh, những tình huống trong tung thâm. Khi nổ súng, chúng tôi đã phải trả giá cho sự thiếu sót đó.

Theo kế hoạch, trạm liên lạc của Ban chỉ huy chiến dịch ở Nà Lạn và căn cứ hậu phương ở Tà Lùng. Trung đoàn 209 và pháo phối thuộc sẽ xuất phát ở An Hy từ ngày 10 tháng 9 năm 1950 theo đường Nam Đàn, Lũng Luông, Phục Hòa, Pắc Nặm, tập kết tại Bản Vành. Theo kế hoạch, mờ sáng ngày 16 khi thấy rõ mục tiêu tiến công, trung đoàn sẽ nổ súng tiêu diệt đồn Pò Hẩu, đồn Pò Đình, chiếm lĩnh hai mục tiêu này đồng thời phái một bộ phận khống chế địch ở Khâu Áng. Trong khi trung đoàn 174 tiến công Cạm Phầy, Đồn To – mục tiêu chủ yếu trong tung thâm, thì trung đoàn 209 tiến công vào Phủ Thiện, Ký Sầu, Nha Cũ. Làm xong nhiệm vụ sẽ quay lại diệt địch ở Khâu Áng. Tóm lại, phạm vi tiến công của trung đoàn 174 ở hướng chủ yếu là tây-nam Phía Khóa đánh vào Đồn To, vòng lên Nhà Thương theo hướng tây-bắc. Trung đoàn 209 tiến công hướng đông-nam, nam và tây-nam.

Ngày 14 tháng 9 trung đoàn 209 đến Bản Vành, cách phía đông Đông Khê chín ki-lô-mét. Mệnh lệnh số 3 quyết định tôi trực tiếp chỉ huy mặt tây-nam.

Sáu giờ sáng ngày 16 tháng 9 trời đầy sương mù. Pháo chưa chiếm xong trận địa vì đường hành quân khó khăn lại lạc đường. Trung đoàn 209 chưa chiếm lĩnh xong trận địa, trung đoàn 174 vẫn được lệnh nổ súng. 10 giờ, trung đoàn đã diệt xong địch ở Phìa Khóa, Yên Ngựa, Cạm Phầy, chuẩn bị tiến công lên Đồn To, nhưng không thành công. Ở hướng trung đoàn 209, mặc dù nổ súng sau, lại không có pháo phối hợp như trong kế hoạch, trung đoàn vẫn tiến công tiêu diệt Pò Hẩu, Pò Đình rồi dùng lựu đạn chiến đấu. 23 giờ, trung đoàn chiếm được Phủ Thiện và toàn bộ khu phố Đông Khê. Khi đó Đồn To vẫn chưa giải quyết được. Trung đoàn nhận được lệnh mở một mũi tiến công phối hợp. Gần sáng phải tạm ngừng vì hàng rào chưa mở xong. Do không phối hợp giữa hướng chính và hướng phụ về giờ nổ súng, lại chưa chuẩn bị đầy đủ để tiến công lên Đồn To nên cuộc tiến công phải dừng lại. Một bộ phận rút ra bao vây để rút kinh nghiệm và tổ chức đánh tiếp. Khi rút ra địch bám theo ta một số bị thương vong.

Sáng hôm sau tôi xuống Pò Đình gặp các đồng chí Hoàng Cầm tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 130, đồng chí Thăng Bình tiểu đoàn phó và đồng chí Tạ Đình Hiếu chính trị viên. Nhìn các đồng chí, tôi biết anh em rất xúc động vì lần đầu tiên đơn vị bị thương vong nhiều mà nhiệm vụ lại chưa hoàn thành. Tôi cũng hết sức xúc động khi nhìn thấy những chiếc cang thương binh,

tử sĩ đi qua trước mặt. Có đồng chí chân bị gãy cứ nhất định đòi ở lại chiến đấu để giải phóng bằng được Đông Khê. Trong cuộc họp cán bộ, tôi nhắc lại ý nghĩa của trận tiêu diệt Đông Khê trong chiến dịch Biên Giới. Nếu không tiêu diệt được Đông Khê thì điều kiện để đánh viện cũng không có. Cái cần thiết trước mắt là nhanh chóng chấn chỉnh lại bộ đội, bổ sung trang bị, rút kinh nghiệm kịp thời để đột phá nhanh, xung phong liên tục. Đó là cách trả thù thiết thực cho những đồng chí bị hy sinh.

Khi nhắc đến nhiệm vụ chiến đấu chưa hoàn thành, anh em tự trấn tĩnh và tổ chức rút kinh nghiệm tại chỗ. Anh Trần Độ xuống chỉ bộ chủ công của tiểu đoàn 130 cổ vũ, động viên các đảng viên giải quyết những vướng mắc về tư tưởng. Đêm hôm đó dưới sự chỉ huy của đồng chí trung đoàn phó Nguyễn Bằng, tiểu đoàn 130 đã chiếm song nhà Phủ Thiện và tiến công lên Đôn To. Lần này bộc phá khá liên tục nhưng do tổ chức hỏa lực kiểm chế lô cốt đầu cầu chưa chặt chẽ, lại không kiểm tra trước khi ra lệnh xung phong nên khi quân ta xung phong thì lô cốt này bắn ra dữ dội. Đội đột kích 1 phải dừng lại. Pháo địch trong cứ điểm bắn vào cửa mở. Pháo dứt, bọn địch ở hầm ngầm xông ra phản kích. Bọn này bị tiêu diệt nhanh chóng. Đại đội trưởng Trần Cừ đã anh dũng hy sinh trước lô cốt địch. Sự dũng cảm, gương mẫu của người chỉ huy đã có sức mạnh cổ vũ các chiến sĩ. Các chiến sĩ nhanh chóng lao lên dùng lựu đạn, thủ pháo tiêu diệt các lô cốt còn lại. Anh em đã

bắt liên lạc được với trung đoàn 174. Nhưng địch ở hầm ngầm vẫn cố thủ. Đã đến lúc dùng đội dự bị. Tôi ra lệnh cho tiểu đoàn 156 bước vào chiến đấu. Tiểu đoàn đã dùng khối bộc phá 70 ki-lô-gam đánh vào hầm ngầm. Tên A-li-úc chỉ huy Đông Khê xin hàng. Trung đoàn được lệnh chiếm Đông Khê để tạo điều kiện cho đại đoàn 308 đánh viện. Hai giờ đêm ngày 17 tháng 9, chúng tôi nhận được lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch: trong ngày 17 tháng 9 phải nguy trang thị trấn Đông Khê, coi như thị trấn chưa bị tiêu diệt để tránh bị máy bay địch oanh tạc và để dụ địch tăng viện. Các đơn vị đã đánh Đông Khê phải bố trí sẵn sàng để tiêu diệt quân nhảy dù.

Sáng ra anh em dẫn A-li-úc đi qua. Bắt gặp cái nhìn gay gắt của tôi, A-li-úc lắp bắp: "Trong cuộc đời chiến đấu của mình, chưa bao giờ chúng tôi gặp một đối phương dũng cảm như vậy! Sự dũng cảm kỳ diệu!". Tôi hiểu tên chỉ huy lê dương này nói thật. Nhưng hẳn không thể nào hiểu nổi tinh thần dũng cảm tuyệt vời của quân đội cách mạng. Vốn quen với nếp chỉ huy của đội quân nhà nghề, coi người lính dưới quyền là một công cụ, hẳn không thể nào hiểu được quan hệ giữa người lính và người chỉ huy của quân đội cách mạng. Khi vào trận người chỉ huy và chiến sĩ là một. Lúc bình thường họ thân thiết với nhau như anh em. Khi bàn bạc thực hiện nhiệm vụ họ tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, sống chết có nhau. Và cách đánh, hẳn lại càng không hiểu sự khác nhau căn bản giữa tư tưởng cách mạng tiến công của quân đội

cách mạng với chiến thuật phòng ngự bị động, tiêu cực chỉ biết có công sự, hỏa lực và vật cản mà không thể nào huy động được, có sức mạnh mạnh hơn vũ khí. Đó là con người. Thấy một đoàn dân công đi qua, bọn sĩ quan và binh lính thất trận nhốn nháo nhìn chúng tôi cầu cứu. Nhìn những chị người Nùng có chàm tay rộng, những chị người Thổ áo dài vạt thắt chéo sau lưng uyển chuyển, những anh thanh niên Mán lực lưỡng đầu để hồng mao đang phấn chấn khuôn vác chiến lợi phẩm đi qua, tôi hiểu những tên lính lê dương này khiếp sợ nhân dân trả thù. Tôi nói với chúng: "Các anh thua chúng tôi là phải. Không ai có thể chống lại cả một dân tộc. Nhân dân chúng tôi không bao giờ đánh kẻ đã hạ vũ khí".

Tiểu đoàn 166 do trung đoàn phó Nguyễn Bàng chỉ huy có nhiệm vụ giữ Đông Khê.

Ngày 16 tháng 9, địch thả hai trung đội dù người Thổ và Nùng xuống tăng cường cho Thất Khê. Cùng ngày, địch điều một tiểu đoàn Ta-bo từ Lạng Sơn xuống tăng cường cho Thất Khê; tiểu đoàn Ta-bo thứ ba từ Lạng Sơn lên Na Sầm, bị ta phục kích ở Pắc Luông, sáu xe và 60 tên bị diệt.

Trong ngày 16 tháng 9, địch thành lập binh đoàn cơ động Bai-y-ăng ở Lạng Sơn do đại tá Lơ Pa-giơ chỉ huy gồm ba tiểu đoàn Ma-rốc. Ngày 17 tháng 9, binh đoàn Lơ Pa-giơ lên Thất Khê bị phục kích ở Pắc Luông, Thà Lài. Lúc này tiểu đoàn Ta-bo thứ ba từ Na Sầm về Đồng Đăng, bị diệt hai xe và 120 tên. Cùng

ngày, địch cho tiểu đoàn dù lê dương thứ nhất thuộc binh đoàn Lơ Pa-giơ từ Hà Nội lên Thất Khê. Ngày 18 tháng 9 binh đoàn Lơ Pa-giơ lại tiếp tục từ Na Sầm lên Thất Khê. Ta ra lệnh rút những trận địa phục kích để chuẩn bị một trận đánh vận động quy mô lớn nhằm tiêu diệt cả binh đoàn địch. Ngày 20 tháng 9, địch cho tiểu đoàn Ma-rốc thứ ba dùng đường không tăng cường cho Cao Bằng đồng thời cho chở bớt dân từ Cao Bằng về Lạng Sơn và Hà Nội. Như vậy là sau khi ta tiêu diệt Đông Khê, địch đã tổ chức binh đoàn cơ động gồm bốn tiểu đoàn nhằm tăng cường cho Thất Khê, đồng thời tăng cường cho Cao Bằng.



Đông Khê – mắt xích quan trọng của tuyến phòng thủ khu đông-bắc của địch bị tiêu diệt. Ngày 21 tháng 9 năm 1950, mệnh lệnh số 4 của Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định giải tán mặt trận Đông Khê. Các trung đoàn 174, 209 đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ chỉ huy chiến dịch chuẩn bị tham gia đánh viện. Nhưng quân viện không thấy lên. Phải chăng đồn Đông Khê chưa đủ để địch phản ứng. Hay là địch có mưu toan gì mới trong ý định phòng thủ biên giới? Trên dọc đường số 4, năm trung đoàn chủ lực trực thuộc Bộ chỉ huy chiến dịch, các tiểu đoàn Cao Lạng, pháo, các đơn vị trực thuộc đã sẵn sàng. Nhưng quân địch vẫn chưa ra.

Ngày 25 tháng 9, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tiêu diệt Thất Khê. Mệnh lệnh số 5 quyết định

thành lập mặt trận Thất Khê và mặt trận Na Sầm – Lạng Sơn. Anh Cao Văn Khánh và tôi được chỉ định làm chỉ huy phó. Chỉ huy trưởng kiêm chính ủy là anh Vương Thừa Vũ. Nhưng quân viện vẫn không ra. Về sau mới biết có sự trùng trùng này là do trong bộ chỉ huy quân Pháp có mâu thuẫn về việc rút bỏ hay tăng cường tuyến phòng thủ biên giới. Tướng Các-păng-chi-ê tổng chỉ huy chủ trương rút còn tướng A-lếch-xăng-đrơ chủ trương tăng cường tuyến phòng thủ.

Mệnh lệnh rút bỏ Cao Bằng do tướng Các-păng-chi-ê ký đúng vào ngày ta nổ súng đánh Đông Khê. Sự trùng hợp kỳ lạ này đã dẫn đến những do dự trong kế hoạch rút quân từ Cao Bằng về của Sác-tông và kế hoạch đón quân của Lơ Pa-giơ từ Thất Khê lên. Những mâu thuẫn về chiến lược và sự do dự của những viên tướng đầu sỏ đã làm cho cả hai binh đoàn bị tiêu diệt.

Sau Đông Khê, theo mệnh lệnh số 5, trung đoàn 209 dùng tiểu đoàn 166 chiếm giữ một số điểm cao và thị trấn Đông Khê, còn ba tiểu đoàn khác của trung đoàn 209 để ở phía bắc Đông Khê có nhiệm vụ ngăn chặn địch không cho vào thị trấn và vùng phụ cận Đông Khê. Đại đoàn 308 được sử dụng tập trung để đánh viện.

Ngày 30 tháng 9, ở Thất Khê địch rút bỏ Nà Cạn và cho một tiểu đoàn từ Thất Khê lên Đông Khê. Chiều 1 tháng 10, địch đã chiếm Lũng Phây – Keo Ái, núi Khau Luông. Tại nam Đông Khê, tiểu đoàn 166 đã chặn không cho địch vào Đông Khê. Chiều hôm đó, theo tin kỹ thuật, địch sẽ đốt Đồn To, Đông Khê. Tôi gọi điện thoại báo cho đồng chí Nguyễn Bàng lệnh cho

bộ đội rút ngay ra khỏi Đôn To, Đông Khê. Bộ đội ta đang rút thì địch dùng máy bay thả ét-xăng pha crep rồi dùng bom lửa thiêu hủy đồn Đông Khê. Mặt đất nhầy nhựa một lớp vừa trơn vừa dính, nồng nặc mùi xăng. Chính trị viên Trần Quân Lập và Nguyễn Bằng bị cháy tóc. Không Doãn Hợi bị bỏng tới 70 phần trăm. Chiến sĩ thông tin hy sinh. Nhiều anh em phải nhảy qua dây thép gai vọt ra ngoài.

Sáng ngày 2 tháng 10, tiểu đoàn 1 trung đoàn Ma-rốc số 8 và tiểu đoàn Bắc Phi số 11 đã chiếm đóng ở Khâu Áng, Nà Kéo. Sở chỉ huy của Lơ Pa-giơ đóng ở Nà Pá. 14 giờ ngày 2 tháng 10, Công-xtăng tư lệnh khu biên giới lệnh cho Lơ Pa-giơ để một bộ phận nhỏ kiểm chế ta ở Đông Khê, đại bộ phận tập trung lên Quang Liệt – Nậm Nàng đón quân Sác-tông ở Cao Bằng rút về. Theo kế hoạch của Công-xtăng thì Lơ Pa-giơ phải đến vị trí vào ngày 3 tháng 10. Sau khi gặp nhau hai cánh quân cùng về Thất Khê.

Bộ tư lệnh chiến dịch quyết tâm tiêu diệt cánh quân Lơ Pa-giơ. Lực lượng sử dụng có các trung đoàn 88, 36 thuộc đại đoàn 308 và trung đoàn 209.

Mười lăm giờ ngày 2 tháng 10, tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 tiến đánh quân Lơ Pa-giơ ở Khâu Áng nhưng lạc đường nên không thực hiện được kế hoạch. Sau khi tìm được đường, trung đoàn 209 (thiếu) và tiểu đoàn 322 trung đoàn 88 đánh địch ở Nà Mục tiêu diệt một đại đội thuộc tiểu đoàn 1 trung đoàn Ma-rốc số 8. Đại bộ phận địch chạy về Nà Pá. 22 giờ, trung đoàn 36 tiến công Khau Luông, đánh bật địch ra khỏi vị trí. 14 giờ 30 ngày 3 tháng 10, tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 tiến công

Khâu Áng. Dịch rút chạy sang các điểm cao phía tây khu vực Xuân Hòa. Như vậy là Lơ Pa-giơ không thực hiện được việc tập trung quân để đón Sác-tông trong ngày theo kế hoạch. Nhưng theo kế hoạch, ngày 3 tháng 10 Sác-tông vẫn rút khỏi Cao Bằng.

Được tin đó, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm tập trung lực lượng tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ trước. Chúng tôi nhận được mệnh lệnh số 7 ra lệnh cho đại đoàn 308 tiêu diệt địch ở Khâu Áng, Nà Pá, Keo Ai, Cốc Tôn, Nà Pao. Anh Cao Văn Khánh trực tiếp chỉ huy thay anh Vương Thừa Vũ bị chảy máu dạ dày. Trung đoàn 209 chiếm lĩnh Nà Cúm, Khâu Áng, Nà Kiệu có nhiệm vụ cắt đứt liên lạc giữa Sác-tông và Lơ Pa-giơ, phối hợp với đại đoàn 308 tiêu diệt địch ở Nà Pá.

Đêm 3 tháng 10, trung đoàn trưởng Hồng Sơn chỉ huy trung đoàn 36 đánh Khau Luông lần thứ hai. Dịch rút chạy về phía tây. Tôi ra lệnh cho trung đoàn 209 lập tức truy kích địch. Chấp hành mệnh lệnh, đơn vị đi suốt đêm. Tới năm giờ sáng tiểu đoàn 154 đã phát hiện địch đóng dọc các điểm cao từ 760 đến 765.

Tám giờ, đơn vị áp sát địch. Nhưng máy bay địch bắn chặn đường. Tới 14 giờ đơn vị tiếp tục tiến công. Dịch chạy về điểm cao 649 (hang Cốc Xá). Theo kế hoạch của Bộ chỉ huy, đêm 3 rạng ngày 4, trung đoàn 174 tiêu diệt quân địch ở Nà Lạn và Nà Cạn. Binh đoàn Lơ Pa-giơ bị thương vong, đói khát, mệt mỏi không thực hiện được nhiệm vụ đón Sác-tông. Lơ Pa-giơ quyết định nhích dần đội hình của binh đoàn mình lại trước đội hình của Sác-tông. Lơ Pa-giơ định bố trí

tiểu đoàn 1 Ta-bo ở bắc Cốc Xá, tiểu đoàn Ma-rốc ở nam Cốc Xá, tiểu đoàn dù lê dương ở đông Cốc Xá. Sở chỉ huy của Lơ Pa-giơ, tiểu đoàn Ta-bo số 11 và lính bị thương ở Cốc Xá. Nhưng bị đánh liên tục, Lơ Pa-giơ không thực hiện được ý định này.

Sáng ngày 4 tháng 10, Sác-tông rút về Nậm Nàng. Trưa ngày 4 chúng tôi nhận được lệnh cho một bộ phận lên Nậm Nàng chặn địch. 13 giờ tiểu đoàn 166 tiến công quân Sác-tông ở Bãng Lung. Đêm hôm đó, tiểu đoàn 130 đánh địch ở Khôi Ngà, Tam Thai. Tiểu đoàn 154 được lệnh rút khỏi đội hình đại đoàn 308 trở về đội hình của trung đoàn 209. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Lơ Pa-giơ hiện ở hang Cốc Xá và dải núi đá Quang Liệt. Lơ Pa-giơ có ý định chiếm điểm cao 477 để liên lạc với Sác-tông, đồng thời cho một bộ phận tiểu đoàn dù lê dương sang chiếm đồi Quý Châu. Sác-tông có thể theo đường Mông Xá đến quăng Bản Kéo, Lác Hai rồi cho một bộ phận lên chiếm 477 phối hợp với Lơ Pa-giơ. Bộ chỉ huy hạ quyết tâm tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ trước khi binh đoàn này gặp binh đoàn Sác-tông. Đại đoàn 308 nhận nhiệm vụ này. Trung đoàn 209 có nhiệm vụ ngăn chặn, tiêu hao từng bộ phận binh đoàn Sác-tông, tạo điều kiện để sau khi tiêu diệt Lơ Pa-giơ, quân ta sẽ tập trung lực lượng tiêu diệt cả hai binh đoàn.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, để ngăn chặn Sác-tông, tôi ra lệnh cho hai tiểu đoàn 130 và 166 hành quân cấp tốc lên Cao Bằng. Sau hai ngày phòng ngự ngăn chặn binh đoàn Sác-tông, được lệnh, cán bộ và chiến sĩ hai tiểu đoàn đã cắt rừng đi

đường tắt để kịp thời đón đánh Sác-tông. Nhiều người đói lả, cơm không kịp ăn. Có đồng chí chân không giày, không dép, quấn giẻ vào chân vừa chống gậy vừa chạy. Tôi theo dõi báo cáo trong một tâm trạng vừa lo anh em không đến kịp vừa thương anh em. Đồng thời tin trình sát cho biết không có tin gì về binh đoàn Sác-tông. Tôi cầm máy điện thoại mà trong bụng cứ như có lửa đốt. Nếu để sông Sác-tông coi như chúng tôi không hoàn thành nhiệm vụ. "Các chú chỉ được phép thắng". Tôi nhớ lời căn dặn của Bác mà thấy bồn chồn. Tôi quay máy điện thoại. Máy nhẹ tênh. Tôi quăng cái máy đã chiến vô tội, ra khỏi sở chỉ huy, chạy theo tiếng súng đang nổ ran phía trước.

Trong khi tôi lo thất ruột về việc lòng tìm Sác-tông thì đại đoàn 308 đã hình thành thế bao vây binh đoàn Lơ Pa-giơ. Trung đoàn 36 đại đoàn 308 và tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 do bám sát Lơ Pa-giơ đã đánh bật địch ra khỏi các điểm cao 760, 765, dồn chúng về phía Cốc Xá, khu vực điểm cao 649. Chiều ngày 5, trung đoàn trưởng Hồng Sơn nắm các tiểu đoàn 89, 18 và tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 nhanh chóng tổ chức hỏa lực pháo, súng cối để tiến công vào Cốc Xá. Tiểu đoàn 154 đánh bắc Cốc Xá, tiểu đoàn 18 đánh đôi tranh, bao vây phía nam Cốc Xá rồi tiếp cận bám sát mặt bắc. Cả ngày 6 tháng 10, ta tiến công quyết liệt vào Cốc Xá. Ngày 7 tháng 10 tiểu đoàn 154 đã tới chân điểm cao 760. Đây là một điểm cao toàn cỏ tranh. Đến chín giờ sáng, địch lại thả quân tiếp viện. Một trung đội ta đã mưu trí dùng dây súng, dây lưng leo lên chiếm điểm cao ở phía tây điểm cao 760. Toàn tiểu

đoàn do chính trị viên Đỗ Du dẫn đầu đã bí mật luôn dưới cỏ tranh bò lên. Từ phía sau lưng địch, các chiến sĩ ta bất ngờ nổ súng. Hoảng hốt vì không rõ đối phương có bao nhiêu và từ đâu tới, địch hoảng loạn bỏ chạy sang diêm cao 765. Địch dùng máy bay thả bom lửa. Cả một vùng cỏ tranh bốc cháy ngùn ngụt. Ở hướng xung phong của tiểu đoàn dốc tới 70 độ. Đỗ Du dẫn đầu đội hình vượt qua những vật cỏ tranh rục lửa và nhảy nhựa xăng crếp. Đỗ Du bị bom na-pan chụp trúng người. Anh vẫn xông lên lao về hướng địch như một cây đuốc sống. Gương dũng cảm của đồng chí bí thư đảng ủy, một đảng viên cộng sản từ năm 1940, người tù cũ của nhà tù Sơn La đã có sức cổ vũ cả tiểu đoàn 154 xông lên dũng mãnh đánh tan tiểu đoàn địch, hiệp đồng cùng trung đoàn 36 đại đoàn 308 tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa-giơ. Lơ Pa-giơ và bộ tham mưu vọt ra khỏi hang Cốc Xá chạy về cánh đồng Nà Kéo. Ngày 8 tháng 10, ta bắt được Lơ Pa-giơ và ban tham mưu của y tại Nà Kéo.

Trong khi tiểu đoàn 154 tiến công binh đoàn Lơ Pa-giơ thì hai tiểu đoàn 130, 166 mất hút binh đoàn Sác-tông. Rồi sở chỉ huy tôi tiếp tục theo hai tiểu đoàn 130 và 166. Đến Nậm Nàng vẫn mất hút quân địch, chỉ thấy còn lại những trang bị nặng bị phá hủy. Tôi phán đoán chúng đã rút hết khỏi Cao Bằng và chúng chỉ có thể đi về phía tây. Về sau này qua lời khai, qua những bức điện và nhật ký của Sác-tông, chúng ta có thể hình dung cuộc rút lui của Sác-tông như sau: Ngày 3 tháng 10 theo lệnh của Công-xtăng, Sác-tông cho quân rút khỏi Cao Bằng mang theo trang bị vũ khí và

cả bộ máy nguy quyền tỉnh Cao Bằng. Ngày đầu tiên binh đoàn không gặp khó khăn gì. Tiểu đoàn Ta-bo nhận nhiệm vụ mở đường đã dừng lại ở ki-lô-mét số 15, tiểu đoàn nguy vượt lên trước và dừng lại ở ki-lô-mét số 18. Đi sau cùng là tiểu đoàn lê dương. Hôm sau, ngày 4 tháng 9, Sác-tông nhận được điện của Lạng Sơn cho biết binh đoàn Lơ Pa-giơ bị kẹt ở Đông Khê, đang gặp khó khăn. Cái kẹt, cái khó khăn của binh đoàn Lơ Pa-giơ mà cấp trên của Sác-tông cố giấu là vì binh đoàn Lơ pa-giơ đã vấp phải trận địa phòng ngự kiên cường của tiểu đoàn 154. Như hồi ký của đồng chí Vương Thừa Vũ đã nhận xét: "Chiến sự Đông Khê sôi động trở lại. Ngày 2 tháng 10, trung đoàn 209 đã đánh một trận xuất sắc, chặn đứng quân địch ở nam Đông Khê. Mộng chiếm lại cứ điểm này (Đông Khê) của Lơ Pa-giơ tan vỡ...".

Cũng theo nhật ký của Sác-tông, trước tình hình đó, Sác-tông đành ra lệnh phá xe pháo và phát cho mỗi tên lính nửa cơ số đạn, một ngày lương thực. Đến ki-lô-mét số 22, Sác-tông không tìm được đường mòn về Thất Khê. Y phải mất khá nhiều thì giờ để đối chiếu bản đồ với thực địa, định hướng tìm đường. Mãi tới trưa, Sác-tông mới đi vào đường mòn. Nhưng đang quen hành quân bằng cơ giới nay phải đi bộ trong một vùng địa hình hiểm trở, lại không biết đối phương ở đâu cho nên đi đến trưa thì tiểu đoàn nguy dở chứng. Sác-tông phải cho tiểu đoàn lê dương đánh tin cậy đi lên trước. Đi chưa được bao lâu thì trời tối. Cả binh đoàn phải dừng lại ở một nơi không xác định được rõ trên bản đồ. Sáng 5 tháng 10, Sác-tông quyết định

tăng tốc độ nhưng vẫn phải vừa đi vừa tìm đường về dãy đồi Quang Liệt. Trật tự hành quân lúc này là: tiểu đoàn 3 lê dương, tiểu đoàn 3 Ta-bo, bộ máy nguy quyền và gia đình, đi sau cùng là tiểu đoàn nguy. Nhưng xuất phát chưa được bao lâu, tiểu đoàn lê dương đã lạc đường. Sác-tông phải thân hành lên giúp tiểu đoàn này định hướng. Chưa tới thung lũng Quang Liệt, đơn vị đi sau của Sác-tông đã bị một làn hỏa lực đánh tạt sườn. Tiểu đoàn Ta-bo tạt sang một bên, tiểu đoàn 3 lê dương đi đầu bị tụt xuống cuối binh đoàn. Đám gia quyến bọn nguy quân nhốn nháo, không sao chỉ huy nổi. Đơn vị đánh tạt sườn binh đoàn Sác-tông là bộ phận đi đầu của tiểu đoàn 166 trung đoàn 209...

Khi đi cùng hai tiểu đoàn 130 và 166, tôi thấy trước hết phải nắm chắc trình sát trong tay, nên khi thấy mất hút Sác-tông tôi lập tức tung trình sát về hướng tây. Sác-tông đi hướng này thuận lợi hơn và cũng dễ liên hệ được với Lơ Pa-giơ hơn. Khi thấy dấu vết địch, tôi ra lệnh cho hai tiểu đoàn tổ chức lại đơn vị. Cán bộ tiểu đoàn, hỏa lực và những chiến sĩ có sức khỏe đi đầu. Đuổi được một lúc thì trời sập tối. Anh em chúng tôi bám lưng nhau gần như phải dò từng bước một qua hết suối này đến suối khác. Gắn sáng thì gặp địch. Đơn vị đi đầu không chờ lệnh lập tức nổ súng. Nghe thấy tiếng súng, Hoàng Cẩm nắm đơn vị súng cối vọt lên trước, dùng súng cối bắn vào giữa đội hình của binh đoàn Sác-tông. Tên quan tư Ti-bo chết tại trận. Tiểu đoàn nguy tan tác, tiểu đoàn Ta-bo bị thất lạc. Chỉ vài phút cối bắn đúng thời cơ, lúc Sác-tông không đề phòng sau một đêm hành quân vất vả,

chúng ta đã làm binh đoàn Sác-tông bị mất ba phần tư lực lượng. Cái tên "Giông tố" – mật danh mà Sác-tông chọn để đặt tên cho cuộc hành quân này thật không sai. Lúc này Sác-tông còn cách Lơ Pa-giơ 10 ki-lô-mét và đến lúc ấy Sác-tông mới bắt liên lạc được với Lơ Pa-giơ bằng máy bộ đàm. Sáng sớm ngày 6, qua máy bộ đàm, Sác-tông phát hiện tiểu đoàn Ta-bo số 3 bị thất lạc đang hành quân về hướng điểm cao 590 – 477. Sác-tông đốc thúc cơ quan chỉ huy này và đám quân còn lại tiến về hướng đó.

Tiểu đoàn 130 bám rất sát cùng tiểu đoàn 160 đuổi địch trên dãy núi Quý Châu. Anh em luôn cố tranh vượt lên trước đội hình địch, phục kích tiêu diệt một đại đội, đánh tan một đại đội khác. Vừa đói, vừa khát, Sác-tông dự định sẽ từ điểm cao 590 cố tiến nhanh về phía nam với hy vọng sẽ được pháo Thất Khê chi viện. Nhưng nhanh làm sao được!

Tới 15 giờ, Lơ Pa-giơ yêu cầu Sác-tông dừng lại và đề nghị Sác-tông cho lực lượng đến giải vây cho Lơ Pa-giơ khỏi hang Cốc Xá vào sáng hôm sau, tức là sáng 7 tháng 10. Đúng lúc tình hình bối rối đó thì tiểu đoàn 130 của ta đã áp sát đội hình của tiểu đoàn 3 lê dương và cắt tiểu đoàn này ra làm đôi. Tiểu đoàn 3 lê dương không sao tiến được về hướng điểm cao 477. Sác-tông yêu cầu pháo Thất Khê lên sát cầu Bông Lau để yểm hộ, nhưng trời đã tối, địch ở Thất Khê không dám cho pháo lên. Đêm hôm đó, Sác-tông dù không muốn cũng phải chấp nhận một đội hình kỳ lạ không ra hành quân, cũng chẳng phải trú quân. Đội hình đó như sau: một bộ phận tiểu đoàn 3 lê dương và một số quân ngự ở

đông-nam điểm cao 590 hai ki-lô-mét, tiểu đoàn 3 Ta-bo ở vùng quanh điểm cao 477, Sác-tông và cơ quan tham mưu ở bắc 477 và một đại đội các loại quân ở Bản Ca, hai đại đội quân ngự ở quanh Quý Châu, còn gia binh và bốn ngự quyền thì ở lung tung mỗi nơi một ít. Lơ Pa-giơ lại điện yêu cầu Sác-tông chi viện để phá vây vào sáng hôm sau!

Bất lực trước yêu cầu quá cao của Lơ Pa-giơ, Sác-tông chủ trương càng tháo chạy nhanh về phía nam càng tốt, miễn là đội hình của y nằm trong tầm yểm hộ của pháo Thất Khê. Cũng trong lúc đó, hai tiểu đoàn của trung đoàn 209 đã chấn chỉnh lại đội hình để chuẩn bị một trận tập kích vào quân địch tạm thời dừng lại.

Khoảng sáu giờ sáng ngày 7, trận tập kích bắt đầu. Tất cả các vị trí của Sác-tông đều nằm trong tầm hỏa lực mãnh liệt và chính xác của bộ đội ta. Bằng lối đánh gần lợi hại, anh em đã dùng thủ pháo, lựu đạn, tiểu liên vừa lấy được trong trận Đông Khê tiêu diệt đại đội quân ngự chốt giữ Bản Ca. Chốt này có ảnh hưởng quyết định tới toàn bộ đội hình rút lui của binh đoàn Sác-tông. Tiếp đó, quân ta tiêu diệt điểm tựa Quang Liệt (bắc 477 khoảng 1,5 ki-lô-mét) do tiểu đoàn Ta-bo số 3 chốt giữ, giết chết tên thiếu tá Phoóc-giê chỉ huy tiểu đoàn số 3 lê dương.

Lắng nghe tiếng súng rời rạc của Lơ Pa-giơ, Sác-tông biết rằng việc phá vây của Lơ Pa-giơ là vô cùng khó khăn. Sau hai lần cố dôn bốn tàn binh về phía tây không kết quả, điều bi thảm đối với Sác-tông là bốn tàn binh của Lơ Pa-giơ thoát chết từ Tân Bể và 649

chạy ừa sang vị trí của Sác-tông. Thế là lính Ma-rốc, lính dù loang lổ, lính Ta-bo, lính ngự... tất cả trà trộn vào nhau không còn chỉ huy, không còn đơn vị. Trước cảnh "quân hồi vô phèng" đó, một sĩ quan ngự báo cho Sác-tông biết rằng tất cả đám quân ngự ở Quý Châu đã đào ngũ hết. Tất cả các sĩ quan Pháp tại khu vực đó đều đã bị loại ra ngoài vòng chiến. Tình thế đã trở nên quá bi đát, Sác-tông chỉ còn biết điện cho Lạng Sơn yêu cầu thả xuống một tiểu đoàn dù. Nhưng Lạng Sơn im lặng.

Mười sáu giờ quân ta lại chiếm thêm một chốt nữa của tiểu đoàn Ta-bo trên điểm cao 477. Thế là tàn quân của hai binh đoàn Sác-tông và Lơ Pa-giơ đã đập lên nhau trên một mảnh đất dài chừng một ki-lô-mét sát điểm cao 477. Điểm cao 477 có năm ngọn nối tiếp nhau, trong đó có ba ngọn cao nhất là 477, 520 và 500 đổ xuống Bản Ca, nơi gặp nhau của hai con suối to chảy dọc theo hai bên sườn đông tây của dãy 477. Rừng núi dãy 477 có đặc điểm là ở dưới thấp, cây cối rậm rạp nhưng trên các mỏm cao lại toàn là cỏ tranh. Đội hình quân ta tiến công binh đoàn Sác-tông vào hồi bảy giờ sáng ngày 7 tháng 10 như sau: Tiểu đoàn 23 tiến công hướng tây-nam, tiểu đoàn 18 hướng đông-nam 477, tiểu đoàn 130 bám sát binh đoàn Sác-tông từ mấy hôm trước cũng có mặt cùng đơn vị bạn tiến công binh đoàn Sác-tông. Dịch diên cuồng phản ứng. Chúng cho máy bay ném bom. Lính lê dương phản kích khiến tiểu đoàn 18 chỉ còn bám được điểm cao 500. Nhưng lúc này tiểu đoàn 23 đại đoàn 308 đánh thốc lên cánh sườn bên phải, bên trái có tiểu đoàn 54 đại đoàn 308

nên quân Sác-tông phải dừng lại trên điểm cao 500. Bộ binh ta xông vào đội hình địch. Ta và địch xen kẽ nhau. Không quân địch không phát huy được tác dụng. Sác-tông dựa vào tiểu đoàn 3 lê dương – đơn vị duy nhất còn ra đơn vị để mở đường máu tháo chạy. Nhưng chạy được chừng hai ki-lô-mét thì đơn vị đi đầu bị chặn đánh ở Bản Kéo. Sác-tông cùng ban tham mưu với một trung đội lê dương rời 477. Bọn chúng tránh suối, tránh những con đường mòn luồn rừng. Nhưng đi tới đâu, Sác-tông cũng nghe thấy tiếng dân công, tiếng anh nuôi của ta gọi nhau. Sác-tông tuy còn nhiều súng đạn nhưng không dám nổ súng. Luồn rừng mãi cũng không được, càng đi sâu càng thấy xa hướng định đến, Sác-tông đành quay ra. Vừa quay ra đã nghe tiếng phụ nữ gọi: "Tây ở đây anh em ơi!". Tiếp đó là tiếng nổ của tiểu liên. Sác-tông bị thương ở chân và ở bụng. Y như bị hụt hẫng, cảm thấy mình trơ trọi đến lạ lùng, còn quân lính thì "tan biến" đi đâu mất cả. Viên trung tá chỉ huy Cao Bằng, tác giả của cuộc hành quân "Giông tố" đã bị bắt làm tù binh. Lúc đó là 17 giờ ngày 7 tháng 10 năm 1950.

Chiến dịch Biên Giới kết thúc bằng cuộc truy kích binh đoàn Đờ-la-bôm, một binh đoàn gồm bốn tiểu đoàn vừa lê dương vừa Ta-bo. Khoảng nửa đêm 8 tháng 10, Đờ-la-bôm vừa xuất phát từ Thất Khê lên nam Lũng Phầy để đón quân Sác-tông – Lơ Pa-giơ thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Chúng chạy tán loạn về Thất Khê.

Ngày 16 tháng 10, Công-xtăng tư lệnh khu biên giới đề nghị A-léch-xăng-đrê tư lệnh quân Pháp ở bắc

Đông Dương cho rút Lạng Sơn. A-léch-xăng-đri sau khi cân nhắc đồng ý cho rút và sau đó viên tướng này bay vào Sài Gòn. Một đề nghị và một quyết định ra đời trong cơn hoảng loạn. Về sự kiện này Pi-e Đa-cua tác giả cuốn *Đờ Lát ở Việt Nam* đã viết: "Với việc mất Lạng Sơn, quân đội Pháp đã sa xuống vực thẳm. Thành phố được phòng thủ kiên cố này đã rơi vào tay quân thù khi còn nguyên vẹn, với 1.500 tấn trang bị, 2.000 tấn quân nhu, 4.000 khẩu tiểu liên mới còn niêm phong trong hòm, 10.000 viên đạn pháo 75 ly, 150 tấn thuốc. Với trang bị đó, Việt Minh có thể tổ chức thêm được bốn trung đoàn".

Liên tiếp mấy ngày sau, địch rút khỏi Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập, An Châu, Lao Cai. Cái phòng tuyến biên giới nổi tiếng mà cả Mỹ và Pháp đều muốn giữ đến cùng chỉ còn lại một đoạn từ Tiên Yên đến Móng Cái.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bị bao vây bốn mặt từ nay đã có đường thông tới Mát-xcơ-va. Kế hoạch Rơ-ve bị sụp đổ. Xứ Thái, xứ Mường, xứ Nùng tự trị cũng tan thành mây khói. Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố. Chủ lực ta có địa bàn cơ động từ Bắc xuống Nam. Chúng ta đã giải phóng hơn hai tỉnh, bốn thị xã, bức rút và tiêu diệt 217 vị trí. Ta đã tiêu diệt những đơn vị sừng sỏ như Ta-bo, đơn vị đã từng lập nên chiến tích ở Bắc Phi, Tu-lông, đã từng là đơn vị dẫn đầu vượt qua sông Ranh, như BEP đội quân tinh nhuệ nhất, như BCCP đơn vị lính dù gồm toàn người Pháp, như đội quân lê dương đã sang Việt Nam cùng với tướng Lơ-cléc chuyên đảm nhiệm những nơi khó

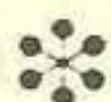
khăn mà ngay chính lính Pháp cũng không làm nổi. Chúng ta đã tiêu diệt một phần tư lực lượng cơ động Pháp ở Bắc Bộ. Thần tượng Ta-bo, lê dương "đánh đâu thắng đó" đã bị hạ bệ. Chiến thắng Biên Giới như một chất men say đã động viên nhân dân ta đang chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ, gay go càng vững tin ở thắng lợi cuối cùng. Chiến thắng đã khẳng định sự chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta là tài giỏi.

Ngay sau chiến dịch, bộ chỉ huy quân Pháp phán đoán chúng ta sẽ tiến công Hà Nội. Họ cho củng cố việc phòng thủ Hà Nội. Nhiều gia đình Pháp kiều đã hấp tấp tản cư xuống Hải Phòng. Ở Pa-ri, quốc hội Pháp đã làm cho chính phủ Plê-ven bối rối. Phe chủ hòa đòi đưa các nhân vật cấp cao cả dân sự và quân sự điều hành cuộc chiến tranh ra tòa án tối cao.

Pa-ri cử tướng Gioăng tổng tham mưu trưởng và Va-luy cố vấn số một của chính phủ về Đông Dương sang thanh tra Việt Nam. Gioăng cho rằng nên thay tổng chỉ huy bằng một viên tướng khác vì Các-păng-chi-ê, người đã bỏ chỉ huy vào Sài Gòn cách chiến trường hàng nghìn ki-lô-mét để quyết định một tình huống có ý nghĩa chiến lược. Theo Gioăng, tướng A-léch-xăng-đri nên cho về Pháp, tướng Mác-săng là người thiếu trách nhiệm, còn đại tá Công-xtăng, con người chỉ biết làm chiến tranh "bằng bản đồ và máy bộ đàm" thì đáng phải ra tòa.

Sau khi làm bản báo cáo đòi xóa sổ hàng loạt cấp chỉ huy cao cấp nhất ở Đông Dương, nhân danh tổng tham mưu trưởng, Gioăng nhận định: "Trên chiến trường Đông Dương đã xuất hiện một tình hình trái

ngược về so sánh lực lượng". Gioăng đề nghị hai giải pháp: hoặc là nên thương lượng ngay với Chính phủ Việt Minh, hoặc là "quốc tế hóa" cuộc chiến tranh. Về thực chất đây là sự thú nhận sự bất lực của nước Pháp, và chỉ có dựa vào Mỹ, Pháp mới đủ khả năng theo đuổi cuộc chiến tranh này.



Trên đường về dự hội nghị tổng kết chiến dịch Biên Giới tổ chức ở Chợ Chu Thái Nguyên, mỗi hôm nào chúng tôi còn luồn rừng, lội suối, nay được ngồi trên xe ô-tô chiến lợi phẩm đi qua những nơi cách đây mấy hôm còn là những cứ điểm trong phòng tuyến của địch. Những đoàn xe địch chiếc bị cháy, chiếc lặn xuống vực. Những khẩu pháo kềnh càng rúc đầu vào vách núi, những lô cốt hầm ngầm, bãi mìn, hàng rào dây thép gai mà đội quân xâm lược để lại trên đất nước ta như những chứng tích ghi mãi tội ác của bọn giặc xâm lược và sự trừng phạt của nhân dân ta đối với chúng.

Trong niềm vui dạt dào, tôi bồi ngùi nhớ tới những đồng bào, đồng chí ở Sơn La trong những ngày đầu kháng chiến. Tôi nhớ tới các đồng chí ở Yên Bái, Hòa Bình, nhớ tới những đồng bào, đồng chí đã ngã xuống. Nhìn đoàn xe con nối đuôi nhau đi vào thị xã Cao Bằng, những khẩu pháo chiến lợi phẩm và đoàn xe to kéo pháo, vui nhất là các đoàn dân công nườm nượp trở về sau khi đã làm xong nhiệm vụ, tôi cảm thấy như mình đang lội trong con suối nhỏ nay được ngập lặn

trong dòng sông lớn. Trong tôi, một cái gì rất mới mẻ đang hình thành. Nó không phải là sự ngây ngất của một anh chỉ huy đội tự vệ xã Quảng Phú Cầu trong trận Đông Quan. Cũng không phải là niềm hạnh phúc của những ngày tiến vào thị xã Hà Đông năm 1945. Lại càng không phải là sự ngậm ngùi trong đêm giao thừa không thể nào quên ở Mộc Hạ. Một cái gì lớn hơn niềm vui của chiến thắng. Cho tới hôm dự hội nghị tổng kết chiến dịch, tôi mới rõ cái cảm giác hôm đi trên đường số 4 đó là cảm giác gì.

Ngày 27 tháng 11 đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đọc báo cáo "Ra sức học tập kinh nghiệm chiến thắng vẻ vang của chiến dịch Biên Giới". Tiếp đó là huấn thị của đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng. Và thật là hạnh phúc, chúng tôi lại được gặp Bác.

Đồng chí Tổng tư lệnh nói về ý nghĩa chiến lược của chiến dịch, những nguyên tắc chỉ đạo chiến dịch, những bài học về chọn hướng chiến dịch, về sử dụng binh lực tập trung. Đồng chí nói về sự kiên quyết của Bộ chỉ huy trong việc hạ quyết tâm đánh Đông Khê trước chứ không đánh Cao Bằng như trong kế hoạch ban đầu, bài học về đánh thắng trận đầu, những bài học về đánh công sự kiên cố, về đánh vận động, về hiệp đồng tác chiến giữa các binh chủng, về bảo đảm giao thông ở chiến trường rừng núi, những bài học về bảo đảm hậu cần và khả năng của nhân dân tham gia chiến dịch. Nhân dân các dân tộc Cao - Lạng dưới sự lãnh đạo của hai ban tỉnh ủy Cao - Lạng đã tham gia tích cực. Chính sự tổ chức đó đã tạo nên sức mạnh.

Cũng như chúng tôi, những đơn vị mới từ các tiểu đoàn tập trung, những trung đoàn chủ lực của quân khu nay nằm trong đội hình chiến đấu tập trung đã nhanh chóng trở thành những đơn vị chủ lực cơ động của Bộ. Tôi hiểu rồi: đó là niềm vui của những người thấy đơn vị mình trưởng thành, bản thân mình đã vượt qua được những thử thách mới đầu tiên của giai đoạn chiến lược mới. Đó là niềm vui của sự tự vượt mình. Đó là niềm vui của sự sáng tạo.

CHƯƠNG BẢY

ĐẠI ĐOÀN CƠ ĐỘNG

Chiến dịch tiến công có ý nghĩa chiến lược ở biên giới phía bắc toàn thắng đã làm thay đổi cục diện trên chiến trường Bắc Bộ. Địch rút tất cả những vị trí đột xuất có thể bị tiêu diệt nhưng chưa xây dựng những cứ điểm lớn. Chúng ra sức xây dựng những binh đoàn cơ động, tăng cường không quân và pháo binh. Địch phao tin ta sẽ tập trung quân để tiến công.

Tướng Các-păng-chi-ê bị triệu hồi về Pháp. Người thay thế là đại tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, một viên tướng dòng dõi quý tộc.

Sang Đông Dương, Đờ Lát được bổ nhiệm tổng tư lệnh kiêm cao ủy, một chức vụ hiếm thấy dành cho một tướng. Trước so sánh lực lượng rất bất lợi đối với quân viễn chinh Pháp và trước sự hoang mang của sĩ quan, binh sĩ Pháp và ngụy quân, ngụy quyền, Đờ Lát chủ trương phải bình định gấp rút vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ đồng thời tổ chức phản công quyết liệt.

Kế hoạch Đờ Lát gồm bốn điểm:

1. Sử dụng tập trung lính Âu Phi; thành lập thêm lực lượng cơ động mạnh; ra sức phát triển nguy quân ở quy mô lớn.

2. Lập tuyến boong-ke. Bên ngoài tuyến là vành đai trắng bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

3. Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định gấp rút vùng tạm chiếm để huy động sức người sức của vùng tạm chiếm và chuẩn bị phản công để giành lại thế chủ động về chiến lược.

4. Phá hoại vùng tự do của ta bằng máy bay oanh tạc kết hợp với thổ phỉ, biệt kích, gián điệp và chiến tranh tâm lý, bao vây kinh tế. Đây là một nỗ lực chiến tranh cả của Pháp và Mỹ.

Tháng 12 năm 1950, địch có bảy binh đoàn cơ động và bảy tiểu đoàn dù ở chiến trường Bắc Bộ. Đầu năm 1951, địch bắt đầu xây phòng tuyến boong-ke có 1.300 lô cốt bằng bê-tông cốt thép có thể chịu đựng được đại bác 75 mi-li-mét, lập thành 113 cứ điểm bao quanh đồng bằng Bắc Bộ từ Hồng Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh qua Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Hà Đông đến Ninh Bình. Tuyến boong-ke này do 20 tiểu đoàn Âu Phi là lực lượng nòng cốt chiếm đóng. Ở vành ngoài địch tàn phá hàng trăm làng mạc, hàng vạn héc-ta ruộng, cưỡng bức hàng chục vạn dân vào vùng chúng kiểm soát, lập vành đai trắng từ 5 đến 10 ki-lô-mét. Chúng thành lập hương dũng, hương đồn, tuyên truyền chống cộng, đề cao độc lập quốc gia giả hiệu, thành lập các đơn vị chính quy của Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa. Ở Bình Trị Thiên, Tây Nguyên chúng lập

các trại tập trung dân. Ở các căn cứ du kích của ta trong vùng sau lưng địch, chúng tập trung hàng chục tiểu đoàn cơ động để càn quét.

Một giai đoạn chiến lược mới với những yêu cầu mới đã bắt đầu.



Cuối năm 1950 đầu năm 1951, với trang bị, vũ khí được tăng cường và trước yêu cầu mới về chiến lược, chúng ta đã xây dựng thêm ba đại đoàn bộ binh và một đại đoàn công binh, pháo binh. Để tiêu diệt một phần sinh lực địch, phá tuyến phòng thủ trung du của địch và hỗ trợ cho chiến tranh du kích ở vùng đông dân nhiều cửa, Bộ liên tiếp mở ba chiến dịch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Đó là các chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung.



Cuối năm 1950, sau chiến dịch Biên Giới, tôi được bổ nhiệm quyền đại đoàn trưởng đại đoàn 312. Anh Trần Độ quyền chính ủy. Đại đoàn có các trung đoàn 209 (tức trung đoàn Sông Lô), trung đoàn 141 và trung đoàn 165 (được mang danh hiệu "Thành đồng biên giới") còn đang làm nhiệm vụ ở Lao Cai chưa về được.

Đại đoàn chưa tổ chức xong chúng tôi đã nhận nhiệm vụ tham gia chiến dịch Trung Du mang mật

danh Trần Hưng Đạo. Sau cuộc họp ở cánh rừng làng Quang Nhiều (Tuyên Quang), chúng tôi phân công nhau: anh Độ vừa chỉ huy hành quân vừa tổ chức cơ quan chỉ huy, tôi cùng các cán bộ quân sự đi chuẩn bị chiến trường. Trong cuộc họp khẩn trương của đảng ủy lâm thời, chúng tôi xác định yêu cầu trước mắt và lâu dài của đại đoàn là xây dựng truyền thống "Đoàn kết, anh dũng, chiến thắng".

Mục đích chiến dịch Trần Hưng Đạo là tiêu diệt sinh lực địch mở rộng khu căn cứ du kích, phát động chiến tranh du kích rộng khắp, mở rộng khu lương thực, tranh thủ thời gian phá kế hoạch chấn chỉnh lực lượng của địch, tạo điều kiện tranh thủ giành thắng lợi mới.

Ở trung du lúc đó địch chia thành ba phân khu: phân khu Bắc Giang dọc sông Cầu Lô theo đường số 13 và đường số 1. Binh lực địch có khoảng 5.400 lính Âu Phi, 1.300 đông. Phân khu Bắc Ninh có 3.300 quân Âu Phi, 1.800 đông. Pháo có bốn khẩu 75 và 105. Phân khu Vĩnh Phú có 2.400 tên và 1.900 bảo an, đông.

Khi ta mở chiến dịch thì phòng tuyến Đờ Lát đang bắt đầu xây dựng nên đại bộ phận các vị trí có chừng hai trung đội, còn lại là tháp canh nhỏ. Nhìn chung trên toàn tuyến phòng ngự địch mạnh ở hướng Bắc Giang. Hướng Bắc Ninh, Vĩnh Yên, Phúc Yên là hướng yếu. Tuy vậy, so với chiến trường Tây Bắc, Đông Bắc, địch ở trung du đóng vị trí dày đặc hơn, gần các khối quân cơ động. Pháo binh, máy bay, xe tăng đều có thể phát huy được sức mạnh. Địa hình vùng trung du bằng phẳng, cơ giới và bộ binh địch dễ dàng cơ động.

Ở một số vùng, địch đã dựa vào một số phần tử phản động trong giáo dân và bọn tay sai cũ lập chính quyền và xây dựng lực lượng vũ trang phản động. Trung du là chiến trường gần Hà Nội và các trung tâm chính trị, văn hóa. Địch sẽ chống đỡ quyết liệt nhưng nếu ta đánh thắng thì ảnh hưởng khá vang dội. Cơ sở ta ở các vùng này được xây dựng từ lâu. Nhân dân đã qua thử thách, có nhiều cơ sở chính trị xây dựng trong lòng địch, thậm chí ở ngay những làng sát chân đồn. Chúng ta có thể huy động sức người sức của tại chỗ để phục vụ cho chiến dịch. Nhưng mở chiến dịch ở trung du chúng ta cũng phải giải quyết một số khó khăn. Trước hết, bộ đội ta chưa quen đánh đồng bằng, bảo đảm phòng không, chống xe tăng, pháo binh, bảo đảm thông tin liên lạc đều thiếu thốn. Mở chiến dịch tiến công ở trung du lúc đó là đánh vào nơi địch mạnh.

Ngày 30 tháng 11 năm 1950, theo quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đảng ủy mặt trận Trần Hưng Đạo được thành lập. Đồng chí Võ Nguyên Giáp, Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng làm bí thư, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng làm phó bí thư.

Phương hướng hoạt động của chiến dịch là lúc đầu phân tán lực lượng tiến công trên một chính diện rộng, sau đó tập trung lực lượng đánh lớn. Phân tán nhưng không phải phân tán chủ lực ra đánh du kích như trước đây. Trong chiến đấu từng trận vẫn phải tập trung. Lúc thực hiện nhiệm vụ phân tán, từng đơn vị phải phát huy tự động tính. Người chỉ huy phải chỉ đạo thống nhất trong một kế hoạch chung.

Về cách đánh, thực hiện hành quân từ xa đến tập kích đánh nhanh, giải quyết nhanh. Phải biết giữ bí mật, nghi binh. Bộ đội chủ lực phải phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích để khuếch trương kết quả. Ra sức kết hợp tác chiến với địch vận, kết hợp tiêu diệt với phá tế trừ gian.

Đảng ủy Mặt trận còn đề ra phương châm tác chiến: địch tập trung đối phó ở những nơi quan trọng, ta phân tán đánh nhỏ ở những nơi địch yếu không đề phòng, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực nhỏ của địch, góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn; buộc địch phân tán ra đối phó để ta kịp thời tập trung binh lực tuyệt đối ưu thế hơn địch, đánh mạnh vào những nhược điểm của địch đã bộc lộ trong khi bị động phân tán. Trong đợt đầu chiến dịch thì phân tán nhưng vẫn phải tập trung binh hỏa lực ít nhất từ tiểu đoàn trở lên trong mỗi trận. Đánh nhỏ không có nghĩa là quấy rối tiêu hao hoặc giết lẻ tẻ một vài tên. Diệt từng bộ phận sinh lực địch như trung đội, đại đội đóng trong các vị trí lẻ, làm tan rã từng khối nguy binh, quét sạch từng hệ thống đồn bốt của địch. Phân tán đánh nhỏ phải theo nguyên tắc khi cần thiết có thể tập trung nhanh tiến hành đánh vận động mau lẹ và có hiệu quả.

Chúng tôi họp đảng ủy đại đoàn tại Khe Cạn (Lập Thạch). Cùng dự họp có anh Linh bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú. Chúng tôi thống nhất sử dụng trung đoàn 209 tiến công Đồn Vàng, trung đoàn 141 tiến công Ba Huyền – một vị trí boong – ke địch mới xây dựng (xây xong chúng cho pháo 75 bắn thẳng trực tiếp vừa để trấn an bọn lính, vừa đe dọa du kích và nhân dân).

Ngày nổ súng thống nhất theo quy định của Bộ chỉ huy chiến dịch là 25 tháng 12 năm 1950.

Giữa lúc ta sắp sửa nổ súng mở màn chiến dịch Trung Du thì địch tổ chức một chiến dịch mang mật danh "Chim dẽ giun" đánh ra bắc Vĩnh Yên. Chiến dịch này nằm trong ý đồ phản công của tướng Đờ Lát. Từ Sài Gòn bay ra Hà Nội dự lễ Nô-en, trước đông đủ các quan khách cao cấp, Đờ Lát tuyên bố: "Tôi kiên quyết giữ Hà Nội, tôi sẽ không bỏ một tấc đất nào nữa". Ngày 24 tháng 12, Đờ Lát lệnh cho đại tá Mu-lê chỉ huy binh đoàn cơ động số 3 tiến công ra bắc Vĩnh Yên. Mu-lê không hay biết quân ta đang chuẩn bị mở chiến dịch mới. Ta cũng không biết kế hoạch đánh ra của địch.

Sáng ngày 25, sau khi tôi kiểm tra lần cuối cùng kế hoạch tác chiến và đội hình chiến đấu của hai trung đoàn 209 và 141 thì có tiếng súng nổ rất gần sở chỉ huy. Tiếp đó tiếng chuông điện thoại đổ dồn dập. Tôi cầm ống nghe nhận ra tiếng của Nam Long trung đoàn trưởng trung đoàn 141: "Báo cáo anh, địch xuất hiện ở Liễn Sơn, đề nghị anh cho đánh". Đồng chí Nguyễn Bằng trung đoàn trưởng trung đoàn 209 cũng báo cáo một mũi khác gồm toàn lính da đen đang vận động theo đường mòn qua Dương Chi, Bằng Hoàng tiến về phía Xuân Trạch. Tôi nhìn ngọn chì xanh trên tay đồng chí trợ lý tác chiến. Cả hai mũi đều tiến về phía Xuân Trạch. Từ sở chỉ huy quan sát bằng mắt đã nhìn thấy những cột khói bốc lên cuộn cuộn. Tôi ra lệnh cho hai trung đoàn 141 và 209 lập tức cử trình sát bám địch. Tôi nghĩ nếu địch ở Ba Huyện nóng ra thì

binh lực không thể nhiều như thế. Nếu là lực lượng cơ động chiến lược hành quân để phá cuộc tiến công của ta thì binh lực lại quá ít. Bọn này đánh ra bắc Vĩnh Yên để làm gì? Cứ đánh nó mà hỏi rồi sẽ biết! Chuông điện thoại lại đổ. Nam Long đề nghị cho đánh. Tôi nói:

– Đồng ý cho 141 đánh. Nhưng với địa hình này phải xuất kích cả trung đoàn mới "khuỷp" được chúng nó. 141 phải siết cho chặt, đánh cho mạnh. Tôi sẽ cho 209 phối hợp.

– Rõ! Báo cáo anh: siết cho chặt! Đánh cho mạnh!

Tiếng Nam Long vang lên trong máy. Tôi cảm thấy Nam Long đang cười. Theo kế hoạch, tối hôm đó tiểu đoàn 16 trung đoàn 141 sẽ tiến công Ba Huyện. Nhận được lệnh, anh em để lại bộc phá ống, bộc phá khối rồi nhanh chóng xuất kích.

Lúc này bộ phận đi đầu của tiểu đoàn địch đã chiếm được dãy đồi cọ trên núi Liễn Sơn. Chúng dùng cối, đại liên từ trên cao ngăn chặn tiểu đoàn 16. Từ hai bên sườn đội hình tiểu đoàn 16, Nam Long cho hai tiểu đoàn 428 và 11 vận động thành hai gọng kìm. Tiểu đội đi đầu của tiểu đoàn 16 đã chiếm được nửa đồi cọ. Nửa bên kia là địch. Lợi dụng lúc ta đứng chân chưa vững, địch xung phong ồ ạt. Ta và địch tranh chấp nhau. Các chiến sĩ dùng lựu lê đánh gần. Nấp sau những gốc cọ anh em tủa từng tên địch. Sự ngoan cường của tiểu đội đi đầu đã tạo điều kiện cho các đơn vị phía sau tiến lên chiếm đồi cọ. Dùng đồi cọ làm bàn đạp, các chiến sĩ ta đánh bật địch xuống khu rừng dưới chân đồi. Địch chạy tán loạn vào rừng. Anh em ta

đuổi địch bén gót. Trận đánh kết thúc vào quá trưa. Ta diệt khoảng hai đại đội. Bọn địch còn lại chạy tán loạn.

Qua những giấy tờ địch để lại và qua cung của tù binh, chúng tôi được biết đây là tiểu đoàn dù số 10 thuộc binh đoàn cơ động số 3 có nhiệm vụ tiến lên Xuân Trạch phối hợp với tiểu đoàn Xê-nê-ga-le số 24 tập kết ở Xuân Trạch, chuẩn bị mở cuộc tiến công lên Việt Trì. Địch chưa biết gì về cuộc tiến công của ta. Một tình huống ngoài kế hoạch tác chiến là nên tiếp tục tiến công Ba Huyện, Đồn Vàng hay là đánh binh đoàn cơ động số 3 đang tiến về Xuân Trạch? Bộ tư lệnh đại đoàn họp. Chúng tôi cân nhắc giữa kế hoạch tác chiến chiến dịch và thời cơ đánh địch ngoài công sự. Chúng tôi hạ quyết tâm cần tập trung cả hai trung đoàn, nhanh chóng diệt cánh quân thứ hai đang tiến lên Xuân Trạch. Như vậy ta vừa diệt được sinh lực địch, thực hiện được mục đích chủ yếu của chiến dịch, vừa phá được càn, bảo vệ được nhân dân. Tiêu diệt được cánh quân này cũng là cách mở đầu chiến dịch giòn giã. Chúng tôi điện xin ý kiến của Bộ. Quyết tâm của đại đoàn được Bộ phê chuẩn.

Những trinh sát của đại đoàn và các tiểu đoàn mà chúng tôi tung ra từ lúc xuất hiện binh đoàn cơ động số 3 trên vùng Liễn Sơn - Xuân Trạch không phải vô ích. 12 giờ ngày 25 tháng 12 trinh sát báo cáo về cánh quân thứ hai của địch đã tới Dương Chỉ. Thế nào địch cũng phải qua Xuân Trạch. Nhờ có công tác chuẩn bị chiến trường từ trước, chúng tôi đã biết khá rõ địa hình vùng này.

Xuân Trạch là một làng nằm trên đường hàng tỉnh nối Ngọc Kỳ qua Thạch Trục, Sơn Bình, huyện lỵ Lập Thạch xuống Việt Trì. Làng Xuân Trạch nằm trong một thung lũng hẹp. Xung quanh là những quả đồi thấp nửa trọc, nửa rừng thưa lúp xúp những bụi sim, mua. Nhưng phía nam Xuân Trạch lại là một cánh đồng rộng, bằng phẳng cho tới tận Bạch Hạc. Nếu để địch thoát khỏi nam Xuân Trạch thì rất khó tiêu diệt gọn cánh quân này. Sau khi cân nhắc, tôi hạ quyết tâm: phải giữ bằng được quân địch ở Xuân Trạch để đến đêm tiêu diệt chúng bằng tập kích. Muốn thế cần phải hình thành thế bao vây trước khi tiến công. Khi đã có thế bao vây rồi phải tập trung binh hỏa lực thật cao, đánh thật nhanh, diệt thật gọn.

Mười lăm giờ chúng tôi đã nghe thấy tiếng súng địch. Chúng chỉ còn cách Xuân Trạch ba ki-lô-mét. Làm thế nào cần không cho địch đến Xuân Trạch khi trời còn sáng? Không khí trong sở chỉ huy rất căng. Tôi hội ý với anh Độ: việc then chốt trước mắt là không cho địch đến Xuân Trạch quá sớm. Tôi đề nghị tung trung đội vệ binh bảo vệ sở chỉ huy cùng với dân quân du kích tiến về phía Ngọc Kỳ đánh chặn địch. Tôi xuống các đơn vị để tổ chức trận đánh tối hôm nay. Đề nghị anh Độ xuống 141 giúp Nam Long chấn chỉnh lại lực lượng. Anh Độ nhất trí dắt xe đạp đi luôn.

Tôi ra ngã ba Thạch Trục gặp anh Nguyễn Bàng. Tôi cho mang theo một tập bản đồ một phần một nghìn (1/1000) vùng Liên Sơn - Xuân Trạch. Cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn anh nào anh nấy mắt sáng lên khi trông thấy cuộn bản đồ trong tay đồng chí trợ lý

tác chiến. Tôi cho phân phát bản đồ rồi nói rõ ý định tác chiến của đại đoàn. Trước mắt, phải cấp tốc cho một tiểu đoàn hành quân gấp về tây - nam Xuân Trạch buộc chúng phải dừng lại ở Xuân Trạch trong đêm. Hai tiểu đoàn chặn không cho chúng tiến về Dương Chi. Hai tiểu đoàn này phải bám sát địch từng bước để khi tập kích hai tiểu đoàn sẽ làm nhiệm vụ chủ yếu. Tôi nhìn đồng hồ nói với Nguyễn Bàng:

– Thời gian để tổ chức chiến đấu còn rất ít. Các anh phải phân công nhau vừa trinh sát, bám sát địch, vừa tổ chức chiến đấu.

Trung đoàn hạ mệnh lệnh xong thì trời vừa tối. Cơ quan chính trị trung đoàn kịp thời triển khai công tác lãnh đạo. Có chi bộ vừa đi vừa phổ biến công tác lãnh đạo trong trận tập kích tối hôm đó là: bí mật, dũng cảm, đánh gần. Các đảng viên tỏa xuống các tiểu đội phổ biến quyết tâm. Hôm đó cuối tháng trời rất tối. Đứng ở ngã ba tôi chỉ thấy thấp thoáng bóng các chiến sĩ. Cậu nào cậu nấy lặc lè quanh mình những cuộc, xẻng, thủ pháo, lựu đạn. Anh em nối đuôi nhau đi vào đám sương mù dày đặc trong đêm.

Tiểu đoàn bộ binh số 24 Xê-nê-ga-le không liên lạc được với cánh quân ở Thản Sơn buộc phải dừng lại ở Xuân Trạch. Chúng dựa vào lũy tre dày đặc làng Xuân Trạch đào công sự. Hồi đó lính Xê-nê-ga-le là một đối tượng tác chiến mới. Cho tới năm 1950 ta chưa tiêu diệt được một đơn vị nào thuộc loại lính này. Trong vùng địch tạm chiếm đã có những huyền thoại về lính Xê-nê-ga-le. Nào là mỗi khi ra trận mồm chúng ngậm dao găm, tay bắn, xung phong ồ ạt, càng ngửi thấy

khói súng càng hăng. Với nước da đen cháy, mặt rạch ngang dọc và rất hung dữ, chúng biểu hiện của sự dã man, tàn ác. Cùng với bọn biệt kích "Tây Cạu" ở Núi Đồi (Đa Phúc), "Sếp cụt" ở Yên Lạc, lũ lính này đã biến vùng trung du xinh đẹp thành địa ngục trần gian.

Cả ba tiểu đoàn ta đều áp sát đội hình vào làng Xuân Trạch. Trời tối như bưng. Sau lũy tre dày đặc kia, kẻ thù ở đâu? Làm thế nào biết địch ở đâu để đã đánh là trúng? Tiểu đoàn trưởng Hoàng Cẩm bàn với đại đội trưởng Xuân Minh và đại đội trưởng Việt Kỳ:

- Bọn này phải khảo chúng nó mới xưng. Bây giờ mình dùng bộ binh của Xuân Minh, cối và đại liên của Kỳ "tổ" bắn một chặp buộc chúng nó bắn trả. Quan sát kỹ thế nào ta cũng phát hiện được chúng bố trí.

Kế hoạch táo bạo đó được trung đoàn trưởng Nguyễn Bàng nhất trí. Nửa đêm hôm đó từ hai phía nam và bắc làng Xuân Trạch ta dùng súng cối, đại liên bắn vào làng Xuân Trạch. Bị bất ngờ, trong cơn hoảng hốt, địch nhằm những nơi quân ta hò hét nổ súng. Quan sát xong, các cán bộ đại đội, tiểu đoàn đưa từng phân đội áp sát làng Xuân Trạch, hạ đặt mệnh lệnh tại chỗ. Thấy quân ta im lặng không xung phong, địch lại ngủ tiếp. Lát sau, ta lại nổ súng. Địch lại bắn, chờ ta xung phong nhưng không thấy. Nghe thấy tiếng súng địch bắn trả càng về sau càng rời rạc. Chắc chúng cho ta chỉ quấy rối, không đủ lực lượng xung phong. Gần bốn giờ sáng, đồng chí Nguyễn Bàng báo cáo đã hoàn thành kế hoạch tiến công. Tôi trả lời:

- Cho chúng ngủ thêm một tiếng nữa !

Đầu dây dăng kia, Nguyễn Bàng giọng phẩn chấn:

– Rõ! Thưa anh, giấc ngủ về sáng ạ!

– Đồng hồ tôi bây giờ là bốn giờ kém năm. Anh cho lấy lại đồng hồ, thống nhất giờ, nổ súng đồng loạt. Lúc này anh em đang làm gì?

– Anh em tranh thủ ngủ anh ạ. Đã mấy đêm nay...

– Không được ngủ vào lúc này. – Tôi trả lời anh Bàng. – Cho anh em củng cố công sự. Hết sức chú ý công sự cho hỏa lực.

Đúng năm giờ sáng ngày 27 tháng 12, ta nổ súng. Trận địa hỏa lực của Kỳ "tổ" nhằm vào điểm cao 10 và đường đi Ngọc Kỳ nổ dồn dập. Bị đánh bất ngờ địch rất hoảng hốt. Ngay từ loạt đạn đầu, một số lớn đã bị thương vong. Sau này khi bắt được tên Pit-xca chỉ huy tiểu đoàn Xê-nê-ga-le, tôi được biết ngay từ phút đầu chúng ta đã làm tê liệt sự chỉ huy của địch. Vài phút sau chúng mới kịp bắn trả. Nghe tiếng súng hốt hoảng địch bắn trả, tuy không rõ mục tiêu, Nguyễn Bàng cứ cho xung phong. Tiểu đoàn trưởng Hoàng Cẩm chỉ huy tiểu đoàn 130 xung phong lên điểm cao 10. Địch chống trả quyết liệt. Tiểu đoàn 154 đánh trúng trạm tiền tiêu của địch.

Quan sát địch sau 30 phút nổ súng, trung đoàn trưởng Bàng nhận định: Trời đã sáng. Hiện nay địch ở thế thấp hơn ta. Ta đã tiếp cận địch. Toàn bộ đội hình tiến công của trung đoàn đã nằm ngoài tầm bắn có hiệu quả của pháo địch. Bàng đề nghị cho xung phong. Tôi nhất trí với trung đoàn trưởng. Tôi lên đài quan sát nhìn. Trời đã lờ mờ sáng. Bầu trời

một màu xám tro. Một con vạc ăn đêm bay về phương nam. Không nhìn rõ nó, chỉ nghe tiếng kêu, tiếng vỗ cánh trong không khí gió buốt. Tôi ra lệnh cho trung đoàn 141 chuẩn bị tham chiến. Giọng của Nam Long khề khà:

– Báo cáo anh, 141 đã sẵn sàng.

Nghe giọng nói tôi biết Nam Long đã tranh thủ ngủ được một giấc.

Tôi nhìn đồng hồ: năm giờ 30.

Từ phía Xuân Trạch, súng quân ta nổ dồn dập. Trung đoàn trưởng báo cáo đã cho tiểu đoàn 130 và tiểu đoàn 154 xung phong. Nghe tiếng súng của trung đoàn 209, đại đội 670 tiểu đoàn 428 trung đoàn 141 tự động đến gặp tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 154 nhận nhiệm vụ. Chỉ huy đại đội này là đại đội trưởng Đặng Minh Cơ.

Sáu giờ 30, quân ta xung phong đợt hai. Tiểu đoàn 130 từ phía nam đánh lên điểm cao 10, tiểu đoàn 154 và đại đội 670 tiểu đoàn 428 đánh từ phía bắc vào làng Xuân Trạch. Đại đội trưởng đại đội 670 chỉ huy hai trung liên bí mật tiếp cận địch 20 mét bắn quét sát đất. Bị xung phong từ nhiều hướng, tiểu đoàn dù Xê-nê-ga-le số 10 phải bỏ làng Xuân Trạch chạy lên điểm cao 10. Trung đoàn 209 lệnh cho các mũi khép kín quân địch, hình thành thế bao vây rồi dùng thủ pháo đánh gần. Chỗ nào có địch là quân ta xông tới. Sau 40 phút đánh gần, một số địch đầu hàng, một số bỏ chạy bị đại đội 525 bắt sống gần hết. Không một tên nào chạy ra được cánh đồng

Ngọc Kỳ. Tên đại úy Pit-xca bị thương vào đầu. Trung đoàn trưởng trực tiếp hỏi cung. Hân khai:

– Các ông là ai, ở đâu đến chúng tôi không biết. Các ông xung phong rất nhanh, rất mạnh, chúng tôi không sao chống đỡ nổi.

Bảy giờ 30, trung đoàn báo cáo đã bắt được hơn 200 tù binh. Tôi gọi điện thoại cho anh Linh, lúc đó là bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phúc đề nghị các anh cho chuẩn bị chỗ giam hơn 200 tù binh da đen. Anh Linh bán tín bán nghi hỏi lại: "Tù binh nào kia?". Tôi trả lời: "Tù binh chúng tôi bắt được hiện đang đi theo suối đến chỗ các anh". Anh Linh hỏi lại: "Hôm qua anh nói chúng nó đang càn kia mà. Có phải anh Tấn không?". Anh Trần Độ và tôi cười: "Thì hôm qua nó càn, hôm nay chúng nó bị bắt làm tù binh chứ sao! "Những hơn hai trăm cơ à! Đông quá! Được, các anh cứ cho người giải chúng nó sang đây!".

Tin bắt được hàng trăm tù binh da đen làm nức lòng đồng bào ta. Nhân dân từ Phan Lương đến Bến Then rủ nhau cơm đùm, cơm nắm đi xem tù binh.

Chiến dịch "Chim dễ giun" của tướng Đờ Lát kết thúc ở Xuân Trạch. Tiểu đoàn dù số 10 bị tiêu hao nặng, tiểu đoàn 24 Xê-nê-ga-le hung hăng bị tiêu diệt và đại tá Mu-lê chỉ huy binh đoàn cơ động số 3 mới ở Pháp sang được có bảy ngày đã bị lột lon, cách chức. Tối hôm đó chúng tôi họp đảng ủy quyết định đề nghị cấp trên cho lấy ngày 27 tháng 12 làm ngày thành lập đại đoàn 312 và báo cáo lên Bộ. Bộ chuẩn y và

ngày 27 tháng 12 năm 1950 được chính thức công nhận là ngày thành lập đại đoàn.



Sau chiến thắng Xuân Trạch, tôi cho dời sở chỉ huy đại đoàn từ nam xóm Vẽ về cánh rừng tây Hữu Thủ. Về phía địch, sau thất bại ở Liên Sơn - Xuân Trạch, chúng tăng cường lực lượng cho các cứ điểm Chợ Vàng, Ba Huyền, Huổi Bằng, Thần Lăn, Núi Đồi, Lục Nam, Tiên Yên, Móng Cái.

Trong lúc nhân dân địa phương chuẩn bị ăn Tết Nguyên đán thì đại đoàn nhận được lệnh tham gia đợt hai chiến dịch. Mục tiêu đợt này là tiêu diệt Ba Huyền - một cứ điểm boong-ke kiên cố do hai đại đội Âu Phi chiếm đóng.

Chúng tôi cho quân báo bắt liên lạc với du kích địa phương cải trang làm phu vào hẻm Ba Huyền trinh sát. Hình thù cứ điểm Ba Huyền càng cụ thể thì kế hoạch tiến công Ba Huyền lại càng có những vướng mắc mới. Khác với những cứ điểm gỗ đất mà chúng tôi đã từng đánh, Ba Huyền là một cứ điểm boong-ke, mỗi lô cốt là một điểm tựa vừa đơn độc tác chiến, vừa tác chiến hiệp đồng với các lô cốt khác. Hỏa lực của từng lô cốt đều bắn quét sát đất đan chéo nhau theo các cạnh của hình đa giác nhằm triệt tiêu các "góc chết", không cho bộ binh ta tiếp cận. Tường lô cốt bằng bê-tông cốt sắt có thể chịu đựng được đạn pháo 75 bắn trực tiếp. Các khe hở của lỗ châu mai đều lấp ghi sắt để ngăn chặn

quân ta ném thủ pháo, lựu đạn vào trong, nhưng hỏa lực của chúng vẫn phát huy được dễ dàng. Mỗi lô cốt lại chia làm nhiều ngăn để phòng khi bị đánh, lô cốt không bị tiêu diệt toàn bộ. Muốn đánh thủng một lô cốt phải dùng một khối lượng thuốc nổ tương đối lớn. Trong cứ điểm không có chiến hào liên kết giữa các lô cốt nên khi đánh ở bên trong chúng ta sẽ phải đột phá từng lô cốt. Trên thực tế đánh tung thâm trong cứ điểm boong-ke là những trận đánh nhỏ vào các công sự kiên cố. Tốc độ đánh bên trong sẽ chậm. Bộ binh ta sẽ phải dàn đội hình tiến công trên mặt đất làm môi cho pháo địch bắn trùm lên cứ điểm. Những bắn khoản này tuy anh em không nói ra nhưng chúng tôi, những người chỉ huy đều tính toán đến. Một kế hoạch huấn luyện bổ sung được vạch ra.

Trong những ngày chuẩn bị, trên thao trường phân đoạn, các tổ bộc phá, xung kích, tổ thang vác... chia nhau tập. Tập rồi bàn. Những bắn khoản dần dần được tháo gỡ, nhưng chưa phải đã triệt để. Vì trang bị để mở cửa, đánh tung thâm của ta lúc đó chỉ có thuốc nổ và pháo 75.

Đêm 24 tháng 1 năm 1951, trung đoàn 141 đánh Ba Huyền, trung đoàn 209 đánh viện. Từ Dương Chỉ, chúng tôi hành quân bí mật đến Ba Huyền. Trong khi các mũi bí mật cắt hàng rào, xung kích tranh thủ đào công sự. Nhưng đất đồi quá rắn, anh em không sao đào được bí mật. Nghe tiếng động, địch trong cứ điểm bắn ra và gọi pháo bắn tới. Quân ta xông lên đánh bộc phá các lô cốt trầy trật. Lô cốt số 1 bị thủng một mảng

lớn, anh em ném lựu đạn vào. Lô cốt số 2, số 4 phải đánh đi đánh lại nhiều lần, nhưng tường lô cốt quá dày nên không có lô cốt nào bị tiêu diệt hoàn toàn. Trước sức tiến công dồn dập của ta, địch tập trung vào lô cốt số 3.

Trời sắp sáng. Trong đám mây nhợt nhạt đã nghe thấy tiếng động cơ của máy bay trinh sát. Triệu chứng địch sắp cho quân viện lên. Tôi ra lệnh cho trung đoàn 209 chuẩn bị đánh viện, lệnh cho 141 phải giải quyết Ba Huyền trước khi trời sáng. Nếu không xong phải chuẩn bị đánh ngày.

Trời sáng rõ. Trong cứ điểm Ba Huyền quân ta vẫn trụ bám những lô cốt đã đánh chiếm. Chiến sĩ Nguyễn Văn Thát, đảng viên, quan sát thấy phía sau lô cốt số 3 có một đoạn hào giao thông cụt. Thát đề nghị trung đội trưởng dùng trung liên yểm hộ để anh lên đoạn hào cụt và từ đó sẽ đánh vào trong lô cốt. Thát đã chọn chỗ yếu nhất của cái lô cốt boong-ke bịt bùng bằng bê-tông cốt thép. Hiểu ý người chiến sĩ thông minh dũng cảm, trung đội trưởng cho tập trung ba trung liên bắn điểm vào các lỗ châu mai. Thát xông lên. Anh bị thương tới hai lần nhưng không chùn bước. Tới đoạn hào cụt, Thát lia tiểu liên buộc bọn địch phải chui vào lô cốt rồi quăng luôn lựu đạn tiếp theo. Bọn địch trong lô cốt số 3, lô cốt cuối cùng của Ba Huyền bị tiêu diệt. Nguyễn Văn Thát người con của Lập Thạch đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất quê hương mình.

Bắc thị xã Vĩnh Yên chừng bảy ki-lô-mét sát chân núi Tam Đảo có một dãy núi giống hình con voi. Nhân dân địa phương gọi là núi Con Voi hay Núi Đanh. Dãy núi này khổng chế toàn bộ thị xã. Chân núi là những bụi sim, mua nhưng ở đỉnh lại có rừng cây non cao ngấp đầu người. Lưng chừng núi có một mỏm trọc nhô ra. Sườn bắc núi dốc dựng đứng, sườn nam thoải thoải. Chân núi có đường nhựa chạy từ thị xã Vĩnh Yên lên khu nghỉ mát Tam Đảo. Núi Đanh là mục tiêu tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch trong đợt hai chiến dịch Trần Hưng Đạo.

Sau một loạt cứ điểm kiên cố trên phòng tuyến trung du bị ta tiêu diệt, tướng Đờ Lát nhận định hướng bị uy hiếp nghiêm trọng là Vĩnh Yên. Nếu mất Vĩnh Yên thì Hà Nội khó an toàn. Sau thất bại Liên Sơn - Xuân Trạch, đại tá Va-nuy-xem được chỉ định thay thế Mu-lê chỉ huy binh đoàn. Binh đoàn cơ động số 3 được bổ sung một tiểu đoàn Mường và một tiểu đoàn Âu Phi.

Trong lúc trung đoàn 141 đánh Ba Huyện thì Bộ chỉ huy chiến dịch sử dụng cả đại đoàn 308 và trung đoàn 209 đại đoàn 312 để đánh viện. Trận đánh viện được bố trí trên trục đường: đường từ Ba Huyện về thị xã Vĩnh Yên và đường từ Vĩnh Yên lên Tam Đảo. Trung đoàn 36 đại đoàn 308 bố trí trên dãy đồi Cẩm Trạch có nhiệm vụ chặn đầu, trung đoàn 209 bố trí phía trên đội hình chiến đấu của trung đoàn 36. Trung đoàn 88 đại đoàn 308 có nhiệm vụ khóa đuôi. Điểm quyết chiến của trung đoàn 88 ở vùng Thanh Vân -

Đạo Tú. Trung đoàn 102 đại đoàn 308 làm nhiệm vụ dự bị.

Sau khi ta tiêu diệt cứ điểm Bảo Chúc đêm 13 tháng 1, ngày 14 địch cho binh đoàn cơ động số 3 do Va-nuy-xem chỉ huy lên tiếp viện. Một tiểu đoàn địch từ ngã ba Đông Đạo tiến về Bảo Chúc. Trung đoàn 36 đại đoàn 308 cho hai tiểu đoàn đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn Bắc Phi ở Cẩm Trạch. Va-nuy-xem tung cả ba tiểu đoàn lên Cẩm Trạch. Một cánh quân đi bộ từ Đông Đạo lên, số còn lại đi cơ giới. Trong lúc Va-nuy-xem tập trung về phía Cẩm Trạch thì trung đoàn 88 đại đoàn 308 bất ngờ nổ súng đánh vào đuôi đội hình của binh đoàn Va-nuy-xem. Rất tiếc là do địa hình trống trải, binh lực ta ít không đủ để hình thành thế bao vây trước khi tiến công cho nên chỉ tiêu diệt được một tiểu đoàn, đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn khác. Đờ Lát vội cho Sa-lăng lên đốc chiến. Quan sát thấy quân ta áp sát đội hình hành quân của Va-nuy-xem và thấy viên đại tá này không sao đưa đội hình binh đoàn cơ động số 3 trở về đội hình quen thuộc của kiểu chiến tranh quy ước, Sa-lăng lệnh cho Va-nuy-xem trước hết phải lấy lại trật tự ở ngay sở chỉ huy binh đoàn. Sa-lăng thống nhất với Va-nuy-xem cách đối phó rồi vội vã bay về Hà Nội báo cáo với Đờ Lát. Đờ Lát nổi giận. Sau này trong hồi ký của mình, Sa-lăng thú nhận rằng quang cảnh rối loạn trên chiến trường Vĩnh Yên và sự thiếu bình tĩnh của Đờ Lát đã khiến cho y phải trải qua một đêm "trong cảnh bối rối khác thường".

Đờ Lát phái A-la đại tá tham mưu trưởng vào Nam để điều thêm năm tiểu đoàn ra Bắc, lệnh cho Đờ Cát tạm bỏ Lục Nam, hành quân gấp lên Vĩnh Yên đánh

chiếm lại các điểm cao đã mất. Như vậy, Đờ Lát đã tung lên Vĩnh Yên các binh đoàn cơ động số 1, số 3 và binh đoàn cơ động Bắc Phi - những chủ bài sừng sỏ của khối cơ động chiến lược của quân viễn chinh Pháp.

Mười lăm giờ, Đờ Lát lại thúc Sa-lăng lên Vĩnh Yên. Mặc dù được báo cáo cả ba binh đoàn đã triển khai xong đội hình ở phía bắc Vĩnh Yên, Đờ Lát vẫn không yên tâm. Sa-lăng vừa về đến Hà Nội, Đờ Lát lại dẫn cả viên tướng này và tướng Lơ-cốc bay lên Vĩnh Yên. Thấy tình hình còn lộn xộn hơn lúc buổi sáng, khắp nơi ngổn ngang bọn lính bị thương, Đờ Lát cho là Ô-đông non tay không điều khiển nổi tình hình nên ra lệnh gọi tướng Bai-íp tư lệnh phó ở Nam Bộ ra cùng với một ban tham mưu cấp sư đoàn lên Vĩnh Yên. Cả ba binh đoàn của Va-nuy-xem, Ô-đông, Lơ-vê thống nhất lại thành sư đoàn cơ động Bắc Bộ thứ nhất dưới quyền chỉ huy của tướng Bai-íp. Tại thị xã Vĩnh Yên, Đờ Lát đích thân ra lệnh: Va-nuy-xem giữ Vĩnh Yên. Ô-đông cho binh đoàn đang ở Hương Canh lên phối hợp với Va-nuy-xem bảo vệ thị xã Vĩnh Yên. Sa-lăng điều hợp các hoạt động. Bô-phrê bảo vệ bắc Hà Nội. Clê-măng tập hợp ba tiểu đoàn quanh Cầu Đuống sẵn sàng yểm trợ cho Ô-đông về phía đông và bảo vệ Hà Nội ở hướng bắc. Đờ-danh-vin tập trung tất cả các đơn vị quanh Phủ Lạng Thương (thị xã Bắc Giang) để ngăn chặn phía này. Đờ Cát cho liên đoàn Ta-bo tạm thời rời Lục Nam tới với Ô-đông ở Vĩnh Yên.

Sáng ngày 16 tháng 1 năm 1951, từ sáng sớm, binh đoàn cơ động Bắc Phi được máy bay yểm trợ đã tiến công chiếm Núi Đanh. Định chia làm ba mũi: một mũi

theo đường cái, mũi chủ yếu tiến thẳng về Núi Đanh, một mũi tiến vào làng Nhân Mỹ với ý định đánh vào sau đội hình của đại đoàn, phối hợp với mũi chính tiến công Núi Đanh. Lúc này chúng tôi đã cho dời sở chỉ huy từ cánh rừng Xóm Vẽ về cánh rừng tây Hữu Thủ. Từ sở chỉ huy đã nghe thấy tiếng súng địch và tiếng động cơ xe cơ giới của cánh quân chủ yếu. Tôi ra lệnh cho trung đoàn 141 xuất kích. Anh em lợi dụng bờ ruộng chia thành từng phân đội nhỏ vừa vọt tiến, vừa yểm hộ cho nhau. Trung đoàn 209 nhanh chóng chiếm Núi Đanh. Hơn 40 khẩu pháo của địch bắn liên tục. Trên trời hàng chục máy bay thay nhau bắn phá. Bom na-pan trút xuống tạo nên những cột khói đen kịt cả một vùng bắc thị xã Vinh Yên.

Cánh quân thứ nhất của địch đã bị đại đoàn 308 chặn đánh quyết liệt ở chân các điểm cao 47 và 101, nhưng một bộ phận lớn quân địch vẫn tiến được về hướng Núi Đanh. Cánh thứ hai mới đến điểm cao 83 đã bị tiểu đoàn 428 và một đại đội của tiểu đoàn 166 chặn đánh. Ta đánh lui ba đợt xung phong của địch. Cánh quân địch lớn nhất đi cơ giới vẫn tiến về Núi Đanh.

Lúc này tiểu đoàn 130 đã bố trí ở cánh rừng Hữu Thủ, cách Núi Đanh hơn một ki-lô-mét. Đại đội 363 nhận lệnh nhanh chóng chiếm Núi Đanh trước địch. Đại đội trưởng Xuân Minh cùng các cán bộ trung đội dẫn đầu đội hình xông lên. Hành động gương mẫu của cán bộ giữa lúc bom đạn địch ồ ạt trút xuống là mệnh lệnh có hiệu lực nhất. Anh em theo cán bộ, từng tổ, từng tổ vọt tiến chạy thẳng lên đỉnh núi. Khi còn cách địch khoảng trăm mét,

đại đội trưởng cho triển khai đội hình thành hình tròn. Đại đội phó triển khai hai tiểu đội phía sườn đồi. Các chiến sĩ về vị trí, chưa kịp đào công sự đã phải nổ súng. Cuộc chiến đấu giữa hơn một trăm chiến sĩ và hơn một tiểu đoàn địch đã diễn ra hết sức quyết liệt.

Địch có máy bay, pháo binh chi viện ra sức tiến công. Các chiến sĩ chiến đấu trên một trận địa toàn những bụi cây chưa được phát quang, hào chiến đấu, công sự không kịp đào. Anh em phải đứng thẳng người để nhằm bắn địch. Có những khẩu súng phải có người quỳ xuống làm giá cho đồng đội bắn. Hết băng đạn anh em lại nằm xuống lắp đạn, xong lại đứng dậy bắn. Có chiến sĩ bị đạn máy bay bắn gãy tay phải đã chuyển sang tay trái. Đại đội trưởng Xuân Minh chạy tới từng tổ động viên và chỉ huy anh em: "Ta ở thế cao hơn địch. Hãy giữ vững trận địa". Sau gần bốn giờ chiến đấu, anh em đã đánh lui tám đợt xung phong của địch. Xác địch nằm ngổn ngang trên Núi Đanh. Chỉ còn hơn hai tiểu đội chiến đấu được, các chiến sĩ ta vẫn kiên cường giữ vững trận địa cho tới khi có tiếp viện của tiểu đoàn.

Trong lúc hai trung đoàn 141 và 209 tham gia chiến dịch thì trung đoàn 165 đang làm nhiệm vụ tiêu phỉ, xây dựng cơ sở chính trị ở Lao Hà. Tại chiến trường gian khổ này, trung đoàn 165 đã được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thành đồng biên giới". Tới tháng 3 năm 1951, trung đoàn mới về đội hình chiến đấu của đại đoàn 312.

Đại đoàn là hình ảnh thu nhỏ của các dân tộc miền Bắc Việt Nam. Có đại đội anh em hầu hết là người các dân tộc vùng cao. Trong ba cán bộ trung đoàn, hai đồng chí Nam Long và Lê Thùy là người dân tộc Tày. Sự ra đời của đại đoàn phản ánh sự phát triển của quân đội ta. Trong đại đoàn có đồng chí là đội viên đội vũ trang tuyên truyền, là giải phóng quân ở Bắc Cạn, Hà Giang, Tuyên Quang. Từ đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, vừa xây dựng vừa chiến đấu nay tiến lên đánh tập trung, tất cả chúng tôi, những cán bộ, chiến sĩ của đại đoàn 312 đã tham gia chiến dịch với ý chí quyết chiến, quyết thắng của Sông Lô, Sông Thao, Sông Đà, Biên Giới và những kinh nghiệm tác chiến trong các trận đánh trước đó. Nhận nhiệm vụ tác chiến ở một chiến trường địch có ưu thế về không quân, pháo binh, xe tăng lại gần các khối quân cơ động mạnh nhất của Pháp, trong tình hình trang bị còn rất thiếu thốn, chúng tôi đã xây dựng cho đại đoàn ngay từ ngày đầu ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần chịu đựng gian khổ khắc phục khó khăn, sự tìm tòi, luôn luôn sáng tạo để hoàn thành mọi nhiệm vụ trên giao.

Sau chiến dịch Trung Du, đảng ủy đại đoàn triệu tập hội nghị cán bộ ở Kim Lãng để tổng kết chiến dịch, liên hoan mừng xuân, đồng thời cũng để các cán bộ trong đại đoàn lần đầu gặp nhau, hiểu nhau, giới thiệu với nhau quá trình công tác và chiến đấu của từng người. Không có lễ ra mắt, không có duyệt binh, đại đoàn 312 đã ra đời như thế đó.



Kết thúc chiến dịch Trung Du, chúng tôi lại trở về khu rừng cọ quen thuộc ở xóm Củng (Phú Thọ). Với nhiệm vụ là lực lượng cơ động chiến lược của Bộ, chúng tôi kiểm điểm khả năng đánh công kiên và đánh vận động của đại đoàn, chuẩn bị làm nhiệm vụ trong chiến dịch sắp tới.

Chiến dịch sắp tới mở trên đường số 18 mang mật danh Hoàng Hoa Thám. Phương châm tác chiến là đánh điểm diệt viện. Tham gia chiến dịch lần này có ba đại đoàn: 308, 312, 316. Nhiệm vụ của đại đoàn lần này là giấu kín lực lượng để đánh viện đồng thời chuẩn bị đánh công kiên. Chúng tôi lại cùng anh em quân báo chuẩn bị lên đường đi chuẩn bị chiến trường. Nhìn trên bản đồ thấy con đường số 18 mảnh dẻ vắt qua những đường bình độ màu gỉ sắt nằm giữa mảng xanh bao la của chiến trường Đông Bắc, chúng tôi biết nhiệm vụ chiến đấu lần này khá nặng nề, khó khăn, gian khổ không phải ít. Tôi có cảm giác như ngày nào nhận nhiệm vụ lên Sơn La. Phần lớn chúng tôi chưa một lần đến vùng than Quảng Yên. Qua sắc thái của cán bộ tôi biết anh em chưa thật yên tâm. Nỗi băn khoăn của anh em không phải là cách đánh. Tuy mới thành lập nhưng với kinh nghiệm tác chiến trong hai chiến dịch Biên Giới và Trung Du chúng tôi đã có thêm kinh nghiệm về đánh công kiên và đánh vận động. Trên cho biết công sự địch ở vùng này chưa cải tiến, phần lớn là lô cốt bằng gạch kiểu tháp canh. Khả năng quân viện của địch cũng rất hạn chế vì không gian của chiến trường và đường sá không cho phép. Rõ ràng điều mắc mưu không phải là cách đánh. Những

kinh nghiệm của Biên Giới, Trung Du chưa phải đã lỗi thời. Vậy điều băn khoăn của cán bộ là do đâu? Tôi tự đặt câu hỏi rồi lại tự xét lại mình bởi vì tôi cũng là một thành viên của đại đoàn. Tâm trạng của tôi cũng là của anh em. Hay là do chúng tôi chưa có quyết tâm cao? Cái băn khoăn là do ý chí? Ở cái tuổi ngoài ba mươi này tuy không còn trẻ nhưng chưa phải đã già, sức chúng tôi còn đủ đi bộ đường trường, trèo đèo lội suối dẻo dai. Thế tại sao mình lại có cảm giác như hồi đi lên Sơn La năm 1945? Khi đi chuẩn bị chiến trường, tôi mới biết là đi chiến trường Đông Bắc lần này chúng tôi thiếu cái ấm áp của tình dân.

Nếu ở chiến dịch Biên Giới, chúng ta có thể dựa vào sức người, sức của của đồng bào hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn thì trên chiến trường này mọi việc về hậu cần đều đặt trên vai người lính. Từ mang gạo, mang đạn cho đến tải thương, bộ đội đều phải tự giải quyết lấy. Trên chiến trường này dân cư thưa thớt, công nhân mỏ thì sống tập trung bị địch khống chế gắt gao trong các công trường. Dù muốn nhưng với khẩu phần ăn có hạn nhân dân mỏ không thể tiếp tế cho bộ đội. Chiến trường đường số 18 lại càng không giống Trung Du. Ở Trung Du dân cư đông đúc, nơi ta đã có chính quyền, có cơ sở chính trị chúng tôi có thể dựa vào sự đùm bọc của nhân dân, dựa vào chính quyền cách mạng để đưa trinh sát vào ngay đồn địch hoặc giấu quân hàng trung đoàn ở ngay sát đồn địch mà chúng vẫn không hay biết. Tại chiến trường này, chúng tôi sẽ phải đối mặt với kẻ thù ở vùng sâu. Đánh vào đã khó, rút ra cũng không phải dễ dàng. Một trong

những điểm còn chưa thật yên tâm là mọi mặt về bảo đảm hậu cần chúng tôi đều phải tự lo liệu lấy. Giữa lúc đó Bác Hồ đến. Cán bộ không được báo trước nên khi Bác bước vào cuộc họp, anh em vô cùng mừng rỡ, định ùa ra vây lấy Bác. Rất nhanh nhẹn, một tay đỡ chiếc áo bông khoác bên ngoài bộ quần áo nâu quen thuộc, Bác giơ tay ra hiệu. Bác hỏi: "Các chú ngồi thế có bị vất cần không? Các chú có khỏe không? Học tập có tốt không? Các chú đã sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ chưa?". Thân mật như cha với con, Bác căn dặn chúng tôi phải có quyết tâm thật cao trong chiến dịch sắp tới, biết đoàn kết, chân thành đoàn kết thì khó khăn mấy cũng vượt được. Rồi Bác đi thăm nhà bếp, xem bữa ăn của bộ đội. Bác ở lại cho đến tối dự bữa cơm liên hoan với bộ đội.

Đêm hôm đó, chúng tôi tổ chức đốt lửa trại trong một khu rừng để Bác gặp anh em. Bên đống lửa hồng ấm áp, Bác kể cho chúng tôi nghe những ngày hoạt động gian khổ trước đây. Bằng vài nét phác họa đầy hình ảnh, Bác nhắc lại sự trưởng thành của quân đội ta. Từ đội vũ trang tuyên truyền nhỏ bé năm nào, nay chúng ta đã có bộ đội chủ lực, có bộ đội địa phương và dân quân du kích trong cả nước. Đất nước ta từ chỗ bị bao vây bốn mặt nay ta đã có cả hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa và mặt trận dân chủ chống chế độ thực dân trên quy mô lớn.

Với nhiệm vụ được giao, mang theo lời Bác trong tim, chúng tôi lên đường. Đại đoàn qua Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Giang tiến về vùng mỏ. Những cơn mưa

cuối xuân đầu mùa hạ rả rích không ngớt. Đường trơn như đổ mỡ. Tới bờ sông Chu thì trời sáng rõ. Không có cầu, không có dò lại phải qua một cánh đồng rộng cho nên bộ đội phải cởi quần áo vượt sông. Qua Đèo Bông, trời mưa như trút nước. Bộ đội mò mẫm suốt đêm vẫn chưa lên tới đỉnh. Bộ binh, pháo binh, dân công ùn dưới chân đèo trong mưa giông. Tới đỉnh đèo đã thấy dãy núi nhấp nhô của vùng mỏ, xa xa là biển.

Ngày 18 tháng 3 tại Bãi Đá, chúng tôi triệu tập cán bộ từ tiểu đoàn trở lên để phổ biến quyết tâm cuối cùng của Bộ chỉ huy chiến dịch. Theo kế hoạch, mở đầu chiến dịch, ta tiến công tiêu diệt bốn cứ điểm nhỏ là Lán Tháp, Lọc Nước, Sóng Trâu, Máng Nước. Đại đoàn có nhiệm vụ giấu quân để đánh viện. Đợi ba ngày không thấy địch viện, đại đoàn được lệnh tiến công vị trí Tràng Bạch, đại đoàn 308 đánh Bí Chợ. Tràng Bạch, Bí Chợ bị tiêu diệt nhưng địch vẫn không viện. Trên ra lệnh tiếp tục tiêu diệt Uông Bí, Mạo Khê, những vị trí tương đối lớn hơn.

Ở Mạo Khê mở địch có chừng 140 tên do một tên quan hai chỉ huy. Trung đoàn 209 được giao nhiệm vụ đánh Mạo Khê đã tập kết cách Mạo Khê bảy ki-lô-mét. Trời tối, bộ đội hành quân theo suối, đường rất khó đi, lại có pháo đi cùng nên tốc độ hành quân rất chậm. Qua suối đến vùng đồi trọc chỉ có những bụi sim, mua lúp xúp rất khó nhận dạng nên đơn vị bị lạc. Chiếm lĩnh xong trận địa thì gà đã gáy. Theo kế hoạch, 23 giờ nổ súng, nhưng mãi ba giờ 30 sáng mới nổ súng. Ba

khẩu pháo 75 kéo theo đặt cách đồn 100 mét, vừa đặt xong pháo đã phải bắn ngay.

Địch trong cứ điểm phản ứng quyết liệt. Pháo địch từ Đông Triều bắn dồn dập. Sau 40 phút ta phá xong hàng rào, tiêu diệt một lô cốt. Địch rút sang khu nhà gác ba tầng. Ta chiếm toàn bộ các khu nhà trong cứ điểm và tầng dưới nhà ba tầng. Địch lên gác hai, phá cầu thang gác. Ta đánh lên gác hai, địch rút lên tầng ba chống cự. Lúc này trời đã sáng. Tôi biết trận đánh này sượng rồi. Chúng tôi chưa có kế hoạch tiến công khu nhà cao tầng. Chỉ còn có cách dùng pháo bắn thẳng và dùng thuốc nổ. Nhưng pháo đặt gần không thể đánh sập được nhà. Hai tạ thuốc nổ được điều vào đồn nhưng từ trên gác ba, hơn 50 tên địch còn lại, có sự chỉ huy của tên quan hai, đã dùng lựu đạn và cả đạn cối từ trên gác cao thả xuống xung quanh nhà. Nguyễn Văn Tiền, chiến sĩ bộc phá đã đặt được khối thuốc nổ 60 ki-lô-gam dưới chân tường. Nhưng khi bộc phá nổ, tòa nhà vẫn không đổ. Địch trút bom lửa xung quanh cứ điểm. Đội dự bị không sao vào được.

Trung đoàn trưởng ra lệnh bám sát những vị trí đã chiếm, chờ trời tối đánh tiếp. Khoảng trưa địch cho một tiểu đoàn có xe tăng, xe bọc thép yểm trợ tiến về Mạo Khê. Trận đánh viện này kéo dài từ trưa cho đến sẩm tối nhưng không tiêu diệt được gọn.

Sau Mạo Khê, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương mở đợt mới. Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ đánh Bến Tắm, Bãi Thảo, đại đoàn 312 đánh Hoàng Gián và đánh viện từ Đông Triều lên. Hoàng Gián là một cứ

điểm nhỏ, lực lượng địch có khoảng hai trung đội. Sau vài giờ chiến đấu, ta tiêu diệt được các lô cốt địch, nhưng khi gặp hầm ngầm, đánh không gọn, trời đã sáng. Quân ta rút ra, không diệt gọn đồn địch, lại bị tiêu hao. Cũng trong đêm đó đơn vị bạn không tiêu diệt được Bến Tắm. Viện binh địch không ra nên đại đoàn không có điều kiện đánh viện như kế hoạch đã định. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám kết thúc.



Đại đoàn trở về Tuyên Quang tổng kết trong không khí trầm lặng. Đại đoàn đã không làm tròn nhiệm vụ trong trận Mạo Khê. Đánh viện không gọn. Thương vong cao. Là người chịu trách nhiệm chính, tôi biết cái không khí trầm lặng này rất bất lợi trong việc xây dựng đơn vị. Trước mắt phải tổng kết cho tốt. Muốn thế người chỉ huy phải dám nhìn thẳng vào sự thật, trước hết là nhìn vào bản thân mình khi nhận nhiệm vụ với trên và trách nhiệm của mình khi chỉ huy đơn vị. Trong chiến dịch này tôi làm nhiệm vụ một người chỉ đạo chứ không phải người chỉ huy các tình huống. Khi anh em gặp khó khăn tôi đã không có mặt để trực tiếp cùng anh em khắc phục. Trong việc chấp hành mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, tôi còn có những băn khoăn nhưng chưa nói hết với trên.

Trong hội nghị tổng kết, tôi chân thành nói với anh em: "Trong chiến dịch này, do đánh giá chưa đúng địch nên kế hoạch tác chiến giản đơn, không thận trọng. Trong chỉ huy đã không thấy đặc điểm mới của

chiến trường nên trong tác chiến công kiên cũng như vận động đã mang nguyên xi kinh nghiệm chiến dịch Biên Giới và Trung Du vào chiến trường đường số 18 mà không thấy đã gọi là kinh nghiệm thì nó chỉ có giá trị trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định. Đánh không giòn giã, diệt địch không gọn, để cho anh em bị thương nhiều là trách nhiệm của tôi".

Anh Nguyễn Bàng cũng tự phê bình thành khẩn về khuyết điểm tổ chức không chu đáo trong hành quân, để lãng phí thời gian. Trước sự chân thành của cán bộ các cấp, các chiến sĩ rất xúc động. Anh em cũng tự phê bình về ý chí chiến đấu, ý thức chấp hành mệnh lệnh, tinh thần kỷ luật trong hành quân, trong bảo quản vũ khí, khí tài chiến đấu. Thấy không khí phấn chấn của đại đoàn trong tổng kết, tôi nghĩ nếu khi tổng kết ở Bộ cũng tạo được không khí cởi mở này thì chắc những băn khoăn của các đơn vị trong chấp hành mệnh lệnh sẽ chấm dứt. Với ý nghĩ đó, tôi lên đường về Bộ dự hội nghị tổng kết chiến dịch Hoàng Hoa Thám.

Tôi cho rằng chiến dịch Hoàng Hoa Thám là một chiến dịch không thành công. Mục đích chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch hay là làm thay đổi cục diện chiến trường không rõ. Cả ba đại đoàn đều không hoàn thành nhiệm vụ. Ta mở chiến dịch trong tình hình chưa có chuẩn bị đầy đủ về địa hình, nhất là về hậu cần. Các đơn vị đều bị thương vong cao, không hoàn thành nhiệm vụ. Tôi cho rằng Bộ cũng phải chịu trách nhiệm về chọn hướng để mở chiến dịch và xác định mục đích chiến dịch cho rõ. Khi đã hạ quyết tâm phải

có những yếu tố hoặc tạo nên những yếu tố để bảo đảm thắng lợi của chiến dịch. Và tôi đã chân thành nói lên những suy nghĩ trên của mình trong hội nghị tổng kết của Bộ. Tôi có cảm tưởng khá đông cán bộ ở đơn vị tán thành ý kiến phát biểu của tôi, nhưng không ai nói ra. Các cán bộ thuộc cơ quan Bộ có ý kiến khác. Có ý kiến cho rằng, nếu chiến thuật thực hiện tốt thì cục diện đã khác. Tôi không đồng ý. Tôi cho rằng chiến thuật chịu sự chỉ đạo của chiến dịch. Mục đích chiến dịch không rõ, không kiên quyết, chọn hướng mở chiến dịch không đúng thì chiến thuật không thể hoàn thành được nhiệm vụ. Ý kiến của tôi đã được phản ánh lên trên.

Giữa hội nghị, Bác Hồ đến thăm. Bác nói, người ta ai cũng phải rửa mặt. Tự phê bình là rửa mặt cho sạch. Bác bảo tôi đứng dậy rồi Bác nói:

– Chú Tấn! Chú đã biết rửa mặt chưa? Mặt có vết nhỏ mà không biết rửa thì không sạch. Phê bình và tự phê bình là cách rửa mặt. Sau mỗi trận đánh phải biết phê bình và tự phê bình mới mong tiến bộ.

Tôi đứng nghiêm trước lời dạy bảo nghiêm khắc, chân thành của Bác.

Trong bụng chưa thật thoải mái, nhưng tôi nghĩ mình đã dám nói thì cũng phải dám nghe. Tôi nhìn các anh Vương Thừa Vũ, Cao Văn Khánh... Anh Trần Độ mặt đỏ bừng như đang trong cơn sốt. Trong lòng tôi bỗng trào lên niềm thương yêu Bác. Tôi giận mình đã không biết cách diễn đạt những ý nghĩ của mình cho mềm mại hơn. Nhưng từ đó, tôi là một trong

những cán bộ được Bác nhớ tên. (Cho tới khi tôi nhận nhiệm vụ vào Nam sau này, trong bữa cơm thân mật Bác cho vợ chồng tôi ăn, Bác vẫn nhắc lại một cách vui vẻ câu chuyện cũ).

Tối hôm đó sau bữa cơm, đồng chí Bộ trưởng gặp riêng tôi để động viên. Tôi nói:

– Được Bác giáo dục là rất tốt. Bác cũng vì thắng lợi của cách mạng, vì xương máu của chiến sĩ mà giáo dục chúng tôi. Một trận đánh không thành công cũng dạy cho ta một điều gì đó, miễn là ta không chịu xuôi tay.

Cũng giống như số phận của các tướng chỉ huy quân viễn chinh Pháp trước đó, cái khó nhất đối với tướng Đờ Lát là thiếu quân, thiếu trang bị để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sự kiệt quệ của nước Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã không cho phép ông ta thực hiện những mưu đồ giành quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ. Ông ta cho rằng muốn thắng trong cuộc chiến tranh trên chiến trường Việt Nam trước hết phải thắng phe chủ hòa ở nước Pháp. Ông ta cho rằng cái bó tay ông ta là phong trào đòi hòa bình ở Pháp và sự do dự của chính phủ Pháp. Đầu tháng 3 năm 1951 Đờ Lát lên đường về Pháp. Nhưng thủ tướng Cờ, trước sự kiệt quệ của nền kinh tế Pháp chỉ cho Đờ Lát có 20.000 quân và hẹn tháng 7 năm 1952 phải hoàn lại (?). Đờ Lát cùng vợ đi sang Mỹ xin viện trợ. Tại Oa-sinh-tơn, Đờ Lát được Tờ-ru-man, tổng thống Mỹ hứa sẽ viện trợ. Trước mắt, Mỹ sẽ gửi sang Đông

Dương 600 máy vô tuyến điện, 9.000 súng tiểu liên, 500 súng máy, 5.000 xe vận tải. Các thứ khác như xe tăng, máy bay, tàu chiến sẽ gửi sau. Từ đầu tháng 3 năm 1951, Sa-lăng phó tổng chỉ huy thay Đờ Lát, Đờ La-ri-nét tham mưu trưởng thay Sa-lăng. Các quan chức Pháp ra sức đốc thúc Bảo Đại quốc trưởng bù nhìn và Trần Văn Hữu thủ tướng gấp rút thành lập "quân đội quốc gia" để bù vào chỗ thiếu quân mà nước Pháp không thể nào thỏa mãn. Mỗi trung đoàn Pháp kèm cặp một tiểu đoàn quân ngụy.

Để phá cuộc tiến công thu đông của địch, tiêu diệt sinh lực địch, phá âm mưu vét lính, để phát triển chiến tranh nhân dân vùng đồng bằng sông Hồng, Bộ quyết định mở chiến dịch Quang Trung.

Chiến dịch được mở trên ba tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, nơi địch chỉ có binh đoàn cơ động số 4 ở Phủ Lý. Đây là khâu yếu nhất của địch ở đồng bằng Bắc Bộ. Hướng chính của chiến dịch là Ninh Bình. Tại đây, chúng ta sử dụng hai đại đoàn 308 và 304. Hướng phụ Nam Định, Thái Bình do đại đoàn 320 và một số trung đoàn độc lập của Quân khu đảm nhiệm. Trong đợt một chiến dịch, chúng ta đã tiêu diệt Non Nước, Hồi Hạc, Đại Phong. Lần đầu tiên đại đoàn 308 tiêu diệt địch trong một thị xã (thị xã Ninh Bình), diệt gọn một đại đội huấn luyện hạ sĩ quan trong nhà thờ Đại Phong trong 45 phút. Đợt hai, chiến dịch không thành công trong các trận Chùa Cao, Cầu Bút, Ngọc Lâm. Đại đoàn 320 cùng với lực lượng tại chỗ đã đánh những trận tiêu diệt xuất sắc như trận Đống Lương (Vụ Bản, Nam Định), trận Cam Giá (Ninh

Bình), trận chống càn thẳng lợi ở Chợ Cháy (Hà Đông). Chiến dịch kết thúc ngày 20 tháng 6 năm 1951.

Cùng với chiến dịch Quang Trung, để thu hút lực lượng địch, làm sai lạc sự phán đoán của chúng, chúng ta mở chiến dịch Lý Thường Kiệt ở Tây Bắc. Hướng chính chiến dịch là phân khu Nghĩa Lộ, hướng phụ là Bình Lư. Đại đoàn 312 được giao nhiệm vụ một mình thực hiện chiến dịch này. Đây là một chiến dịch tiến công vào nơi địch chưa đề phòng. Trung ương đã điều động 5.000 dân công thuộc bốn tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Yên vận chuyển 10 tấn muối, hơn 500 tấn gạo để bảo đảm cho chiến dịch.

Đại đoàn vừa hành quân đến Yên Bái chuẩn bị vượt sông thì có lệnh của Bộ ngừng vượt sông. Chúng tôi được biết hướng chiến dịch đã bị lộ. Địch đã đề phòng. Về sau này, chúng tôi được biết qua hồi ký của các tướng lĩnh Pháp là chiến dịch Lý Thường Kiệt đã làm cho bộ chỉ huy Pháp phân vân. Họ đặt vấn đề có phải chiến dịch Lý Thường Kiệt là dấu hiệu mở màn cuộc tiến công lớn của ta trong thu đông? Liệu Nghĩa Lộ có trở nên một Đông Khê, trận đánh mở màn cho chiến dịch Biên Giới hay không. Bộ chỉ huy Pháp không tính đến khả năng ta đưa ba đại đoàn mở chiến dịch ở Hà Nam Ninh. Bộ chỉ huy Pháp ra lệnh tăng cường phòng thủ Nghĩa Lộ; ra lệnh báo động toàn khu Tây Bắc, đẩy mạnh càn quét ở đồng bằng để đỡ đòn cho Tây Bắc, đặt không quân ở Bắc Bộ trong trạng thái sẵn sàng ứng cứu cho Tây Bắc. Ở Nghĩa Lộ, chúng ra lệnh chuyển sang trạng thái chiến đấu, cắm trại sĩ quan và

binh lính không được ra phố chơi, tăng cường cho Nghĩa Lộ một đại đội.

Ngày 16 tháng 9, địch cho máy bay oanh tạc dọc sông Hồng, thả đèn dù và bắn phá các bến đò. Đờ La-ri-nét tham mưu trưởng và trung tá Din-lơ đại diện tướng Sa-lăng lên Nghĩa Lộ kiểm tra. Trước lệnh ngừng của Bộ, đảng ủy đại đoàn họp và nhận định: hướng chiến dịch đúng là đã bị lộ nhưng khả năng đánh bất ngờ vẫn chưa phải đã hết. Cho tới nay địch vẫn chưa biết ta có bao nhiêu, ta đánh vào lúc nào, đánh theo kế hoạch nào. Đảng ủy chủ trương chuẩn bị thật đầy đủ ở bên này sông. Cả ba trung đoàn cùng vượt sông một lúc sẽ tạo nên thế bất ngờ trong chiến đấu, tiến lên giành thắng lợi cho chiến dịch.

Đêm 23 tháng 9, từ các bến đò Mậu A, Cổ Phúc (Yên Bái), đại đoàn vượt sông tiến vào Tây Bắc. Tôi và các cán bộ trung đoàn, trinh sát vượt sông sang trước. Đại đoàn do anh Trần Độ và tham mưu trưởng chỉ huy đi sau.

Chúng tôi tiến vào Tây Bắc dưới trời mưa tầm tã. Nếu trước đây khi vạch kế hoạch cho các đội vũ trang tuyên truyền từ Phú Thọ, Yên Bái vào Tây Bắc, chúng tôi chọn những đường mòn dọc theo suối, những nơi chưa có vết chân người thì nay phải tìm một hành lang tiến quân cho cả một đại đoàn. Phải tính từng con suối, từng đoạn sông, từng triền núi. Gay go nhất là phải vượt qua Khâu Vác, một ngọn đèo cao, cửa ngõ đi vào Nghĩa Lộ. Bộ binh đi đã vất vả, pháo binh lại càng vất vả hơn. Địch dùng máy bay phong tỏa nên ta phải hành quân ban đêm. Khiêng khẩu pháo 75 nặng hàng tấn trên

đôi vai trần. Khi lên dốc, hàng chục người ở dưới khênh nòng pháo lên cho hàng chục người ở trên dùng chạc kéo dần lên từng bước. Hối đó áo mưa chưa có, anh em phải khoác áo tơ bằng lá. Chỉ qua một chặng hành quân là áo đứt, dây xâu rách từng mảnh lớn. Hành quân suốt đêm chỉ được mười ki-lô-mét. Những lúc dừng chân anh em ngồi trên bùn mà ngủ. Có hôm cơm nắm mang theo không thể ăn được. Có lệnh nghỉ ăn cơm, giở nắm cơm ra chỉ thấy một cục nhão nhoét vừa nồng mùi mồ hôi vừa chua mùi nước mưa. Trong gian khổ, cán bộ cùng anh em mang vác, người khỏe dìu người yếu, nhường nhau từng mảnh áo tơ, từng hộp nước uống. Chúng tôi lên đến đỉnh Khâu Vác thì vừa trưa. Trên đỉnh đèo, những bộ xương trắng nằm rải rác trên lối đi. Đó là xác của nhân dân và cán bộ, bộ đội bị địch phục kích khi ra vào Nghĩa Lộ.

Vượt qua tuyến ngăn chặn của địch, đại đoàn đã tới sát Nghĩa Lộ. Thắng lợi của cuộc hành quân gian khổ, đưa toàn đại đoàn tới đích bí mật, an toàn đã làm nẩy sinh trong chúng tôi tư tưởng chủ quan. Có đồng chí trung đoàn trưởng cho là đơn vị mình đã từng chọi với lê dương, da đen ở Biên Giới, Trung Du, Đông Bắc thì cái đám lính quèn ở Nghĩa Lộ này không có nghĩa lý gì. Do khinh địch cho nên tác phong tổ chức chiến đấu cũng đơn giản, đại khái. Hai trận đánh mở đầu thắng lợi ở Bản Tủ, Ngã Hai càng làm cho tư tưởng chủ quan, khinh địch phát triển. Trung đoàn 141 đến Ngã Hai gặp đơn vị tiên tiêu của địch trên sườn núi chỉ dùng một trung đội đã đánh bật địch ra khỏi đồn tiên tiêu, tiêu diệt một tiểu đội địch, bắt sống hai tên cai

khố đỏ. Hai tên này lạy van xin tha chết và khai: "Đồn Nghĩa Lộ hoang mang lắm rồi!". Tư tưởng chủ quan khinh địch như điều gặp gió. Ai cũng muốn lao ngay đến Nghĩa Lộ.

Ngày 29 tháng 9 Nghĩa Lộ đã nằm trong thế bị bao vây ba mặt. Các đơn vị đề nghị cho đánh ngay. Có đồng chí khi nghiên cứu đồn Ca Vịnh đã nói: "Đồn này chỉ phui tay mười lăm phút là xong!". Chúng tôi, những cán bộ chỉ huy, lãnh đạo đã không nhảy bèn trước tình hình chủ quan của cán bộ. Giữa cái quyết tâm náo nức muốn đánh giặc để trả thù cho đồng bào Tây Bắc với tư tưởng chủ quan khinh địch đã không được phân tích một cách sâu sắc. Mặt khác trên cương vị chỉ huy, tôi đã không căn cứ vào nhiệm vụ, chức trách của từng đơn vị để kiểm tra trước khi ra lệnh nổ súng. Thiếu sự kiểm tra nên công tác chuẩn bị của các đơn vị chưa đáp ứng được những yêu cầu của một trận tiến công cứ điểm. Tôi và anh Trần Độ tuy có phát hiện tư tưởng chủ quan, khinh địch trong anh em nhưng biện pháp để khắc phục nó ngay trong cán bộ trung đoàn thì chưa cụ thể. Và chúng tôi đã phải trả giá cho sự chủ quan đơn giản của công tác lãnh đạo, chỉ huy đơn vị.

Đêm 30 tháng 9 trung đoàn 165 tiến công Ca Vịnh, một vị trí có khoảng hai trung đội địch. Theo kế hoạch, 20 giờ nổ súng nhưng do dẫn đường bị lạc cho nên đến ba giờ sáng mới tới. Anh em chưa kịp đào công sự đã phải nổ súng ngay. Các chiến sĩ thay nhau lên mở cửa nhưng chỉ trong mười phút thuốc nổ đã hết mà hàng rào vẫn còn. Mở cửa chậm chạp đã làm cho địch hồi tỉnh, bắn ra ác liệt. Mặc dù vậy, với tinh

thần dũng cảm, các chiến sĩ đã đánh chiếm ba phần tư đồn chỉ trong 30 phút. Trời sáng, địch chui vào hầm ngầm ra sức cố thủ. Cuộc chiến đấu kéo dài đến tận chiều, ta rút ra bao vây. Đêm hôm đó, những tên địch còn sống sót đã bỏ Ca Vịnh rút về Ba Khe.

Trận đánh đồn Bản Tủ, cửa ngõ tiến vào Nghĩa Lộ cũng diễn ra tương tự. Ta chỉ tiêu diệt được 12 tên, bắt sống 15 tên, để địch rút về Nghĩa Lộ khá nhiều. Cũng như Ca Vịnh, tại Bản Tủ, ta đã không bao vây chặt, kế hoạch tiến công không tỉ mỉ. Đánh xong Bản Tủ, trung đoàn 141 tiến công Nghĩa Lộ.

Cụm cứ điểm Nghĩa Lộ có hai cứ điểm dựa vào nhau. Nghĩa Lộ đồn ở trên đồi Pú Chạng. Đây là một điểm cao khống chế toàn bộ địa hình cụm cứ điểm. Dưới Nghĩa Lộ đồn là Nghĩa Lộ phố, nơi đặt sở chỉ huy của tên quan tư Gi-ra-danh. Binh lực ở cả hai nơi có khoảng 350 tên. Một vấn đề đặt ra trong kế hoạch tiến công là nên tập trung binh lực đánh Pú Chạng hay là đồn Nghĩa Lộ.

Pú Chạng là một điểm cao khống chế, nơi có đặt pháo 75 nhưng binh lực địch ở đây chỉ có một trung đội. Đồn Nghĩa Lộ là nơi địch tập trung binh lực, nơi địch đặt sở chỉ huy. Sau khi cân nhắc, chúng tôi cho rằng nên tập trung binh lực tiến công Nghĩa Lộ vì binh lực chủ yếu và sở chỉ huy toàn bộ cụm Nghĩa Lộ bị tiêu diệt thì Pú Chạng cũng không còn. Chúng tôi không dự kiến khả năng Nghĩa Lộ có thể dựa vào thế trên cao của Pú Chạng và trận địa hỏa lực để cố thủ, cùng tồn tại. Sự tính toán một chiều này của đại đoàn đã ảnh hưởng đến kế hoạch tác chiến của trung đoàn.

Bốn giờ chiều ngày 2 tháng 10, trung đoàn 141 xuất kích. Theo kế hoạch thì 22 giờ tiến công. Nhưng vừa ra khỏi rừng trời đã tối sầm. Còn cách Nghĩa Lộ chừng ba ki-lô-mét, đơn vị không tổ chức người dẫn đường nên khi lộ tiêu đánh dấu đường bị đổ, đơn vị đi sau gồm đại bộ phận tiểu đoàn 11, đơn vị chủ công đánh Nghĩa Lộ cứ thẳng đường cái theo lực lượng kiểm chế Pú Chạng. Gần ba giờ sáng, bộ phận chủ yếu mới được lệnh quay trở lại Nghĩa Lộ. Đội hình trở nên lộn xộn. Cùng lúc đó, những tên lính nguy từ các nơi khác rút về Nghĩa Lộ giã mìn. Tiểu đoàn 16 hướng thứ yếu đánh Nghĩa Lộ bố trí đã lâu chờ tín hiệu phát hỏa đang lơ mơ ngủ (?) nghe tiếng mìn nổ tưởng là bộc phá của tiểu đoàn 11 ở hướng chủ yếu (quy định bộc phá nổ là tín hiệu tiến công) đã choàng dậy, ra lệnh tiến công. Nhưng do binh lực có hạn, tiểu đoàn không thực hiện được chia cắt, tiêu diệt từng bộ phận quân địch. Địch rút lên Pú Chạng ra sức chống cự. Trong lúc đó tiểu đoàn 11 đơn vị chủ công quay lại thấy cửa mở đã mở cũng xung phong luôn. Tốc độ tiến công khá nhanh nhưng vì đội hình chưa ổn định, chỉ huy không chặt chẽ, súng một nơi, đạn một nơi, hỏa lực yểm hộ không tốt nên càng vào nhiều, đội hình càng ùn. Địch phản kích ác liệt. Ta bị đánh bật ra. Pháo địch từ Pú Chạng bắn xuống chặn đường rút lui. Ta một số bị thương không ra được. Tiểu đoàn phó Bạch Đăng Hội không nhận được lệnh rút đã cùng một chiến sĩ liên lạc nấp vào một bức tường đổ bắn tỉa bọn địch từ trên Pú Chạng xuống. Khi trời sáng, đạn hết, Bạch Đăng Hội cùng liên lạc chạy vọt ra khỏi đồn. Địch bắn theo nhưng không trúng. Khi về tới đơn vị,

anh thấy anh em đang mặc niệm thể quyết trả thù cho tiểu đoàn phó.

Đêm hôm sau ta lại tiến công. Lúc này địch đã tăng cường cho Nghĩa Lộ hai đại đội lính dù. Quyết tâm không thay đổi nhưng kế hoạch tác chiến vẫn không chu đáo, nghĩa là vẫn tiến công vào Nghĩa Lộ phố. Cũng như đêm hôm trước, lại hành quân lạc, mũi thứ yếu vào trước, mũi chủ yếu đánh từ sân bay vào bị địch dùng hỏa lực khổng lồ chế bắn sát đất, thương vong cao. Trời sáng, không có kế hoạch đánh ban ngày nên quân ta lại phải rút ra.

Trong hai đêm tiến công Nghĩa Lộ, ta tiêu diệt 150 tên trong đó có tên Gi-ra-danh, chỉ huy Nghĩa Lộ, bắt sống 19 tên, nhưng không làm tròn nhiệm vụ tiêu diệt Nghĩa Lộ.

Sau những trận tiến công của ta, địch ở các cứ điểm Ba Khe, Đồng Bồ, Thượng Bằng La, Sài Lương, Góc Báng phải rút chạy. Cửa Nhì ta tiến công tuy không tiêu diệt được cũng phải rút chạy. Đại đoàn tiến vào vùng mới giải phóng giúp đỡ nhân dân đắp đập làm nương, khôi phục lại sản xuất.

Sau khi các tiểu khu Ba Khe, Góc Báng, Gia Hội bị phá vỡ, địch cho hai tiểu đoàn dù tăng cường cho Nghĩa Lộ. Sáng ngày 5 tháng 10 địch cho một tiểu đoàn từ Gia Hội ra Khâu Vác với ý định chặn đường tiếp tế, vận chuyển của ta. Địch thọc vào Nậm Mười, tuyến hậu cần của đại đoàn. Tiểu đoàn 166 trung đoàn 209 từ Bản Tủ vận động ra đánh trúng vào ngang sườn đội hình địch. Chúng chạy lên núi phòng ngự. Sau hai đợt xung phong, ta đánh bật địch xuống núi,

chúng phải rút về Gia Hội. Tiểu đoàn 166 bám sát truy kích địch trên đoạn đường 13 ki-lô-mét, tiêu diệt gần hai đại đội lính dù. Ngày 6 tháng 10 địch lại tổ chức hai mũi tiến công. Một cánh từ Gia Hội xuống Nghĩa Lộ, một cánh từ Gia Hội xuống Nậm Mười. Cả hai mũi này đều bị trung đoàn 209 chặn đánh quyết liệt phải rút về Gia Hội.

Những ngày sau, địch cho máy bay đánh phá ác liệt xung quanh Nghĩa Lộ. Địch tăng viện cho Nghĩa Lộ thêm một tiểu đoàn, đưa binh lực lên ba tiểu đoàn mạnh thuộc lực lượng ứng chiến cơ động. Nhận thấy nhiệm vụ thu hút lực lượng địch từ đồng bằng lên để tạo điều kiện cho các đơn vị bạn tham gia chiến dịch Quang Trung đã hoàn thành, bộ chỉ huy đại đoàn quyết định kết thúc chiến dịch Lý Thường Kiệt vào ngày 11 tháng 10.

Bộ Tổng tư lệnh nhận định đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ, buộc địch phải phân tán binh lực đối phó, đã tiêu diệt 500 tên địch, bắt sống hơn 200 tên, đã tranh thủ được nhân dân, phát động chiến tranh du kích trong lòng địch.

Mặc dù được Bộ động viên, nhưng chúng tôi, những người chỉ huy, lãnh đạo đại đoàn thấy cần phải nhìn vào thực chất chiến công của đơn vị mình. Có nhìn vào sự thật mới có thể đưa đại đoàn không ngừng tiến lên trong nhiệm vụ là đại đoàn cơ động thuộc lực lượng cơ động chiến lược của Bộ.

Một trong những điều day dứt nhất là thương vong của trung đoàn 141 khá cao. Trung đoàn bị mất 100

súng trường, 10 trung liên, hy sinh 300 người, trong đó có tiểu đoàn trưởng Trần Đình Khiết, một cán bộ dũng cảm, có năng lực. Trung đoàn trưởng Nam Long suốt ba ngày đêm không ăn, không ngủ vì đau xót. Nam Long gặp tôi khóc và đề nghị nhận kỷ luật. Tôi nói:

– Đau xót trước khuyết điểm về chỉ huy của mình là đúng, nhưng phải biết rút ra bài học về chỉ huy để trận sau đánh tốt hơn.

Chúng tôi phân công nhau, anh Trần Độ gặp các chiến sĩ bị thương, tôi gặp các cán bộ chuẩn bị cho hội nghị tổng kết của đại đoàn.

Bản báo cáo đã phản ánh được một phần những khuyết điểm của chỉ huy trong kế hoạch và tổ chức thực hiện nhưng có một vấn đề tôi chưa nhất trí với anh em là nên tập trung đánh Pú Chàng hay đánh Nghĩa Lộ. Tôi cho rằng đánh vào Nghĩa Lộ phố, nơi địch tập trung binh lực, nơi có sở chỉ huy của địch là đúng. Không tiêu diệt gọn Nghĩa Lộ là do tổ chức liên lạc dẫn đường chưa tốt. Cả hai đêm đều bị lạc, do trinh sát chưa chu đáo, do chủ quan trong chỉ huy. Tóm lại đó là khuyết điểm về tác phong chứ không phải khuyết điểm về quyết tâm chiến đấu. Sau bản báo cáo của tôi, anh em có thảo luận nhưng không khí rất trầm. Anh em không nói thẳng với tôi, nhưng khi nói với anh Trần Độ, anh em chưa nhất trí. Anh em vẫn cho rằng trong đêm thứ hai nếu ta tập trung đánh Pú Chàng, điểm cao khống chế toàn bộ khu phòng thủ nơi có trận địa hỏa lực chủ yếu của khu vực Nghĩa Lộ thì cục diện sẽ khác. Không khí đơn vị khá nặng nề. Anh em thấy tôi đã

tự phê bình những khuyết điểm về tác phong nhưng chưa nhận khuyết điểm về chỉ huy cũng nể. Thấy thế anh Trần Độ đề nghị họp thường vụ. Tôi nhất trí. Chính trong cuộc họp này, các đồng chí thường vụ đã nói hết những suy nghĩ của mình. Vì sự nghiệp xây dựng đại đoàn, vì sự tiến bộ của đơn vị, bằng những lời lẽ có lý, có tình, thường vụ đã giúp tôi nhận ra khuyết điểm. Quyết tâm của người chỉ huy phải nhìn nhận tình hình không phải theo ý mong muốn mà phải nhận định đúng như thực tế đang diễn ra. Quyết tâm đó phải được thể hiện cụ thể trong việc tổ chức chiến đấu chu đáo. Bất giác tôi lại nhớ tới lời nói của Bác Hồ: "Chú Tấn! Chú đã rửa mặt chưa?". Trong hội nghị cán bộ toàn đại đoàn, tôi đã thẳng thắn tự phê bình trước các cán bộ khuyết điểm của mình. Một không khí thương yêu, thông cảm, ấm áp lan khắp đại đoàn.

Dũng cảm nhìn thẳng vào khuyết điểm của bản thân mình thật khó khăn không kém dũng cảm trong chiến đấu.



Trong lúc đại đoàn đang tổng kết chiến dịch Lý Thường Kiệt thì địch tiến công ra Hòa Bình.

Sau hơn một năm bị động đối phó với ta trên các mặt trận Biên Giới, Trung Du, Tây Bắc, đường số 18, Ninh Bình, Tả Ngạn, Bình Trị Thiên, đây là cuộc tiến công đầu tiên của địch ra vùng tự do của ta trên chiến

trường Bắc Bộ. Vì sao bộ chỉ huy Pháp lại chọn Hòa Bình làm chiến trường tiến công? Chúng ta hãy giở lại những trang "quân sử", những hồi ký của một số tướng lĩnh Pháp.

Sau hơn một năm ra sức củng cố thể phòng ngự, tiến hành bình định vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, với công thức súng Mỹ, lính bản xứ, nhưng chỉ huy phải là người Pháp, tướng Đờ Lát đã có trong tay 338.000 quân, trong đó có 128.000 lính Âu Phi và 210.000 quân ngụy. Toàn bộ lực lượng trên được tổ chức thành 160 tiểu đoàn bộ binh chính quy gồm 88 tiểu đoàn Âu Phi, 27 tiểu đoàn chính quy ngụy trong biên chế quân viễn chinh Pháp và 45 tiểu đoàn trong cái gọi là "quân đội quốc gia" của Bảo Đại, Trần Văn Hữu. Hỏa lực và phương tiện cơ động được tăng cường đáng kể. Cuối năm 1951, Đờ Lát đã có 18 tiểu đoàn pháo 105 và 155, bảy chi đoàn cơ giới – thiết giáp, bảy tiểu đoàn công binh, năm tiểu đoàn xe vận tải. Đờ Lát đã tổ chức bảy binh đoàn cơ động và chín tiểu đoàn dù, tăng số quân cơ động từ sáu phần trăm lên đến 18 phần trăm so với toàn bộ binh lực Pháp ở Đông Dương. Lực lượng dự bị này hoàn toàn không phụ thuộc vào đồn bốt, có thể cơ động dễ dàng, có điều kiện sẵn sàng tiến công nhưng đồng thời cũng có thể bảo đảm an toàn cho một khu vực chiếm đóng trong một thời gian nhất định.

Với viện trợ Mỹ được tăng cường và với lực lượng được xây dựng mạnh hơn trước, đặc biệt là quân cơ động, bộ chỉ huy Pháp nhận định: "Nhìn chung cán cân

đã nghiêng về phía Pháp". Đã đến lúc họ có thể dứt khoát từ bỏ thái độ bị động phòng ngự mà Pháp đã phải chịu đựng từ năm 1948 để chuyển sang tiến công.

Ngày 4 tháng 11, giữa lúc Đờ Lát, Sa-lăng và Đờ La-ri-nét họp thì có điện từ Pa-ri gửi sang giục ông ta phải tiến công. Đờ Lát quyết định ra quân trước khi quân ta mở chiến dịch Thu Đông. Mục tiêu được lựa chọn trước hết là Chợ Bến, tiếp theo là Hòa Bình. Đờ Lát chỉ định Đờ La-ri-nét chỉ huy Chợ Bến và Sa-lăng phó tổng chỉ huy đánh Hòa Bình.

Vì sao bộ chỉ huy Pháp lại chọn Hòa Bình? Trước đó, vào khoảng cuối tháng 11 năm 1951, Đờ Lát đã sử dụng mười tiểu đoàn bộ binh cùng các phương tiện kỹ thuật mới được Mỹ trang bị định bất ngờ đổ bộ lên Sầm Sơn, Thanh Hóa. Tám tiểu đoàn dù sẵn sàng đổ bộ xuống thị xã Thanh Hóa. Kế hoạch này chắc là đã được báo cáo về Pa-ri và Oa-sinh-tơn. Nhưng cái kế hoạch quy mô đó đã không tính đến một chi tiết là thời tiết. Khi hạm đội chở quân ra khơi thì gặp bão giữa đường. Bão năm ngày liền buộc đoàn tàu phải trở về Hải Phòng.

Lần này chọn Hòa Bình, Đờ Lát có những tính toán khác. Về quân sự, Hòa Bình nằm trên đường hành lang vận chuyển của đối phương từ Việt Bắc xuống Khu 3, vào Khu 4. Chiếm được Hòa Bình thì phạm vi kiểm soát của ông ta sẽ được mở rộng từ Ba Vì tới sát đồng bằng sông Hồng. Phòng tuyến sẽ được mở rộng từ hữu ngạn sông Đà đến trục đường số 6 Xuân Mai (Hòa Bình). Đờ Lát hy vọng với một chiến trường đã lựa chọn, được chuẩn bị, Hòa Bình sẽ là một

cái bẫy để "nghiên nát đối phương" (!) Sau đó với bàn đạp Hòa Bình, Đờ Lát sẽ chọc những mũi dùi vào sào huyệt đối phương. Về chính trị, Hòa Bình sẽ là thủ phủ của "Xứ Mường tự trị". Tiếng vang của chiến công này sẽ dội về Pa-ri, vang tới Oa-sinh-tơn.

Ngày 9 tháng 11 năm 1951, Đờ Lát cho quân đánh chiếm Chợ Bến. Ngày 14 tháng 11 đánh ra Hòa Bình. Với lực lượng 15 tiểu đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn dù, bảy tiểu đoàn pháo, hai liên đoàn thiếp giáp, hai tiểu đoàn công binh, hai thủy đội xung kích, quân Pháp dưới sự chỉ huy của phó tổng tư lệnh Sa-lăng chia làm hai cánh: cánh bắc từ Sơn Tây và Trung Hà theo hai đường thủy bộ tiến về ấp Đá Chông, Tu Vũ. Cánh nam, từ Xuân Mai tiến theo đường số 6, kết hợp với quân dù chiếm thị xã Hòa Bình. Giữa hai cánh bắc, nam là một cánh quân liên lạc từ Yên Lộ lên Bãi Vàng, Trại Khoa rồi tiến về Hòa Bình.

Mười bảy giờ ngày 14, ba tiểu đoàn nhảy dù xuống thị xã Hòa Bình. Tất cả đều diễn ra đúng như trong kế hoạch. Báo chí phương Tây đưa lên trang nhất những tiêu đề lớn: "Chiến dịch Hòa Bình là một khẩu súng ngắn chìa thẳng vào tim Việt Minh". Bốn ngày sau, Đờ Lát giao quyền chỉ huy cho tướng Sa-lăng để về Pháp chữa bệnh. Sa-lăng ra lệnh cho quân lính tăng cường công sự phòng thủ. Các loại pháo lấy phần tử sẵn để bảo vệ từng khu vực. Một đài quan sát cao 1.200 mét được thiết lập trên núi Ba Vì. Hai đường trực tiếp tế thủy và bộ được gấp rút củng cố để tiếp tế cho Hòa Bình.

Thu đông năm 1951, sau mấy chiến dịch liên tiếp, chủ lực ta đã thấm mệt. Theo kế hoạch chung, thu đông này chủ lực ta sẽ phối hợp với địa phương, hoạt động trên nhiều chiến trường, có bộ phận đánh địch tiến công ra vùng tự do, có bộ phận đánh trong lòng địch. Đại đoàn 312 được lệnh chuẩn bị trở lại Tây Bắc. Kế hoạch dự kiến sẽ tiến hành vào trung tuần tháng 12. Những chiến sĩ vết thương vừa lên da non trong chiến dịch Lý Thường Kiệt lại chuẩn bị ống nước, bao gạo, vòng lá ngụy trang chuẩn bị lên đường. Giữa lúc toàn đại đoàn đang tổng kết, chuẩn bị lên đường thì được tin địch đánh ra Hòa Bình. Chúng tôi gấp bản đồ Tây Bắc lại, mở bản đồ vùng Hòa Bình. Hai ngày sau khi địch đánh ra Hòa Bình, Tổng Quân ủy đã họp và nhận định đánh Hòa Bình địch đã tự gây khó khăn cho chúng. Địch đã mang lực lượng cơ động tinh nhuệ phân tán trên một tuyến dài, đột xuất, công sự chưa vững chắc, lực lượng vùng sau lưng của chúng ở hữu ngạn, tả ngạn sông Hồng, trung du trở nên yếu và sơ hở. Địch đã tạo cho chúng ta có điều kiện để tiêu diệt sinh lực của chúng thuận lợi hơn so với ở trung du và đồng bằng. Tổng Quân ủy chủ trương: Tranh thủ thời gian, lợi dụng lúc địch chưa kịp củng cố, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch tiến tới phá kế hoạch chiếm đóng mới của chúng. Ở hướng Hòa Bình, Bộ sử dụng ba đại đoàn bộ binh 308, 312, 304 và một đại đoàn pháo binh, công binh 351. Đồng thời tranh thủ thời gian đưa hai đại đoàn 316, 320 đánh sâu vào vùng sau lưng địch ở Vĩnh Phú, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình.

Đại đoàn 312 cấp tốc lên đường. Tới trại tăng gia **Địch Quả**, tôi gặp anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Anh Thanh cho biết, theo tin tức đầu tiên, ở Hòa Bình địch chiếm đóng thành hai khu: khu Hòa Bình và đường số 6 có bốn tiểu đoàn, bố trí thành một tập đoàn cứ điểm. Trên đường số 6 có sáu cứ điểm. Khu này có bốn tiểu đoàn. Khu sông Đà chia thành hai khu then chốt phòng ngự: khu then chốt La Phù – Đan Thê và khu then chốt Tu Vũ – Núi Chẹ. Mỗi khu then chốt có hai tiểu đoàn bộ binh. Ngoài ra có tiểu đoàn dù ở Đá Chông. Quyết tâm của Bộ là tập trung lực lượng tiêu diệt khu then chốt Tu Vũ – Núi Chẹ đồng thời đánh viện trên sông Đà, trên đường số 6. Anh Nguyễn Chí Thanh phổ biến quyết tâm sơ bộ của Bộ là sử dụng đại đoàn 308 tiến công Tu Vũ, đại đoàn 312 tiến công Chẹ.

Đảng ủy đại đoàn họp để quán triệt quyết tâm của Tổng Quân ủy. Trong đơn vị lẻ tẻ có hiện tượng mệt mỏi, có người vết thương trong chiến dịch trước chưa kín miệng, tưởng về Phú Thọ sẽ được nghỉ ngơi, nay ở chưa ấm chỗ đã phải lên đường. Đang chuẩn bị trở lại Tây Bắc lại có lệnh đi Hòa Bình. Trong cán bộ có tư tưởng lo ngại về chất lượng chiến đấu của đơn vị. Nhìn vào từng đơn vị thấy thiếu những đồng chí sử dụng khẩu trung liên như cây bút chì, những chiến sĩ bộc phá kỳ cựu tiến dưới làn mưa đạn của địch tới sát hàng rào mà vẫn bình tĩnh như trong huấn luyện, những cây ném lựu đạn vào lỗ châu mai địch chính xác như thả lỗ dao. Chúng tôi rất thương tiếc những cán bộ chỉ huy đã từng cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, chỉ

một cái liếc mắt đã hiểu rõ ý định của nhau, đã giao việc thì tin là thế nào anh em cũng thực hiện bằng được, có khó khăn mang ra bàn anh em góp những ý kiến rất sắc sảo. Đại đoàn đã lên đường mà tân binh vẫn chưa được bổ sung.

Sau khi thảo luận, đảng ủy chúng tôi thống nhất nhận định: đại đoàn tuy trải qua tác chiến dài ngày, tân binh chưa đến đủ, nhưng chất lượng chiến đấu vẫn còn vì truyền thống chiến đấu và những kinh nghiệm vẫn còn nguyên vẹn. Truyền thống và kinh nghiệm đó nằm trong bản thân từng người có mặt hôm nay. Trước mắt phải mạnh dạn đề bạt những cán bộ công nông, nói năng không giỏi nhưng hành động thì thông minh, dũng cảm. Chính lòng trung thành và sự dũng cảm đẻ ra sự thông minh và sự thông minh của những người trực tiếp cầm súng đã đưa đơn vị tiến lên sau một loạt những trận đánh đọ sức với các loại quân được liệt vào loại tinh nhuệ nhất của quân viễn chinh Pháp. Phải có cách nhìn mới trong vấn đề đề bạt cán bộ. Đối với tân binh (sẽ bổ sung trên đường ra trận), phải tranh thủ phổ biến kinh nghiệm, phân công cụu binh kèm cặp huấn luyện ngay trên đường hành quân.

Trong khi đơn vị hành quân đến Phục Cổ thì ngày 22 tháng 11 chúng tôi được tin tiểu đoàn Thái thứ ba, quân cơ động được liệt vào loại tinh nhuệ của Pháp ở Tây Bắc, bọn hung thần đã gieo bao tang tóc cho đồng bào các dân tộc Sơn La đã từ Quang Huy xuống cánh đồng Thu Cúc, Lai Đồng, Kiệt Sơn, Ngọc Lập, Xuân Đài, dự định phá mùa màng, đốt thóc lúa rồi dồn dân về vùng chúng chiếm đóng. Hơn 600 tên lính hung

hắn tràn trên cánh đồng lúa đã chín vàng, dùng trâu chà đạp, xếp lúa thành đống rồi dùng xăng châm lửa đốt. Cánh đồng Thu Cúc rộng hơn 300 mẫu bốc cháy như một biển lửa. Hết Thu Cúc chúng chuyển sang Lai Đồng, Kiệt Sơn.

Một buổi tối, tôi sang gặp anh Nguyễn Chí Thanh đề nghị cho đánh. Anh Thanh đồng ý.

Chúng tôi sử dụng ba tiểu đoàn 11, 542, 115 để bảo đảm diệt gọn bọn này. Tôi dặn anh em: "Bọn này là ngụy Thái nhưng phần lớn là lính khố đỏ của Pháp cũ, do Pháp chỉ huy, lại có máy bay yểm trợ. Đánh bọn này phải bao vây cho chặt, xung phong đồng loạt, diệt cho gọn, bắt cho hết".

Các chiến sĩ, tân binh cũng như cựu binh nước lòng xuất kích. Những đồng lúa cháy đen, những xác đồng bào nằm trên bờ ruộng, những mái nhà cháy trụi đã giục giã anh em xông lên ngọn đồi nơi địch đóng quân. Địch dùng máy bay ngăn chặn và từ trên cao dùng các loại hỏa lực bắn xuống. Như không biết đến những quả bom lửa cháy rừng rực, không để ý đến những luồng đạn điên cuồng bắn xuống, anh em xông lên lăn xả vào đội hình địch, dùng lựu đạn, lưỡi lê đánh giáp lá cà. Bọn địch bị ta chia cắt ra từng cụm nhỏ. Năm trăm tên địch bị diệt, hơn 50 tên bị bắt sống, trong đó có tên quan ba Truy-be. Chúng tôi tạm biệt đồng bào Thu Cúc lên đường đi Hòa Bình.

Đến Hòa Bình, chúng tôi gặp Bộ tư lệnh chiến dịch. Các anh cho biết trung đoàn 165 sẽ đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ chỉ huy chiến dịch, có nhiệm

vụ đi về phía Ba Trại. Hai trung đoàn 141 và 209 vượt sông Đà tiến về phía Ninh Mít có nhiệm vụ tiến công Chẹ và chuẩn bị đánh viện trên sông Đà. Bên kia sông Đà là những thửa ruộng cần cỗi xen kẽ với rừng cây, có núi Ba Vì, có những đường cơ động đi Trung Hà, Xuân Mai, địch rất dễ dàng cơ động ứng cứu. Nhân dân vùng này đã bỏ đi hết. Tiếp giáp vùng này là vành đai trắng theo đúng nghĩa đen của nó. Không một bóng cây xanh, không còn thôn xóm chạy suốt từ Trung Hà qua đường số 89, 87, 21. Trung bình cứ mỗi ki-lô-mét trên vành đai có 45 tên lính, tám khẩu liên thanh, chín ki-lô-mét có một khẩu pháo 105. Chỉ trong ba tháng chiếm đóng, chúng đã bắn chết năm đồng chí huyện ủy viên và 30 du kích. Khẩu hiệu khủng bố của địch là: "Đánh thẳng trên đất ra thẳng dưới hầm. Đánh thẳng công khai ra thẳng bí mật. Đánh thẳng trẻ con ra thẳng người lớn. Đánh con đàn bà ra thẳng đàn ông. Đánh thẳng không hoạt động ra thẳng hoạt động!".

Đưa cả một đại đoàn bí mật vượt sông qua những cứ điểm lớn kiên cố của địch trong vòng vài ba ngày, phải tiến công ngay một vị trí trên dưới một tiểu đoàn trong công sự vững chắc thật không đơn giản. Khi giao nhiệm vụ cho đại đoàn, đồng chí Tổng tư lệnh dặn chúng tôi: "Thắng lợi của cuộc vượt sông là tùy thuộc vào hai yếu tố chủ yếu: dựa vào dân, bám hằm vào dân và giữ bí mật nghiêm ngặt". Đại tướng giới thiệu anh Hoàng Sâm, Tư lệnh Quân khu 2 sẽ là phái viên của Bộ đi với đại đoàn và các đồng chí Kim, Thượng, Trung (ủy viên thường vụ tỉnh ủy Sơn Tây). Chúng tôi

thảo luận trong đảng ủy, thấy có ba vấn đề khó nhất là bảo đảm vượt sông bí mật khi trong tay không có một thứ khí tài gì ngoài chiếc ba lô, thứ hai là làm thế nào nắm được địch ở Núi Chẹ để bảo đảm cho một trận công kiên chắc thắng, tức là bảo đảm trinh sát và cuối cùng là bảo đảm hậu cần cho cả một đại đoàn ở một vùng không có dân cư, không được tiếp tế. Đồng chí Tư lệnh chiến dịch đã cùng chúng tôi thức trắng đêm cùng các đồng chí trong thường vụ tỉnh ủy Sơn Tây bàn cách giải quyết khó khăn cho đại đoàn. Khi các đồng chí thường vụ cho biết có hơn một vạn gốc sắn, chúng tôi thấy nhẹ cả người.

Sau cuộc họp, chúng tôi chia nhau mỗi người một việc. Các cán bộ quân sự vượt sông bám sát vị trí Chẹ. Các cán bộ chính trị tỏa xuống đơn vị phát động anh em hiến kế bí mật vượt sông, cách giữ bí mật sau khi vượt sông. Các đồng chí trong tỉnh ủy Sơn Tây, huyện ủy Bất Bạt đi phát động nhân dân cho mượn thuyền. Chỉ trong có mấy hôm, khi được phổ biến bộ đội cần thuyền, nhân dân mang ngay thuyền nhà đến cho mượn. Đủ các loại: thuyền chài, thuyền nan, dò ngang... ai có gì cho mượn nấy. Có người ở xa hàng 20 ki-lô-mét cũng đội thuyền mang đến và xin xung phong chèo thuyền chở bộ đội. Chỉ trong 48 giờ chúng tôi đã có hơn một trăm chiếc thuyền được cất giấu cẩn thận.

Đêm 7 tháng 9, trung đoàn 165 vượt sông. Đêm 8 sở chỉ huy vượt sông. Tôi và anh Trần Độ đi cùng một thuyền. Cái thuyền thúng nhỏ tí không có người chèo,

tôi tự chèo lái. Đêm 9, trung đoàn 209 tập kết ở Bãi Vàng chuẩn bị để đêm 10 tiến công Núi Chẹ. Vừa sang sông tôi được báo cáo anh Nguyễn Bàng trung đoàn trưởng và Nguyễn Tâm tham mưu trưởng trung đoàn 209 đã hy sinh trong khi đang làm nhiệm vụ trinh sát Núi Chẹ. Tôi lặng người trước cái tin đau xót đó. Sau khi trinh sát thực địa xong, đồng chí Nguyễn Bàng cùng tham mưu trưởng trung đoàn Nguyễn Tâm chưa thật yên tâm về vị trí chiếm lĩnh của bộ đội và điểm mở cửa. Anh quay trở lại, bò vào sát đồn một lần nữa, khi quay ra bị địch phục kích. Hai bên nổ súng. Nguyễn Bàng và Nguyễn Tâm đã hy sinh với trách nhiệm cao của một người chỉ huy dũng cảm, chắc chắn. Anh em cho biết địch đã tăng cường cho Núi Chẹ từ một tiểu đoàn lên hai tiểu đoàn. Bọn mới đến thuộc binh đoàn cơ động số 4. Hôm trước máy bay địch trinh sát rất kỹ vùng Ninh Mít, căn cứ du kích của ta; tăng thêm quân ở Chẹ, dùng máy bay trinh sát, cho các đơn vị nhỏ đánh thăm dò. Như vậy triệu chứng địch sắp tràn vào Ninh Mít đã khá rõ.

Ninh Mít là căn cứ của tỉnh ủy Sơn Tây, hiện là nơi giấu quân của đại đoàn. Để địch tràn vào Ninh Mít sẽ lộ kế hoạch tiến công của ta. Một vấn đề đặt ra là chỉ định người thay thế đồng chí Nguyễn Bàng và xem lại kế hoạch tiến công Núi Chẹ. Người thay thế đã có đồng chí trung đoàn phó Hoàng Cẩm. Còn kế hoạch tiến công Chẹ? Đó là mệnh lệnh của Bộ. Trung đoàn 209 có nhiệm vụ tiêu diệt Núi Chẹ phối hợp với trung đoàn 88 đại đoàn 308 tiến công Tu Vũ trong cùng một đêm. Núi Chẹ hiện nay địch đã đề phòng, binh lực của

chúng được tăng cường gấp đôi. Chúng lại đang có ý định tiến công ta ở Ninh Mít. Người chỉ huy và tham mưu trưởng nắm kế hoạch tiến công Chẹ đã hy sinh. Trung đoàn còn ở bên kia sông. Trung đoàn phó Hoàng Cẩm chưa được đi trinh sát thực địa. Nhưng không tiến công Chẹ thì trung đoàn 88 sẽ gặp khó khăn vì ở Chẹ có trận địa pháo trực tiếp yểm hộ cho Tu Vũ. Trước tình hình này, tốt nhất là điều ngay trung đoàn sang sông, bố trí ở ngay Ninh Mít. Nếu địch càn vào sẽ có lực lượng đánh ngay. Nếu chúng không vào sẽ tiếp tục chuẩn bị tiến công Núi Chẹ để bảo đảm nổ súng đúng thời gian quy định của Bộ.

Tôi vào một lán thóc giữa rừng thấp đèn viết lệnh cho đồng chí Hoàng Cẩm: "Trung đoàn 209 phải nhanh chóng vượt sông đến Ninh Mít trước hai giờ sáng ngày 9 tháng 12, bố trí hình thành thế bao vây để tiêu diệt địch nếu chúng ra càn quét, đồng thời cử ngay cán bộ đi điều tra và chuẩn bị cho bộ đội đánh Chẹ để phối hợp đúng ngày giờ với đơn vị bạn đánh Tu Vũ". Là một người chấp hành mệnh lệnh nghiêm, trung đoàn trưởng Hoàng Cẩm đã cho bộ đội tập kết bí mật chỉ cách đồn Tu Vũ hơn một ki-lô-mét, dùng mười chiếc thuyền nan đưa cả trung đoàn và sáu khẩu pháo 75 vượt sông. Trung đoàn đã lọt vào vùng Ninh Mít trước hai giờ sáng.

Sáng hôm sau, địch cho máy bay trinh sát khu vực Ninh Mít. Bọn thám báo từ Chẹ tiến vào Ninh Mít bị ta bắt sống. Chúng khai bọn chỉ huy định dùng tiểu đoàn dù mới tăng viện cho Chẹ đánh vào Ninh Mít. Trong ngày chúng tôi nhận được điện của Bộ đồng ý

với đề nghị của đại đoàn cho trung đoàn 209 làm nhiệm vụ chống càn ngay tại Ninh Mít.

Suốt đêm hôm đó các cán bộ trung đoàn 209 đi trinh sát thực địa vùng Ninh Mít. Trinh sát đến đâu tổ chức chiến đấu đến đấy. Bộ đội đào công sự chiến đấu, tổ chức trận địa hỏa lực, nguy trang trận địa, tỏa mạng thông tin. Sáu giờ sáng toàn trung đoàn đã hoàn thành công tác chuẩn bị chiến đấu.

Bảy giờ 30 sáng hôm đó, địch cho tiểu đoàn dù số 1 theo đường làng từ Chẹ tiến vào Ninh Mít. Nhìn đội hình địch đi hàng dọc như đi dạo, chúng tôi biết chúng chưa biết chủ lực ta đã ở đây. Bộ phận sục sạo tuy có phát hiện dây điện thoại của ta chôn ngầm dưới đất nhưng chúng cho là du kích, cứ dằng hoàng tiến vào phố Ninh Mít. Tôi ra lệnh cho trung đoàn chờ khi nào hai đại đội địch lọt hẳn vào trận địa mới được nổ súng. Anh em phải qua những phút chờ đợi căng thẳng. Có bộ phận địch chỉ đi cách chiến sĩ ta một với tay. Khi bộ phận đi đầu của địch tiến cách trận địa đại liên ta chỉ có mười mét, Hoàng Cẩm ra lệnh nổ súng. Bốn khẩu đại liên gầm lên như một trận cuồng phong. Cả một mảng áo dù loang lổ rạp xuống, chồng lên nhau. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 130 cho một đại đội đánh vỗ mặt dồn địch xuống cánh đồng, một đại đội khác cắt đôi đội hình của tiểu đoàn địch. Nhiều tên vừa lùi vừa vẩy mùi-soa trắng xin hàng. Nhưng vì lực lượng bố trí phân tán nên đại đội đi sau của tiểu đoàn địch đã chiếm được thế cao phản công quyết liệt. Các chiến sĩ ta bật lê xông vào đội hình địch. Pháo địch ở Đá Chông, Chẹ bắt đầu bắn trả. Lúc này ta đã giải quyết

xong bọn địch ở đường cái. Không đợi lệnh, anh em vận động qua hàng rào đạn pháo địch xông vào đội hình chúng. Bọn địch bỏ chạy về Chẹ. Trận chiến đấu diễn ra trong suốt buổi sáng. Ta tiêu diệt 200 tên, bắt sống hơn một trăm tên, loại tiểu đoàn dù số 1 của địch ra ngoài vòng chiến đấu. Buổi chiều, địch cho một tiểu đoàn có xe tăng, xe bọc thép yểm hộ từ Chẹ vào Ninh Mít để nhặt xác. Với trận địa đã được chuẩn bị của ta, trung đoàn 209 đã chặn đứng mũi tiến công của địch. Suốt buổi chiều và cả đêm hôm đó, 24 khẩu pháo của địch từ Đá Chông, Núi Chẹ bắn dồn dập vào khu vực Ninh Mít. Có lúc pháo đạn nổ liên tục như súng liên thanh.

Phải chuẩn bị đánh quân tiếp viện lớn hơn. Đó là điều chắc chắn. Quân địch không thể nào chấp nhận sự có mặt của chủ lực ta ở sát nách tuyến phòng thủ sông Đà. Tôi bàn với anh Trần Độ dùng trung đoàn 141 đánh viện sáng hôm sau, trung đoàn 209 làm dự bị cho đại đoàn. Đánh địch sát phòng tuyến của chúng phải có đội dự bị mạnh.

Sáng hôm sau, địch cho binh đoàn cơ động số 4 từ Sơn Tây qua mỏm 251 tiến vào Ninh Mít. Cả một binh đoàn cơ động của địch hành quân qua điểm cao 306, đúng vào trận địa của tiểu đoàn ta. Nhưng tiểu đoàn trưởng và trung đoàn phó thấy địch đông gấp ba lần quân số của mình đã không cho xuất kích. Địch vượt qua điểm cao tiến vào Dốc Bóp, nơi đặt sở chỉ huy đại đoàn. Tôi ra lệnh cho dời thương binh nặng vào rừng. Tù binh được dẫn đi nơi khác. Tất cả cán bộ chiến sĩ trong cơ quan đại đoàn được lệnh sẵn sàng

chiến đấu. Pháo địch nổ ngay trên vị trí chỉ huy của trung đoàn 209. Đường dây điện thoại từ trung đoàn xuống các tiểu đoàn bị cắt đứt. Tôi biết đồng chí Hoàng Cẩm đang gặp khó khăn, nhưng nếu ta không tung ngay lực lượng dự bị ra lúc này sẽ rơi vào tình thế bị động. Nhận lệnh của đại đoàn, Hoàng Cẩm khoác luôn khẩu tiểu liên xông ra dưới làn đạn của địch bắn theo. Lúc này anh em phân tán trong các hầm tránh pháo. Hành động dũng cảm của trung đoàn trưởng đã thôi thúc anh em xách súng vọt ra khỏi hầm. Hoàng Cẩm tập hợp được khoảng hơn hai đại đội vừa liên lạc, vừa văn thư, nuôi quân và một số chiến sĩ tổ chức đánh ngay vào giữa đội hình của binh đoàn cơ động số 4. Bị đánh bất ngờ, bọn địch không rõ ta có bao nhiêu, ở đâu nên chúng hoảng loạn. Một bộ phận rút về Núi Chẹ, một bộ phận chạy lên Dốc Bóp. Một đại đội bị diệt tại chỗ. Ngay đêm hôm đó, chúng tôi tổ chức tập kích bọn địch trên Dốc Bóp. Địch bỏ chạy, chấm dứt cuộc tiến công vào Ninh Mít.

Trong lúc đại đoàn 312 tiêu diệt tiểu đoàn dù ở Ninh Mít thì trung đoàn 88 đại đoàn 308 chuẩn bị tiêu diệt cụm cứ điểm Tu Vũ. Đêm 10 tháng 12 năm 1951 trung đoàn 88 đã tiêu diệt Tu Vũ. Đây là một vị trí do một tiểu đoàn địch chiếm giữ, có bốn xe tăng phối thuộc, một vị trí then chốt thuộc phân khu sông Đà của địch. Trận đánh làm rung chuyển thế phòng ngự của địch trên sông Đà. Từ Ninh Mít chúng tôi quan sát thấy mấy hôm nay địch thường dùng máy bay vận tải lượn vòng trên mỏm Ba Vì. Ba Vì đúng như tên

gọi, gồm ba mỏm khổng chế toàn bộ khu vực sông Đà, nơi địch đặt đài quan sát pháo trên hai mỏm 400 và 600. Những trận bắn pháo vào các bến vượt sông, các vị trí trú quân của ta trên mặt trận sông Đà đều do đài quan sát này tính toán. Chúng tôi đề nghị Bộ chỉ huy chiến dịch cho 312 tiến công hai mỏm 400 và 600 trên núi Ba Vì. Bộ chỉ huy chiến dịch cũng nhận thấy sự hiểm yếu của hai mỏm đó nên đồng ý cho đánh. Anh Trần Độ được gọi lên để nhận chỉ thị của Bộ. Đại đoàn quyết định giao nhiệm vụ đó cho trung đoàn 141.

Tôi chờ gặp trung đoàn trưởng Nam Long để giao nhiệm vụ. Nơi hẹn là một chòi canh ngô thuộc huyện Bát Bạt. Huyện ủy Bát Bạt cử đồng chí xã đội trưởng đến báo cáo tình hình đường đi lên "cốt" 400 và 600. Nam Long vừa lên chòi là ngủ liền. Tôi biết Nam Long mới lấy vợ nên cứ để cho ngủ. Cái chòi canh ngô chỉ có ba mét vuông, Nam Long ngả người cao lớn thò cả hai cẳng chân ra ngoài. Đồng chí xã đội trưởng báo cáo xong, tôi mới đánh thức Nam Long dậy nói lại cho nghe đường đi lên 400, 600. Đây vốn là nơi nghỉ mát của bọn thống trị, đường đi lên chỉ có một đường ô-tô, dốc rất cao. Nam Long hứa sẽ đánh bằng được.

Trong ba ngày liền, trinh sát đại đoàn và trung đoàn cùng các cán bộ đi trinh sát. Ở xa quan sát bằng mắt rất khó vì suốt ngày hai mỏm đó đều nằm trong sương mù. Muốn vào bên trong trinh sát chỉ có đường độc đạo, một bên là vách núi dựng đứng, một bên là vực sâu. Trên đường, địch đã tưới ét-xăng đốt cỏ, thả vỏ chai, vỏ đồ hộp. Nam Long nói với tôi:

– Anh ạ, đánh thắng này phải làm trái quy luật mới được.

– Thế nào là trái quy luật? – Tôi hỏi.

Nam Long vò đầu:

– Tôi chưa nghĩ ra nhưng không thể đánh như các trận công kiên khác được.

Riêng tôi, thấy trận này ta tiếp cận được là ăn. Cái khó nhất là làm sao tiếp cận được bí mật. Tôi suy nghĩ mãi câu nói của Nam Long "phải làm trái quy luật". Đúng, đánh địch ở một nơi không có địa hình để triển khai binh hỏa lực thì trước hết binh lực phải ít nhưng tinh nhuệ. Trận này không phải đột phá nên không có giai đoạn mở cửa. Cũng không cần phải chuẩn bị hỏa lực cho nên cách sử dụng lực lượng và triển khai hỏa lực cũng phải khác các trận trước. Vấn đề là phải dùng lực lượng thật chọn lọc, bí mật đột kích rồi bất ngờ đánh thật mạnh, thật nhanh. Tôi trao đổi với Nam Long. Nam Long nắm tay tôi:

– Đúng rồi, hay quá! Làm thế là trái với quy luật thông thường đấy. Thế mà tôi nghĩ không ra.

Tôi nói:

– Việc tổ chức, trang bị cũng phải trái quy luật. Không nhất thiết lấy từng đơn vị. Có thể lựa chọn trong các tiểu đoàn những tay súng giỏi, có kinh nghiệm dùng thủ pháo, lựu đạn thành một đơn vị huấn luyện. Cần huấn luyện bổ sung một số vấn đề về kỹ thuật tiếp cận.

Nam Long xốc túi dết đứng dậy. Tôi giữ lại nói thêm:

– Cần đưa ra anh em bàn bạc mở rộng dân chủ quân sự, nói thật rõ những khó khăn để anh em cùng bàn.

Hai ngày trước ngày nổ súng, chúng tôi vẫn chưa nắm được tình hình cụ thể bên trong cứ điểm. Anh em trinh sát mỗi lần tiềm nhập lại rải truyền đơn kêu gọi binh lính địch phản chiến chạy sang hàng ngũ ta. Cho đến một đêm trước cuộc tiến công một ngày, anh em dẫn về hai hàng binh người Đức bỏ đồn mang súng sang hàng. Tôi cho gọi hàng binh lên giải thích chính sách của ta đối với hàng binh. Hai hàng binh cho biết trên mỏm 600, địch đóng tại nhà nghỉ mát của tên quan sáu Moóc-đăng. Còn mỏm 400 địch ở trại lính cũ. Hai vị trí đều ở trên hai mỏm chênh vênh, chung quanh là những vực sâu dốc đứng từ 60 độ trở lên. Dưới khe có nhiều rừng rậm. Từ đồn thấp lên đồn cao chỉ có một đường trái nhựa bám theo sườn núi. Đánh lên 600 chỉ có một lối. Xung quanh là vách đứng, chỗ cao nhất mười mét, chỗ thấp nhất cũng ba mét. Lời khai của hai hàng binh đã giúp chúng tôi thấy rõ tình hình trong hai vị trí và những khó khăn cụ thể phải khắc phục. Chúng tôi tập trung bàn với anh em, khâu then chốt là giữ bí mật khi tiếp cận. Anh em bàn đánh đêm trong sương mù không cần cài lá ngụy trang. Giày dép cũng để hết ở "nhà". Cuộc xẻng không cần mang theo vì địa hình toàn là đất đá, có mang cũng không đào được công sự. Ca, thìa ăn cơm, bi đông nước cũng để lại. Những chân súng, nòng súng trung liên, những thứ dễ phát sinh tiếng động phải bọc giẻ. Đề phòng ho, anh em quân y ^{trở} chức nấu kẹo gừng. Những anh em

không đi cho anh em đi đánh mượn thêm áo ấm. Xung quanh sa bàn, anh em thảo luận nhiệm vụ của từng tổ. Anh em nhất trí khi vào đồn phải chia làm nhiều mũi đánh thật mạnh, thật nhanh, từng tổ ba người phải tìm mục tiêu mà đánh. Nghe tiếng súng là tự động đến hiệp đồng. Bị thương nhẹ không rời trận địa. Dùng chân chiến vắt chéo qua vai vừa để ấm người, vừa làm cáng, lại vừa là tín hiệu để dễ nhận nhau trong đêm mù sương.

Sau khi nghe xong quyết tâm của trung đoàn trưởng, tôi hỏi:

– Khí thế của anh em thế nào?

Nam Long cười cười:

– Vẫn còn trăm một chút vì anh em ngại pháo.

Tôi nói:

– Trận này 141 không đơn độc. Bộ đã dùng hai đơn vị kiểm chế pháo. Ở Xuân Mai có đại đoàn 304. Trận địa pháo Đá Chông có trung đoàn 102 và 165. Được chứ?

Lúc ấy Nam Long mới cười:

– Báo cáo anh tôi đi.

– Ừ đi đi! Nhớ báo cáo luôn nhé!

– Vâng. Tôi sẽ tổ chức một máy điện thoại trung gian giữa tôi và sở chỉ huy đại đoàn để anh có thể nắm từng tình huống.

Trung đoàn trưởng Nam Long có cách diễn đạt những vấn đề phức tạp bằng những lời lẽ nôm na, chiến sĩ ai cũng hiểu. Ví dụ khi nói về vật chuẩn trong

đêm, anh không dùng đông, tây, nam, bắc mà nói "Cậu nào lạc cứ lấy sông Đà làm chuẩn nhé! Bên phải sông Đà là phía ta nhé! Bên trái sông là địch đấy".

Anh em được phát mỗi người hai nắm cơm. Một nắm ăn chiều, một nắm để đến đêm ăn lấy sức. Nhưng cậu nào cậu nấy ăn hết cả một lúc. Hỏi ăn thế đêm đói làm sao? Anh em cười: "Báo cáo thủ trưởng lấy của địch chứ ạ! Bọn này mới ở Pháp sang chắc có nhiều dự trữ. Đêm nay lại là dịp Nô-en. Cái gì chứ rượu, thuốc lá, đồ hộp là không thiếu". Anh em rất tin tưởng, nhất là khi được phổ biến Bộ chỉ huy chiến dịch đã tổ chức kiểm chế pháo.

Trận này, trung đoàn sử dụng binh lực chọn lọc của hai tiểu đoàn 11 và 16. Các tiểu đoàn trưởng và chính trị viên đều trực tiếp đi với các mũi. Khi hai đơn vị đã vào xong, trung đoàn trưởng lấy chặn trùm máy điện thoại hỏi:

– Hóa đấy phải không? Phải Hồ Quang Hóa, thổi cho một tiếng nào!

Đồng chí Hồ Quang Hóa là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 11, đồng chí Đào Đình Luyện là chính trị viên. Trong ống tổ hợp có tiếng thổi. Nam Long mừng quá gọi nhỏ lại máy trung gian:

– Báo cáo anh Tấn, cả đơn vị đã tiếp cận đồn dưới. Địch chưa biết gì.

Sau khi kiểm tra các mũi, vị trí của các tiểu đoàn trưởng Hồ Quang Hóa, Chu Phương Đới, tôi ra lệnh nổ súng. Thoạt tiên là tiếng bộc phá, tiếp đó là tiếng thủ pháo, tiếng lựu đạn nổ dồn dập. Chỉ trong mười phút,

ta đã giải quyết xong điểm cao 400. Địch hoàn toàn bị bất ngờ đến nỗi không kịp dùng điện đài báo cáo lên điểm cao 600. Lúc đó pháo địch mới bắn chi viện. Nhưng do vị trí nằm trên một mỏm cao chênh vênh nên đạn pháo bắn tới đều rơi xuống vực.

Thừa thắng, trung đoàn trưởng ra lệnh cho hai đại đội 19 và 20 đánh thẳng lên 600. Hôm đó trời rất tối, anh em cứ theo đường nhựa xông lên. Đường dây điện thoại giữa trung đoàn và tiểu đoàn bị đứt. Quân ta bắc thang nhưng thang ngắn phải nối lại. Cả ba lần bắc thang đều bị địch dùng tiểu liên quét. Đã có một số anh em thương vong. Đại đội 19 tiến theo cống đồn cũng bị đánh bật ra. Khoảng nửa đêm, tiểu đoàn trưởng báo cáo chỉ còn 20 tay súng. Tôi ra lệnh tập hợp lại. Trời còn nhiều sương mù, sáng ra vẫn có thể tiếp tục tiến công. Phải tranh thủ trình sát, tìm nơi địch sơ hở cho lực lượng vào. Lại bị mất liên lạc. Khoảng gần sáng Nam Long cho biết, sau khi kiểm tra, tổ chức lại, thấy còn lực lượng có thể tiếp tục tiến công. Anh em đã phát hiện một chỗ gần cống đồn nơi tường cao, vách thành vại, địch tương đối sơ hở có thể vào được. Tôi quyết định kiên quyết tiến công, dù trời sáng cũng cứ đánh.

Ba giờ 30, cuộc tiến công lên đồn cao tiếp tục. Lúc đầu chỉ có một khẩu trung liên của đồng chí Lê Văn Tỷ vào được. Tỷ dùng trung liên bắn quét. Địch chúi xuống tránh đạn. Lợi dụng giây phút đó, khẩu trung liên của Lê Văn Bộ vào được đồn. Hai trung liên tập trung bắn quét tạo điều kiện cho tiểu đội Phạm Ngôn đánh chiếm một góc đồn. Theo sau là các đại đội 19,

20, 241 lần lượt phát triển vào tung thâm. Quân địch không sao chống đỡ nổi trước lối đánh gần, chia cắt, hiệp đồng hết sức ăn ý của tổ ba người. Địch chúi vào hầm ngầm. Quân ta vây chặt hầm ngầm, vừa đánh vừa gọi hàng. Trong trận này ta đã tiêu diệt 120 tên, làm bị thương 35 tên, bắt sống 135 tên.

Đánh xong hai điểm cao trên núi Ba Vì, đại đoàn được lệnh rút sang sông chuẩn bị nhận nhiệm vụ mới. Bộ đội đã thấm mệt sau chiến dịch Lý Thường Kiệt, chưa kịp nghỉ ngơi đã lao vào chiến đấu trong chiến dịch Hòa Bình. Tết Nguyên đán sắp đến nơi. Đảng ủy họp bàn cần phải tìm mọi cách cải thiện đời sống cho chiến sĩ vì chiến dịch còn kéo dài. Trước sau, dù muốn hay không địch cũng phải rút khỏi Hòa Bình. Nhiệm vụ của các đơn vị là phải giam chân địch ở Hòa Bình, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực ta luôn sâu vào địch hậu mở rộng các khu căn cứ du kích.

Trên chiến trường Trung Du, đại đoàn 316 do đồng chí Chu Huy Mân chỉ huy đã vào Vĩnh Phú, tiêu diệt vị trí La-ri-vê rồi thọc sâu vào Bắc Ninh, Bắc Giang. Đại đoàn 320 dưới sự chỉ huy của đồng chí Văn Tiến Dũng đã đưa cả ba trung đoàn vào vùng Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình với trận đánh thọc sâu vào thị trấn Phát Diệm làm rung chuyển thế phòng ngự của địch ở đồng bằng. Đại đoàn đã khôi phục căn cứ du kích Tiên - Duyên - Hưng, mở rộng khu căn cứ liên huyện Tiên Hải, Kiến Xương.

Trong đợt ba chiến dịch, đại đoàn 312 có nhiệm vụ đánh địch trên đoạn đường từ Phương Lâm đến Ao Trách. Trong đội hình của đại đoàn có thêm trung

đoàn 102 do đồng chí Vũ Yên chỉ huy. Hướng chính là vùng Hòa Bình, đường số 6. Hướng phụ là Núi Chẹ, Đá Chông, bắc Ba Vì.

Trên đường số 6, lúc này địch dùng pháo, máy bay oanh tạc ngày đêm. Sở chỉ huy đại đoàn ở trong một khe suối gần đường cái. Lúc đầu anh em chưa quen ăn ở trong hầm nên từ chỗ ở đến vị trí chiến đấu đều tạm bợ. Ăn uống lại hết sức thiếu thốn, phương tiện giải trí không có, ai cũng mong chiến dịch sớm kết thúc để về Phú Thọ ăn tết. Chúng tôi phát động trong anh em, trước hết là trong cơ quan đại đoàn phải cải thiện đời sống cho anh em. Các hầm hố phải bảo đảm vững chắc có thể ăn ở hội họp, sinh hoạt ngay trong hầm. Kinh nghiệm làm bếp không khói của đồng chí Hoàng Cẩm cấp dưỡng đại đoàn 308, nguyên là người nấu bếp cho hiệu ăn Văn Phú chuyên món lươn, ếch, ba ba phố Hàng Lọng (Hà Nội) được áp dụng. (Đi chiến dịch, thấy anh em toàn ăn nguội, uống nguội Hoàng Cẩm rất thương. Anh đã đào một kiểu bếp nửa nổi nửa chìm có ống dẫn khói ngấm dưới đất, có thể nấu cả ban ngày lẫn ban đêm. Kiểu bếp đó được đặt tên là bếp Hoàng Cẩm, được nhanh chóng phổ biến cho các đơn vị). Bữa cơm được ăn nóng đã nâng sức khỏe của anh em lên rõ rệt. Những tin tức chiến sự, những gương chiến đấu, kinh nghiệm chiến đấu được anh em thông tin ưu tiên truyền đạt như mệnh lệnh chiến đấu. Từ *Anh dũng*, tờ tin của đại đoàn được phát hành. Thư chúc tết của Bác Hồ được phát tới đại đội. Đoàn văn công của đại đoàn đi phục vụ một số đơn vị. Hôm biểu diễn, đồng

bào trong vùng địch tạm chiếm cũng ra xem. Lần đầu tiên được xem những điệu múa, nghe những bài ca cách mạng, đồng bào rất nức lòng. Cuộc sống dần dần đi vào ổn định. Các tổ sản Tây bằng súng cối, súng trường, tiểu liên, trung liên thi đua lập công. Quà tết hậu phương tuy không nhiều nhưng cũng có chè lam Thanh Hóa, mứt Phú Thọ, thuốc lá Ba Vì, chè Đồng Lương. Ban hậu cần cho người về Nho Quan (Ninh Bình) đưa đậu xanh, mỡ nước, đường, trâu bò ra tiền tuyến. Bữa cơm anh em đã có đôi chút chất tươi. Những kinh nghiệm đánh tĩa, kinh nghiệm tổ chức sinh hoạt trong đường hầm ở đây hai năm sau đã được nhân lên với quy mô lớn trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sự hiệp đồng trên quy mô chiến lược của các đơn vị chủ lực luồn sâu vào lòng địch cùng với sự chuyển hướng chiến dịch, chọn sông Đà, đường số 6 làm hướng chính trong đợt ba đã đặt bộ chỉ huy Pháp trước một vấn đề phải lựa chọn là rút hay không rút Hòa Bình. Rút quân khỏi Hòa Bình tức là thừa nhận sự thất bại của kế hoạch đánh ra. Khi rút lực lượng có thể bị tiêu diệt. Về chính trị, cái "Xứ Mường tự trị" sẽ đổ vỡ. Ảnh hưởng thất bại này sẽ vang đến Pa-ri và Oa-sinh-tơn không nhỏ. Không rút thì lực lượng tinh nhuệ sẽ bị giam chân, địch hậu càng nguy khốn. Không rút tuy có tạm thời che giấu được thất bại nhưng cũng không giải quyết được vấn đề gì có thể cải thiện được cục diện chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ. Quân viễn chinh Pháp sẽ gặp khó khăn hơn. Giữa lúc đó thì ở Pa-ri quốc hội Pháp chất vấn Lơ-tuốc-nô,

bộ trưởng thuộc địa khi ông ta trình bày về ngân sách Đông Dương. Tướng Đờ Lát bị ung thư đang hấp hối. Ngày 11 tháng 1 năm 1952, tướng Đờ Lát tác giả của kế hoạch tiến công ra Hòa Bình chết. Tướng Sa-lăng lên thay.

Trong đợt ba chiến dịch chúng ta liên tục tiến công trên sông Đà, trên đường số 6. Trận tập kích của trung đoàn 36 đại đoàn 308 vào trận địa pháo địch ngay trong thị xã Hòa Bình đã làm cho viên đại tá chỉ huy tập đoàn cứ điểm Hòa Bình dao động. Sau này, tướng Sa-lăng viết trong hồi ký của mình: "Tất cả tình hình trên đây, ngày cũng như đêm, từng giờ, từng phút đặt ra cho tôi biết bao vấn đề nan giải". Chưa đầy một tuần sau khi Đờ Lát chết, tướng Sa-lăng tổng chỉ huy quyết định thu hẹp thế bố trí để chuẩn bị rút toàn bộ quân Pháp khỏi Hòa Bình. Từ thượng tuần tháng 2 năm 1952, việc chuẩn bị rút lui được chuẩn bị hết sức bí mật. Cuộc rút chạy mang mật danh A-ma-răng. Binh lính chỉ được biết lệnh rút lui đúng vào ngày rút, tức là ngày 23 tháng 2 năm 1952.

Đêm 22 rạng ngày 23, trinh sát trung đoàn 36 đại đoàn 308 phát hiện địch thắp đèn pha rất sáng ở Bến Mới. Trên sông có tiếng ca-nô, trên đường số 6 có tiếng xe cơ giới địch di chuyển. Chúng đang rút dần các vị trí ở ngoài vào trong. Trung đoàn trưởng Hồng Sơn ra lệnh cho toàn trung đoàn sẵn sàng chiến đấu.

Hai tiểu đoàn của trung đoàn 36 xuất kích trong đêm đã xông vào thị xã. Số địch còn lại trên điểm cao Ba Vành bỏ chạy vào thị xã, quân ta truy sát gót. Hai tiểu đoàn hình thành hai mũi tiến công dồn địch ra

bến cầu phao. Quân ta dùng pháo 105 bắn vào ca-nô địch đang qua Bến Ngọc.

Mười ba giờ ngày 23 tháng 2 năm 1952 thị xã Hòa Bình hoàn toàn giải phóng.

Mười chín giờ ngày 23 tháng 2 năm 1952 ta tổ chức mít tinh và duyệt binh ngay trong thị xã Hòa Bình. Trong nhật lệnh, đồng chí Võ Nguyên Giáp nhận định:

"Đây là một chiến thắng lớn nhất từ chiến dịch Biên Giới đến nay. 20.587 tên địch bị tiêu diệt, 6.767 tên bị bắt sống, 132 cứ điểm bị san phẳng, 62 vị trí bị bức rút. Hàng chục máy bay, tàu chiến bị phá hủy. Lần đầu tiên ta đánh vào nơi địch tiến công, cắt đứt mọi hy vọng giành quyền chủ động của Pháp từ nay về sau. Sau lưng địch, ta đã giải tán 2.000 ban tề ngụy, chuyển từ thế bị o ép sang thế tiến công liên tục".

Trong thành tích chung của toàn chiến dịch, đại đoàn 312 đã góp một phần nhỏ bé. Mở đầu chiến dịch, đại đoàn đã chiến thắng giòn giã ở Thu Cúc - Lai Động, tiếp đó đánh sáu trận lớn, tiêu diệt 2.235 tên, bắt sống 320 tên, được Bộ tặng thưởng huân chương Quân công hạng nhì và lá cờ "Giữ gìn non sông" của kiều bào tặng. Đại đoàn đã vượt sông Đà đưa lực lượng sát nách địch bí mật đánh liên hai trận ở Ninh Mít, tiếp đó tiêu diệt địch trên hai điểm cao 400 và 600. Trong hơn một năm chiến đấu, từ chỗ chỉ có một trung đoàn mạnh nay đã có ba trung đoàn hoàn chỉnh và một số binh chủng, đứng trong các đại đoàn cơ động chiến lược của Bộ. Từ chiến dịch Trần Hưng Đạo

(Trung Du) đến Hoàng Hoa Thám (đường số 18), Lý Thường Kiệt (Nghĩa Lộ) một mình đảm nhiệm một hướng, đến chiến dịch Hòa Bình, đại đoàn trong nhiệm vụ là lực lượng cơ động của Bộ đã chấp hành mệnh lệnh không điều kiện, chiến đấu dũng cảm, sáng tạo. Cả đại đoàn là một khối đoàn kết nhất trí. Đại đoàn đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về công kiên, vận động và chiến đấu trên địa hình trung du, rừng núi, đánh địch trên bộ, trên sông.

Chiến dịch Hòa Bình đã đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử của đại đoàn, cũng là đánh dấu sự trưởng thành của từng cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị.

CHƯƠNG TÁM

THU ĐÔNG THỨ BA – TÂY BẮC TOÀN THẮNG

Tháng 3 năm 1952, với tầm nhìn xa về chiến lược, ngay khi chiến dịch Hòa Bình vừa kết thúc, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã có quyết tâm mở chiến dịch tiến công trên chiến trường Tây Bắc.

Đối với tôi, được gặp lại đồng chí, đồng bào Tây Bắc sau bao năm xa cách là một niềm vui thực sự như được về chính nơi quê hương mình.

Thu Đông năm 1945 tôi lên Tây Bắc với một hành trang ít ỏi về quân sự. Trung đoàn Sơn La lúc đó thực chất là sự tập hợp những tiểu đoàn. Trang bị thiếu thốn, súng đạn không đủ, toàn là mác tre, gậy gộc, dao tông. Thuốc men thiếu thốn đến nỗi cả đại đội chỉ có vài viên ký ninh. Tri thức quân sự không có. Chỉ trong vài tháng cả trung đoàn bị địch đánh bật khỏi Sơn La. Nay tôi trở lại Tây Bắc với cả một đại đoàn bộ binh được trang bị thống nhất, có một số binh chủng bảo đảm, có pháo, có cơ quan chỉ huy và những cán bộ dày dạn kinh nghiệm đã trải qua thử thách trong bốn chiến dịch liên tục. Tôi càng vui khi thấy

việc chọn hướng để mở chiến dịch lần này là rất chính xác. Tôi không còn băn khoăn như khi đi chiến dịch Hoàng Hoa Thám. Về tiêu diệt sinh lực địch chúng tôi thấy đã đánh là ở Trung Du, trên đường số 18, chúng ta vẫn có khả năng tiêu diệt sinh lực địch, nhưng rõ ràng là ở Tây Bắc chúng ta có nhiều khả năng tập trung binh lực ưu thế hơn địch để tiêu diệt từng mảng sinh lực lớn của chúng. Trong điều kiện ta chưa có hỏa lực phòng không đủ mạnh để bảo đảm không phạm tác chiến, hỏa lực chống tăng còn rất mỏng, hỏa lực pháo chưa đủ để chế áp pháo địch, phương tiện cơ động không có thì chủ trương mở chiến dịch ở Tây Bắc của Bộ là vừa sức đối với tình hình bộ đội chủ lực ta lúc đó.

Trên chiến trường Bắc Bộ vào năm 1952 không có chiến trường nào địch yếu như trên chiến trường Tây Bắc. Thành phần binh lính có tới 80 phần trăm là lính ngụy. Bố trí của chúng lại hết sức phân tán trên một tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét. Các phân khu, tiểu khu lại cô lập, khó cứu viện lẫn nhau. Từ chiến dịch Trung Du đến Hoàng Hoa Thám, Hòa Bình, tôi thấy chỗ mạnh nhất của địch là có khối quân cơ động, có máy bay, xe tăng, pháo binh. Trên Tây Bắc, muốn sử dụng quân cơ động ứng cứu thì chỉ có cách dùng quân dù. Với số lượng máy bay chỉ có hạn, chúng chỉ có thể sử dụng từng tiểu đoàn ứng chiến chứ không thể đưa vài ba binh đoàn cơ động ứng chiến ngay tức khắc như ở trung du hoặc đồng bằng Bắc Bộ. Tây Bắc lại xa các căn cứ không quân và do điều kiện địa hình, thời tiết, không quân Pháp không thể hoạt động như ở các

chiến trường khác. Tóm lại, Tây Bắc đã hạn chế chỗ mạnh của địch.

Về ta, với địa hình hiểm trở của Tây Bắc, chúng ta có điều kiện sử dụng binh lực tập trung đập vỡ từng mảng phòng tuyến của chúng, vừa tiêu diệt nhiều sinh lực địch, vừa giải phóng được đất đai, có khả năng làm thay đổi so sánh lực lượng và làm thay đổi cục diện chiến trường. So với chiến dịch Hòa Bình, lần này đại đoàn 312 đã mạnh lên rất nhiều. Đó là kết quả của cuộc chỉnh huấn về chính trị và huấn luyện quân sự, chấn chỉnh tổ chức trong cả mùa hè năm 1952.



Mùa hè năm 1952, sau chiến dịch Hòa Bình chúng tôi lại về Phú Thọ tiến hành chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự. Kể từ ngày thành lập quân đội cho đến năm 1952, lần đầu tiên quân đội ta tiến hành học tập chính trị tập trung nhất, rộng lớn nhất. Từ Khu 5 trở ra, các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương, cơ quan, nhà trường đều học chung một chương trình thống nhất. Cán bộ từ đại đội trở lên học "Mấy vấn đề về cách mạng Việt Nam"; cán bộ tiểu đội, trung đội, chiến sĩ học tài liệu "Quân đội nhân dân Việt Nam" và tài liệu "Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi".

Mặc dù có những thiếu sót này thiếu sót khác về phương pháp nhưng cuộc chỉnh huấn đã bước đầu nâng cao được giác ngộ giai cấp cho quân đội ta, làm cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ mục tiêu chính trị của

chiến đấu. Từ đó hiểu rõ bản chất và nhiệm vụ quân đội nhân dân, nâng cao lòng yêu nước, tinh thần quốc tế, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, nâng cao quyết tâm chiến đấu. Những cán bộ quân sự chúng tôi ai nấy đều ghi nhận chính cuộc chỉnh huấn mùa hè năm đó đã thực sự tăng thêm sức mạnh chiến đấu cho đơn vị. Sức mạnh đó được thể hiện rất rõ trong cuộc hành quân gian khổ tiến vào Tây Bắc, trong những cuộc truy kích năm, sáu ngày đêm không nghỉ, trong việc giúp đỡ đồng bào vùng mới giải phóng, nhường cơm, nhường thuốc cho đồng bào và trong hiệp đồng tác chiến với quân đội Pa-thét Lào.

Sau chỉnh huấn chính trị, bộ đội tiến hành chấn chỉnh về tổ chức, biên chế và trang bị. Các đại đoàn cơ động được biên chế thống nhất theo quy định của Bộ Tổng Tham mưu. Đại đoàn chúng tôi có ba trung đoàn bộ binh và các tiểu đoàn trực thuộc như công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, vận tải. Mỗi tiểu đoàn bộ binh có một đại đội chủ công gồm bốn trung đội. Đại đoàn 312 theo biên chế thống nhất giảm được hơn 1.000 người nhưng trang bị, vũ khí mạnh hơn trước. Việc học tập quân sự trong mùa hè năm đó cũng theo tài liệu thống nhất của Bộ Tổng Tham mưu. Về học đánh công sự kiên cố, các đơn vị học đánh cứ điểm kiên cố có binh lực trên dưới một tiểu đoàn địch, học đánh vận động tiêu diệt những binh đoàn cơ động lớn. Đại đoàn có một tiểu đoàn diễn tập thực binh có bắn đạn thật, có các phân đội hỏa lực và chuyên môn phối thuộc... Lại nhớ hồi ở Sơn La rút về Phú Thọ để huấn luyện, cứ mỗi lần học đánh đồn là anh em lại vào nhà

dân mượn dao. Thuốc nổ chưa biết dùng, lựu đạn không có, đạn bắn bia tính từng viên. Cả thao trường vang lên tiếng dao chan chát chặt vào hàng rào tre đực vang cả một góc rừng. Bộ đội diễn tập mà nghe như phát nường.

Điều đặc biệt làm anh em yên tâm là Trung ương Đảng và Chính phủ đã cho thi hành chế độ cung cấp, chế độ quân trang, chế độ thuốc men cho quân đội. Cũng năm 1952 điều lệ tạm thời về dân công được ban bố. Sức người, sức của hậu phương được huy động có tổ chức, tránh được sự lãng phí. Có thể nói mùa hè năm đó là một bước ngoặt đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang. Chúng tôi đi vào chiến dịch Tây Bắc với niềm tin và sức mạnh mới.

Tây Bắc là chiến trường có tầm quan trọng về chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ lúc đó. Chiếm đóng Tây Bắc, địch đã tạo ra thế thường xuyên uy hiếp căn cứ địa Việt Bắc của ta, đánh phá căn cứ du kích của cách mạng Lào. Giải phóng được Tây Bắc, chúng ta sẽ mở rộng và củng cố được căn cứ địa Việt Bắc và tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Lào. Chúng ta sẽ không lo phía sườn và sau lưng căn cứ địa để tập trung lực lượng tiến công địch trên chiến trường khác, chủ lực ta sẽ có địa bàn cơ động rộng rãi hơn. Các dân tộc ít người ở Bắc Bộ lúc đó chỉ còn đồng bào Thái là còn bị địch thống trị và lợi dụng. Ở Tây Bắc, địch đã thực hiện được một phần quan trọng âm mưu chia rẽ dân tộc, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt. Nếu lần này chúng ta giải phóng

được Tây Bắc thì có thể nói trên chiến trường Bắc Bộ, âm mưu chia rẽ dân tộc của địch đã thất bại. Ở Tây Bắc địch có tám tiểu đoàn và 41 đại đội, phân tán trên 144 cứ điểm, trong đó có 40 cứ điểm có từ một đến hai đại đội, còn thường là cứ điểm từ một đến hai trung đội. Trừ một số vị trí then chốt có công sự kiên cố như Nghĩa Lộ, Mộc Châu còn phần lớn đều bằng gỗ đất. Ở Tây Bắc, ta có điều kiện tập trung ưu thế binh lực tiêu diệt nhiều sinh lực địch hơn các chiến trường khác.

Mục đích của chiến dịch lần này là: tiêu diệt sinh lực địch, tranh thủ nhân dân Tây Bắc, giải phóng một bộ phận đất đai.

Cả ba mục đích đó có quan hệ mật thiết với nhau. Có tiêu diệt sinh lực địch mới tranh thủ được nhân dân và giải phóng được đất đai.

Với quyết tâm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai Tây Bắc, từ tháng 4 năm 1952 Trung ương Đảng đã ra những chỉ thị về công tác chuẩn bị chiến dịch. Trung ương đã điều thêm cán bộ đủ để kiện toàn bộ máy hậu cần chiến dịch, chuẩn bị đường sá bảo đảm giao thông, vận tải lương thực, thực phẩm thuốc men cho chiến dịch.

Tháng 8 năm 1952 Bộ Chính trị ra nghị quyết về chính sách vận động đồng bào dân tộc ít người. Chủ tịch Hồ Chí Minh tự tay soạn thảo "Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ cho bộ đội và nhân dân vùng mới giải phóng". Sau những công tác tổ chức để chuẩn bị điều kiện tất thắng cho chiến dịch, tháng 9 năm 1952 Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc. Các

đại đoàn 308, 312, 316, đại đoàn 351 đánh địch ở Tây Bắc. Đại đoàn 320 và đại đoàn 304 đánh địch ở vùng sau lưng địch Liên khu 3.

Ngày 9 tháng 9 năm 1952, hội nghị phổ biến kế hoạch chiến dịch Tây Bắc được triệu tập ở một khu rừng thuộc Chợ Chu (Thái Nguyên). Ngày cuối cùng của cuộc họp Bác đến. Hôm ấy trời mưa rất to, gió núi thổi ào ào. Chúng tôi ngồi trong hội trường nghe thấy tiếng suối réo ầm ầm dưới chân đồi. Ai cũng mong được gặp Bác vì mỗi lần được gặp Bác lại cảm thấy niềm tin, thấy nghị lực và sự say sưa được cống hiến của mình được nâng cao thêm. Nhìn những hàng cây rừng lay động trong gió mưa, ai cũng lo cho sức khỏe của Bác. Tất cả nhìn xuống con đường mòn ngập nước dưới chân đồi. Thấp thoáng trong màn mưa mờ mờ bóng một cái ô đen. Anh Văn, anh Thanh chạy ra. Đúng Bác rồi! Bác che ô, tay chống gậy, một tay xách dép, chân đầy bùn. Bác bước qua rãnh nước chảy bước vào hội trường. Mái tóc, bộ râu của Bác dính hết nước mưa. Qua làn áo thấm nước dính vào vai, thấy rõ đôi vai mảnh khảnh của Bác hơi nhô lên. Tôi ứa nước mắt. Cả hội trường lặng đi vì nghẹn ngào. Bác bước lên bục hội trường. Tiếng vỗ tay như sấm dậy. Tất cả đồng thanh:

– Hồ Chủ tịch muôn năm !

– Bác Hồ muôn năm !

Bác nhìn chúng tôi chớp chớp. Đột ngột và nhanh nhẹn như một người chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, Bác khoát tay sang hai bên. Hiệu lệnh yên lặng quen

thuộc của Bác. Tất cả yên lặng. Bác nói: "Hôm nay trời mưa to, suối nước lũ, khi đi đến một cái suối nước chảy mạnh, thấy bên kia có một số đồng bào đang ngồi đợi nước xuống để sang, Bác nghĩ: nếu không đi ngay, e các chú phải đợi mất thì giờ. Nên Bác cùng mấy chú nữa quyết tâm cởi áo quần, tay sào, tay gậy lần sang được. Thấy Bác sang được, nhóm đồng bào kia cũng quyết tâm sang. Đó là kinh nghiệm cho các chú. Bất kỳ việc gì, to hay nhỏ, mình có quyết tâm thì làm được, mà còn lôi cuốn người khác cùng quyết tâm như mình"¹.

Chỉ ra rừng cây nặng trĩu nước đang đu đưa trong gió, Bác nói: "Còn gì dễ hơn là ngắt một cái lá kia, nhưng nếu không quyết tâm bước ra mà ngắt thì vẫn không ngắt nổi". Phân tích về quyết tâm của Trung ương, Quân ủy, Bác nói: "Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy đã cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường sắp đến, và quyết tâm là chiến dịch này phải đánh cho thắng lợi. Quyết tâm của Trung ương chưa đủ, còn phải để cho các chú cân nhắc kỹ thấy rõ cái dễ và cái khó để truyền cái quyết tâm đó cho các chú. Trung ương và các chú quyết tâm cũng chưa đủ, mà còn phải làm cho quyết tâm đó xuống đến mọi người chiến sĩ. Quyết tâm đó phải thành một khối thống nhất từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên... Gặp thuận lợi thì phải quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì phải quyết tâm khắc phục... Gặp cái dễ mà không quyết tâm phát triển thì nó có thể biến thành cái khó,

1. Hồ Chí Minh, *Với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr.218.

gặp cái khó mà quyết tâm khắc phục thì cũng thành cái dễ..."¹.

Bác bắt tay, thân mật hỏi chuyện chúng tôi. Khi đến trước đoàn 312, Bác bắt tay tôi hỏi:

– Chú Tấn, chiến dịch này chú tính thế nào?

Tôi đứng nghiêm thưa với Bác:

– Thưa Bác, thay mặt cho cán bộ, chiến sĩ đại đoàn 312, cháu xin hứa trong chiến dịch này gặp thuận lợi thì quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì quyết tâm khắc phục.

Quyết tâm lớn của Bác được truyền cho tất cả các cán bộ chỉ huy chiến dịch và đã trở thành quyết tâm, thành sức mạnh chiến đấu đè bẹp quân thù, và câu chuyện vượt tuổi già của Bác được truyền trong cán bộ, chiến sĩ suốt trong chiến dịch như một huyền thoại.



Bước vào Thu Đông năm 1952, trước khi Tây Bắc nổ súng, từ đầu tháng 10, hai đại đoàn 320 và 304 tiến sâu vào vùng sau lưng địch tại Nam Định và Ninh Bình cùng với lực lượng tại chỗ mở một đợt hoạt động mạnh nhằm tiêu diệt sinh lực địch, thu hút các binh đoàn cơ động ứng chiến, đánh lạc hướng phán đoán của chúng. Trong khi đó ba đại đoàn 308, 312, 316 sẽ

1. Hồ Chí Minh, *Với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr.218 - 219.

chia làm bốn mũi vượt sông Thao trong cùng một đêm, đánh vào tuyến Nghĩa Lộ, La Phù, đánh ngang sườn tuyến phòng thủ của địch, đồng thời tranh thủ tiêu diệt địch ở tiểu khu Phù Yên, sau đó khuếch trương chiến quả, quét sạch địch tới sát bờ sông Đà, tạo điều kiện tiến công Sơn La.

Ngày 10 tháng 10, toàn đại đoàn vượt sông Thao, chia làm hai cánh. Một cánh gồm trung đoàn 141 và pháo phối thuộc vượt qua Khe Lóng, nhanh chóng tiến vào tiêu diệt vị trí Sài Lương, nổ súng mở màn cho chiến dịch. Một cánh khác gồm hai trung đoàn 209 và 165 cùng đại đoàn bộ theo hướng bắc, vượt đèo Nậm Bằng cao gần 2.000 mét, dọc đường tiêu diệt địch ở La Hầu Pèng, tiến vào bao vây tiêu diệt địch ở Nậm Mười, Bản Tủ - hai cứ điểm thuộc phân khu Nghĩa Lộ.

Yêu cầu về chiến thuật trong trận mở màn là bí mật, nhanh chóng tiếp cận địch, bất ngờ nổ súng đánh thật nhanh, thật mạnh. Công binh đi trước đội hình làm nhiệm vụ tổ chức bến vượt sông, khắc phục suối và dốc trên những đoạn đường khó đi.

Trong đợt mở màn, đại đoàn có nhiệm vụ tiêu diệt Sài Lương, đánh viện trên đường Gia Hội - Nghĩa Lộ và chuẩn bị tiến công Gia Hội. Để bảo đảm bí mật chiến dịch, chúng tôi phải hành quân qua những chặng đường địch không ngờ tới, không đề phòng. Đó là những lối đi cắt rừng qua những ngọn núi cao, những triền cỏ tranh không có nước uống, những dốc cao gần như dựng đứng. Đi lên phải bám từng bậc mà leo. Khi xuống phải ngồi mà tụt xuống một mạch cả

người và vũ khí, trang bị, lương thực, quân dụng. Đường đã khó đi, lại phải bảo đảm kỷ luật thời gian nổ súng đúng giờ quy định. Thời tiết vùng cao vào tháng 10 ban ngày trời nắng hanh gay gắt nhưng chiều đến lại lạnh buốt. Để bảo đảm kỷ luật thời gian, chúng tôi phải đi cả ngày lẫn đêm. Muốn đi được ban ngày phải tìm những con đường mà chính địch cũng không dám đến. Đó là những con đường xuyên rừng, vượt qua những ngọn núi cao không một giọt nước. Như một người học võ khổ công rèn luyện ngày đêm để có đủ bản lĩnh trước đối thủ, cuộc hành quân gian khổ, bí mật của các đại đoàn chủ lực vào Tây Bắc đã giữ được thế bất ngờ về chiến dịch. Thu đông năm 1952, Sa-lăng tổng chỉ huy quân Pháp tự hỏi liệu thu đông này đối phương sẽ mở chiến dịch trên hướng nào? Cuối tháng 9, ông ta thấy sự vận chuyển của quân ta trên sông Hồng ở vùng Yên Bái tỏ ra khác thường, các phiên liên lạc bằng vô tuyến tăng lên. Ngày 4 tháng 10, ông ta cho báo động toàn khu Tây Bắc rồi ra lệnh điều một đại đội Ta-bo từ Lai Châu về tăng cường cho Nghĩa Lộ. Sở chỉ huy được điều từ Nghĩa Lộ lên Pú Chàng, tăng cường công sự, cho máy bay bay trinh sát và các đội tuần tiễu theo dõi quân ta từ hữu ngạn sông Hồng đến tả ngạn sông Đà. Tuy vậy, ông ta vẫn chưa thật tin cái "Xứ Thái" lại có thể bị tiến công. Đầu tháng 10, khi hai đại đoàn 320 và 304 vào đồng bằng Bắc Bộ thì bộ chỉ huy Pháp lại phân vân: không hiểu đối phương chọn đồng bằng hay Tây Bắc. Nhưng tự hào là người chỉ huy am hiểu Đông Dương, cộng với thói quen chờ cho đối phương lộ rõ ý định mới hạ

quyết tâm xử trí, ngày 5 tháng 10 tướng Sa-lăng vẫn bay vào Sài Gòn để đón tiếp và hướng dẫn bộ trưởng chiến tranh Đờ Sơ-vi-nhê thăm miền Nam Việt Nam.

Cuối tháng 9, trung đoàn trưởng cùng các tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng chủ công đi chuẩn bị chiến trường. Tôi và anh Độ đi với hai trung đoàn 209 và 165. Trung đoàn 141 đi riêng theo đường Khe Lóng vào Sài Lương. Căn cứ vào đường đi trên bản đồ, anh em mang theo 12 ngày gạo. Dọc đường gặp bốn đồng bào người địa phương đi đào củ rừng. Bốn người tình nguyện dẫn đường. Thế là số gạo phải san cho đồng bào cùng ăn. Anh em đi chuẩn bị chiến trường đúng vào dịp trời mưa to, suối tràn nước chảy rất xiết, có con suối nước ngập ngang lưng phải bơi. Tính ra anh em đã phải vượt suối tất cả ba mươi sáu lần mới tới được Khe Lóng. Từ Khe Lóng phải tránh đi ban ngày để giữ bí mật. Thời gian do vậy phải kéo dài. Tính ra mất hơn tám ngày mới tới được Sài Lương.

Sài Lương là vị trí tiền tiêu của Nghĩa Lộ, nằm trên con đường tắt từ sông Thao vào thị trấn Nghĩa Lộ. Khác với các vị trí khác, Sài Lương là bàn đạp địch thường dùng để tung gián điệp, biệt kích vào vùng tự do. Vì vậy ở Sài Lương địch không phát quang như những cứ điểm khác. Đồn Sài Lương đóng trên một đồi cao, xung quanh là những lũy tre dày cao vút, lau lách, cây cối rậm rạp, bốn bên là núi cao, vách đá. Vào Sài Lương chỉ có một đường. Không thể quan sát từ xa được, anh em đi chuẩn bị chiến trường đành phải đợi đến đêm. Mặc dù đã phải san gạo ra ăn rất dè

sẵn nhưng cũng không đủ vì còn phải tính đến lúc quay ra đón bộ đội vào để kịp nổ súng theo quy định của Bộ chỉ huy chiến dịch. Vì vậy, anh em phải quay ra mặc dù còn một số vị trí chưa trinh sát được hết.

Trung đoàn 141 vượt sông Thao bằng thuyền trong một đêm và hành quân gấp trong hai ngày hai đêm liền.

Mười lăm giờ ngày 14 tháng 10, toàn trung đoàn đã chiếm lĩnh xong vị trí. Dịch cho máy bay trinh sát, thả bom nhưng anh em vẫn tiếp cận, bí mật đào công sự. Được pháo 75 yểm hộ, chỉ trong 20 phút, bộ đội ta đã phá xong rào đánh vào tung thâm. Dịch hoảng loạn ném cả lựu đạn không kịp rút chốt rồi tuột xuống khe theo một đường bí mật rút chạy. Trận này ta không đạt được mục đích tiêu diệt sinh lực địch. Theo lời khai của bốn tù binh bị bắt sống thì ngay từ ngày 3 tháng 10, địch đã đánh hơi thấy anh em ta đi trinh sát nên điện lên trên xin rút.

Trận này ta không nắm vững địa hình, có phần đánh giá địch cao so với thực tế, kế hoạch tiến công lại không bao vây kín, không chặn đường địch rút. Tuy vậy trận đánh mở màn này đã mở đường cho đại quân ta tiến vào Tây Bắc, gây được không khí phấn chấn, tin tưởng trong các lực lượng tham gia chiến dịch. Anh em lại được gặp các mẹ, các chị, các em nô nức ra gặp bộ đội. Người nào cũng tiêu tụy, rách rưới, gầy như xác ve. Đồng bào cho biết mấy tháng nay chỉ toàn ăn củ rừng, nhưng củ rừng đào mãi cũng hết. Một cụ già ở Bản Vàng kể, nhân dân đói đã ba tháng nay vì không cấy được ruộng, không đi được nương. Mỗi năm Pháp bắt dân đi phu 11 tháng. Đàn ông còn sức lực

chúng bắt đem đi, đàn bà đêm nào cũng phải lên đồn làm đồ chơi cho bọn quan lính trên đồn. Thương dân đói, bộ đội nhường gạo cho dân. Ngày hôm sau một bộ phận đi truy kích địch, một bộ phận chia nhau đi giúp nhân dân dựng lại nhà cửa, vào rừng đào củ giúp dân cứu đói. Tin bộ đội về giải phóng Sài Lương lan đi rất nhanh. Từ những bản người Xá, người Puộc ven suối, những nương người Thái đến những bản người H'mông heo hút trên vùng cao, đồng bào đến gặp chúng tôi náo nức, mừng mừng tủi tủi. Nhiều người tình nguyện đi tải đạn, tải gạo, dẫn đường cho bộ đội. Tây Bắc bắt đầu chuyển mình.

Sài Lương bị tiêu diệt, đường vào chiến dịch đã thông. Đêm 17 tháng 10, đại đoàn 308 dưới sự chỉ huy của đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, đại đoàn phó Cao Văn Khánh, chính ủy Song Hào đã tiêu diệt gọn cả Nghĩa Lộ và Pú Chàng, bắt được toàn bộ bọn chỉ huy và hàng trăm tù binh. Nghĩa lộ bị tiêu diệt, Gia Hội trở nên cô lập. Đại đoàn 312 được giao nhiệm vụ tiêu diệt Gia Hội...



Trong lúc các đơn vị của đại đoàn đánh huyệt địch ở Gia Hội, tiếp đó lại bị thương vong ở Tú Lệ, chúng tôi ở sở chỉ huy cũng rất bồn chồn. Lúc đầu tin tức có vẻ thuận, nhưng càng về sau càng mâu thuẫn. Lát sau liên lạc với trung đoàn bị mất hẳn. Tôi và anh Độ thấy không thể ngồi chờ được, phải xuống tận nơi xem xét

tình hình. Anh Độ và tôi lấy súng cùng một tổ điện đài rời sở chỉ huy trong đêm.

Chúng tôi đi gần như chạy hướng về tiếng súng nổ. Đến mờ sáng thấy bên kia suối, giữa cánh đồng Tú Lệ vàng khè màu áo lính ngủ lẫn với áo dù loang lổ. Tôi ra lệnh cho tổ điện đài nổ súng. Bọn địch khựng lại quay lui thì cũng vừa lúc đơn vị đánh Tú Lệ đuổi sát nút.

Bọn địch chạy lên Cao Phạ, một mỏm núi cao. Anh em đuổi theo ráo riết. Địch trên núi cao đặt súng bắn xuống. Chu Viết Sỏi chiến sĩ mang trung liên cùng một tổ bí mật lên núi bằng con đường khác rồi bất ngờ nổ súng vào giữa đội hình địch. Bị đánh bất ngờ ngang sườn, địch xô nhau chạy. Chu Viết Sỏi cứ dọc theo đội hình địch đánh tới. Nhiều tên địch giơ tay hàng, nhưng Sỏi vẫn dũng mãnh gạt chúng ra hai bên xông lên chặn không cho địch rút. Nhờ hành động mưu trí, dũng cảm của Chu Viết Sỏi, tiểu đoàn 154 đã tiêu diệt hai đại đội lính dù thuộc tiểu đoàn 2, bắt sống hơn một trăm tên, hầu hết là lính da trắng.

Tiểu đoàn 154 trong đó có đồng chí Sỏi đã hành quân 205 ki-lô-mét, nhịn đói một ngày, vừa lĩnh được năm ki-lô-gam gạo nấu cháo chưa kịp sôi đã phải truy kích địch. Hơn một trăm tù binh và hàng đống vũ khí, quân trang, quân dụng của địch là sự đền bù cho sự chịu đựng gian khổ của tiểu đoàn 154.

Qua trận Gia Hội rồi tiếp đến Tú Lệ, tôi thấy cần nhanh chóng chấn chỉnh tác phong chỉ huy của trung đoàn 165. Tôi cho mời trung đoàn trưởng và các tiểu

đoàn trưởng lên đại đoàn. Vì lợi ích của chiến dịch, vì sự tiến bộ của trung đoàn, tôi thấy cần phải chỉ rõ khuyết điểm chủ quan, đánh chưa chắc chắn của trung đoàn. Tôi biết sự thẳng thắn của mình trước mắt có thể làm anh em phật ý, nhưng về lâu dài anh em thế nào cũng nhất trí với tôi. Tôi đang góp ý với trung đoàn thì Ngọc Châu, chính trị viên tiểu đoàn 115 đến.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình thương vong của đơn vị, tôi hỏi Ngọc Châu có thể truy kích được không? Ngọc Châu phẩn chấn báo cáo:

– Đề nghị anh cho truy ngay. Chỉ có truy kích ngay tiểu đoàn 115 mới có thể tiếp tục trở thành tiểu đoàn chiến đấu được !

Nghe báo cáo tôi thấy nhẹ cả người, nhưng tôi vẫn hỏi:

– Nhưng anh em đã bị đói hai hôm nay liệu có truy được không?

Ngọc Châu kiên quyết trả lời:

– Tiểu đoàn tổ chức cho những anh em yếu mệt ở lại làm công tác thương binh, tử sĩ. Số anh em còn khỏe sẽ tổ chức lại để truy kích địch.

"Cậu này khá đấy !". Tôi trầm nghĩ và gọi Ngọc Châu cùng trung đoàn trưởng lại tám bản đồ Tây Bắc, tôi nói:

– Hiện nay tiểu đoàn 154 đang truy kích địch. Nhưng anh em đã thấm mệt. Địch đang rút chạy trên đường Cao Phạ, Ngọc Chiến, Ít Oong. Tôi ra lệnh cho tiểu đoàn 115 tiếp tục truy kích. Trong truy kích phải nhớ, cán bộ tiểu đoàn và hỏa lực phải đi đầu. Gặp địch

phải phát huy hỏa lực thật mạnh, xé chúng ra từng mảng, đuổi sát bọn đi đầu. Hàng binh, vũ khí địch bỏ lại cho bộ phận đi sau giải quyết.

Tôi đã nhắc lại kinh nghiệm của Chu Viết Sỏi.

Tiểu đoàn 115 đã chấp hành mệnh lệnh nghiêm và tiếp thu kinh nghiệm tốt. Mười giờ sáng hôm sau, mặc dù máy bay địch đánh phá đúng đội hình, tiểu đoàn vẫn vượt Cao Phạ gọi hàng 80 tù binh, đuổi địch tới gần Ngọc Chiến thì gặp tiểu đoàn 154. Lúc này tiểu đoàn 154 được lệnh quay lại thu dọn chiến trường. Tiểu đoàn 115 tiếp tục truy kích địch.

Tiểu đoàn trưởng và hỏa lực dẫn đầu đội hình xông lên Ngọc Chiến. Máy bay địch bám sát. Tiểu đoàn đến Ngọc Chiến thì địch đã rút. Cần phải nhanh hơn nữa! Tới dốc Pu Săm Xíp, địch từ trên cao dùng trung liên bắn xuống. Học tập Chu Viết Sỏi, Hoàng Đình Kỳ cùng một bộ phận bí mật lên núi đánh vào sau lưng bọn địch. Hai mươi tên lính ngự và một thiếu úy Pháp xin hàng. Đến Bản Dốc, tiểu đoàn lại tiêu diệt một trung đội địch thuộc tiểu đoàn dù ngự số 57. Bản Dốc cách Ít Oong chừng sáu ki-lô-mét. Anh em lại tiếp tục truy kích địch. Đi suốt đêm đến sáng thì trinh sát về báo cáo địch đã rút khỏi Ít Oong về Sơn La. Tiểu đoàn theo triền sông Đà tới Tạ Bú bắt sống một trung đội lính Thái chưa kịp qua sông và 25 con ngựa thồ. Mường La hoàn toàn giải phóng. Du kích Mường La bắt liên lạc với bộ đội mừng không tả xiết. Du kích cùng bộ đội chia nhau vào rừng gọi hàng được hàng trăm tù binh.

Đợt một chiến dịch Tây Bắc kết thúc. Phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên bị tiêu diệt. Một vùng rộng lớn bên tả ngạn sông Đà được giải phóng. Dịch rút sang hữu ngạn với hy vọng dựa vào sông Đà và những cứ điểm có công sự kiên cố lập phòng tuyến mới.

Về dịch, sau khi bị mất phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên, tướng Sa-lăng tổng chỉ huy quân Pháp cho thiết lập tập đoàn cứ điểm Nà Sản mà ông ta gọi là con đê chắn sóng để ngăn chặn quân ta giải phóng Tây Bắc, tiến sang Lào.

Vào cuối tháng 10, Sa-lăng điều lên Tây Bắc sáu tiểu đoàn, dành cho Nà Sản bốn tiểu đoàn, Lai Châu một tiểu đoàn, Điện Biên Phủ một tiểu đoàn. Đại tá Din trực tiếp chỉ huy xây dựng tập đoàn cứ điểm Nà Sản. Hàng ngày Sa-lăng, Đờ La-ri-nét, A-la thay nhau lên đôn đốc. Theo tính toán của Sa-lăng, Nà Sản có sẵn sân bay, lại nằm trên đường Hà Nội – Lai Châu, có nhiều đồi thấp, lại là đồi trọc tiện cho quân Pháp sử dụng không quân, pháo binh, xe tăng. Sa-lăng ra lệnh cho tham mưu trưởng Đờ La-ri-nét phải củng cố Nà Sản đủ khả năng chịu đựng được pháo 75.

Trong suốt những ngày đầy lo âu đó, Sa-lăng vẫn không yên tâm. Một vấn đề đặt ra là nếu ta không đánh ngay Nà Sản mà tập trung binh lực tiêu diệt các vị trí khác thì sao? Thế là một kế hoạch tác chiến được vạch ra: phải tiến công lên Phú Thọ để phá hậu phương chiến dịch của ta. Đây sẽ là một đòn hiểm nếu như cuộc hành quân ra Phú Thọ đánh trúng cơ quan hậu cần chiến dịch, buộc ta phải lui quân.

Cuộc hành quân mang mật danh Lo-ren do Đờ La-ri-nét chỉ huy được tiến hành vào ngày 29 tháng 10 năm 1952. Với 30.000 quân gồm các binh đoàn cơ động số 1, 3, 4, một binh đoàn không vận, hai tiểu đoàn bộ binh và năm đơn vị biệt kích độc lập, hai thiết đoàn, hai phân đội trinh sát cơ giới hóa, hai thủy đội xung kích, hai cụm pháo, hai tiểu đoàn công binh, cuộc hành binh được xem là lớn nhất từ đầu cuộc chiến tranh xâm lược của quân viễn chinh Pháp. Mục tiêu được chọn là Đuan Hùng, nơi Sa-lăng coi là "sinh tử" của quân ta. Nhưng sau nửa tháng hành quân "trong chân không" và quá đuối sức trước việc tiếp tế cho 30.000 quân bị lọt thỏm giữa đồng bằng Bắc Bộ và "Xứ Thái", ngày 14 tháng 11 Sa-lăng buộc phải ra lệnh lui quân. Nhưng lui đâu có dễ?

Ngày 9 tháng 11, quân ta mở hội nghị phổ biến nhiệm vụ đợt hai. Mặc dù địch đã tăng thêm binh lực cho Tây Bắc gấp đôi và cho quân đánh ra vùng tự do của ta, quyết tâm của Tổng Quân ủy vẫn không thay đổi. Trong đợt hai chúng ta tập trung lực lượng đánh vào vùng Mộc Châu và hữu ngạn sông Đà, đồng thời kiểm chế, tiêu hao buộc địch phải rút khỏi Phú Thọ, tích cực hoạt động ở đồng bằng.

Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ vượt sông Đà ở phía Tà Trang, đột phá phòng tuyến địch ở giữa, đánh ra Mường Lam, đường số 41, cắt đứt tuyến phòng ngự của địch giữa Yên Châu và Mộc Châu, đồng thời hình thành tuyến ngăn chặn tàn quân địch từ Bản Hoa, Ba Lay, Mộc Châu kéo về. Riêng trung đoàn 36 bí mật

hành quân về Phú Thọ tiêu diệt địch khi chúng rút lui khỏi Phú Thọ.

Đại đoàn 316 có nhiệm vụ tiêu diệt Mộc Châu, một vị trí có công sự kiên cố đóng trên đỉnh núi án ngữ con đường từ Hà Hội lên và đi sang Sầm Nưa.

Đại đoàn 312 chúng tôi được giao nhiệm vụ vượt sông Đà ở Vạn Yên, tiêu diệt tiểu đoàn Ma-rốc số 3, phá vỡ phòng tuyến hữu ngạn sông Đà. Riêng trung đoàn 165 được giao nhiệm vụ cùng trung đoàn 148 dưới sự chỉ huy của đồng chí Bằng Giang làm một mũi vu hồi chiến dịch đánh Luân Châu, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Điện Biên Phủ.

Ngày 15 tháng 11 đợt hai của chiến dịch bắt đầu. Đợt hai chiến dịch có những đặc điểm mới. Về chiến thuật, lần này chúng ta đánh quân địch đã đề phòng, tình huống có thể biến động mau lẹ. Do địch đã tăng thêm binh lực cho Tây Bắc, cả lực lượng cơ động và chiếm đóng lên đến 16 tiểu đoàn và 32 đại đội, công sự đã được tăng cường. Chúng lại đang ra sức đề phòng cho nên bất ngờ về chiến dịch không còn như trong đợt một. Khi qua sông Đà chúng tôi có thể gặp địch ngay. Khi ta tiến công, chúng tăng viện nhanh, nhưng bị đánh mạnh chúng có thể rút và khi rút có thể rút nhanh và rút xa. Tuy bất ngờ về chiến dịch không còn, nhưng chúng ta vẫn có thể tạo nên bất ngờ về chiến đấu. Do sông Đà ngăn cách và do yêu cầu bất ngờ về chiến thuật, chúng tôi không được chuẩn bị chiến trường, không chuẩn bị đường sá trước. Phải vừa tiến quân, vừa điều tra, vừa chuẩn bị.

Trong hội nghị phổ biến kế hoạch đợt hai, đồng chí Tổng tư lệnh đã nhận định: "Qua sông đúng kế hoạch tức là thắng địch được một bước. Vì vậy cần chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng và tổ chức để bảo đảm cho bộ đội vượt sông".

Chúng tôi bí mật chuẩn bị vượt sông dọc theo con suối Tắc chạy dọc theo cánh đồng Nghĩa Lộ. Anh em gói bánh chưng, rang gạo làm lương khô. Hội nghị chi bộ, hội nghị quân nhân tập trung vào hai vấn đề vượt sông và tác chiến trong tình hình chưa thuộc đường, chưa trình sát trước.

Từ cánh đồng Nghĩa Lộ, chúng tôi qua Thượng Bằng La, rồi Quang Huy, Vạn Yên. Tôi lại trông thấy cảnh đốt phá của giặc Pháp như bảy năm về trước. Nhưng nhân dân lần này xơ xác hơn nhiều. Nhìn nắm cơm của dân chỉ thấy một màu nâu xỉn cứng như nắm gỉ sắt. Hỏi nhân dân ăn gì? Dân vừa khóc, vừa nói ăn củ nâu. Hỏi củ nâu chát thế ăn làm sao? Sao không đào củ mài mà ăn? Bà con trả lời củ mài nằm sâu lắm không có sức đào.

Cánh đồng Phù Yên bằng phẳng dài hàng chục ki-lô-mét chỉ toàn một màu tro xám đến rợn người. Dọc ven suối, những bà, những chị người Thái lưng đeo con ngựa ngác đi mò rêu suối. Máy bay Hen-cát từng đôi bay sát cánh đồng nhòm ngó. Tôi chắc bên kia sông đồng bào còn tiều tụy hơn nhiều. Cái "Xứ Thái" mà người Pháp đã ra sức tuyên truyền là như thế! Quân giặc cướp nước mà lại lo cho dân ấm no thật là điều không thể có!

Tôi tự nhủ mình phải trực tiếp tổ chức những khâu then chốt trong đợt này để tiêu diệt địch, nhanh chóng giải phóng đồng bào. Trước mắt phải tổ chức cả đại đoàn tổ chức vượt sông cho tốt. Tôi, anh Trần Độ cùng đội trưởng công binh đi trinh sát sông Đà. Chúng tôi ra bến vượt. Đó là một khúc sông Đà chảy giữa hai triền núi đá. Nhìn dòng nước chảy rất xiết chồm lên qua những mô đá đầy rêu, tôi biết chỗ này khó vượt. Bên kia sông toàn một màu hoa lau trắng xóa. Dưới sông anh em đang ngâm mình trong nước lạnh để đóng bè. Cũng như bộ binh, anh em công binh cũng đã nhin đói, hành quân đi trước mở đường. Từ đầu chiến dịch tới giờ anh em chưa được nghỉ một ngày nào. Tôi ra lệnh cho đội trưởng công binh:

– Phải tập trung lực lượng giải quyết bằng được nội nhật hôm nay. Mà tay đồng chí làm sao thế?

Đồng chí công binh chìa hai bàn tay đầy chai bị xẻ ngang dọc, máu đọng khô từng vết như dao chém, báo cáo:

– Báo cáo anh nửa nó cửa. Xin anh cho thêm đêm nay nữa mới xong.

– Đêm nay không xong thì tôi không cần các anh nữa! Vì địch rút khỏi Ba Lay thì còn sang sông làm gì?

– Báo cáo anh, xin cố gắng ạ.

Nói xong đồng chí vội vàng chạy xuống bến vượt.

Nhìn vóc người cao, gầy, hai bả vai nhô lên cái áo đầm mồ hôi dày cộp những bunn, tôi biết khi ra lệnh tập trung lực lượng nội nhật đêm nay xong là tôi đã ra lệnh theo yêu cầu của chiến dịch. Trong tay anh em có

gì để bảo đảm vượt sông, tôi biết. Thuyền không, phà không, đến sợi dây cáp to bảo đảm không bị nước cuốn cũng không có nốt. Anh Độ bảo tôi:

– Có lẽ thượng sách là bơi thôi ông ạ! Bơi vì thượng sách!

Anh Độ vốn là người vui tính. Trong những lúc khó khăn, gian khổ nhất, bao giờ anh cũng đưa ra những nhận xét dí dỏm, bất ngờ làm nhẹ, làm dịu đi những khó khăn căng thẳng. Hôm qua khi chiếc cầu phao bằng nửa dài hơn trăm mét chưa kịp đưa sang bên kia sông đã bị thác nước quật nát. Sáng hôm nay anh em lại làm bè. Vừa mắc xong dây cáp để dòng bè thì máy bay địch bắn đứt cáp. Tôi và anh Độ xuống trung đoàn 141 đã thấy Nam Long đứng bên đội trưởng công binh. Cả hai ngao ngán nhìn dòng nước chảy xiết. Trời vừa rét vừa mưa lâm thâm. Chờ đến ba giờ sáng vẫn không bắc xong cầu, tôi ra lệnh cho 141 lui quân.

Đêm hôm sau, 20 giờ trung đoàn chuẩn bị lên cầu thì nước lại cuốn phăng cầu. Đội trưởng công binh tự tay mang đoạn cáp sáu mi-li-mét bơi sang bên kia. Cáp vừa căng xong thì nước giạt đứt phăng. Đoạn cáp quý giá đó là dự trữ cuối cùng của công binh. Tôi buột miệng:

– Vượt sông Đà cứ chấp chờn thế này thì lỗ thời cơ mất!

Chợt Nam Long tiến về chỗ tôi nói:

– Đề nghị anh cho tôi bơi cùng với Quang sang trước để tổ chức cho anh em vượt sông.

– Quang nó là cự vô địch bơi lội, còn Nam Long dân Cao Bằng bơi sao được? – Tôi nói.

– Tôi dân Cao Bằng thật nhưng nhà lại ở gần sông Bằng. Tôi có kinh nghiệm vượt sông ở vùng núi mà!

– Kinh nghiệm sao nói nghe nào? – Anh Độ hỏi.

– Sông bao giờ cũng có chỗ chảy rất xiết, có chỗ chảy vừa phải. Chỉ cần vượt qua được chỗ chảy xiết rồi dựa vào dòng chảy mà bơi. Sông này vượt được đấy! – Vừa nói Nam Long vừa cởi quần áo. Thấy vậy Nguyễn Hữu Tài, chính trị viên phó tiểu đoàn người Hải Phòng, cũng là một tay bơi vô địch lúc còn là học sinh xin bơi theo.

Nam Long bơi kiểu tự do. Tài bơi kiểu cờ-run chân đập rất đẹp. Trung đoàn trưởng Nam Long bơi được chừng 25 mét qua đoạn nước chảy xiết thì thấy trời quang, tưởng là sắp đến đoạn có thác. Trong bụng đã lo định báo cho Nguyễn Hữu Tài nhưng lại sợ lộ. Đôi chân Tài vẫn guồng đều đều. Nam Long bỗng thấy đầu gối chạm cục một cái. Thả hai chân thấy chạm đất. Lội một đoạn đến bờ thấy hoa lau bạt ngàn mới biết cái vùng sáng mà mình tưởng là thác chính là phản quang của ngàn lau này. Nam Long mặc áo vào, đi một đoạn thì gặp đơn vị bạn. Nhận bàn giao tình hình địch xong, Nam Long lại bơi sang. Nam Long mừng rỡ nói:

– Có cách rồi anh ạ!

– Cách sao?

– Này nhé, tôi đề nghị tổ chức trung đoàn thành ba bộ phận. Một bộ phận bơi giỏi qua được sông không cần người kèm. Một bộ phận chỉ bơi được độ 25 mét

cần người kèm khi qua chỗ nước chảy xiết, sau đó thả người cho nước đưa vào bờ. Còn bộ phận thứ ba là những anh "mù bơi" với vũ khí nặng cho lên mảng dùng người đẩy qua. Được không các anh?

Anh Độ nắm tay Nam Long:

– Được, tốt! Làm đi Nam Long.

Thế là Nam Long về trung đoàn tổ chức lực lượng. Lát sau Nam Long đã mình trần như nhộng đứng trước mặt tôi báo cáo:

– Báo cáo các anh, tôi đã tổ chức xong đơn vị lính thủy đánh bộ.

Anh Độ cười:

– Thế là đơn vị mình có thêm một binh chủng mới.

Tôi cũng không nhịn được cười, hỏi Nam Long:

– Tổng số biết bơi là bao nhiêu?

– Hai trăm mười sáu anh ạ. Anh Mạc Ninh chính ủy cũng là tay thạo sông nước sẽ phụ trách kèm những anh bơi kém. Tôi bơi sau cùng để thu dung.

Nam Long cho xếp vũ khí nặng, ba lô, gạo ăn trên một chiếc thuyền độc mộc. Thuyền khá nặng, anh nhắc những người biết bơi nên xuống bớt, nhưng không ai chịu xuống. Nam Long đi kiểm tra từng người. Đến một chiến sĩ, Nam Long hỏi:

– Cậu này ở đâu, sao ngồi đây?

– Tôi ở trinh sát đại đoàn xin anh cho đi nhờ.

Nam Long giơ tay nói:

– Trinh sát đại đoàn thằng nào cũng bơi như rái cá cả! Tao biết.

Nói rồi Nam Long giơ gậy vụt liền. Cậu kia phì cười nhảy tùm xuống nước bơi thoăn thoắt. Thế là thuyền nổi.

Hôm sau cầu bắc xong, tôi và anh Độ vừa sang sông đã gặp Nam Long ra đón. Tôi hỏi:

– Ba Lay có mấy hàng rào?

Nam Long dẫn tôi đến bàn cát đồn Ba Lay nói:

– Báo cáo anh tôi đã đi đến chỗ này, chỗ này. Còn chỗ này chưa đi được.

Tôi nhìn năm hàng rào đồn Ba Lay và ba mũi tên cùng đột phá, hỏi Nam Long:

– Sao chỗ này lại bố trí hai mũi song song thế này? Phát triển vào trong đánh lẫn nhau thì làm sao?

– Ấy, đột phá tuy có gần nhau một tý vì cả hai mũi đều chỉ có một trận địa hỏa lực, mới thì thấy song song, nhưng khi đánh tung thâm thì mỗi mũi đánh một hướng anh ạ!

– Có chắc thắng không?

– Rất chắc! Đề nghị anh cho đánh.

Tôi biết Nam Long rất năng động và linh hoạt. Lúc đánh Tà Phình, khi biết địch đã rút chạy liền cho trung đoàn hành quân về Ba Lay, xử trí như vậy khá linh hoạt. Nhưng dù linh hoạt đến mấy cũng phải kiểm tra lại kế hoạch của trung đoàn để bảo đảm chắc thắng.

Ba Lay là một vị trí nằm trên đường mòn từ Vạn Yên đi Mộc Châu, là vị trí quan trọng che chở cho cao nguyên Châu Mộc. Binh lực địch có một đại đội Ma-

rốc thuộc tiểu đoàn Ma-rốc số 3 và một đại đội nguy. Địch đóng trên một quả đồi cao hai mỏm. Chặng quanh cứ điểm có hàng rào thép gai nhiều lớp. Vị trí có hệ thống lô cốt, hầm ngầm. Kế hoạch của trung đoàn là nổ súng tiến công vào bốn giờ sáng để lợi dụng thời gian ban đêm làm công tác tổ chức chiến đấu. Mặt khác, trung đoàn cũng có ý định chờ hai khẩu cối 120 đang còn trên đường hành quân. Sau khi hỏi kỹ nhiệm vụ của từng tiểu đoàn, tôi phê chuẩn kế hoạch tiến công.

Hai mươi tư giờ ngày 19 tháng 11, cối 120 đến. Đại đội trưởng súng cối vốn là người chu đáo đã đích thân đo từ hàng rào đến nơi đặt súng. Thấy đồng chí đo đạc và tính toán hơi lâu, Nam Long sốt ruột chỉ sợ địch chạy nên dọa thi hành kỷ luật. Nhưng khi cối bắn, nổ phát nào trúng phát ấy, Nam Long biểu dương luôn ngay khi nổ súng.

Bốn giờ sáng quân ta nổ súng. Sau bảy phút các chiến sĩ đã mở xong hàng rào. Những phát đạn súng cối 120 rớt trúng các lô cốt, hầm ngầm đã làm cho địch tê liệt. Trong những năm chiếm đóng ở "Xứ Thái" bình yên này, chúng chưa bao giờ bị đánh như thế.

Sau khi mở cửa, quân ta thực hiện chia cắt địch ra từng mảng, dùng thủ pháo, lựu đạn lần lượt diệt từng mục tiêu. Quân ta xông vào hầm ngầm bắt sống 50 tù binh trong đó có tên quan ba Bô-ri-nê chỉ huy Ba Lay. Lính Ma-rốc quỳ lết ôm chân chiến sĩ ta xin hàng. Đám lính Thái đưa vợ con ra xin tha tội chết. Họ vừa khóc vừa nói: Mấy hôm trước có hai mươi lính Thái định ra hàng bộ đội đã bị bọn chỉ huy bắn chết 16

người chôn cùng một hố rồi cho lính Ma-rốc hăm hiếp vợ họ.

Trận đánh kết thúc vào lúc mờ sáng.

Trong đêm 18 rạng ngày 19, trung đoàn 209 sau khi vượt sông đã theo bản đồ nhằm hướng Bản Hoa. Bản Hoa có khoảng hơn ba trăm tên cũng thuộc tiểu đoàn Ma-rốc số 3. Chỉ huy là Ru-két, hăn kiêu căng nhưng nhút nhát. Sau hai giờ tiến công, quân ta đã tiêu diệt Bản Hoa, bắt sống Ru-két.

Cả hai trận đánh của đại đoàn vào hai vị trí kiên cố của địch đều thắng giòn giã. Hai trận đánh Bản Hoa, Ba Lay đã ghi nhận bước tiến bộ mới của đại đoàn. Lần đầu tiên chúng tôi tiến công cứ điểm trong điều kiện không có chuẩn bị, lại phải nổ súng đúng thời gian quy định của Bộ chỉ huy chiến dịch.

Cũng trong đêm 19 tháng 11 trung đoàn 88 đại đoàn 308 hành quân gấp lên Yên Châu. Một đại đội lên bắc Yên Châu, đánh tan tác tiểu đoàn nguy số 55 bắt sống Bruy-nô, chỉ huy tiểu đoàn rồi thừa thắng bao vây Nà Sản. Trung đoàn 102 chặn giữ các ngã đường từ Mường Lum đến Na Ngà, bắt sống hơn 650 tù binh.

Trung đoàn 36 đại đoàn 308 đang ở Tây Bắc được lệnh quay về Phú Thọ ngày 9 tháng 11. Trung đoàn vừa hành quân vừa chuẩn bị tác chiến. Đến trận địa hôm trước thì hôm sau, ngày 17 tháng 11, được sự giúp đỡ của cấp ủy địa phương và nhân dân, trung đoàn đã chiến thắng địch bằng một trận phục kích táo bạo giữa hai vị trí Chân Mộng và Năng Yên, diệt 400 tên, phá hủy 44 xe, trong đó có 17 xe tăng và xe bọc

thép. Trận đánh xảy ra sau khi Sa-lăng ra lệnh lui quân kết thúc cuộc hành quân Lo-ren. Trong một thời gian khá dài, bộ chỉ huy Pháp đã không làm cho quân ta thay đổi quyết tâm trong đợt hai của chiến dịch. Lực lượng cơ động khá lớn của chúng bị giam chân ở Phú Thọ và buộc không quân Pháp phải phục vụ ở mức không thể chịu đựng nổi. Lo-ren là cuộc hành quân đưa quân viễn chinh Pháp đi sâu vào ngõ cụt.

Cũng trong đợt hai, đêm 12 tháng 11, trung đoàn 174 đại đoàn 316 đã tiêu diệt Mộc Châu. Đây là một trong những trận nổi bật nhất của đợt hai. Chỉ trong ba giờ chiến đấu, trung đoàn 174 đã tiêu diệt gọn quân địch gồm ba đại đội đóng trên ngọn núi đá hiểm trở, địch đã tăng cường công sự, bãi mìn và đã đề phòng. Với lối đánh thọc sâu gan dạ, trung đoàn đã đánh thẳng lên đỉnh núi rồi từ điểm cao khống chế đánh tủa xuống, lần lượt diệt từng ổ đề kháng cho tới khi tiêu diệt hoàn toàn quân địch, giải phóng hơn một nghìn dân bị địch giam giữ.

Trong khi chúng tôi vượt sông Đà thì trung đoàn 165 do đồng chí Lê Thùy làm trung đoàn trưởng theo lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch đã cùng tiểu đoàn 910 trung đoàn 148 và bộ đội địa phương Yên Bái, Lai Châu, do đồng chí Bằng Giang, Tư lệnh Quân khu Tây Bắc chỉ huy làm mũi vu hồi đánh vào phía sau lưng địch ở bắc Sơn La và nam Lai Châu.

Tiểu đoàn 910 bí mật vượt sông Đà, đêm 7 tháng 10 đã tập kích tiêu diệt gọn tiểu đoàn bộ tiểu đoàn ngự Thái và đánh tan cả tiểu đoàn đó. Sau đó, tiểu đoàn 542 sang sông cùng tiểu đoàn 910 bất ngờ thọc

sâu vào Quỳnh Nhai làm cho bọn địch ở Luân Châu, Tuần Giáo hốt hoảng bỏ chạy. Đường Sơn La - Lai Châu bị chặt đứt một quãng dài trên 60 ki-lô-mét. Lai Châu bị cô lập, Điện Biên chơ vơ, Thuận Châu bị uy hiếp. Ba huyện Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Luân Châu được giải phóng. Sơn La bị uy hiếp từ phía bắc. Địch điều hai tiểu đoàn để chiếm lại Tuần Giáo, Luân Châu.

Ngày 6 tháng 11, tiểu đoàn ngụy 57 vượt đường số 41 để gặp tiểu đoàn dù 2 vừa mới được củng cố lại. Tiểu đoàn 542 đang truy kích chuyển sang phục kích chia cắt địch ra làm đôi rồi đuổi địch về Luân Châu. Trong trận này tiểu đoàn 542 đã tiêu diệt 92 tên, bắt sống 183 tên, thu hai súng cối 81 và gần 200 súng các loại. Tiểu đoàn 910 diệt gọn một đại đội thuộc tiểu đoàn 2 dù. Tiểu đoàn 115 sau khi hoàn thành nhiệm vụ truy kích đã tìm cách vượt sông mặc dù liên lạc với trung đoàn bị đứt, máy bộ đàm bị hỏng. Tiểu đội trinh sát của tiểu đoàn 115 đã ăn nộm chuối hàng tuần lễ, từ bờ sông Đà đi vào hướng Sơn La và Lai Châu. Thấy ở Quỳnh Nhai, Luân Châu đã có quân bạn, tiểu đoàn hạ quyết tâm đánh vào Cơ Kết, nơi tiếp giáp giữa hai phân khu Sơn La và Thuận Châu.

Để bảo đảm vượt sông an toàn, tiểu đoàn 115 đã mưu trí thực hiện nghi binh. Một tổ mang đại liên, súng cối lưu động ven sông uy hiếp địch. Một tổ thả đuốc trên đèo Pu Săm Xíp đi xuống. Ban đêm trông như hàng nghìn bộ đội, dân công qua đèo. Còn đại bộ phận tiểu đoàn bí mật rút lên Mường Pịa liên hệ với nhân dân mượn thuyền độc mộc bí mật vượt sông. Địch đã mắc mưu, dùng không quân đánh phá suốt từ Ít Oong đến Pu Săm Xíp.

Tiểu đoàn 115 sang sông an toàn. Tổ trình sát đi đầu vừa sang sông đã bắt sống ba tên tù binh. Dịch bỏ chạy khỏi Cơ Kết, Mường Khiêng, rồi Mường Bú. Thị xã Sơn La, cửa ngõ bảo vệ khu trung tâm chỉ huy Tây Bắc bị thủng một mảng lớn.

Trong lúc đó, tiểu đoàn 546 sau khi vượt sông đã thọc sát nách Thuận Châu. Dịch bỏ chạy khỏi Pắc Bó, Tà Giang rồi dót Mường Sài chạy tới Mường Piêng. Quân ở Mường Piêng cũng bỏ đồn rút chạy. Dịch ở Thuận Châu đưa lên hai đại đội để đón đồng bọn. Quân ta bí mật tiến sát bọn chỉ huy giữa lúc chúng đang ngủ, nổ một băng trung liên buộc tên chỉ huy phải ra lệnh cho quân chúng đầu hàng. Tới Thuận Châu, anh em còn đánh cháy một ô-tô, bắt sống một ô-tô khác.

Quân ta vừa vào thị trấn Thuận Châu thì được tin có hai đại đội Âu Phi do một đại úy dẫn đầu đang xếp hàng ba đi vào thị trấn. Bọn này từ tiểu khu Điện Biên đi tiếp viện cho Thuận Châu, vẫn chưa biết Thuận Châu đã bị mất. Toán viện binh vừa vào đến phố thì tổ cảnh giới của ta dùng trung liên bắn quét. Tên đại úy chỉ huy bị bắt tại chỗ. Hấn khai Điện Biên Phủ hiện nay bỏ trống. Số lính Thái còn lại có hai trăm tên do một trung úy chỉ huy.

Sau khi hàng loạt vị trí sau lưng Sơn La bị tiêu diệt và bức rút, Bộ chỉ huy mũi vu hồi hạ quyết tâm dùng tiểu đoàn 115 bao vây tiến công Sơn La. Sơn La từng bùng trong không khí giải phóng sau mấy năm trời bị địch chiếm giữ. Với tốc độ tiến công rất nhanh và

bằng mũi vu hồi lợi hại, chúng ta đã làm cho địch trở tay không kịp. Có bốn sáu khi ta đã chiếm thị xã hai ngày vẫn dẫn quân về.

Tiểu đoàn 542 tiến vào cánh đồng Điện Biên vào khoảng tám giờ sáng. Phát hiện địch trên một quả đồi cạnh đường cái, tiểu đoàn nhanh chóng chuyển đội hình từ hành quân sang tiến công. Sau một loạt súng cối của ta, địch tháo chạy không kịp đốt các kho tàng. Đây là tiểu đoàn chủ lực của Pháp ở Lào vừa sang tăng viện cho Điện Biên. Tên thiếu tá Giăng-xi-ca bị bắt sống.

Trong đợt hai, do đã tập trung binh lực đánh vào cái vỏ cứng nhất Mộc Châu kết hợp với mũi chia cắt Mường Lum, Yên Châu và mũi vu hồi chiến dịch, chúng ta đã tạo nên bước phát triển nhảy vọt. Trong đợt hai, chúng ta đã tiêu diệt 3.000 quân địch, trong đó có toàn bộ tiểu đoàn Ma-rốc số 3, đại bộ phận tiểu đoàn ngự số 56, một bộ phận tiểu đoàn dù số 2 và tiểu đoàn Thái số 3. Chúng ta đã giải phóng toàn bộ tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản và một số vị trí nhỏ ven sông Mã) và một phần quan trọng tỉnh Lai Châu. Bốn cánh đồng lớn nhất Tây Bắc: Mường Thanh, Nghĩa Lộ, Than Uyên, Mường Tấc đã về tay nhân dân lao động. Hai mươi lăm vạn nhân dân, trong đó đại bộ phận là đồng bào Thái đã được giải phóng. Âm mưu lập "Xứ Thái" đã bị đập tan. Thế bao vây phía tây của địch bị phá vỡ. Sau chiến thắng, các đơn vị chia nhau đi xây dựng căn cứ địa Tây Bắc, biến vùng mới giải phóng thành hậu phương vững chắc của ta, chuẩn bị cho hoạt động Đông Xuân 1953 - 1954.

Tôi đi trên đất Tây Bắc giải phóng giữa ban ngày, trong lòng xốn xang bao cảm giác. Tôi lại được gặp anh Trần Quyết bí thư và ban tỉnh ủy Sơn La. Rất cảm ơn các anh, những người cộng sản kiên cường đã nhen nhúm lên ngọn lửa cách mạng trong đồng bào dân tộc Thái. Với lòng tin ở Đảng, ở nhân dân, các anh đã thức tỉnh tiềm năng cách mạng bấy lâu bị giặc cướp nước và bán nước vùi dập, thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng trong lòng những đồng bào chất phác, tạo nên sức mạnh cho đòn tiến công sấm sét hôm nay. Tôi nhớ tới các chiến sĩ trong đội vũ trang tuyên truyền, các đại đội độc lập đã nhịn đói, nhịn muối, không có thuốc men trong những cơn sốt rét rung giương chuyển chiếu để len lỏi trong đồng bào xây dựng cơ sở từ năm 1946 cho đến hôm nay.

Trong đoàn dân công, trong đoàn tân binh mới bổ sung, tôi nhận ra những chị phụ nữ Thái người còn xanh rớt, những chú thiếu niên khi chúng tôi lên Sơn La còn bé tí trên lưng mẹ nay đã cầm súng hiên ngang đi trong đội ngũ. Tôi được nghe kể lại câu chuyện một thương binh của ta (đồng chí Thập nay đã về hưu ở thị xã Sơn La) đã được một bà mẹ người Thái nuôi giấu trong nhà. Thuốc men không có, thức ăn bồi dưỡng cũng không, bà mẹ đã nuôi Thập bằng chính dòng sữa của mình. Một hình ảnh vừa cụ thể, vừa tượng trưng, hình ảnh bà mẹ Thái, bà mẹ Việt Nam với hai bầu vú sữa của mình cúi xuống đưa con người Kinh mình đầy thương tích trong cơn hấp hối, không một người thân thuộc ở giữa vòng vây trùng điệp của quân thù. Hình ảnh ấy đẹp biết bao, xúc

động biết bao! Và huyền thoại ấy chỉ có thể có được trong chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Tháng 9 năm 1945 tôi lên Tây Bắc bằng ô-tô hàng, hành trang chỉ có một cái ba lô lép, vài viên thuốc, chưa có kinh nghiệm chỉ huy, chưa được nhân dân ủng hộ. Sáu năm sau, tôi trở lại Tây Bắc với cả một đại đoàn hoàn chỉnh, đánh trận mở màn chiến dịch thắng lợi, bền bỉ truy kích địch hàng trăm ki-lô-mét, cùng đơn vị bạn đập vỡ phân khu Nghĩa Lộ, vượt sông Đà tiêu diệt Ba Lay, Bản Hoa, luồn sâu vào sau lưng địch phối hợp cùng hướng chính đưa chiến dịch đến toàn thắng.

Những bài học thắng lợi trong chiến dịch Tây Bắc lần này đối với bản thân tôi cũng như đối với đại đoàn là bài học về hạ quyết tâm và tổ chức thực hiện quyết tâm đó trong những khâu then chốt của trận đánh. Đó là cách đánh giá đúng kẻ địch trong từng tình huống, từng trận đánh; là nghệ thuật chỉ huy khi tổ chức cho cả một đại đoàn vượt sông mà trong tay hầu như không có phương tiện bảo đảm; là quyết tâm và tổ chức truy kích địch khi chúng tan vỡ từng mảng lớn... Những thành công và những gì chưa thành công của bản thân, của đại đoàn cũng như của các đại đoàn bạn đều là những bài học quý giá giúp tôi trưởng thành. Trong việc hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch của Bộ giao, trong chiến thắng Tây Bắc lần này, với trách nhiệm của người chỉ huy đại đoàn, tôi càng thấm thía sâu sắc vai trò của nhân dân trong chiến tranh giải phóng nói chung, vai trò mà nhân dân các dân tộc Tây Bắc nói riêng và sự hy sinh, chịu đựng gian khổ đến

tốt độ của tập thể cán bộ, chiến sĩ đại đoàn. Dù cán bộ chỉ huy năng động, tài trí đến đâu nhưng cuối cùng chính người chiến sĩ cầm súng sẽ quyết định thắng lợi của chiến đấu, chiến dịch.

Thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc bắt nguồn từ vai trò của nhân dân, của tập thể cán bộ, chiến sĩ dũng cảm, kiên cường và sự chỉ huy đúng đắn, tài trí từ Bộ Tổng tư lệnh đến Bộ chỉ huy chiến dịch, các đại đoàn, trung đoàn...

Sau mấy trận đánh không thành công vào tập đoàn cứ điểm Nà Sản, chiến dịch Tây Bắc kết thúc. Đại đoàn 312 được giao nhiệm vụ mới. Trung đoàn 209 và 165 ở lại Tây Bắc để phát huy kết quả của chiến dịch, trung đoàn 141 sang phối hợp chiến đấu cùng bộ đội Pa-thét Lào; thực hiện tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng căn cứ kháng chiến của nhân dân nước bạn. Tôi được Bộ chỉ định đi cùng trung đoàn 141.

CHƯƠNG CHÍN

CHUNG MỘT CHIẾN HÀO

Thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc đã vượt ra ngoài biên giới nước ta. Sau chiến dịch vùng giải phóng của ta đã mở đến sát Thượng Lào. Mới hôm nào chiến trường này còn là hậu phương an toàn của địch nay đã trở nên bị uy hiếp. Chiến tranh du kích ở Thượng Lào trước đây bị cô lập nay đã có chỗ nương tựa. Đó là một cơ hội tốt để nhân dân Lào đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Đầu tháng 12 năm 1952, đồng chí Tổng tư lệnh gọi tôi lên giao nhiệm vụ cùng trung đoàn 141 vượt qua Mai Sơn sang vùng Mường Hét để mở rộng khu căn cứ du kích Xiềng Kho của bạn Lào theo yêu cầu của Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la. Hai trung đoàn 209 và 165 hành quân trở về Phú Thọ.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp hỏi tôi:

– Anh Tấn chắc đã quen vùng Xiềng Kho ?

– Tôi đã sang Xiềng Kho năm 1949, hồi còn ở Khu 10.

– Anh đi với 141, tôi không cần dạn nhiều. Theo các đồng chí bạn cho biết, đồng bào vùng các anh sắp đến rất tốt. Cơ sở chính trị vững nhưng lực lượng vũ trang còn yếu. Khi đánh chú ý đánh cho gọn, nhưng đối với tù binh là người Lào cần giao cho bạn. Nhân dân Lào không có bao nhiêu.

Tôi cảm thấy đôi mắt của đồng chí Tổng tư lệnh có một thoáng buồn.

– Tôi hiểu. Tôi đã ở Xiềng Kho, đã ăn miếng cơm của nhân dân Lào.

Đồng chí bỗng trở nên vui vẻ:

– Sang Xiềng Kho anh Tấn sẽ gặp người quen đó!

Tôi hiểu đồng chí Võ Nguyên Giáp muốn nói đến đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản. Năm 1949, theo sự phân công của Quân khu ủy 10, tôi đã sang Xiềng Kho – một "Tân Trào" của các bạn Lào. Tôi đã được gặp đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hản, được tiếp xúc với nhân dân Xiềng Kho. Những gương mặt đôn hậu, chất phác của nhân dân Lào vẫn để lại trong tôi sự ấm áp và tin cậy.

Ngày 15 tháng 12 năm 1952 đơn vị lên đường. Chúng tôi qua Mai Châu sang vùng Mường Hết. Ấn tượng sâu sắc nhất trong cuộc hành quân này là lội suối. Có hôm cả đơn vị phải ngâm chân trong suối suốt ngày. Có ngày chỉ đi dọc một con suối, cứ theo suối ngược mãi rồi lại bắt sang một con suối khác. Tối đến, trước khi đi ngủ nhìn đôi bàn chân thấy trắng nhợt, da nhăn nheo như không phải chân mình. Hồi đó quân ta chưa có kinh nghiệm dùng vớng nên đêm đến

thường làm lán, lót sàn để ngủ. Trong cuộc hành quân này có đêm không tìm được ra chỗ bằng phẳng, anh em phải khoét vào vách núi tạo ra mặt phẳng để nằm. Tôi nhớ một hôm qua một đỉnh núi đá tai mèo, anh em gọi là "đèo trâu khóc". Hỏi ra mới biết, khi hành quân anh em ta mang theo trâu để làm thực phẩm dọc đường. Đến ngọn núi đá tai mèo này trâu không thể đi được phải xẻ thịt gánh theo. Trâu "biết" cứ qua đèo này là thế nào cũng chết cho nên "trâu khóc". Một hôm chúng tôi gặp một tảng đá dựng đứng rất cao chắn ngang lối đi. Mặt tảng đá trơn như được đổ gột, không có chỗ nào bấu víu để trèo qua. Dưới tảng đá có một lỗ thủng vừa một người chui lọt. Muốn sang phải nằm sấp đẩy ba lô, bao gạo sang trước rồi súng và người sang sau. Vất vả nhất là anh em nuôi quân và trợ chiến.

Dựa vào hệ thống thám báo người Mèo trên các núi cao, bọn địch đã đánh hơi thấy quân ta đang tiến. Hàng ngày chúng cho máy bay trinh sát và dùng máy bay oanh tạc dọc đường hành quân của ta. Chúng tôi cứ theo dọc suối ngược mãi, ngược mãi cho đến một buổi chiều. Khi leo lên đến đỉnh một cái dốc thì đã nhìn thấy sông Mã. Dòng sông thật đẹp nhưng tôi chú ý đến đám khói phía xa: có thể địch đã đốt Mường Hét. Phải hành quân gấp không chúng chạy mất!

Sáng hôm sau, chúng tôi đến bờ sông Mã sau một đêm hành quân xuống dốc. Chúng tôi vượt sông, cùng các bạn Lào chia làm hai cánh. Một cánh đi về hướng tây trên đường Mường Hét – Sâm Nưa, một cánh xuôi sông Mã xuống Sốp Hào, châu lỵ Xiêng Khọ. Ngày 29

tháng 12, chúng tôi được tin Sốp Hào còn địch. Mừng quá, anh em đi gấp.

Đồn Sốp Hào nằm trên một ngọn đồi thấp ở cửa một con sông gần biên giới Việt – Lào. Địch ở Sốp Hào có chừng một đại đội, có khoảng 20 lính Pháp, còn lại toàn là lính người Lào. Trước đây khi Pháp còn chiếm đóng Tây Bắc thì Sốp Hào coi như đại hậu phương an toàn của chúng nên vị trí Sốp Hào kiến trúc theo kiểu đồn của quan cai trị, không có công sự. Hàng rào chỉ là dây rào gỗ nhằm ngăn trâu bò không vào đồn. Xung quanh Sốp Hào cơ sở chính trị do bạn Lào xây dựng rất vững. Ban ngày địch đi tuần. Đêm đến nhân dân vẫn đi họp. Cơ sở chính trị đó chưa thật tương xứng với lực lượng vũ trang địa phương còn non yếu. Chỉ huy đánh Sốp Hào là đồng chí Hồ Quang Hóa. Ban ngày quân ta tha hồ quan sát, đêm tiềm nhập dễ dàng. Khi bộ đội nổ súng địch đầu hàng ngay. Đánh xong tôi ra lệnh giao tất cả tù binh cho bạn.

Đối với tù binh người Lào, sau khi ta giao cho bạn anh Cay-xỏn đã cho thả tại chỗ.

Sau trận đánh chúng tôi cùng bạn xây dựng lực lượng vũ trang. Bạn và ta chia nhau đi xây dựng cơ sở. Chúng tôi báo cáo với bạn những kinh nghiệm xây dựng lực lượng trong chiến tranh. Các đồng chí Lào tâm đắc nhất vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang tập trung.

Trong tình hình Tây Bắc chưa giải phóng, cách mạng Lào bị cô lập, bạn không có điều kiện vật chất như súng, đạn, trang bị và cả những kinh nghiệm tác

chiến tập trung để xây dựng chủ lực. Tôi báo cáo cách tổ chức của chúng ta trong những ngày đầu chiến tranh ở Tây Bắc. Trong tình hình nhân dân chưa được phát động, chúng ta dùng hình thức đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung. Trong khi đó, cơ quan chỉ đạo chiến lược vẫn có những trung đoàn tập trung. Trong tình hình cách mạng bị bao vây, mặc dù trang bị, nuôi dưỡng rất thiếu thốn, chúng ta vẫn kiên quyết tập trung vũ khí, trang bị và những cán bộ tốt nhất để ưu tiên xây dựng khối chủ lực. Vì vậy khi cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, chúng ta đã có đủ lực lượng để đón thời cơ, mở chiến dịch Biên Giới làm thay đổi so sánh lực lượng, tạo nên cục diện mới trên chiến trường. Một đồng chí bạn nói với tôi:

– Đúng rồi! Chỉ có cơ sở chính trị và chiến tranh du kích thì không thể giải phóng được Sốp Hào. Các đồng chí đúng đấy!

Tôi nói:

– Chúng tôi được như ngày nay là vì đã tuân theo lời dạy của Bác Hồ. Ngay từ buổi ban đầu Bác Hồ đã chỉ ra cho chúng tôi những nguyên tắc lớn về chiến tranh nhân dân và về xây dựng quân đội nhân dân.

– Bác Hồ nói thế nào anh Tấn?

Thấy bạn rất chân thành, tôi nói:

– Ngay từ ngày đầu thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Người đã dạy chúng tôi: muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo

chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những đội du kích Cao – Bắc – Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra chủ lực.

– Anh kể tiếp nữa đi. Hay lắm!

– Người nói rất giản dị nhưng rất sâu sắc các anh ạ. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin đã trở thành máu thịt của Người. Những vấn đề lớn của chiến tranh đã được Người diễn đạt ai cũng hiểu. Về tiến hành chiến tranh nhân dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ở một nước nghèo như nước chúng tôi, cái khó nhất là làm thế nào mình càng đánh càng mạnh. Ngay từ ngày đầu, Bác Hồ của chúng tôi...

– Của chúng ta! – Người đồng chí Lào thân mật sửa lại.

– Vâng, Bác Hồ của chúng ta đã giải quyết tài tình mối mâu thuẫn tưởng như không thể điều hòa đó như sau: vì cuộc kháng chiến của chúng ta là cuộc kháng chiến toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ nhau về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ dìu dắt các đội vũ trang của địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

Các bạn Lào nghe tôi trình bày, ai nấy đều rất tâm đắc.

Chúng tôi cùng các bạn Lào xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa trong gần một tháng. Đã

đến hẹn phải trở về nước. Chúng tôi quyến luyến chia tay nhau mà tình cảm không muốn rời, tình cảm của những người cùng chung một kẻ thù, những đồng chí cùng một chiến hào. Chúng tôi qua cao nguyên Mộc Châu giữa mùa làm nương và mùa đào đang chớm chim nụ xuân. Khi đặt chân lên bờ sông Thao thì mùa xuân đã bắt đầu.



Trở về nước sau Tết được hơn một tháng, tôi lại lên Bộ để tham dự hội nghị phổ biến nhiệm vụ trong chiến dịch Thượng Lào.

Trung ương Đảng, Chính phủ ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la thống nhất quyết định để một số đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam sang cùng với Quân giải phóng Pa-thét Lào mở chiến dịch Thượng Lào. Mục tiêu là tập đoàn cứ điểm Sầm Nưa.

Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một bộ phận đất đai, xây dựng và mở rộng các căn cứ du kích, tạo điều kiện đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào anh em. Bộ đội ta và bộ đội bạn tiến theo ba mũi. Mũi tiến công chủ yếu gồm ba đại đoàn 312, 316, 308 theo đường số 6 sang Sầm Nưa. Cánh thứ hai, đại đoàn 304 từ Nghệ An theo đường số 7 lên Xiêng Khoảng, chặn đường rút của địch từ Sầm Nưa xuống. Cánh thứ ba, trung đoàn 148 từ Điện Biên Phủ tiến xuống phía bắc Sầm Nưa, uy hiếp thủ đô Luông Pha-băng.

Hội nghị chiến dịch năm nay sớm hơn mọi năm vì chiến trường xa, đường hành quân dài và mục tiêu tiến công lần này khác với các chiến dịch trước: tiến công vào một tập đoàn cứ điểm. Cần phải có thời gian đi chuẩn bị chiến trường và rèn luyện bộ đội trước. Trong hội nghị chúng tôi tập trung thảo luận chiến thuật đánh tập đoàn cứ điểm. Tôi còn nhớ những vấn đề nêu lên trong hội nghị là: Vì sao địch lại bố trí thành tập đoàn cứ điểm? Chỗ yếu và chỗ mạnh của tập đoàn cứ điểm như thế nào? Những vấn đề cụ thể về chiến thuật như cách khắc phục chỗ mạnh của địch về hỏa lực, nhất là hỏa lực pháo; cách đánh, ban ngày; sự cần thiết phải tiến hành chiến đấu phòng ngự khi bị bắt buộc phải phòng ngự. Cách đào công sự, cách bắn máy bay, cách đánh liên tục, những vấn đề mới về hiệp đồng giữa pháo binh với bộ binh, giữa bộ binh với nhau. Tiến công tập đoàn cứ điểm trong điều kiện chúng ta chưa có pháo tầm xa, chưa có pháo phòng không đã đặt ra cho những người chỉ huy nhiều vấn đề "gai góc". Có những vấn đề thông suốt nhưng cũng có vấn đề còn phải qua thực tiễn rèn luyện bộ đội mới dần dần giải quyết được. Chúng tôi chỉ có vài tuần huấn luyện nhưng cũng cố gắng tổ chức diễn tập để quán triệt những vấn đề nêu lên trong hội nghị chiến dịch.

Phổ biến xong nội dung cho hội nghị ở đơn vị, xác định xong kế hoạch huấn luyện cho cơ quan và các trung đoàn, chúng tôi lại lên đường đi chuẩn bị chiến trường. Cùng đi có các đồng chí Nam Long trung đoàn

trưởng trung đoàn 141, Hoàng Cẩm trung đoàn trưởng trung đoàn 209 và một số anh em quân báo, tác chiến, hậu cần. Anh Trần Độ sẽ chỉ huy đơn vị đi sau.

Từ Cẩm Khê chúng tôi lại vượt sông Hồng, sông Đà. Mấy tháng trước đó còn đi đêm, nay đã có thuyền độc mộc đi ban ngày. Bến đò sông Đà nhộn nhịp thuyền bè. Những chiếc thuyền nan nhẹ tênh của đồng bào người Kinh, những con thuyền độc mộc thon thả của đồng bào Thái. Trên sông những chiếc thuyền chài của đồng bào người Xá đang tung lưới. Trên cánh đồng Quang Huy, quang cảnh phục hồi ruộng hoang hóa làm phấn chấn lòng người. Đêm đến, trên cao nguyên Châu Mộc mù sương, đồng bào thấp đuối gọi nhau đi họp. Sự hồi sinh kỳ diệu của Tây Bắc thật nhanh chóng. Những đôi mắt ngời ngời sáng, những cặp má đầy đặn của các em, những bộ quần áo lành lặn của các mẹ, các chị như một phần thưởng lớn đối với chúng tôi, những cán bộ và chiến sĩ lên đường đi sang nước bạn hôm nay.

Rời Mộc Châu, chúng tôi qua Pa Háng, đến Sốp Hào, Mường Liệt. Khởi Mường Liệt, chúng tôi vòng về phía đông vào sân bay Sầm Nưa. Theo kế hoạch của Bộ, đại đoàn 308 trinh sát phía đông, chúng tôi phía đông và phía nam. Đại đoàn 316 đã đến từ trước dẫn đường. Tôi quan sát thực địa rồi phân công cho từng trung đoàn đi trinh sát. Trung đoàn 209 trinh sát sân bay. Trung đoàn 141 phụ trách thị xã Sầm Nưa. Trung đoàn 165 ở ngoại vi để thực hiện bao vây.



So với tập đoàn cứ điểm Nà Sản thì Sầm Nưa là một tập đoàn cứ điểm tương đối yếu hơn. Từ đầu tháng 12 năm 1952, tướng Sa-lăng đã sang Luông Pha-băng để trấn an, cam kết với vua Lào, Pháp sẽ làm hết sức mình để bảo vệ Lào. Trong suốt ba tháng đầu năm 1953, Bộ chỉ huy Pháp đã điều lên Sầm Nưa ba tiểu đoàn, gấp rút xây dựng công sự để biến Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm gồm 11 vị trí. Do địa hình chi phối nên địch phải bố trí tập đoàn cứ điểm theo chiều dài, ngoại vi mỏng và chưa kín, còn nhiều sơ hở, nhất là phía nam. Con đường duy nhất để tiếp tế lương thực và đạn dược là sân bay lại ở xa. Nếu ta không chế sân bay thì địch khó chống cự được.

Anh em trung đoàn 209 vào sân bay Sầm Nưa lấy được cả bánh mì, đồ hộp. Chúng tôi đang trình sát thì được tin có một tên dẫn đường của ta ra hàng địch (sau ta bắt được tên phản bội này ở Thái Nguyên). Chúng tôi quyết định tạm ngừng trình sát, rút ra an toàn vì địch chưa kịp phản ứng. Thức ăn mang theo cũng vừa hết. Tôi giao cho Nam Long tìm cách cải thiện để lấy sức quay ra đón bộ đội. Mường Liệt có nhiều khỉ, Nam Long là tay thiện xạ, cứ mỗi viên một con. Được khỉ anh em lột da, luộc rồi nấu cháo cho thêm tí muối, vài lá mùi tàu ăn cũng ngon. Trở về vùng biên giới Việt – Lào, chúng tôi gặp bộ chỉ huy chiến dịch của liên quân Lào – Việt: các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Xu-pha-nu-vông, Cay-xôn Phôm-vi-hản.

Bộ chỉ huy chiến dịch cho chúng tôi biết: chừng một tháng sau khi chúng ta bắt đầu huy động nhân

vật lực lên trung tuyến thì địch công bố trên đài phát thanh rằng quân ta sắp mở cuộc tiến công vào Tây Bắc và Thượng Lào, nhằm các mục tiêu Xiêng Khoảng, Sầm Nưa hoặc Nà Sản. Có hôm địch công khai đưa tin quân ta đang chuẩn bị tiến công vào Thượng Lào bằng hai hướng: một hướng từ Mộc Châu sang Sầm Nưa, một hướng từ Điện Biên Phủ đến Luông Pha-băng.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: mặc dù quân địch rêu rao nhưng sự thực chúng chỉ biết ta có một cánh quân theo đường số 7, còn ở hướng chính chúng vẫn phân vân không hiểu ta định đánh Sầm Nưa hay Nà Sản. Chúng lại có phần nặng về phán đoán ta đánh Nà Sản, cho nên ngày 7 tháng 4 năm 1953, chúng vội vã rút quân từ Cò Nòi về Nà Sản, tăng cường lương thực, đạn dược cho tập đoàn cứ điểm này trong một tuần lễ. Không quân địch oanh tạc mạnh trên đường số 41 và đường Quang Huy đi Tạ Khoa.

Bộ chỉ huy hạ quyết tâm tiếp tục mở chiến dịch. Yêu cầu chính trong lúc này là phải tranh thủ thời gian, tổ chức những đơn vị gọn nhẹ, hành quân bốn tập cực kỳ bí mật và nhanh chóng, tiến nhanh vào Sầm Nưa để bao vây địch, ngăn chặn không cho chúng tăng viện hoặc rút lui, đợi bộ đội đến nơi đầy đủ thì tiến công tiêu diệt. Kế hoạch dự định trong đêm 14 sáng 15 thì khống chế sân bay và hoàn thành bao vây thị xã Sầm Nưa, đợi đến chập tối ngày 17 công kích.

Chúng tôi về đến Mộc Châu thì cũng vừa lúc anh Trần Độ đưa bộ đội lên. Chúng tôi tổ chức hiệp đồng lần cuối cùng rồi lên đường. Chúng tôi bí mật vượt sông Mã. Đang hành quân gấp thì được tin trưa ngày

13 tháng 4 năm 1953 địch đã rút khỏi Sầm Nưa. Về sau chúng tôi được biết ngay từ 5 tháng 4, khi Man-pơ-lát, trung tá chỉ huy phân khu Sầm Nưa về Hà Nội báo cáo, tổng chỉ huy Sa-lăng đã cùng viên trung tá này bàn kế hoạch khi cần thì rút khỏi Sầm Nưa. Do có sự bất trắc, kế hoạch tiến công của ta bị lộ, Sa-lăng hạ lệnh cấp tốc rút quân khỏi cứ điểm này ngay trong đêm 12 tháng 4.

Được tin địch rút, nhiều người cho rằng cơ hội tiêu diệt địch đã hết. Có người nói thế là "công cốc". Còn cách địch những hai ngày đường, đuổi sao kịp. Nhưng Bộ chỉ huy chiến dịch lại nhận định khác. Bộ chỉ huy cho rằng địch đã rời khỏi công sự thì tinh thần càng sút kém, đường rút lui dài trên 200 ki-lô-mét. Ta vẫn có điều kiện tiêu diệt địch. Do đó, Bộ chỉ huy hạ quyết tâm: truy kích địch đến cùng, tiêu diệt toàn bộ quân địch rút lui.

Cuộc truy kích lớn nhất của bộ đội ta đã diễn ra trên chặng đường dài 270 ki-lô-mét, từ Sầm Nưa đến đường số 7, đến Bản Ban, Lát Bua.

Ta phát hiện địch rút lui hơi muộn. Từ ngày 12, địch từ Sầm Nưa đã đánh nống ra để nghi binh. Đêm 12 trời lại mưa như trút. Đến năm giờ sáng đại bộ phận quân địch đã ra khỏi thị xã Sầm Nưa, nhưng mãi đến trưa ta mới phát hiện. Tiểu đoàn 888 trung đoàn 176 đại đoàn 316 tiến vào thị xã rồi tức khắc đuổi địch.

Nhận được tin báo, Bộ chỉ huy chiến dịch lập tức ra lệnh cho các đơn vị, đồng thời điện cho bộ phận

quân báo chia đi các ngã đường tiến quân, đón các đơn vị truyền đạt mệnh lệnh: "Tổ chức ngay những đơn vị gọn nhẹ, nhanh chóng đuổi kịp địch, tiêu diệt cho bằng được". Lúc này bộ phận đầu tiên của quân ta đã xuất phát chậm hơn bộ phận đi cuối đội hình địch tám giờ, và chậm hơn bộ phận đi đầu đội hình địch 19 giờ. Thời gian lúc này là lực lượng.

Tiểu đoàn 888 trung đoàn 176 đại đoàn 316, đơn vị bao vây, bám ngay địch. Trong đêm, tiểu đoàn đuổi kịp bọn đi sau, nổ súng đánh bắt gọn toàn bộ bọn cầm đầu ngụy quyền tỉnh, trong đó có những tên tỉnh trưởng, tỉnh phó, chánh án tỉnh Hua Phấn, huyện trưởng huyện Sốp Hào cùng 40 tên ngụy Lào. Trung đoàn 98 đại đoàn 316 còn cách Sầm Nưa 14 ki-lô-mét được tin địch rút, trung đoàn trưởng Vũ Lăng ra lệnh cho toàn trung đoàn truy kích ngay trong đêm. Vũ Lăng tổ chức nhiều phân đội nhỏ trang bị gọn nhẹ, tách khỏi đội hình trung đoàn tìm đường cắt rừng tiến lên trước, chặn không cho địch rút. Từ Mường Hàm, đường rất khó đi. Các chiến sĩ đuổi địch suốt đêm đã thấm mệt. Các cán bộ trung đoàn xuống từng đại đội động viên, tổ chức lại đơn vị.

Sáng hôm sau, đơn vị đi đầu của trung đoàn 98 phát hiện địch ở chân dốc bản Nà Noọng. Đây là cơ quan chỉ huy phân khu Sầm Nưa. Địch có tiểu đoàn biệt động ngụy Lào số 8 và hai đại đội thuộc tiểu đoàn dù ngụy Lào số 1. Đại đội đi đầu của trung đoàn 98 một mặt báo cáo ngay lên trung đoàn, một mặt tổ chức tiến công luôn. Lúc đầu địch hoang mang la hét, nhưng khi thấy binh lực ta ít chúng quay ra chống cự.

Tuy chưa nhận được báo cáo, nhưng nghe súng nổ, trung đoàn trưởng 98 biết ta đã chạm địch, liền tổ chức một đại đội theo đường mòn vượt qua Nà Noọng 15 ki-lô-mét chặn đầu, một đại đội xuyên rừng đi tắt qua Bản Mèo ngăn không cho địch sang Mường Pôn. Trưa ngày 14 trận đánh kết thúc, ta diệt 58 tên, bắt sống 228 tên. Nhưng Man-pơ-lát đã cùng tiểu đoàn 2 nguy Lào, một đại đội dù và một trung đội lê dương rút về Mường Pôn từ đêm hôm trước.

Lúc này trung đoàn 102 đại đoàn 308 đã đến Mường Pôn, nhưng địch đã rút khỏi Mường Pôn, trung đoàn phải truy kích hai ngày nữa mới đuổi kịp địch, diệt năm đại đội, bắt sống thiếu tá Giơ-nu-đê chỉ huy tiểu đoàn. Còn Man-pơ-lát chỉ huy Sầm Nưa phải một tháng sau mới về.

Ở cánh nam, chúng tôi được thông báo đại đoàn 304 đã tiêu diệt vị trí Noọng Hét. Địch ở Bản Ban và thị trấn Xiêng Khoảng bỏ chạy. Trung đoàn 209 phát hiện địch rút chạy đã truy luôn theo đường Sầm Nưa - Hứa Mường. Đến Mường Pôn gặp bộ phận đi cuối cánh quân địch liền tổ chức tiến công đánh tan đội hình địch và tiếp tục truy giữa Mường Pôn và Bản Ban trên đường số 7. Đang truy kích địch, chúng tôi nhận được điện của Bộ chỉ huy chiến dịch: "Noọng Hét bị tiêu diệt, Xiêng Khoảng bỏ chạy, chúng không có đường thoát, phải tích cực truy quét bọn tàn binh". Thế là ta và bạn lại len lỏi trong các khe suối, lên các đỉnh núi cao, đi vào những khu rừng tìm vết tích để lùng bắt bọn tàn binh. Trong gần nửa tháng trời, ta và bạn gọi hàng được 300 tên địch, trong đó có viên trung úy tri châu Sầm Tơ.

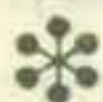
Chiều ngày 19 quân ta tiến vào thị xã Xiêng Khoảng, truy kích quân địch và tiêu diệt bộ phận đi cuối của chúng.

Địch kỳ vọng rút Sầm Nưa về để tăng cường cho Cánh Đồng Chum – Xiêng Khoảng – Bản Ban. Nhưng nay Sầm Nưa bị tiêu diệt, chúng lại thấy quân ta chia làm nhiều hướng tiến về Cánh Đồng Chum, địch buộc phải vội vã mang quân từ Nà Sản sang và từ đồng bằng Bắc Bộ lên, biến Cánh Đồng Chum thành một tập đoàn cứ điểm mới.

Trước thắng lợi liên tiếp của chiến dịch, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương nhân đà chiến thắng, tăng cường cho hướng kiểm chế ở lưu vực sông Nậm Hu tranh thủ tiêu diệt địch và giải phóng vùng giàu có và quan trọng này.

Từ nhiệm vụ kiểm chế, được tăng cường lực lượng, trung đoàn 148 đã tiêu diệt Mường Ngòi đêm 21 tháng 4. Ngày 25, địch ở Bản Sẻ bỏ chạy. Đêm 26, tiêu diệt Pắc Sêng. Đêm 27, tiêu diệt Nậm Bắc... Trước đó, đêm 17 ta đã tiêu diệt vị trí Mường Khoa.

Cũng trong thời gian này, theo lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch, những cánh quân khác của ta tiến theo đường Mường Xui và hướng Luông Pha-băng, uy hiếp thủ đô Lào và phối hợp tác chiến với bạn ở lưu vực sông Nậm Hu. Địch vội vã điều trung đoàn số 1 của chúng lên bảo vệ Luông Pha-băng.



Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt và làm tan rã 2.800 quân trong đó có ba tiểu đoàn và 11 đại đội, tức là một phần năm tổng số lực lượng địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn gồm toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Luông Pha-băng, trong đó có lưu vực sông Nậm Hu – một vùng giàu có vào bậc nhất ở Thượng Lào, chúng tôi nhận nhiệm vụ cùng bạn xây dựng vùng giải phóng, căn cứ địa mới của cách mạng Lào.

Với kinh nghiệm của Sơn La trong những ngày đầu cách mạng và kinh nghiệm mới đây trong việc củng cố Tây Bắc, chúng tôi lại sát cánh cùng các bạn Lào cấp tốc tổ chức những đội vũ trang tuyên truyền đi theo bờ sông Mã, sông Chu. Vừa cầm súng, anh em vừa cấp tốc tập những bài hát, những điệu múa, những hoạt cảnh nói lên tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt – Lào cùng nhau đánh kẻ thù chung. Chúng tôi đi vào các chùa chiền lạy Phật, thăm các vị sư sãi, biếu các vị những tấm dù vàng may áo cà sa. Ở những bản nhà cửa bị đốt phá, anh em giúp dân làm lại nhà, sửa lại vườn. Những đơn vị ký giấy vay nhân dân gạo, nay có gạo dân công từ bên nước đưa sang lại mang gạo trả dân. Có nơi anh em mở lò rèn giúp dân có công cụ cầm tay, phục hồi sản xuất. Được hậu phương chi viện hết lòng nên công tác của chúng tôi khá thuận lợi. Trong chiến dịch này nhân dân các tỉnh Phú Thọ, Thanh Hóa đã góp phần xứng đáng bảo đảm cho chiến dịch toàn thắng.

Trong chiến dịch, chúng ta đã huy động hơn 3.000 dân công, 2.000 xe đạp thổ, hơn 800 thuyền thuộc chín

tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình, Vĩnh Phúc. Anh chị em dân công đã đưa sang đất bạn gần 5.000 tấn gạo, hơn 100 tấn muối, hơn 100 tấn rau khô, 100 con trâu, 2.000 con bò. Tiêu biểu nhất là đoàn dân công Hậu Lộc (Thanh Hóa) đi 677 người, từ đầu đến hết chiến dịch không rơi rớt người nào. Anh em dân công Phú Thọ đã mang hơn 600 thuyền nan đi bộ suốt bảy ngày đêm, đến địa điểm đúng thời gian quy định. Khi vào sông Mã, luồng lạch chưa quen, anh em vừa đi, vừa dò. Sông Mã lắm thác, nhiều ghềnh. Có đoạn chỉ 32 ki-lô-mét mà có tới 25 cái thác. Mỗi lần qua thác, anh em lại phải khênh thuyền, vác gạo mà năng suất vẫn tăng 20 phần trăm.

Về xe đạp thổ, nổi bật nhất là đoàn xe thổ thị xã Thanh Hóa. Đoàn có 175 xe, mỗi xe thổ trung bình 80 ki-lô-gam, có xe thổ đến 170 ki-lô-gam. Khi địch ném bom lửa trúng đội hình, anh em đã xông vào cứu xe. Khi đến Sầm Nưa, thấy địch đã rút, bộ đội đang truy kích, anh em đã xung phong thổ gạo xuống Mường Hàm.

Đất mẹ thân yêu đã tiếp cho chúng tôi sức mạnh vật chất và tinh thần để cùng nhân dân Lào, cùng các bạn Quân đội giải phóng Lào tạo nên bước ngoặt trong cuộc kháng chiến của bạn. Từ chỗ chỉ có những căn cứ du kích nhỏ hẹp, bạn đã có một địa bàn rộng lớn dựa lưng vào Tây Bắc, Thanh Hóa, Nghệ An của ta. Về ta, từ đây cũng không lo mặt phía tây như trước. Đúng như Trung ương Đảng ta đã chỉ ra "giúp bạn tức là tự giúp mình". Lần này, chúng tôi thấy cần phải thiết

thực giúp bạn để bạn tự làm lấy, bởi vì cách mạng Lào trước hết phải do nhân dân Lào quyết định.



Cuộc mít tinh mừng chiến thắng ngay tại thị xã Sầm Nưa không khí thật đông vui, nhộn nhịp. Trong tiếng vỗ tay như sấm dậy của những bàn tay Lào - Việt, tôi bỗng nhớ tới những người cộng sản Việt Nam và Lào trong Đảng cộng sản Đông Dương trước đây. Những đồng chí tình nguyện quân Việt Nam đã sang đây từ Cách mạng tháng Tám, nay một số không còn nữa. Những kinh nghiệm của những người đi trước, cả Lào và Việt đã mở đường cho chiến thắng hôm nay. Trong niềm vui dào dạt của chiến thắng, sau cuộc truy kích dài chưa từng có, tôi thấy mắt cay cay. Bất giác tôi đưa tay giụi mắt và tôi lại nhớ tới Bác Hồ cùng câu hỏi của Bác sau chiến dịch Hoàng Hoa Thám: "Chú Tấn! Chú đã rửa mặt chưa?". Thưa Bác, vâng lời Bác dạy, sau mỗi trận đánh, sau mỗi chiến dịch, cháu vẫn lắng nghe ý kiến của anh em, cháu rất chú ý những kinh nghiệm của các đơn vị bạn để không ngừng tự vượt mình.

Cuộc mít tinh kết thúc. Một điệu nhạc dìu dặt khoan thai cất lên. Điệu múa lăm-vông bắt đầu. Một đoàn thiếu nữ Lào quàng lên vai tôi một vòng hoa chằm-pa, buộc vào cổ tay tôi những sợi chỉ chúc phúc. Nhân dân Lào đã coi chúng tôi, những chiến sĩ Việt Nam như con em mình.

CHƯƠNG MƯỜI

MỞ ĐẦU TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953 - 1954

Trong phần này tôi muốn ghi lại những thu hoạch của mình trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954. Tôi muốn nói về sự chỉ đạo chiến lược của Bộ thống soái tối cao của quân đội ta: Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Bởi vì chính sự chỉ đạo khoa học, tài trí đó đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Từ sự phân tích biện chứng về so sánh lực lượng giữa ta và địch trên quy mô toàn Đông Dương; tài thao lược trong việc buộc địch phải làm những điều mà chúng không muốn; cách đánh giá kẻ thù đúng như nó có đến những nhận định tinh táo, thiết thực, không áp đặt theo ý chủ quan mong muốn... Tất cả những vấn đề đó cho tới nay vẫn giữ nguyên giá trị và có ý nghĩa thiết thực trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Cho đến năm 1953, cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của chúng ta đã bước sang năm thứ tám.

Tháng 1 năm 1953, Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương họp bàn về hai vấn đề chính:

- Lãnh đạo kháng chiến và chính sách quân sự.
- Phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến đến cải cách ruộng đất.

Trong hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc một báo cáo quan trọng gồm 10 điểm. Tôi xin trích những điểm mà tôi cho là có liên quan trực tiếp đến vấn đề xây dựng và tác chiến của các đại đoàn chủ lực:

1. Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để *phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do. Đó là phương hướng chiến lược hiện nay.*

2. Bộ đội chủ lực ở chiến trường Bắc Bộ thì phải dùng vận động chiến linh hoạt để tiêu diệt từng mảng sinh lực địch, làm cho địch yếu đi, phối hợp với công kiên chiếm từng bộ phận để tranh lấy những cứ điểm và thị trấn nhỏ, ở đó địch sơ hở, yếu ớt. Làm như vậy để đạt mục đích đánh chắc, ăn chắc, mở rộng vùng tự do. Đồng thời có thể dùng công kiên chiến hút lực lượng địch đến mà đánh, phân tán lực lượng địch, làm rối loạn kế hoạch của địch và tạo điều kiện cho vận động chiến.

3. Chiến tranh sau lưng địch phải mở rộng du kích chiến để tiêu diệt và tiêu hao những bộ phận nhỏ của địch để chống địch càn quét, bảo vệ tính mệnh, tài sản cho dân; đủ khuấy rối, phá hoại, kiềm chế địch; tuyên truyền và giáo dục quần chúng những vùng đó, thu hẹp nguồn nguy binh của địch, mở rộng vùng du kích

và căn cứ du kích của ta, dựng thành lập và củng cố những căn cứ kháng chiến sau lưng địch...

Điều đặc biệt quan trọng có liên quan đến tổ chức và cách đánh của chủ lực ta, Người nêu trong điểm thứ mười:

10. Cần phải tăng cường cải thiện dần dần việc trang bị cho bộ đội, nhất là xây dựng pháo binh.

Hội nghị Trung ương nhất trí với báo cáo của Bác và chỉ rõ: Để tạo điều kiện hoàn toàn giải phóng Bắc Bộ, quân đội ta phải đánh địch ở những nơi sơ hở, đồng thời hoạt động mạnh sau lưng địch. Bất kể ở miền núi hay đồng bằng, quân đội ta phải đánh những lực lượng, những cứ điểm ngày càng mạnh của địch.

Tháng 3 năm 1953, Tổng Quân ủy ra nghị quyết về chỉnh quân chính trị. Chỉnh quân chính trị cho cán bộ trung cấp, cao cấp do Tổng Quân ủy trực tiếp phụ trách, khai mạc tại Việt Bắc vào tháng 6 năm 1953. Ngày 7 tháng 8 năm 1953, cán bộ sơ cấp và chiến sĩ tiến hành chỉnh quân chính trị.

Chỉnh quân chính trị đã thiết thực nâng cao giác ngộ giai cấp cho bộ đội lên một bước. Ranh giới giữa bóc lột và lao động được phân biệt rõ. Tôi bỗng nhớ tới cha mẹ tôi ngày trước. Cha tôi là một ông đồ nghèo, có tham gia Văn Thân. Ông tôi mất sớm. Không kế sinh nhai, cha tôi phải bỏ làng Nghĩa Lộ (Hoài Đức) ra Hà Nội kiếm ăn. Đi phiêu bạt mãi tới Rặng Ồi (Vĩnh Tuy) Hà Nội, cha tôi gặp mẹ tôi, một cô gái lao động vùng bãi. Cha tôi dạy học, mẹ tôi chăn lợn, nuôi anh em chúng tôi ăn học. Khi tôi lên bảy, cha tôi mất. Mẹ và

hai chị tôi thất lưng buộc bụng nuôi chúng tôi. Tôi vừa đi học vừa làm thợ sắp chữ cho một nhà in, vừa học vẽ truyền thần. Nhưng cả hai nghề đó đều không đủ nuôi thân. Tôi quay sang bán bánh mì, vừa được no bụng, vừa được tập môn thể thao mà tôi ưa thích nhất: môn bóng đá. Tôi đã trải qua những cơn đói thất ruột, cái đói không ngủ được của tuổi mười ba, mười bốn.

Thấy tôi còn trẻ, đá bóng được (lúc đó tôi đang đá cho đội Nội Châu) không quân Pháp tuyển tôi vào lính. Tôi được giác ngộ và tham gia cách mạng trong khi vẫn là cầu thủ của đội A-vi-ông-tông (đội bóng của không quân Pháp).

Cùng với cuộc chỉnh quân chính trị, thực tiễn đấu tranh giữa nông dân và địa chủ đã tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị và tư tưởng của quân đội ta. Chỉnh quân chính trị và thực tiễn đấu tranh đã nung nấu thêm lòng căm thù quân giặc cướp nước, tăng thêm lòng yêu nước, yêu nhân dân lao động, củng cố khối đoàn kết giữa nhân dân và quân đội. Chỉnh quân chính trị đã làm cho tuyệt đại đa số những cán bộ, chiến sĩ là nhân dân lao động tự khẳng định mình. Lòng tự hào thay thế cho tự ti. Những anh em xuất thân từ các thành phần khác thấy rõ phương hướng phấn đấu để tự rèn luyện mình thành những người chiến đấu cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc.

Tiếp đó là chỉnh huấn quân sự. Nội dung huấn luyện mùa hè năm 1953 nhằm nâng cao trình độ đánh công sự kiên cố và trình độ đánh vận động cho bộ đội, nhằm tiêu diệt những vị trí lớn hơn và những cánh quân ứng

chiến mạnh hơn theo hướng thành thạo đánh ban đêm và cả ban ngày, đánh địch có phi pháo phối hợp. Cách đánh tập đoàn cứ điểm và đánh những trận vận động lớn được nghiên cứu và chuẩn bị chu đáo.

Mùa hè năm đó dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ, tôi được giao nhiệm vụ cùng anh Cao Văn Khánh phụ trách tổ nghiên cứu chuyên đề "Tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm". Trên cơ sở nghiên cứu những kinh nghiệm thành công và thất bại của chúng ta trong khi tiến công tập đoàn cứ điểm Nà Sản, dựa vào cách bố trí của địch ở thị xã Hòa Bình, ở Sầm Nưa mới đây, tham khảo kinh nghiệm của Giải phóng quân Trung Quốc và Hồng quân Liên Xô, dựa vào trí tuệ của tập thể, chúng tôi đã biên soạn tài liệu tiến công tập đoàn cứ điểm.

Quá trình nghiên cứu, biên soạn, chúng tôi xem xét những chỗ mạnh, những chỗ yếu thực sự của tập đoàn cứ điểm, không lấy nguyện vọng chủ quan của mình thay cho hiện thực. Vì sao các tướng tá địch lại gọi tập đoàn cứ điểm là "con nhím". Bên trong cái vỏ ngoài có tính chất tuyên truyền đó có nội dung gì mang tính bản chất nhất của hình thức phòng ngự này. Ý nghĩa của sự xuất hiện hình thức phòng ngự mới trong giai đoạn chiến lược hiện nay? Chúng tính toán những gì khi sử dụng binh lực tập trung, hỏa lực dày đặc, bố trí gồm nhiều cứ điểm? Những hạn chế của tập đoàn cứ điểm là gì? Chúng ta có thể lợi dụng đến đâu những hạn chế đó?

Đặt vấn đề rồi lại tự trả lời, chúng tôi đã đi đến kết luận: trước hết hình thức tập đoàn cứ điểm không

phải là một sản phẩm của trí tuệ. Sự xuất hiện tập đoàn cứ điểm có nguyên nhân của nó. Đó là sự trưởng thành về tác chiến của quân đội ta.

Trước đây khi trang bị vũ khí của quân đội ta còn yếu, đánh đồn chỉ có súng trường, tiểu liên, dao tông và mác xung kích thì địch xây dựng những cứ điểm nhỏ theo hình thức tháp canh. Cứ điểm nhỏ thì đội ứng chiến cũng nhỏ. Khi quân ta đã có pháo 75, phóng bom, cối 120, ba-dô-ca, mặc dù tự sản xuất lấy, nhưng đủ sức tiêu diệt những cứ điểm trung đội, đại đội địch (Pheo, Phố Lu...) trong chiến dịch Sông Thao thì địch bố trí thành cụm cứ điểm có hỏa lực mạnh, công sự tương đối kiên cố (Đông Khê, Thất Khê). Đội quân ứng chiến cũng lớn hơn. Những binh đoàn cơ động (G.M) ra đời. Và sau hàng loạt chiến dịch của quân ta ở chiến trường Trung Du, Tây Bắc, Thượng Lào thì hình thức tập đoàn cứ điểm xuất hiện. Sự xuất hiện của hình thức phòng ngự mới này cũng không phải hoàn chỉnh ngay.

Hình thức tập đoàn cứ điểm đã hình thành ở trình độ thấp trong chiến dịch Hòa Bình vào cuối năm 1951, ở Cánh Đồng Chum và Nà Sản vào năm 1952 và đầu năm 1953. Phát xít Đức đã từng bố trí trước Béc-lin hình thức tập đoàn cứ điểm mạnh hơn Pháp rất nhiều và đã từng đặt tên tập đoàn cứ điểm là "chiến lược con nhím". Nhưng cái "con nhím" Đức có xe tăng, máy bay, pháo binh yểm hộ đó đã không ngăn chặn được sức tiến công như vũ bão của Hồng quân Liên Xô. Sức mạnh của tập đoàn cứ điểm cũng có giới hạn của nó. Không có cái gì là bất khả xâm phạm. Và khi đã nhận

thức được quy luật phát triển của nó thì tìm cách đánh nó không phải khó khăn lắm. Nhưng đánh nó bằng gì? Chỉ có trang bị như năm 1952? Đây là một trong những vấn đề gay cấn trong lúc thảo luận. Nhưng những lo lắng của chúng tôi đã được Bộ Chính trị Trung ương Đảng trừ liệu từ năm 1951 và trong mùa hè năm 1952.

Ngày 27 tháng 3 năm 1951 đại đoàn 351 được thành lập. Trung đoàn sơn pháo 75 được chấn chỉnh. Trung đoàn lựu pháo 105 được thành lập với 20 khẩu pháo 105 và 3.500 viên đạn. Trung đoàn công binh, một xưởng sửa chữa xe pháo cũng thuộc đại đoàn 351, tiểu đoàn pháo phòng không 37 mi-li-mét ra đời. Bộ đội công binh đã có phương tiện bảo đảm. Phương tiện thông tin có vô tuyến điện và máy bộ đàm được bố trí cho cả tổ chức chỉ huy và tổ chức hiệp đồng. Đơn vị vận tải cơ giới được thành lập.

Từ đầu năm, hàng triệu dân công đã được huy động vào mặt trận giao thông vận tải. Chúng ta đã làm được 2.500 ki-lô-mét đường ô-tô. Đại đoàn đã có đội triều trị. Trang bị của bộ đội đã được cải thiện.

Chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự mùa hè năm 1953 đã nâng cao giác ngộ giai cấp và dân tộc, nâng cao khả năng chiến đấu hiệp đồng cho quân đội ta, nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật, tác phong chiến đấu và trình độ chỉ huy của chúng tôi. Những điều kiện để tiến công tập đoàn cứ điểm đã được nghiên cứu, triển khai chuẩn bị.

Trong lúc chúng ta thiết thực chuẩn bị cho bộ đội về chính trị, quân sự thì bộ chỉ huy quân Pháp cũng

có những thay đổi mới. Ở nước Pháp, chính phủ chủ chiến do La-ni-en làm thủ tướng chủ trương tiếp tục chiến tranh dựa vào viện trợ Mỹ. Đây là chính phủ thứ 18 của nước Pháp kể từ khi xâm lược nước ta. Sa-lăng, tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương, viên tướng đã từ đồn trưởng lên tướng bốn sao, trong 30 năm đã nhiều lần qua lại Đông Dương, người đã từng tự hào là "am hiểu chiến trường Đông Dương nhất" bị triệu hồi về Pháp. Theo báo chí Pháp hồi đó, Sa-lăng bị chê là con người "có tầm nhìn thiển cận", "người nô lệ trung thành của những biểu đồ và cơ quan tham mưu chuẩn bị sẵn" chỉ biết hành động một cách bị động tùy theo diễn biến của tình hình và những biến cố do đối phương tạo nên, không biết tạo ra hoàn cảnh có lợi để chiến thắng. Người thay thế Sa-lăng là tướng bốn sao Hăng-ri Na-va.

Tướng Na-va tuy chưa có danh vọng như Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, nhưng là một tướng trẻ, đã từng cộng tác trực tiếp với thống chế Gioăng trong bộ tham mưu khối Bắc Đại Tây Dương. Báo chí Pháp đề cao viên tướng xuất thân từ tình báo, là người đã được đào tạo trong những trường lớn, có tư tưởng tiến công, có tác phong năng nổ, biết tìm ra lối thoát một cách mạnh bạo và dứt khoát...

Sang Đông Dương tháng 5 năm 1953, Na-va cố tìm một giải pháp để thoát khỏi những mâu thuẫn quá lớn trong thế bố trí chiến lược giữa rừng núi và đồng bằng, giữa phân tán và tập trung binh lực. Điểm nổi bật nhất về chiến lược lúc đó của quân Pháp là sự giằng xé rất gay gắt và sử dụng binh lực giữa các

chiến trường Tây Bắc Việt Nam, Thượng Lào và vùng châu thổ sông Hồng. Thế trận bị đảo lộn trên chiến trường Thượng Lào hồi tháng 3 năm 1953 đã khoét sâu thêm những mâu thuẫn đó của quân Pháp.

Nhận bàn giao của tướng Sa-lăng, có tham khảo kế hoạch của viên tướng này, Na-va chủ trương: trên các trục đường chiến lược phải xây dựng những cứ điểm mạnh kết hợp với lực lượng cơ động tại chỗ. Tập trung lực lượng xây dựng một lực lượng tổng dự bị chiến lược mạnh, đủ sức đối phó với các cuộc tiến công quy mô lớn của đối phương. Muốn bảo đảm an toàn ở một vùng đặc biệt nào đó, phải thiết lập các tập đoàn cứ điểm đủ sức dung nạp một binh đoàn cơ động từ hai đến bốn tiểu đoàn. Na-va phán đoán trong thu đông 1953, chúng ta có ba khả năng:

- Đồng bằng Bắc Bộ có thể là hướng tiến công bất ngờ.

- Từ Bắc Bộ, đối phương có thể tiến công xuống phía nam phối hợp với lực lượng ở Liên khu 5, uy hiếp toàn bộ miền Trung và miền Nam Đông Dương. Đây là khả năng đáng sợ nhất đối với Pháp, bởi vì quân viễn chinh sẽ phải đối phó trên nhiều hướng và sẽ gặp nhiều khó khăn.

Thượng Lào cũng là một hướng tiến công của đối phương. Tình huống này sẽ đặt Pháp trước những khó khăn rất lớn. Về quân sự, Pháp không thể điều phần lớn lực lượng sang Lào, nhưng nếu bỏ Thượng Lào sẽ dẫn đến những hậu quả lớn về chính trị.

Từ nhận định trên, Na-va đề ra phương hướng hành động của quân Pháp trong hai năm sắp tới như sau:

Trước mắt, tránh giao chiến lớn với bộ đội ta ở bắc vĩ tuyến 18; tập trung vào việc xây dựng lực lượng tổng dự bị mạnh; phát huy ưu thế, đẩy mạnh hoạt động ở chiến trường miền Nam. Khi đã có ưu thế về lực lượng cơ động chiến lược, sẽ thực hành tổng tiến công, giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định về chiến lược, thay đổi hẳn cục diện chiến trường.

Sau một tháng đi thị sát, Na-va vạch kế hoạch mang tên ông ta. Kế hoạch Na-va có hai bước:

Bước thứ nhất, trong chiến cuộc đông xuân 1953 – 1954 duy trì thế phòng ngự chiến lược ở bắc vĩ tuyến 18, giữ vững đồng bằng Bắc Bộ, bảo vệ Thượng Lào (trước hết là Luông Pha-băng và Cánh Đồng Chum), khẩn trương xây dựng lực lượng tổng dự bị chiến lược; tiến công chiến lược ở miền Nam, đánh chiếm các căn cứ kháng chiến, trước hết là vùng tự do Khu 5 và Khu 9.

Bước thứ hai, với lực lượng cơ động chiến lược đã được xây dựng từ mùa thu năm 1954, thực hành tổng giao chiến trên chiến trường miền Bắc (từ Đèo Ngang trở ra), giáng cho chủ lực đối phương những đòn nặng nề, nhằm tạo ra một thế chiến lược mạnh làm hậu thuẫn cho giải pháp chính trị.

Về xây dựng lực lượng, Na-va rất chú trọng xây dựng quân ngụy. Lấy đối tượng tác chiến là bộ đội địa phương tỉnh và huyện của ta, Na-va đã xây dựng được 122 tiểu đoàn khinh quân ngụy (Việt Nam 108 tiểu đoàn, Lào và Cam-pu-chia 14 tiểu đoàn). Lực lượng này sẽ thay thế lính Âu Phi cùng với ba sư đoàn quân ngụy.

Xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh gồm bảy sư đoàn, có sáu sư đoàn bộ binh (24 G.M) và một sư đoàn không vận (ba G.M), nâng tổng số lực lượng dự bị lên 27 binh đoàn (G.M) gồm 12 G.M ngự và 15 G.M Âu Phi.

Phát triển mạnh biệt kích hỗn hợp không vận (G.C.M.A) để quấy rối phá hoại hậu phương ta.

Na-va được thêm 12 tiểu đoàn rút từ Bắc Phi và từ Triều Tiên về. Để có đủ số quân theo kế hoạch, ngày 5 tháng 8 năm 1953, Na-va rút Nà Sản bằng đường hàng không. Cùng với các biện pháp trên, hàng nghìn thổ phỉ đã được thả xuống Lao Cai, Lai Châu, Sơn La.

Về ta, tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về chủ trương tác chiến trong Đông Xuân 1953 - 1954. Có hai phương án được nghiên cứu:

Phương án thứ nhất, chủ trương tập trung toàn bộ hoặc phần lớn bộ đội chủ lực ở đồng bằng, hoạt động tương đối phân tán, tranh thủ tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, phối hợp đẩy mạnh chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, bảo vệ vùng tự do. Sau khi địch bị tổn thất đến một mức độ nhất định, vùng tự do được củng cố, ta sẽ tùy theo tình hình mà tiếp tục để bộ đội chủ lực ở đồng bằng hay điều động đi hướng khác.

Phương án thứ hai, lúc này địch tập trung cao độ quân chủ lực để tác chiến với ta ở đồng bằng. Chiến trường đồng bằng nhiều thuận lợi cho địch. Đánh lớn ở đồng bằng chỉ có thể thu được những thắng lợi có hạn, không thay đổi được cục diện chiến tranh mà chủ

lực ta có thể bị tiêu hao. Tây Bắc và Lào là nơi địch yếu nhưng chúng không thể bỏ. Đưa chủ lực lên hướng đó mặc dù có khó khăn rất lớn về tiếp tế, nhưng ta buộc địch phải phân tán lực lượng, tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, đồng thời đẩy mạnh hoạt động ở khắp các chiến trường sau lưng địch, tạo điều kiện để tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ.

Sau khi cân nhắc kỹ, Bộ Chính trị phê chuẩn phương án thứ hai.



Trong lúc trên bàn cờ chiến lược đang chuẩn bị những nước đi quyết định thì đại đoàn chúng tôi sau chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn chính trị vẫn nằm chờ trong các khu rừng già bắc Phú Thọ. Bộ đội đã chuẩn bị xong súng đạn, ba-lô, dép lốp và những thứ cần thiết của người lính cơ động: lương thực, thực phẩm, hộp dầu chống lạnh, cuộn kim chỉ. Ở trong những khu rừng này chúng tôi vừa có thể sẵn sàng phản công nếu địch tiến công ra phá hậu phương ta, lại vừa có thể tiến công nếu chiến dịch mở. Chúng tôi được lệnh giữ tuyệt đối bí mật, không cho địch biết ta ở đâu và sẽ đi đâu. Các lán trú quân đều phải ở sâu trong rừng rậm. Không ai được ra khỏi rừng trừ anh nuôi và cán bộ, khi có việc đi ra phải cải trang. Trong những ngày chờ đợi căng thẳng đó, một vấn đề thường được anh em thảo luận là kế hoạch Na-va. Địch đang tập trung ở đồng bằng thì về xuôi đánh hay là đánh chúng trên chiến trường rừng núi? Những anh em quê

ở dưới xuôi thì nóng lòng muốn trở lại quê nhà. Những anh em tuy quê ở miền núi hoặc trung du có người cũng muốn về xuôi tuy có ác liệt nhưng đỡ gian khổ, đỡ phải trèo đèo lội suối và... đỡ đói.

Nhưng đánh giặc không thể lấy tình cảm làm điểm xuất phát. Lại càng không thể mang nguyện vọng cá nhân để áp đặt vào tình hình. Lúc đó, chúng tôi những cán bộ đại đoàn cũng hiểu được phần nào sự lựa chọn hướng tiến công chiến lược của Bộ Chính trị. Chúng tôi nhất trí hoàn toàn với quyết tâm của Bộ Chính trị. Qua các chiến dịch tiến công từ năm 1950 đến nay, chúng tôi đã thấy ở đồng bằng ta chỉ có thể thực hiện được ưu thế tuyệt đối trong một thời gian ngắn, ở rừng núi ta có thể thực hiện và giữ vững ưu thế binh lực trong suốt cả chiến dịch tiến công hoặc trên những hướng nhất định của chiến dịch.

Trong lúc chúng tôi kiên trì chờ lệnh thì ngày 17 tháng 7 năm 1953, Na-va cho quân dù đánh lên Lạng Sơn, binh lực sử dụng là ba tiểu đoàn dù nhằm đánh phá kho tàng của ta. Theo tin tức tình báo của phòng nhì Pháp thì tại một hang đá ở Lạng Sơn, ta có 8.000 khẩu súng do Pháp chế tạo. Cuộc hành binh mang mật danh Hi-rông-đen. Đây là cuộc hành binh quy mô lớn, phương tiện hiện đại, hành động chớp nhoáng và được giữ bí mật cho đến phút chót. Sau này qua hồi ký và những bài báo của các phóng viên chiến tranh thì ngày 14 tháng 7 nhân quốc khánh Pháp, khi quân dù tập trung dự lễ, Na-va đã ra lệnh cho cơ quan tác chiến phải thảo xong kế hoạch tác chiến trong 48 giờ trước khi triển khai lực lượng. Mười lăm giờ ngày 16

tháng 7, tướng Gia người chỉ huy mới hạ đạt mệnh lệnh. 0 giờ ngày 17 lệnh báo động chuẩn bị. Bảy giờ sáng ngày 17 máy bay cất cánh. Tám giờ 10 phút 85 lần chiếc Đa-cô-ta thả ba tiểu đoàn dù xuống bắc thị xã Lạng Sơn. Mười ba giờ ngày 17 kết thúc cuộc hành binh. Quân dù rút theo đường Đình Lập – Tiên Yên, được ba tiểu đoàn bộ binh lên đón.

Kết quả theo thông báo của Bộ chỉ huy quân Pháp thì phá được 1.000 súng Tiệp và bảy tấn chè (?). Các phóng viên đi theo tỏ ra hoài nghi vì theo tin tức tình báo là 8.000 súng Pháp, nay sao lại chỉ có 1.000 súng Tiệp. Hơn nữa Việt Minh đâu có nghiện chè đến mức tích lũy tới bảy tấn, lại để trong hang. Họ không tin nên đi điều tra, nhưng những người lính này đã thú nhận do vội vàng và cũng sợ nên họ chỉ đặt thuốc nổ ở cửa hang rồi điểm hỏa cốt cho có tiếng nổ.

Ngày 28 tháng 7 năm 1953, Na-va tổ chức cuộc hành binh Ca-mác-giơ ở vùng Hải Lăng – Phong Điền giáp giới Quảng Trị, Thừa Thiên, do tướng Lơ Blăng chỉ huy quân Pháp ở miền Trung chỉ huy mục đích nhằm cắt vó trung đoàn bộ binh 95. Na-va đã huy động bốn tiểu đoàn bộ binh, hai tiểu đoàn dù, ba thiết đoàn, một thủy đội, hai trung đoàn pháo, 12 tàu chiến, 160 xe lội nước, 60 máy bay vào cuộc hành binh quy mô này. Quân pháp đã bao vây một khu vực hẹp nhưng không tìm thấy trung đoàn 95, phải kết thúc cuộc hành binh.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953 Na-va lại mở chiến dịch "Hải âu" ở vùng giáp giới giữa Ninh Bình – Thanh Hóa, nhằm đánh quy đại đoàn 320 mà Na-va cho là

đang ở vùng Rịa – Nho Quan và đại đoàn 304 ở Thanh Hóa. 22 tiểu đoàn bộ binh, tám tiểu đoàn pháo, hai tiểu đoàn cơ giới cùng với lực lượng hải quân, không quân đã được huy động để mở một chiến dịch "lớn nhất kể từ thời tướng Lơ-cléc". Đại bộ phận của hướng chủ yếu tiến công ra Rịa, một cánh khác đổ bộ lên Thanh Hóa.

Ngày 27 tháng 10 một tiểu đoàn thuộc binh đoàn cơ động số 4 bị chính đại đoàn 320 diệt gọn. Tiếp đó là tiểu đoàn ngự Thái số 3 và hai đại đội lê dương bị diệt trong những ngày sau. Sau 23 ngày hành quân với 4.000 quân bị diệt cả ở trước mặt và sau lưng, ngày 6 tháng 11, Na-va phải cho lui quân.

Sau ba cuộc hành quân, trong báo cáo gửi về Pa-ri ngày 10 tháng 11, Na-va thú nhận một sự thật: "Chất lượng quân viễn chinh (Pháp) kém đến nỗi nếu chạm trán với đối phương ở ngoài tầm yểm trợ của pháo binh (trên mười ki-lô-mét) thì bộ binh của chúng ta (Pháp) nhất định bị đánh bại". Cho tới trung tuần tháng 11 năm 1953, Na-va vẫn cảm thấy bị giằng xé giữa hai yêu cầu bức thiết là nên tập trung binh lực ở đồng bằng sông Hồng để chuẩn bị đối phó với chủ lực mà ông ta yên trí thế nào cũng đánh xuống đồng bằng, hoặc sẵn sàng tung lực lượng đi cứu nguy nếu Thượng Lào bị uy hiếp.

Trong lúc đó thì Pa-ri chỉ thị: "Bảo vệ Lào trở thành một yêu cầu chính trị quan trọng đối với quân viễn chinh Pháp". Nhưng làm thế nào để bảo vệ Thượng Lào có hiệu quả nhất với cái giá rẻ nhất?

Trong tay ông ta không có đủ binh lực để vừa phòng ngự từ xa, vừa phòng ngự trực tiếp, nghĩa là vừa có lực lượng để chốt giữ các mối giao thông quan trọng, lại vừa có lực lượng để tung vào một vùng trọng yếu của đối phương để vừa giam chân lực lượng ta, vừa đỡ đòn cho cả Thượng Lào và đồng bằng sông Hồng. Na-va cũng có nghĩ đến phòng ngự vận động trên đất Lào, nhưng trang bị, phương tiện không có, trình độ chiến thuật của quân Pháp cũng chưa đáp ứng được. Mặc dù đã ra quân liên tục nhưng khối chủ lực ta vẫn nguyên vẹn, Na-va vẫn chưa thể thỏa mãn với những cái đã làm được. Khi họp báo Na-va thường nói: "Chúng ta đã ăn xong món đầu bữa rồi, nhưng còn phải chén nốt món kháng chiến nữa. Món kháng chiến đó ngày càng tỏ ra đặc biệt khó nuốt".

Khối chủ lực thuộc lực lượng dự bị chiến lược của ta chưa xuất kích như một lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu kế hoạch Na-va.

Trong suốt mùa hè, Na-va định ninh quân ta sẽ tiến xuống đồng bằng. Nhưng dùng một cái ông ta được tin đại đoàn 316 đang tiến lên Tây Bắc. Ông ta kết luận chúng ta đã thay đổi kế hoạch. Thực ra mũi tiến công của đại đoàn 316 lên Lai Châu đã nằm trong kế hoạch tác chiến của Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy từ tháng 9 năm 1953.



Sau khi thông qua phương án tác chiến chiến lược, Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến, đại thể là:

- Sử dụng một bộ phận chủ lực mở cuộc tiến công lên hướng Tây Bắc, tiêu diệt quân địch còn chiếm đóng Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc.

- Đề nghị với Quân giải phóng Pa-thét Lào phối hợp với các đơn vị bộ đội tình nguyện Việt Nam mở cuộc tiến công vào hướng Trung Lào, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng Phong-xa-lỳ.

- Phối hợp cùng Quân giải phóng Lào và Ít-xa-rắc Cam-pu-chia, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ở Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia, mở rộng vùng giải phóng tới sau lưng Sài Gòn, đánh thông đường chiến lược Bắc - Nam Đông Dương. Ở miền Nam kế hoạch tác chiến được hoạch định như sau:

Tập trung phần lớn chủ lực Liên khu 5 mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên. Dự kiến địch có thể đánh ra vùng tự do, Khu 5, Tây Nguyên, ta đánh tốt thì chúng bắt buộc phải lui quân.

Nam Bộ, Cực Nam Trung Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Thực hiện chủ trương này, ta có thể giải phóng đồng bằng Bắc Bộ mà không phải tập trung quân ở đồng bằng. Đây là một kế hoạch chủ động mở cuộc tiến công chiến lược quy mô lớn, có phối hợp chặt chẽ các lực lượng (chủ lực Bộ, chủ lực các quân khu, bộ đội tỉnh, huyện và dân quân du kích), giữa các chiến trường trong cả nước ta và giữa ba nước trên bán đảo Đông Dương.

Điểm then chốt trong kế hoạch Na-va là tập trung binh lực, xây dựng bằng được khối cơ động chiến lược mạnh. Kế hoạch của ta trong Đông Xuân 1953 – 1954 là kiên quyết buộc địch phải phân tán, phá vỡ khối cơ động tập trung của địch, điều động từng bộ phận chủ lực của chúng ra những hướng khác nhau rồi chọn một số hướng thuận lợi để tiêu diệt địch. Đây là một kế hoạch mà tướng Na-va không thể ngờ tới. Cuộc tiến công của đại đoàn 316 lên Tây Bắc là nằm trong kế hoạch tác chiến Đông Xuân chứ không phải chúng ta thay đổi kế hoạch bỏ đồng bằng lên Tây Bắc như Na-va đã nhận định.

Cái tin có đơn vị chủ lực ta lên Tây Bắc mà Na-va nhận được chính là cuộc tiến công giải phóng Lai Châu của đại đoàn 316. Trước đó, trung đoàn 176 đại đoàn 316 đã lên Sơn La. Sau gần một tháng hoạt động, kết hợp giữa tiến công quân sự với địch vận, nắm vững công tác vận động quần chúng, trung đoàn 176 đã cùng các lực lượng vũ trang Sơn La quét sạch hơn hai nghìn tên phỉ dọc đường số 41, giữa tả ngạn sông Mã và hữu ngạn sông Đà, mở đường cho chủ lực ta giải phóng Lai Châu.

Đầu tháng 11, từ Thanh Hóa, đại đoàn 316 hành quân lên Tây Bắc. Trước nguy cơ bị uy hiếp ở nơi sơ hở nhất và yếu nhất, có khả năng gây ra những đổ vỡ lớn, Na-va ra lệnh mở cuộc hành quân Cát-xto: cho quân nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ vào ngày 20 tháng 11 năm 1953.

Trước đó, khoảng đầu tháng 11, trong bộ tham mưu quân Pháp ở Bắc Bộ đã nổ ra cuộc tranh luận có nên

lên Tây Bắc hay không! Kế hoạch Cát-xto đã được hoàn tất từ đầu tháng 11 năm 1953. Dự kiến sẽ chiếm Điện Biên Phủ bằng ba lực lượng: từ Thượng Lào lên, từ Lai Châu về cộng với quân dù nhảy thẳng xuống Mường Thanh. Quyết tâm lúc đầu của Na-va là chiếm Điện Biên Phủ xong sẽ cho rút quân ở Lai Châu về; sau đó sẽ tùy khả năng, xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản. Quyết tâm đó của địch chưa tính đến khả năng tác chiến của quân đội ta với trang bị đã được tăng cường trong cả mùa xuân và mùa hè năm 1953 và những chuẩn bị trong những năm trước để nâng cao khả năng tác chiến, chất lượng của khối chủ lực cơ động, đặc biệt là pháo binh, pháo cao xạ.

Quân Pháp đánh chiếm Điện Biên Phủ. Một tình huống chiến lược mới đã xuất hiện.

Với binh lực 5.000 quân gồm sáu tiểu đoàn dù (tức là hai phần ba lực lượng quân dù toàn Đông Dương), hai đại đội pháo, một đại đội công binh và 240 tấn dụng cụ, rồi đây địch sẽ làm gì? Giở lại những văn bản trong thời điểm đó, ta thấy địch tăng viện cho Tây Bắc khi bị tiến công là nằm trong dự kiến của ta. Đánh chiếm Điện Biên Phủ là một hành động bị động, vì trong cả mùa hè Na-va định ninh ta sẽ đánh đồng bằng. Ta dự kiến về địch ở Điện Biên: địch có thể vừa giữ Điện Biên Phủ, vừa giữ Lai Châu, nhưng sẽ có một nơi chính, một nơi phụ. Do địa hình, có thể Điện Biên Phủ sẽ là chính. Nếu bị uy hiếp mạnh, chúng có thể co về một nơi và tăng viện thêm. Cũng chưa thể

khẳng định cơ về nơi nào. Khả năng cơ về Điện Biên Phủ có nhiều hơn. Bị uy hiếp mạnh hơn nữa, chúng có thể tăng viện thêm và biến Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm. Nhưng chúng cũng có thể rút khỏi Điện Biên Phủ.

Trong những ngày đầu, ta chưa vội quyết đoán địch sẽ chiếm đóng Điện Biên hay sẽ rút. Và nếu chúng chiếm đóng thì sẽ chiếm đóng lâu dài hay chỉ trong một thời gian ngắn. Tôi cho rằng trong lúc những căn cứ để phán đoán về địch chưa đầy đủ thì không vội vã khẳng định là cần thiết trong chỉ đạo chiến lược.

Xem lại tài liệu của địch trong những ngày đầu tháng 11 năm 1953, ta thấy bản thân chúng cũng có những khó khăn. Rút khỏi Điện Biên thì mất Tây Bắc và có thể cả Thượng Lào. Tăng thêm quân để giữ Điện Biên thì khối quân cơ động lại bị quá phân tán. Và nếu tăng quân lên chiến trường rừng núi, nơi không phát huy được thế mạnh về trang bị kỹ thuật, quân Pháp có khả năng bị thiệt hại lớn hơn. Cho nên trong những ngày đầu đánh chiếm Điện Biên Phủ, chính kẻ địch cũng vẫn chưa có quyết tâm dứt khoát.

Từ nhận định trên, kết luận của chúng ta là: vô luận tình hình như thế nào, việc địch mang quân lên Điện Biên là có lợi cho ta. Căn cứ vào nhận định đó, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho đại đoàn 316 gấp rút hành quân lên Lai Châu.

Ngày 7 tháng 12 năm 1953, tại sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh, đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó tổng tham mưu trưởng ra lệnh cho bộ chỉ

huy đại đoàn 316: "Địch đã rút lính Âu Phi bằng máy bay từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Chúng có thể tiếp tục rút khỏi Lai Châu bằng máy bay hoặc bằng đường bộ qua Phong-xa-lỳ về Điện Biên Phủ. Đại đoàn có nhiệm vụ cắt bằng được con đường Lai Châu – Điện Biên Phủ, không cho địch co về Điện Biên Phủ, đồng thời giải phóng Lai Châu. Nếu địch bỏ chạy, đuổi đánh đến cùng".

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ, đại đoàn 316 đã ra lệnh cho trung đoàn 176 (đã lên Sơn La từ trước để tiểu phi) chia làm ba mũi: một tiểu đoàn lên Điện Biên Phủ bám địch ở vùng Him Lam – Bản Tấu, ngăn chặn không cho địch nống ra; một tiểu đoàn sang Lào giúp bạn củng cố vùng giải phóng Sầm Nưa và bảo vệ sườn cho đại đoàn; một tiểu đoàn ở lại bảo vệ Sơn La, Tuần Giáo. Để chuyển sang truy kích, đại đoàn đã nhanh chóng tổ chức làm hai cánh, sử dụng hai trung đoàn 174 và 98 làm lực lượng chủ yếu đánh địch rút lui. Cánh chủ yếu tới Tuần Giáo thì rẽ tắt qua đèo Pa Thông, cắt đường Lai Châu – Điện Biên Phủ ở Pu San, Mường Pồn. Cánh thứ yếu có tiểu đoàn 439 trung đoàn 98 tiến thẳng vào thị xã Lai Châu theo đường cái lớn.

Đêm 10 tháng 12 năm 1953, tiểu đoàn 439 lợi dụng đêm tối tập kích quân địch ở đồn Pa Ham dưới chân đèo Cla Vô hiểm trở. Đây là vị trí tiền tiêu của địch, cách thị xã Lai Châu khoảng 30 ki-lô-mét. Sau 30 phút tiến công, quân ta đã tiêu diệt gọn vị trí này, diệt hai đại đội địch, bắt sống hai đại đội khác. Hai mươi tư giờ ngày 11 tháng 12, tiểu đoàn đến sát thị xã Lai Châu. Chưa nắm được địa hình và tình hình địch, nhưng tiểu

đoàn nhận định khi đã bị mất Pa Ham và đèo Cla Vô chắc địch sẽ dao động mạnh. Tiểu đoàn hạ quyết tâm thừa thắng tiến công ngay thị xã.

Được đồng bào địa phương dẫn đường, tiểu đoàn đánh chiếm cầu sắt, sân bay, thị xã. Địch không chống cự nổi phải bỏ chạy. Đúng hai giờ sáng ngày 12 tháng 12 năm 1953, tiểu đoàn 439 đã cắm cờ trong thị xã Lai Châu. Kế hoạch rút khỏi Lai Châu vào sáng ngày 12 tháng 12 mang mật danh "Pô-luyt" bị phá sản hoàn toàn.

Hai trung đoàn 174 và 98, cánh chủ yếu của đại đoàn 316 sau hai ngày đêm rông rã xuyên rừng, vượt núi, chiếu hướng hành quân đã gặp địch. Ngày 12 tháng 12, đúng ngày ta vào Lai Châu, bộ phận đi đầu đã gặp địch trên đường rút quân của chúng. Trung đoàn 174 bố trí ở khu vực Mường Muôn – Mường Pồn đón đánh quân địch từ Lai Châu chạy về. Sáng ngày 12 phát hiện trong bản Mường Pồn có địch, trung đoàn đã tổ chức bao vây. Đây là cánh quân từ Lai Châu kéo về Điện Biên nhưng bị chặn đánh ở nam Mường Pồn đã co lại phòng ngự lâm thời để chờ cánh quân từ Điện Biên lên đón.

Sáng ngày 13 tháng 12 quân ta nổ súng. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, loại khỏi vòng chiến đấu hai đại đội. Trung đoàn 98 bố trí trên đỉnh núi Pu San cùng tiểu đoàn của trung đoàn 176 đánh địch từ Điện Biên lên Mường Pồn đã đánh tan tác cánh quân đi đón ở Bản Tấu ngày 11 và Pu San ngày 13 tháng 12.

Trong 12 ngày đêm, đại đoàn 316 đã liên tục đánh địch trên chặng đường dài hơn 300 ki-lô-mét. Đây là cuộc truy kích tiêu biểu cho quyết tâm chiến đấu cao, tốc độ tiến công nhanh, sức chiến đấu dẻo dai có hiệu suất chiến đấu cao của bộ đội. Đòn tiến công của đại đoàn đã góp phần giáng một đòn mạnh vào kế hoạch Na-va. Na-va buộc phải tăng cường binh lực cho Điện Biên Phủ để tránh nguy cơ bị tiêu diệt, vì phòng nhì vừa báo cho ông ta một tin dữ: các đại đoàn thiện chiến của đối phương bấy lâu mất hút nay đang trên đường lên Tây Bắc. Đó là các đại đoàn 308, 312, một bộ phận đại đoàn 304 và cả đại đoàn công pháo 351. Một tình huống chiến lược mới buộc Na-va phải có quyết tâm mới. Chính quyết tâm này đã phá vỡ kế hoạch Na-va.

Tin của phòng nhì báo cáo về cuộc hành quân của ba đại đoàn chủ lực ta lên Tây Bắc được báo cáo cho Na-va vào ngày 28 tháng 11. Ngày 3 tháng 12, Na-va hạ quyết tâm: khẩn trương xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh để đương đầu với cuộc tiến công lớn của đối phương có nhiều đại đoàn mạnh. Điện Biên Phủ phải đứng vững lâu dài bằng bất cứ giá nào để bảo vệ Thượng Lào, nhằm giảm sức ép của đối phương với đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 21 tháng 11 ở Điện Biên chỉ có sáu tiểu đoàn. Ngày 7 tháng 12 lên đến chín tiểu đoàn. Ngày 25 tháng 12: mười tiểu đoàn. Thế là chủ trương tránh tổng giao chiến với chủ lực ta trong bước một của kế hoạch Na-va đã không thực hiện được. Kế hoạch Na-va bị đảo lộn.

Đồng thời với cuộc tiến công lên Lai Châu và gấp rút bao vây Điện Biên Phủ, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với Quân giải phóng Pa-thét Lào đã mở cuộc tiến công vào hướng Trung Lào, nơi địch tương đối sơ hở.

Ngày 3 tháng 12 Na-va tổ chức hai cuộc hành quân Rê-gát từ Điện Biên Phủ xuống và Ác-dét từ Luông Pha-băng lên, hợp điểm ở Sốp Nao tạo thành một hành lang chiến lược nối liền Điện Biên Phủ với Luông Pha-băng dọc sông Nậm U để tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ khỏi bị cô lập và có đường rút chạy khi cần thiết.

Về ta, thực hiện kế hoạch tiến công Trung Lào, đêm 21 tháng 12 năm 1953, hai tiểu đoàn thuộc đại đoàn 325 lợi dụng lúc địch ở vị trí Khăm He chưa củng cố công sự, bất ngờ tập kích, tiêu diệt nhanh chóng tiểu đoàn lính Âu Phi và đại đội pháo binh địch. Trận Khăm He giáng một đòn mạnh vào tinh thần địch ở Trung Lào. Ngày 22 tháng 12 năm 1953 địch ở vị trí Ba-na-phào rút chạy. Đang chuẩn bị đánh công sự vững chắc, chuyển sang truy kích, quân ta đã chạy bộ đuổi địch rút bằng cơ giới. Một tiểu đoàn của trung đoàn 66 đại đoàn 304 xác định được hướng địch rút, đã tranh thủ thời gian bám sát địch, nhanh chóng vượt sông Sê-băng-phai trong điều kiện chưa được chuẩn bị và tiến công ngay khi chúng vừa cụm lại ở Pa Cuội. Do tận dụng được yếu tố bất ngờ, tiểu đoàn này đã diệt gọn trên một tiểu đoàn tinh nhuệ của địch, bắt sống 500 tên, thu rất nhiều xe cộ và vũ khí.

Chỉ trong có hai ngày, các đơn vị Lào – Việt đã tiêu diệt hoàn toàn ba tiểu đoàn lính Âu Phi cơ động và một tiểu đoàn pháo gồm 2.200 tên. Quân địch hoảng hốt bỏ cả phòng tuyến rút chạy. Hệ thống phòng thủ cứng nhất của địch ở Trung Lào sụp đổ. Cả phòng tuyến chắn ngang nước Lào của địch bị phá vỡ. Liên quân tiến rất nhanh về hướng Thà Khẹt và truy địch về hướng đường số 9. Địch vội vã rút khỏi Thà Khẹt chạy về Sê Nô, một căn cứ quân sự ở Xa-va-na-khét.

Ngày 25 tháng 12 Quân giải phóng Pa-thét Lào tiến vào thị xã Thà Khẹt. Một số vị trí địch trên đường số 9 bị tiêu diệt. Vùng giải phóng của nhân dân Lào được mở rộng từ Sầm Nưa đến đường số 9, từ Trường Sơn đến sông Mê Công. Đường chiến lược số 13 chạy dọc sông Mê Công bị cắt đứt. Báo chí đưa lên trang đầu những dòng tit lớn: "Đông Dương bị cắt làm đôi"... Na-va phải rút bốn tiểu đoàn cơ động ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và một tiểu đoàn ở Nam Bộ ra để tổ chức Sê Nô thành một tập đoàn cứ điểm mười tiểu đoàn.

Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Sê Nô là nơi tập trung binh lực thứ ba của Na-va. Ông ta đã không giữ được dây cương để mặc cho cỗ xe chiến tranh chạy ra khỏi quỹ đạo ban đầu.

Trong lúc Na-va còn đang bàng hoàng trước đòn tiến công của ta ở Trung Lào thì quân ta đã dùng một lực lượng nhỏ thuộc đại đoàn 325 bất ngờ đánh xuống Hạ Lào. Đây là một địa bàn chiến lược trọng yếu, nhưng rất sơ hở vì ngoài đường sông Mê Công và

đường không, chỉ có con đường số 13 là đường duy nhất xuống Hạ Lào.

Được giao nhiệm vụ tổ chức mũi thọc sâu xuống Hạ Lào, đại đoàn 325 đã tổ chức tiểu đoàn 436 thành một tiểu đoàn mạnh. Bình thường các tiểu đoàn bộ binh theo biên chế chính thức lúc đó có 500 quân nhưng tiểu đoàn 436 có 750 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành năm đại đội gồm ba đại đội bộ binh, một đại đội ĐKZ, một đại đội súng cối. Bộ binh hầu hết được trang bị tiểu liên K.50 và trung liên, đại liên. Đơn vị được phát tiền Đông Dương để chi tiêu trong vùng địch tạm chiếm, đủ ăn trong một năm. Dạn dụa và muối ăn đủ để hoạt động trong thời gian đó. Trung đoàn phó và phó chính ủy trung đoàn 101 đi cùng tiểu đoàn để tăng cường chỉ huy và lãnh đạo. Để giữ bí mật, trung đoàn đã cắt rừng, đi theo đường mòn, con đường mà sau này trong kháng chiến chống Mỹ trở thành đường mòn Hồ Chí Minh. Qua Trị - Thiên tiểu đoàn được tỉnh ủy Thừa Thiên huy động 1.500 dân công vượt qua đôn bốt địch, giúp tiểu đoàn tiếp tế gạo ăn đường và mang vác vũ khí. Qua Tây Nguyên vào mùa "cắm rẫy", đồng bào Gia Rai, Ba Na, Ê Đê đã tự nguyện phá bỏ tục lệ, làm lễ tế thần, mở đường cho tiểu đoàn đi qua. Đồng bào còn bí mật gửi gạo, sắn, bắp để sắn trên đường tiểu đoàn hành quân. Tới giữa tháng 1 năm 1954, tiểu đoàn 436 đã vượt qua dốc Pan Ninh, theo đường dây liên lạc của Liên khu 5 vào tập kết trong vùng căn cứ của Quân khu Hạ Lào.

Sau hai tháng hành quân vô cùng gian khổ, tiểu đoàn đã vượt qua vùng rừng núi miền tây Nghệ Tĩnh,

Bình – Trị – Thiên, Khu 5, Hạ Lào tới địa điểm quy định đúng thời gian quy định. Toàn bộ quân số, trang bị tới đích an toàn, bí mật. Mục tiêu tiến công của tiểu đoàn là A-tô-pơ, một vùng rừng núi dân cư thưa thớt thuộc khu vực ngã ba biên giới ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.

Địch ở A-tô-pơ có khoảng 1.000 tên bố trí thành hai cụm. Cụm thứ nhất có bốn đại đội chủ lực bố trí ở khu vực thị xã và sân bay A-tô-pơ. Cụm thứ hai có một đại đội xung kích và một trung đội pháo bố trí ở cứ điểm Pui.

Sau khi cùng các bạn Lào vào thị xã A-tô-pơ trinh sát, tiểu đoàn 436 đã thay đổi kế hoạch. Không tiến công khu vực sân bay và thị xã như khi hạ quyết tâm sơ bộ vì địch ở đây tuy ô hợp nhưng công sự khá vững chắc. Còn ở Pui tuy binh lực địch tinh nhuệ hơn nhưng công sự không kiên cố bằng và lại ở vào thế bị cô lập. Đánh Pui, tiểu đoàn có điều kiện tập trung ưu thế hơn địch. Mất Pui thì bọn địch ở thị xã và sân bay sẽ hoang mang, dao động. Kế hoạch tiến công của tiểu đoàn được Bộ chỉ huy Quân khu Hạ Lào chấp thuận.

Tiểu đoàn nổ súng đúng đêm giao thừa Tết Nguyên đán. Sau 30 phút chiến đấu, tiểu đoàn đã diệt gọn địch, bắt sống 84 tên, thực hiện xuất sắc trận đánh mở màn. Trong khi đó, theo đúng kế hoạch hiệp đồng giữa ta và bạn, các bạn Lào đã bao vây thị xã. Các cán bộ Neo Lào Hắc-xát phát động nhân dân thị xã A-tô-pơ đưa hàng trăm gia đình binh sĩ tới các đồn trong và ngoài thị xã đòi chồng con về. Binh sĩ ở một số đồn bất hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân.

Chiều ngày 30, bọn chỉ huy Pháp không thể chỉ huy nổi binh lính phải vội vã rút khỏi thị xã chạy về Pắc Xế. Tiểu đoàn 436 từ Pui cơ động về thì thị xã đang bốc cháy. Tiểu đoàn đã cùng các bạn đánh thẳng vào thị xã. Địch chống cự yếu ớt và nhanh chóng tan rã. Hai mươi một giờ cùng ngày, liên quân Lào - Việt hoàn toàn làm chủ thị xã A-tô-pơ.

Không thỏa mãn với thắng lợi đã giành được, tiểu đoàn hạ quyết tâm tiếp tục đánh đuổi quân địch chạy về thị xã Pắc Xế rồi phát triển lên phía bắc giải phóng cao nguyên Bô-lô-ven. Địch rút chạy theo đường xuyên rừng. Nếu ta cũng xuyên rừng thì đường rất khó đi và có khả năng bị lạc. Tiểu đoàn quyết định quay về Pui hành quân theo đường cái lớn cũng sẽ đến được Bô-lô-ven nhưng đường xa hơn đường xuyên rừng khoảng 100 ki-lô-mét.

Đêm 1 tháng 2 năm 1954 tiểu đoàn đã tới cao nguyên Bô-lô-ven. Tàn quân địch ở A-tô-pơ cũng đã đến nơi kéo theo bọn địch ở Nha Hồn, Keng Xay chạy về Huội Coòng. Tiểu đoàn nhanh chóng bao vây Huội Coòng. Tiểu đoàn nhận định đám tàn quân này sẽ không dám ở Huội Coòng. Nếu ta dùng sức mạnh tiến công, Huội Coòng có thể bị tổn thất. Tiểu đoàn chủ trương tổ chức phục kích trên đường Huội Coòng đi Pắc Xoòng, đồng thời tổ chức mở vây cho địch rút để có điều kiện đánh địch ngoài công sự.

Quyết tâm thông minh này đã được thực hiện đúng như kế hoạch. Địch rút Huội Coòng vào tảng sáng ngày 2 tháng 2 năm 1954. Tiếc rằng lực lượng địch quá đông nên tiểu đoàn chỉ tiêu diệt được khoảng một

nửa. Địch lợi dụng sương mù chạy vào rừng theo hướng Sa-ra-van. Tiểu đoàn đang lúng túng tìm đường thì có một trung đội du kích Bô-lô-ven đến phối hợp chiến đấu. Đây là trung đội du kích do con rể của người anh hùng Com Ma Đam chỉ huy. Anh cho biết, nghe thấy tiếng súng nổ biết rằng địch đã bị đánh nên chủ động đến phối hợp. Được du kích địa phương dẫn đường, tiểu đoàn lại cắt rừng đuổi địch. Chín giờ sáng bộ phận đi đầu của tiểu đoàn gặp địch trên bờ sông H. Phát hiện địch đang nằm ngổn ngang ở bờ sông, đại đội trưởng ra lệnh nổ súng. Bị đánh bất ngờ, địch cuống cuống nhảy xuống sông bị chết đuối khá nhiều. Được sự hướng dẫn của du kích Bô-lô-ven, tiểu đoàn đã phá nát căn cứ phi trên cao nguyên Bô-lô-ven mà Pháp đã công phu xây dựng để đánh phá Hạ Lào.

Ngày 5 tháng 2 tiểu đoàn 436 từ Bô-lô-ven đánh vào các cứ điểm Bung Kao, Lào Ngam. Địch bỏ chạy về Sa-ra-van. Tiểu đoàn tiếp tục đánh sang thị trấn Thà Teng (Viêng Thông) thuộc vùng Tà Ven Oọc. Bọn này đã bị tiểu đoàn chủ lực Hạ Lào bao vây tiến công trước đó bốn ngày. Địch lại bỏ chạy về Sa-ra-van. Cùng với tiểu đoàn chủ lực Hạ Lào, tiểu đoàn đã tiến lên Sa-ra-van bao vây thị xã. Tình thế đó buộc Na-va phải tung binh đoàn lê dương số 7 vừa từ đồng bằng Bắc Bộ sang Trung - Hạ Lào và binh đoàn cơ động nguy số 51 xuống thị xã Sa-ra-van, xây dựng Sa-ra-van thành cụm cứ điểm lớn thứ hai ở Trung - Hạ Lào.

Trong mười ngày liên tục tiến công, tiểu đoàn 436 trung đoàn 101 đại đoàn 325 đã cùng quân và dân nước bạn tiêu diệt và làm tan rã gần 3.000 tên địch,

giải phóng một vùng rộng hơn hai vạn ki-lô-mét vuông, nối liền vùng giải phóng Trung Lào với vùng giải phóng Hạ Lào. Tiểu đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thọc sâu có ý nghĩa chiến lược, dùng binh lực ít nhưng tinh nhuệ, đánh vào nơi địch yếu và sơ hở thực hiện được ý đồ chiến lược của Bộ, buộc địch phải tiếp tục phân tán binh lực mà chúng rất muốn sử dụng tập trung, làm đảo lộn thế phòng ngự của chúng ở Trung - Hạ Lào, giải phóng những địa bàn có ý nghĩa chiến lược đối với cuộc chiến tranh giải phóng của hai nước Lào - Việt.

Tiểu đoàn đã độc lập chiến đấu đạt hiệu suất cao trong khi xa sự chỉ huy của trên, không được bổ sung quân số, không được tiếp tế. Quán triệt sâu sắc phương châm "tích cực chủ động, cơ động linh hoạt", bằng hành động cụ thể, tiểu đoàn 436 đã khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ, tìm địch mà đánh, mở đường mà đi, dũng cảm thọc sâu, không sợ hờ sườn, không lo lạnh lưng. Trước mỗi tình huống, cán bộ tiểu đoàn đã phán đoán chính xác hạ quyết tâm nhanh, tổ chức thực hiện cụ thể. Gặp tình huống thay đổi, tiểu đoàn đã nhạy bén thay đổi kế hoạch, khi tiến công thì sử dụng binh lực tập trung, biết lượng sức mình, đã đánh và thắng với nhiều cách đánh phong phú. Khi tổ chức tiến công bằng sức mạnh, khi truy kích, phục kích, đánh địch trong công sự hay đang vận động đều giỏi. Đặc biệt tiểu đoàn đã biết khai thác những thuận lợi do thế chiến lược chung tạo nên, triệt để khai thác yếu tố bất ngờ, khiến cho sức mạnh của tiểu đoàn được nhân lên gấp nhiều lần. Với tinh thần chấp hành

mệnh lệnh không điều kiện, tiểu đoàn đã nâng hiệu lực chiến đấu của bản thân tương đương một binh đoàn. Quán triệt tinh thần quốc tế vô sản, coi kẻ thù của nước bạn như kẻ thù của mình, tôn trọng nhân dân và quân đội bạn như nhân dân, như đồng đội của mình, tiểu đoàn đã được nhân dân nước bạn và quân đội bạn sát cánh chiến đấu, tạo thuận lợi cho tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ.



Trong ba tháng (từ trung tuần tháng 11 năm 1953 đến trung tuần tháng 1 năm 1954), tướng Na-va tiếp tục phân tán khối chủ lực của ông ta lên Tây Bắc, sang Hạ Lào, xuống Trung Lào, tổ chức những cuộc hành quân có tính chất chống đỡ và bị đánh bại trên nhiều hướng. Nhưng Na-va vẫn chưa phán đoán được ý đồ chiến lược của ta.

Thấy chiếm được Điện Biên không khó khăn lắm, lại thấy chủ lực ta chỉ đánh vào nơi sơ hở, nơi quân Pháp yếu, Na-va cho rằng quân ta không đủ sức tiến công Điện Biên Phủ. Từ nhận định này, nhìn Điện Biên Phủ ông ta thấy nó rất mạnh. Nhìn rộng ra, ông ta cho rằng Điện Biên Phủ ở rất xa hậu phương ta, có muốn tiến công, quân ta cũng không thể khắc phục được những khó khăn về bảo đảm hậu cần, đường sá. Thấy chúng ta tiến công trên nhiều hướng, ông ta lại cho rằng quân ta đang do dự trước kiểu phòng ngự mới của quân đội Pháp. Nếu quân ta do dự thì ông ta sẵn sàng chờ một thời gian nữa, gặp khó khăn về lương

thực quân ta sẽ phải rút quân khỏi Tây Bắc. Lúc đó Na-va sẽ đánh tiêu hao chủ lực ta trên đường rút lui và sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch đã định, đánh chiếm Tuần Giáo, lấy lại Sơn La và có thể trở lại Nà Sản. Điện Biên Phủ quan trọng thật nhưng chỉ có tính chất cục bộ. Đồng bằng Liên khu 5 mới là vùng quan trọng cả về kinh tế và chính trị. Phải cho đánh chiếm vùng mà trước đây tướng Sa-lăng đã đề ra nhưng chưa thực hiện được. Chiếm xong sẽ giao cho chính quyền Bảo Đại tảo thanh, bình định. Ông ta sẽ gây được ảnh hưởng chính trị chưa từng thấy. Kế hoạch tiến công ra vùng tự do Liên khu 5 mang mật danh Át-lăng.

Kế hoạch Át-lăng có ba bước: bước một chiếm Tuy Hòa, Phú Yên. Bước hai chiếm Quy Nhơn, Bình Sơn. Bước ba hoàn chỉnh cuộc hành quân bằng hành động nối liền Bình Sơn với Quảng Nam. Phải bắt bằng được 30.000 thanh niên trai tráng vào hương dũng, địa phương quân để giữ vùng đất mới chiếm. Việc bình định về sau sẽ giao cho Phan Văn Giáo, thủ hiến trung phần chỉ huy. Ngày 20 tháng 1 bước một của chiến dịch Át-lăng bắt đầu.

Tướng Lơ Blăng chỉ huy quân Pháp ở Trung Bộ chỉ huy 22 tiểu đoàn bộ binh và lính dù trong G.M 10 (Bắc Phi), G.M 100 mới ở chiến trường Triều Tiên về, các G.M 41 và 42 cộng với tám tiểu đoàn cơ động chiến lược và hai tiểu đoàn dù cùng một số đơn vị pháo binh, cơ giới, công binh, vận tải... đổ bộ đánh chiếm Tuy Hòa, Phú Yên.

Mặc dầu bị địch đánh vào vùng tự do của ta nhưng Bộ tư lệnh Liên khu 5 vẫn hạ quyết tâm kiên quyết thực hiện kế hoạch đã định; chỉ để một bộ phận nhỏ

tác chiến ở đồng bằng còn phần lớn lực lượng tập trung đánh lên Tây Nguyên, một hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối sơ hở.

Ngày 26 tháng 11 năm 1954, cuộc tiến công bắt đầu. Lực lượng tiến công có hai trung đoàn chủ lực 108 và 803. Cả hai trung đoàn đều được sử dụng tập trung. Mở đầu, ta đánh một lúc ba cứ điểm Măng Đen, Công Pray và Măng Bút, trong đó trận Măng Đen là trận then chốt mở đầu do tiểu đoàn 19 trung đoàn 108 đảm nhiệm.

Măng Đen là cứ điểm tiểu khu có công sự kiên cố. Trận đánh diễn ra quyết liệt từ phút đầu đến phút chót. Với tinh thần dũng cảm, kiên quyết tiến công, các chiến sĩ đã tiêu diệt cả ba mục tiêu Măng Đen, Công Pray, Măng Bút. Hệ thống phòng ngự của địch ở bắc Tây Nguyên bị phá vỡ một mảng lớn. Phát huy thắng lợi, Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5 trực tiếp chỉ huy đã cho trung đoàn 108 đánh lên phía bắc, trung đoàn 803 tiến xuống phía nam uy hiếp thị xã Công Tum.

Tiếp theo, ngày 5 tháng 2 quân ta tiêu diệt Đắc Tô và giải phóng thị xã Công Tum, quét sạch quân địch ở bắc Tây Nguyên, sau đó tiến sát đường số 19. Tình hình trong những ngày đó phát triển rất nhanh. Có nhiều đồn bốt đã bỏ chạy trước khi quân ta đến. Bộ đội ta thiếu ăn, thiếu ngủ, ngày nắng đêm rét vẫn kiên quyết đuổi giặc. Dân công gánh nặng trên vai theo sát bộ đội. Đòn tiến công của chủ lực Liên khu 5 đã phá vỡ thế uy hiếp của địch đối với phía sau lưng Quảng

Nam, Quảng Ngãi, giải phóng cả một vùng địa bàn chiến lược quan trọng ở bắc Tây Nguyên rộng 16.000 ki-lô-mét vuông với 20 vạn dân, bảo vệ được vùng tự do Phú Yên, Bình Định. Vùng tự do của ta từ ven biển Quảng Nam – Quảng Ngãi đến biên giới Việt – Lào đã được nối liền với vùng giải phóng tây-nam Bô-lô-ven của bạn.

Ngày 28 tháng 1 năm 1954, Na-va ra lệnh đình chỉ cuộc hành quân ở đồng bằng Liên khu 5, rút G.M số 100 và hai tiểu đoàn dù ra khỏi cuộc hành quân Át-lăng cùng với hai G.M 11 và 21 thuộc lực lượng cơ động chiến lược lên Tây Nguyên, tổ chức Plây Cu và An Khê thành hai tập đoàn cứ điểm. Plây Cu và An Khê trở thành nơi phân tán binh lực thứ tư của Na-va.



Ngày lại ngày, toàn đại đoàn 312 vẫn nằm trong khu rừng Phú Thọ nghe tin thắng lợi của các đơn vị bạn trên chiến trường mà lòng thấy nôn nao. Nhưng rồi ngày đầy mong đợi cũng đến. Đại đoàn được lệnh lên đường. Ba trung đoàn vượt sông Hồng trên ba bến khác nhau bí mật, an toàn. Thuyền mượn của nhân dân đã tập trung trong dân, mờ sáng hôm sau lại phân tán. Tất cả đều diễn ra trật tự, im lặng. Không một ánh lửa, không một tiếng nói. Đường đi chiến dịch năm nay đã mở rộng. Trên đường qua Thượng Bằng La, đèo Lũng Lô mới đầu năm, khi chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ ở Sốp Hào về còn âm u rậm rạp nay

đã mở rộng rải đá phẳng lỳ. Trên đèo Phiêng Ban nườm nượp dân công gồng gánh, xe thô, cả nước đã lên đường, trong trạng thái phấn chấn của cuộc cách mạng ruộng đất. Trên sông Đà năm nay, chúng tôi được đi cầu phao do công binh bắc từ trước. Ra đến đường số 41 thì một cảnh tượng chưa từng có đã đập vào mắt: hàng đoàn ô-tô kéo pháo chiếc nọ nối chiếc kia lăn bánh trên con đường rải đá rộng thênh thang giữa hai hàng dân công và bộ đội đang hành quân theo một hướng. Con đường số 41 đối với tôi có biết bao kỷ niệm vui buồn. Trên con đường này tôi đã từng cùng đồng chí Trần Duy Hạnh hai ngựa, hai người đi trong đêm giao thừa năm nào về căn cứ Mộc Hạ, bụng đói, quân không, phương thức đánh địch còn đang mò mẫm trong những ngày đầu kháng chiến. Cũng trên con đường này mới năm nào đây lau lách, chúng tôi phải vừa đi vừa đề phòng bọn biệt kích và những con hổ đói lang thang trên đường khi cùng các đội vũ trang tuyên truyền đi vào vùng địch chiếm để phát động nhân dân Tây Bắc, xây dựng cơ sở chính trị. Và đêm nay, dưới ánh trăng rừng vắng vặc của mùa đông Tây Bắc, con đường sống động như một dòng sông. Người và xe cuộn cuộn nối nhau lên Điện Biên.

Trong sự phấn chấn bất ngờ, có chiến sĩ lần đầu tiên thấy xe kéo pháo không hiểu là xe gì, kéo pháo gì đã đặt tên cho những cỗ xe kéo pháo là "xe mẹ kéo xe con". Có chiến sĩ nhìn những tấm vải bạt bịt bùng cảm thấy một sức mạnh vừa ghê gớm, vừa bí hiểm đang cùng mình ra trận. Có cậu phấn khởi cứ vỗ vào nòng pháo mà nói: "Bỏ mẹ mày rồi! Na-va ơi là Na-va ơi!".

Chúng tôi, những cán bộ chỉ huy tuy có ít nhiều được biết về sự trưởng thành của pháo binh ta nhưng trước cảnh tượng ra trận uy nghi, hùng dũng này cũng thấy lòng phơi phới. Sức mạnh của cả nước chung lòng chung sức để phá tan kế hoạch Na-va kết hợp với sức mạnh của thời đại đã tạo điều kiện cho chúng tôi, những người trực tiếp chiến đấu ở Điện Biên một khả năng tác chiến mới. Tuy vậy cũng đặt ra cho chúng tôi những yêu cầu mới về chỉ huy, về tác chiến hiệp đồng binh chủng trong một chiến dịch tiến công quy mô chưa từng có mà ngay lúc này chúng tôi chưa thấy hết được. Đại đoàn hành quân trong 15 đêm thì tới Điện Biên Phủ, không rớt một người.

Ngày 14 tháng 1 năm 1954, cán bộ chỉ huy các đại đoàn được triệu tập về hang Thẩm Púa, sát Điện Biên Phủ để Bộ tư lệnh chiến dịch phổ biến kế hoạch tiến công. Tôi lại gặp các anh Vương Thừa Vũ, Cao Văn Khánh đại đoàn 308, Chu Huy Mân đại đoàn 316 và Nam Long nguyên trung đoàn trưởng trung đoàn 141 nay làm tham mưu trưởng đại đoàn 304. Chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu và từ chiến dịch Biên Giới tới nay không chiến dịch nào là không gặp nhau. Nay lại có thêm đại đoàn mới, đại đoàn công pháo 351 do anh Phạm Ngọc Mậu làm chính ủy.

Đồng chí Phó tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái trình bày tình hình chung trên các chiến trường, sự phá sản của kế hoạch Na-va, kết quả tác chiến của ta trong vùng sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, ở Trị - Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ, đặc biệt là sự trưởng thành của chủ lực các quân khu, Tây Nguyên,

sự phối hợp tác chiến của quân đội ta với bạn trên chiến trường Trung – Hạ Lào. Đồng chí nêu quyết tâm của Trung ương, của Bác trong việc mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là chiến dịch tiến công lớn nhất của quân đội ta. Trận đánh sẽ đánh dấu bước tiến vượt bậc của quân đội ta, đồng thời đánh bại cố gắng cao nhất về chiến tranh của quân viễn chinh Pháp. Sau đó chúng tôi được thảo luận về cách đánh. Có hai phương án được thảo luận: "đánh chắc, tiến chắc" và "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Đánh chắc, tiến chắc thì hướng chủ yếu sẽ là hướng đông. Đánh nhanh, giải quyết nhanh sẽ lấy hướng tây làm hướng chủ yếu. Hướng tây là hướng địch yếu hơn, từ hướng tây, chúng ta có thể đánh thẳng vào sở chỉ huy, trung tâm đầu não của tập đoàn cứ điểm. Sau khi thảo luận, chúng tôi nhất trí với phương án đánh nhanh, giải quyết nhanh. Tuy nhiên, dựa trên nguyên tắc "đánh chắc thắng" của Nghị quyết Trung ương lần thứ tư, chúng tôi cũng nhất trí: rồi đây khi tình hình địch có thay đổi có thể chuyển sang đánh chắc, tiến chắc. Cuối cùng, hội nghị hạ quyết tâm:

– Tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ!

– Địch cố thủ, kiên quyết đánh!

– Địch bỏ chạy, kiên quyết truy!

– Địch tăng cường, kiên quyết diệt!

Tôi ra về lòng đầy phấn chấn. Nhưng khi về đến sở chỉ huy lúc đó đặt ở bắc Bản Kéo, điểm lại nhiệm vụ của đại đoàn tôi thấy muốn đánh vào sở chỉ huy của địch, đại đoàn sẽ lần lượt phải đột phá liên tục năm cứ

điểm và cụm cứ điểm là Him Lam, 305, 105, sân bay và sở chỉ huy của Đờ Cát.

Trong lúc đó, đại đoàn 308 được lệnh mở đường để đưa pháo vào Điện Biên Phủ. Với phương án đánh nhanh, giải quyết nhanh, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định sẽ dùng ô-tô kéo pháo từ Tuần Giáo tới ki-lô-mét 69, ở quãng bản Na Nham rồi dừng lại cất pháo. Sau đó sẽ dùng sức người kéo cả mấy chục khẩu pháo – mỗi khẩu nặng hai tấn rưỡi vượt qua đỉnh núi Pha Sông cao 1.150 mét, qua cả một hệ thống núi dài 15 ki-lô-mét, từ phía đường số 41 sang hẳn con đường mòn Lai Châu – Điện Biên ở phía tây. Sau đó lại kéo pháo thêm một đoạn nữa đến Bản Nghịu mới lập trận địa, nhằm đưa pháo vào sát địch mà bắn. Muốn thực hiện ý định đó, phải làm một con đường đủ rộng cho pháo lăn bánh. Thời gian làm trong một ngày phải xong. Đại đoàn 308 được một tiểu đoàn công binh và năm đại đội sơn pháo giúp sức. Đại đoàn đã hoàn thành trước hạn định bốn giờ.

Ngày 17 tháng 1 năm 1954, trung đoàn 165 đại đoàn 312 đã vượt qua dãy núi Tà Lèng vào sát Điện Biên Phủ tổ chức phòng ngự và làm công sự cho pháo. Hai trung đoàn 209 và 141 tham gia kéo pháo. Đêm đầu tiên anh em chỉ dùng sức nên mới kéo được hơn một ki-lô-mét. Sau chín ngày đêm lao động khẩn trương, phần lớn các khẩu pháo đã được đưa vào trận địa an toàn. Bài hát *Hò kéo pháo* của nhạc sĩ Hoàng Vân, lúc đó là đội trưởng văn công đại đoàn 312 ra đời trong bối cảnh đó.

Trong khi chúng tôi đang chuẩn bị xuất kích, khoảng giữa trưa bỗng nhiên có lệnh bằng điện thoại của Bộ chỉ huy chiến dịch: "Tạm ngừng cuộc tiến công, kéo pháo ra". Gần như cùng một lúc lại nhận được điện "Quyết tâm của Trung ương không thay đổi! Dịch cố thủ kiên quyết đánh, địch bỏ chạy kiên quyết truy, địch tăng cường kiên quyết diệt". Nhận được lệnh, tôi đoán chắc tình hình địch có cái gì thay đổi ghê gớm lắm hoặc là tình hình chung có cái gì đó chưa tiện thông báo nên mới có sự thay đổi này. Đồng thời, tôi nhận được lệnh của đồng chí Võ Nguyên Giáp, Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch chỉ định tôi làm tư lệnh chỉ huy các lực lượng kéo pháo.

Đúng là tình hình chiến trường đã có những diễn biến mới. Chúng ta bỏ phương án "đánh nhanh, thắng nhanh" để "đánh chắc, tiến chắc" là hoàn toàn đúng.

Ngày 3 tháng 12 năm 1953, Na-va hạ quyết tâm chấp nhận chiến đấu với chủ lực ta ở Điện Biên Phủ. Bộ chỉ huy hành binh Cát-xto đã được thay bằng bộ chỉ huy binh đoàn hành binh Tây Bắc (GONO) gồm 10 đại tá và trung tá. Đến đầu tháng 3 năm 1954, binh lực của Pháp ở Điện Biên Phủ đã lên 12.000 tên gồm 12 tiểu đoàn và bảy đại đội. Về trang bị có hai tiểu đoàn pháo 105 (24 khẩu), một đại đội pháo 155 (bốn khẩu), hai đại đội súng cối 120 (20 khẩu), hai đại đội công binh, một đại đội xe tăng 18 tấn (10 chiếc), một đội xe cơ giới (127 chiếc các loại), một phi đội thường trực (sáu máy bay khu trục và trinh sát). Ngoài ra còn một số binh khí kỹ thuật khác như mìn đĩa, súng phun lửa, mìn na-pan, khí tài chống khói và đặc biệt có máy

hồng ngoại để quan sát ban đêm. Với binh lực và trang bị đó, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được tổ chức thành ba phân khu: bắc, trung tâm và nam. Mỗi phân khu gồm nhiều trung tâm đề kháng. Chung quanh 49 cứ điểm và mỗi trung tâm đề kháng là cả một hệ thống công sự hào chiến đấu, dây thép gai dày từ 50 đến 70 mét và hệ thống mìn các loại. Ngoài hệ thống hỏa lực chung của tập đoàn cứ điểm, mỗi cứ điểm còn có hỏa lực riêng bố trí thành hệ thống chặt chẽ, liên hoàn. Mỗi cứ điểm, mỗi trung tâm vừa có thể độc lập tác chiến lại vừa có thể hỗ trợ cho nhau.

Na-va đánh giá chúng ta không thể kéo dài trận đánh cho nên cơ sở vật chất được chuẩn bị theo kế hoạch chỉ gồm chín ngày lương thực, thực phẩm, tám ngày nhiên liệu, từ sáu đến chín cơ sở đạn các loại. Kế hoạch tác chiến do Na-va trực tiếp thông qua gồm ba bước:

Bước một, đẩy mạnh hoạt động ở dưới đất và trên không nhằm trì hoãn việc chuyển quân của đối phương và đánh phá các tuyến giao thông.

Bước hai, quá trình đối phương tiếp cận tập đoàn cứ điểm và trực tiếp tiếp xúc (dự kiến từ 6 đến 10 ngày) dùng máy bay và pháo binh đánh bật đối phương ra khỏi vị trí tiếp cận.

Bước ba, nếu đối phương đã buộc phải rút lui, phải kịp thời khuếch trương thắng lợi, gây thêm cho họ nhiều tổn thất suốt trong quá trình lui quân.

Quá trình hình thành và phát triển mau chóng của tập đoàn cứ điểm cũng là quá trình Na-va và các tướng

lính Pháp vững tin Điện Biên Phủ sẽ là một pháo đài bất khả xâm phạm. Theo họ, Điện Biên Phủ là sắt thép mà muốn chọi với sắt thép phải có sắt thép. Na-va và cả bộ tham mưu cho là ta không có đủ sắt thép để tiến công Điện Biên. Pháo ta có ít. Trận địa rất khó đặt, số đạn chỉ có hạn, xe tăng không. Sức người có hạn không thể kéo pháo đặt lên trên các đỉnh núi chung quanh lòng chảo Điện Biên vì không có đường lên.

Vào những ngày đầu năm 1954, Na-va phát hiện: có những dấu hiệu chứng tỏ đối phương đã mệt mỏi, các chiến dịch tiến công của đối phương đã lên đến đỉnh cao và đối phương sắp lui quân đến nơi rồi (?). Trong thư chúc tết gửi binh sĩ ngày 1 tháng 1 năm 1954, ông ta trình trọng tuyên bố: "Điều kiện quân sự để chiến thắng đã đầy đủ, chỉ còn tùy thuộc vào ý chí của tất cả các chiến sĩ hải - lục - không quân để làm cho năm 1954 là năm thắng lợi rõ rệt của quân đội Pháp". Còn đại tá Đờ Cát, chỉ huy tập đoàn cứ điểm thì tuyên bố: "Nếu đối phương tiến công, tôi sẽ đội chiếc mũ ca-lô đỏ của tôi để từ trên cao họ thấy rõ mục tiêu và bắn trúng hơn".

Ngày 15 tháng 1 năm 1954, Đờ Cát cho rải truyền đơn thách thức: "Còn đợi gì nữa mà không tiến công, nếu các người không phải là kẻ hèn nhát!". Trong lần đến thăm Điện Biên Phủ ngày 19 tháng 2 năm 1954, Plô-ven bộ trưởng quốc phòng Pháp đã nói với Đờ Cát: "Liệu đại tá có biết rằng cả nước Pháp đang chiêm ngưỡng ngài không?". Còn Pi-ốt trung tá pháo binh thì nói "không quan tâm sâu sắc đến cái gọi là pháo binh Việt Minh trên chiến trường Điện Biên Phủ này".

Để đánh lạc hướng phán đoán của địch, làm cho chúng càng thêm mơ hồ, khoét sâu thêm tư tưởng chủ quan của chúng, một mặt Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh ráo riết chuẩn bị tiến công Điện Biên Phủ theo phương châm đánh chắc tiến chắc, một mặt cho đại đoàn 308 phối hợp cùng Quân giải phóng Pa-thét Lào mở cuộc tiến công bất ngờ vào phòng tuyến địch ở lưu vực sông Nậm Hu, Thượng Lào. Bộ chỉ huy chiến dịch cho đại đoàn được quyền quyết định lực lượng tiến công Nậm Hu, vì biết đại đoàn có khó khăn về lương thực. Gạo ăn đã hết và chỉ huy có thể huy động được thóc ở xung quanh Điện Biên Phủ. Đảng ủy đại đoàn 308 do đồng chí Vương Thừa Vũ làm bí thư đã hạ quyết tâm đưa cả đại đoàn đi chiến đấu. Với tinh thần chấp hành mệnh lệnh không điều kiện, đại đoàn đã tổ chức đóng cối xay, cối giã gạo khẩn trương xay thóc giã gạo. Nhưng khi lên đường mỗi chiến sĩ cũng chỉ có một ngày lương khô và một ngày gạo. Địa hình chưa quen, tình hình chưa biết, lương thực không có ở phía trước, đại đoàn đề ra phương châm hành động là "tự lực và gấp rút". Tự lực khắc phục khó khăn, tìm địch mà đánh. Chuẩn bị gấp rút, hành quân gấp rút, tổ chức tiến công gấp rút nhưng phải bảo đảm chắc thắng.

Ngày 26 tháng 1 năm 1954 đại đoàn 308 lên đường.

Đại đoàn cho đội quân báo và cán bộ hậu cần đi trước đội hình. Đi sau là một tiểu đoàn bộ binh. Cả hai bộ phận này thuộc lực lượng tiên vệ do đồng chí Cao Văn Khánh đại đoàn phó trực tiếp chỉ huy. Đội tiên vệ có nhiệm vụ mở đường, tìm địch mà đánh và lo lương

thực cho bộ phận đi sau. Đi liền trong hai ngày, ba đêm, đội tiên vệ đến Sốp Nao, phạm vi kiểm soát của địch thuộc phòng tuyến sông Nậm Hu. Cả đại đoàn chỉ có hai máy vô tuyến điện nên hễ cứ một đài dừng lại làm việc thì đài kia phải bứt lên phía trước để giữ vững liên lạc với Bộ chỉ huy chiến dịch và với các cánh quân của đại đoàn.

Đêm 29 tháng 1, đến Sốp Nao, đại đoàn được Bộ thông báo: địch đã phát hiện đại đoàn 308 rời Điện Biên Phủ, đã ra lệnh bỏ Mường Khoa và các đồn lân cận, chúng có thể rút về Nậm Bạc. Bộ tư lệnh đại đoàn hạ quyết tâm: đập tan tuyến phòng thủ sông Nậm Hu, đẩy địch xuống Luông Pha-băng. Ngay trong đêm 29 đại đoàn chia làm ba cánh: trung đoàn 102 tiến sang Mường Khoa; trung đoàn 88 tiến xuống bao vây Mường Ngòi; trung đoàn 36 đánh vu hồi, tiến sâu tới phòng tuyến Nậm Bạc. Các cánh quân được lệnh tiến gấp, truy kích mạnh. Cũng trong đêm đó gạo hết. Nhưng được tin địch đang hoang mang cao độ, với tinh thần tiến công "thần tốc" và khẩu hiệu "cấp dưỡng ở phía trước" từ ngày 29 tháng 1 đến ngày 1 tháng 2 năm 1954, các cánh quân của đại đoàn đã tiến quân ào ạt, bức địch phải rút khỏi Mường Khoa, Mường Ngòi. Ngày 5 tháng 2 (mùng ba Tết Nguyên đán), sau khi đã tiêu diệt 17 đại đội, một tiểu đoàn lê dương, các đơn vị tiếp tục truy quét tàn quân địch tại lưu vực sông Nậm Hu. Đại đoàn lệnh cho trung đoàn 36 vượt sông Nậm Hu tiến về Luông Pha-băng. Ngày 6 tháng 2, tiểu đoàn 89 trung đoàn 36 vượt sông tiêu diệt đồn Bản Ca, bắt sống tên quan hai đồn trưởng và 20 lính lê dương. Đại đoàn còn cách Luông Pha-băng mười ki-lô-mét. Trước

tình hình Bản Ca bị tiêu diệt, kinh đô Luông Pha-băng bị uy hiếp, Na-va phải đổ thêm quân, biến Luông Pha-băng thành một tập đoàn cứ điểm nữa.

Trong khi buộc địch phải bị động mang quân cơ động chiến lược mà chúng rất muốn sử dụng tập trung và còn đang trong quá trình xây dựng thì ở chiến trường sau lưng địch, bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã nắm vững thời cơ đẩy mạnh hoạt động phối hợp.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, chiến tranh du kích phát triển rất mạnh. Tháng 1 năm 1954 đại đoàn 320 tiến công phòng tuyến sông Đáy, nối vùng căn cứ của ta ở Thanh Liêm (Hà Nam), Ý Yên (Nam Định) với vùng tự do của ta ở Khu 3. Đại đoàn tiến sâu vào đồng bằng Bắc Bộ, cùng các trung đoàn 42, 46, 50, 246, 238, các tiểu đoàn địa phương tỉnh và dân quân du kích tiến công địch trên hầu khắp các vùng quan trọng, mở rộng cơ sở, phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích.

Hầu hết các đường giao thông thủy, bộ và đường sắt của địch đều bị đánh phá. Theo đường số 5, du kích Hải Dương đặc biệt là du kích Kim Thanh đã đánh những trận địa lôi táo bạo. Địch phải điều hàng trung đoàn cơ động, hàng chục tiểu đoàn canh giữ nhưng vẫn bị đánh phá, giao thông địch có lúc tê liệt hàng tuần lễ.

Các lực lượng vũ trang địa phương dùng lực lượng nhỏ nhưng tinh nhuệ tập kích thị xã Đồ Sơn và thành phố Nam Định. Trong hai trận tập kích sân bay Cát Bi và Gia Lâm, quân ta đã phá hủy 78 máy bay, bằng một

phần sáu tổng số máy bay của địch trên chiến trường ba nước Đông Dương. Sức chiến đấu của bộ đội ta trong vùng sau lưng địch được nâng lên rõ rệt. Bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đã tiêu diệt hàng loạt vị trí quan trọng của địch, trong đó những vị trí lớn như Hoàng Đan ở Hà Nam, La Tiến (Thái Bình), Từ Sơn (Bắc Ninh), buộc địch phải rút hàng loạt vị trí khác, trong đó có những vị trí quan trọng như phân khu Cầu Bó ở Bắc Giang, Diên Điền, Cao Mại (Thái Bình), Kinh Môn (Hải Dương), Phù Lưu Tế (Hà Đông), Ao Khoang và Suối Me (Sơn Tây). Một số vị trí địch phải tiếp tế bằng máy bay hoặc dùng binh đoàn cơ động mở đường từng đợt.

Ở Bình Trị Thiên và Nam Trung Bộ, quân ta cũng hoạt động rất tích cực, đánh mạnh trên đường giao thông.

Từ 20 tháng 1 đến 20 tháng 2 năm 1954, quân ta đã phá hủy 17 cầu, 18 cống từ Đông Hà lên Rào Quán trên đường số 9, tiêu diệt và bức rút sáu vị trí, giải phóng hoàn toàn huyện Hướng Hóa. Nhân dân huyện Vĩnh Linh sát cánh cùng du kích phá hoại cầu đường. Quân dân ta còn đánh địa lôi trên nhiều đoạn đường số 1 từ Hương Thủy đến Đà Nẵng, lật đổ hàng chục đoàn tàu quân sự.

Phối hợp với cuộc tiến công của chủ lực Liên khu 5 lên Tây Nguyên, du kích Nam Trung Bộ đã tập kích thành phố Nha Trang, đốt cháy hàng trăm lít xăng, đột nhập thị trấn Ninh Hòa (Khánh Hòa). Bộ đội địa phương Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đã diệt nhiều cứ điểm đại đội, tiểu đoàn địch, tập kích

táo bạo vào La Lung (Phú Yên) diệt một tiểu đoàn địch và tiến sâu vào vùng sau lưng địch diệt nhiều vị trí, tháp canh. Nhiều vùng rộng lớn đã được giải phóng như Điện Bàn (Quảng Nam) có trên bốn vạn dân, Hòn Khói ở tây-bắc Khánh Hòa. Ở Cục Nam Trung Bộ, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, nhân dân đã cùng trung đoàn 812 giải phóng hai huyện Tánh Linh và Lương Sơn (Bình Thuận).

Ở Nam Bộ, trong Đông Xuân, các tiểu đoàn chủ lực 302, 304, 307 và các tiểu đoàn chủ lực tỉnh 300, 303, 306, 308, 309, 310, 311, 401... đều tiến vào những vùng mà địch cho là đã bình định xong, tiêu diệt địch, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân. Ta đã tiêu diệt nhiều đồn bốt, từng đại đội địch và đánh nhiều trận vận động, kết hợp vây đồn với đánh viện. Ở Rạch Giá, kết hợp vây đồn với đánh viện, quân ta đã giải phóng cả huyện lỵ An Biên. Thế uy hiếp đối với vùng tự do của ta bị phá tan. Địch phải quay về đối phó ở ngay vùng chúng đã bình định. Các đường giao thông thủy, bộ thường xuyên bị đánh phá. Trong trận vận động phục kích trên đường Bạc Liêu – Cà Mau, ta diệt gọn hai đại đội địch. Trận đột nhập bến tàu Vĩnh Long, ta bắn chìm và bắn hỏng nặng hai tàu chiến địch. Nam Bộ có lối đánh độc đáo vào hậu cứ địch trong vùng sâu. Trong trận đột nhập kho bom Tân Sơn Nhất ta đã phá hủy hoàn toàn 300 tấn bom, tiêu diệt đại đội lính lê dương bảo vệ. Bộ đội Bà Rịa – Chợ Lớn đột nhập khách sạn Ô Cấp, diệt hơn 100 tên sĩ quan Pháp và Mỹ. Một đại đội chủ lực tỉnh Mỹ Tho đã đánh thắng một tiểu đoàn địch trong trận đánh vận động

trên sông Kênh Bui, thu hàng trăm súng. Ở Gò Công chỉ trong hai ngày, nhân dân được vũ trang bằng giáo mác, cùng du kích và một trung đội địa phương đã hạ hàng chục đồn bốt. Ở Gia Định, Thủ Biên, nhân dân vác gậy đuổi đánh địch giữa ban ngày. Ở Mỹ Tho sáu đại đội Hòa Hảo bỏ về nhà làm ăn. Ở Ba Tri (Bến Tre) một đại đội quân nguy đào ngũ.

Chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch từ đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung cho đến đồng bằng sông Cửu Long có sự chỉ đạo thống nhất về chiến lược, theo một kế hoạch thống nhất đã buộc Na-va phải mang chủ lực ra đối phó. Kế hoạch đầy tham vọng xây dựng những cứ điểm mạnh, quân ứng chiến mạnh để bảo vệ những trục giao thông chiến lược đã tỏ ra vô hiệu. Na-va không bảo vệ được đồng bằng Bắc Bộ. Thượng - Hạ Lào, Luông Pha-băng bị uy hiếp chưa từng có. Những lực lượng tại chỗ của địch không đối phó được với bộ đội địa phương tỉnh và huyện của ta. Không những thế, Na-va phải đưa khối binh lực tập trung ra cứu nguy cho những nơi đó. Khối binh lực tập trung trước đây ở đồng bằng Bắc Bộ là 44 tiểu đoàn nay chỉ còn 20 tiểu đoàn.



Như vậy, bước vào Đông Xuân 1953 - 1954 chúng ta đã sử dụng một bộ phận nhỏ lực lượng chủ lực thuộc lực lượng cơ động chiến lược của Bộ Tổng tư lệnh chủ động mở một loạt các cuộc tiến công vào những nơi địch yếu sơ hở nhưng chúng lại không thể

bỏ. Với lực lượng đó, kết hợp với chủ lực quân khu, bộ đội địa phương tỉnh và huyện, chúng ta đã giải phóng được Tây Bắc, bắc Tây Nguyên, cùng với quân đội cách mạng hai nước Lào và Cam-pu-chia giải phóng những vùng đất đai quan trọng ở Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, mở rộng căn cứ du kích ở Cam-pu-chia.

Bằng một loạt đòn tiến công chủ động trên những địa bàn chiến lược quan trọng, chúng ta đã làm cho kế hoạch Na-va bị phá sản.

Na-va định ninh quân ta tiến công xuống đồng bằng sông Hồng, nhưng quân ta lại tiến công trên nhiều hướng.

Na-va nhận định chủ lực ta có thể từ phía bắc tiến công xuống phía nam phối hợp với chủ lực Liên khu 5 uy hiếp miền Trung và Nam Đông Dương nhưng chủ lực ta lại tiến công sang hướng tây và chủ lực Liên khu 5 tiến công lên Tây Nguyên.

Na-va chủ trương trước mắt tránh tổng giao chiến với chủ lực ta ở phía bắc thì nay lại lấy Điện Biên Phủ làm nơi quyết chiến chiến lược với chủ lực ta.

Na-va muốn khối quân cơ động được tập trung để hình thành một quả đấm mạnh, nay quả đấm đó trở thành bàn tay xòe. Khối quân cơ động tinh nhuệ bị phân tán ở đồng bằng Bắc Bộ, Luông Pha-băng, Sê Nô, Plây Cu, nam Tây Nguyên và Điện Biên Phủ.

Kế hoạch Na-va bị phá sản ngay từ bước một. Na-va đã không thực hiện được việc bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ, Thượng Lào và tiến công chiến lược ở miền Nam. Nhưng cho đến lúc đó, Na-va vẫn không nhận ra kế

hoạch của mình đã bị phá sản. Đại đoàn 308 tiến công sang hướng Nậm Hu và các đại đoàn khác của ta chưa hành động, Na-va nhận định cuộc tiến công Thu Đông của ta đã lên đến tột đỉnh rồi, cuộc rút lui của quân ta sắp bắt đầu rồi, ta không đủ sức để tiến công tiếp. Xuất phát từ nhận định đó, Na-va ra lệnh tiếp tục cuộc tiến công chiến lược trên chiến trường miền Nam, tập trung một binh lực lớn đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5, tiếp tục cuộc hành binh Ất-lăng bị bỏ dở.

Ngày 12 tháng 3 Na-va cho quân đổ bộ lên Quy Nhơn.

Và ngày 13 tháng 3, đại đoàn 312 tiến công Him Lam mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tôi muốn ôn lại những diễn biến trong cuộc đấu trí, đấu lực giữa ta và địch trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 để rút ra một số bài học về chỉ đạo chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta trong giai đoạn có ý nghĩa quyết định của cuộc chiến tranh giải phóng chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau chín năm lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang trong chiến tranh, nhất là sau ba năm liên tục tổ chức những chiến dịch tiến công (tính từ chiến dịch Biên Giới 1950), chúng ta đã tích lũy được một số kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược và tiến hành những chiến dịch tiến công. Trên cơ sở tổng kết và tiếp thu có phê phán kinh nghiệm của quân đội các nước anh em, chúng ta đã tích lũy được những

kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược, về đặt kế hoạch chiến lược và tổ chức thực hiện kế hoạch đó trên chiến trường. Nhờ tổng kết kịp thời và tổng kết tốt, chúng ta đã nắm được quy luật của chiến tranh, làm cho sự chỉ đạo chiến lược của chúng ta ngày càng phong phú và không ngừng phát triển. Nét nổi bật nhất về chỉ đạo chiến lược trong tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 là sự lựa chọn hướng tiến công chiến lược và sử dụng lực lượng tiến công trên những chiến trường có ý nghĩa quyết định, trong những thời điểm quyết định.

Từ tháng 3 năm 1953, khi địch đang tập trung quân đánh phá khốc liệt đồng bằng Bắc Bộ, chúng ta đã hạ quyết tâm không phân tán chủ lực xuống đồng bằng và sử dụng chủ lực tập trung, lựa chọn những nơi địch yếu nhưng không thể bỏ được để tổ chức những đòn tiến công mãnh liệt. Khi Na-va sang thay Sa-lăng và kế hoạch Na-va hình thành, chúng ta vẫn giữ vững phương hướng chiến lược tiến công vào nơi địch yếu. Nhờ có quyết tâm chiến lược sáng suốt và sự kiên định quyết tâm trong cả quá trình của chiến cuộc, chúng ta đã hình thành ưu thế hơn địch và giữ vững ưu thế đó trong tất cả các đòn tiến công cho tới khi khối binh lực tập trung của Na-va bị phân tán và chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu. Để kiên định và giữ vững quyết tâm chiến lược đó, cơ quan chỉ đạo chiến lược của ta, nhân dân ta, các lực lượng vũ trang của ta đã trải qua những tình huống căng thẳng, phải khắc phục những khó khăn tưởng chừng không thể khắc phục được với một tinh thần cách

mạng tiến công không suy suyển. Đó là khi địch tập trung quân và phương tiện đánh phá ác liệt đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng ven biển Liên khu 5 và đồng bằng Nam Bộ. Khi địch nhảy dù Lạng Sơn, khi chúng đánh ra Nho Quan – Ninh Bình, khi chúng tiến công ra Quảng Trị – Thừa Thiên, đổ bộ lên Quy Nhơn... chúng ta vẫn giữ vững quyền chủ động tiếp tục tiến công theo kế hoạch đã định.

Chiến lược quân sự của chúng ta bắt nguồn từ mục tiêu chính trị kiên định của cuộc chiến tranh chính nghĩa, được Đảng Mác – Lê-nin lãnh đạo cho nên chiến lược đó vừa mang tính cách mạng vừa mang tính khoa học. Mục tiêu chính trị của cuộc chiến tranh giải phóng đòi hỏi một chiến lược quân sự kiên quyết, chủ động, luôn luôn tiến công. Toàn bộ hoạt động của các lực lượng vũ trang ta đã thấm nhuần sâu sắc tinh thần kiên quyết của mục tiêu đó. Đó là ý thức tổ chức cao của Bộ tư lệnh Liên khu 5, kiên quyết thực hiện nhiệm vụ chiến lược đã được giao, đưa toàn bộ chủ lực liên khu lên Tây Nguyên trong lúc địch tiến công vùng tự do của liên khu. Đó là tinh thần chấp hành mệnh lệnh không điều kiện của tiểu đoàn 436 trung đoàn 101 Trị – Thiên khi thực hiện nhiệm vụ thọc sâu ở Trung Lào, Hạ Lào, đánh địch với tinh thần áp đảo, dùng ít thắng nhiều, cơ động, linh hoạt; là tinh thần khắc phục khó khăn của đại đoàn 308 đánh mạnh truy kích mạnh, vừa thực hiện được nhiệm vụ nghi binh chiến lược vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đập tan tuyến phòng thủ địch, uy hiếp một mục tiêu chiến lược quan trọng của địch...

Chiến lược của chúng ta khoa học vì chúng ta đã tính toán một cách nghiêm túc các nhân tố chính trị, tinh thần và so sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đó.

Trong đông xuân 1953 – 1954, dựa vào viện trợ Mỹ (Mỹ gánh 78 phần trăm chiến phí), Na-va đã có trong tay 10 trung đoàn cơ giới, 28 tiểu đoàn pháo binh, 12 tiểu đoàn công binh, 11 tiểu đoàn vận tải, 548 máy bay các loại, 391 tàu xuống các loại. Ta chỉ có hơn các chiến dịch trước một trung đoàn pháo 105 và một tiểu đoàn pháo cao xạ 37. Trước sự chênh lệch về trang bị giữa ta và địch, chúng ta đã nhận ra mối mâu thuẫn không thể điều hòa của địch (cơ động và chiếm đóng, rừng núi và đồng bằng), lợi dụng những mâu thuẫn đó, hạn chế những chỗ mạnh của địch về trang bị, buộc chúng phải đưa quân đến những chiến trường dù với trang bị mạnh hơn ta, chúng cũng không thể tạo nên ưu thế.

Trong so sánh lực lượng giữa ta và địch, chúng ta thấy cái mạnh của địch về vũ khí trang bị, nhưng đồng thời cũng thấy sự hạn chế của quân viễn chinh Pháp về tài chính, về nhân lực và cả về trang bị của một đế quốc đã suy tàn, kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nước Pháp tiến hành chiến tranh trong một ngõ cụt. Xu thế rút ra khỏi chiến tranh đang trở thành xu thế mạnh mẽ trong nhân dân và cả trong chính giới Pháp. Tinh thần của binh lính Âu Phi sau những đòn đau ở Biên Giới, Trung Du, Hòa Bình đã không còn như các thu đông năm trước, lính ngụy lại càng bạc nhược. Quân số của địch có tăng, nhưng chất lượng lại giảm. Khi bị đánh mạnh thì sự suy sụp sẽ có những đột biến.

Về ta, do lực lượng chủ lực có hạn và do điều kiện hậu cần không cho phép chúng ta tiến hành cùng một lúc hàng loạt trận tiến công với cường độ giống nhau trên tất cả các mặt trận. Chúng ta biết chỗ mạnh của mình về chính trị – tinh thần, về thế trận của chiến tranh nhân dân, nhưng cũng thấy có những hạn chế về trang bị và cơ động so với địch. Cho nên trong nhiều hướng có thể tiến công, chúng ta đã chọn ra một số hướng có tính chất quyết định tới cục diện để lần lượt tổ chức các cuộc tiến công tiêu diệt từng mảng sinh lực địch, từ Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào cho đến Điện Biên Phủ. Khi thực hiện những đòn tiến công ở nơi địch yếu, sơ hở thường là nơi quân ta cũng gặp khó khăn về hành quân, về hậu cần. Chúng ta đã tính toán đến khả năng chịu đựng của quân đội ta, sức dẻo dai, bền bỉ, sự giác ngộ giai cấp sau chỉnh quân và chỉnh huấn cũng như tinh thần quật khởi của nhân dân ta nên chiến lược quân sự vừa kiên quyết, triệt để lại vừa linh hoạt cao.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa vào cơ sở chính trị đã được công phu xây dựng trong lòng địch, chỉ dùng bộ binh tinh nhuệ, chúng ta đã đánh sâu vào hậu cứ địch (các sân bay Gia Lâm, Cát Bi, Tân Sơn Nhất, các kho dầu, nơi ở của sĩ quan cao cấp địch), đã thực hiện đánh vu hồi (mũi tiến công của trung đoàn 66 và 101), cuộc truy kích của đại đoàn 316 ở Lai Châu và 308 ở lưu vực sông Nậm Hu.

Trong chiến cuộc này, kế hoạch chiến lược đã khéo léo phối hợp giữa những đòn tiến công của chủ lực với chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch rất phong

phú và đa dạng. Được một bộ phận chủ lực làm nòng cốt, chiến tranh du kích đã tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, làm tê liệt trong từng thời gian việc tiếp tế, hành quân của địch và giam chân lực lượng cơ động của địch, căng chúng ra trên các chiến trường. Trong Đông Xuân 1953 – 1954, chúng ta đã làm thất bại ý đồ chiến lược chủ yếu, phá hoại công cụ chiến lược chủ yếu của địch, làm thất bại kế hoạch Na-va trước khi mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Chiến lược của chúng ta luôn luôn chủ động và dồn địch vào thế bị động. Địch muốn tập trung quân cơ động, chúng ta buộc chúng phải phân tán, địch chưa muốn tổng giao chiến với chủ lực ta, ta buộc chúng phải chấp nhận trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ. Chúng muốn giữ đồng bằng, ta buộc chúng phải đưa quân lên rừng núi. Chúng ta đã chủ động tạo nên thời cơ và khi thời cơ xuất hiện thì lập tức nắm thời cơ hạ quyết tâm tiêu diệt Điện Biên Phủ.

Trong khi thực hiện kế hoạch chiến lược, chúng ta lại tuyệt đối giữ bí mật ý đồ chiến lược, khéo léo nghi binh làm cho địch bị bất ngờ. Chỉ đạo chiến lược của chúng ta đã bám sát thực tiễn của chiến trường và hết sức nhạy bén với những nhân tố mới nảy sinh nên đã có những quyết tâm chính xác khi thời cơ xuất hiện. Chúng ta đã không mang nguyện vọng chủ quan thay thế cho tình hình và khi tình hình diễn biến khác với nhận định ban đầu chúng ta đã kịp thời hạ quyết tâm mới (đình chỉ triển khai lực lượng tiến công, chuyển sang tiến chắc đánh chắc, cho đại đoàn 308 sang phối hợp với Quân giải phóng Pa-thét Lào tiến công khu vực sông Nậm Hu).

Chiến lược của chúng ta trong tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 và trước đó rất kiên quyết, rất sáng tạo vì cơ sở của chiến lược là đường lối chính trị, quân sự của Đảng. Đảng ta đã vận dụng chủ nghĩa Mác – Lê-nin về chiến tranh và quân đội của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử nên đã nhận thức một cách khoa học quy luật khách quan của chiến tranh. Trong chiến cuộc này, Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp thông qua phương án tác chiến, kế hoạch tác chiến và đã tạo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần, huy động sức mạnh của cả nước, tạo mọi điều kiện cho các lực lượng vũ trang chúng ta đánh thắng.

Nhìn về quá khứ, hướng về tương lai để không ngừng phát triển và hoàn chỉnh lý luận chiến lược quân sự Việt Nam, đó là suy nghĩ của tôi khi kết thúc chương này.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

ĐIỆN BIÊN PHỦ

Chập tối ngày 25 tháng 1 năm 1954, tôi họp bộ tư lệnh kéo pháo để bàn cách thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến dịch: kéo pháo ra. Anh Phạm Ngọc Mậu chính ủy đại đoàn 351 nói:

– Mình vừa gọi điện kiểm tra tình hình. Đang chuẩn bị đi thì ông Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) bảo lấy giấy bút ghi mệnh lệnh. Lệnh thế này: "Ngay từ tối nay, bắt đầu kéo pháo ra khỏi trận địa lâm thời đến vị trí an toàn. Mệnh lệnh này yêu cầu được chấp hành triệt để. Nhiệm vụ chuyển pháo ra coi như mệnh lệnh chiến đấu".

Trực tiếp đọc lệnh cho mình ghi xong, Chỉ huy chiến dịch hỏi thêm:

– Rõ chưa?

– Báo cáo rõ !

– Thế thì chấp hành ngay! Lý do sẽ được giải thích sau!

Ông Văn bỏ máy rồi mà mình vẫn cứ ngớ ra. Bao nhiêu công phu kéo vào giờ lại chuyển ra. Mình cứ áp

mãi ống nghe vào tai xem ông có nói gì nữa không, nhưng máy im lặng. Thế là mình đến gặp các ông bàn chuyện kéo pháo ra.

Chúng tôi đang họp thì đồng chí Hoàng Văn Thái tham mưu trưởng chiến dịch đến. Chúng tôi được phổ biến tình hình và nghị quyết của Đảng ủy mặt trận, đại ý như sau:

Sau khi hạ quyết tâm lấy Điện Biên Phủ làm nơi quyết chiến chiến lược với chủ lực ta, Na-va đã trực tiếp thông qua kế hoạch tác chiến và tăng cường binh lực, hỏa lực, phương tiện cho Điện Biên Phủ. Đây là sự bị động về chiến lược của địch. Cách đây mười ngày, quân địch ở Điện Biên có nhiều sơ hở. Vì trận địa chưa củng cố, binh lực còn ít nên ta chủ trương "đánh nhanh, giải quyết nhanh". Nay địch đã tăng cường lực lượng, bố trí dày đặc, xây dựng hệ thống phòng ngự khá vững chắc. Đảng ủy chiến dịch đã họp nhiều lần và quyết định hoãn tiến công, kéo pháo ra, tiếp tục chuẩn bị thật kỹ để đánh chắc thắng.

Cụ thể là ở phía bắc, khi chúng tôi mới lên Điện Biên, điểm cao Độc Lập chỉ là vị trí tiên tiêu, nay đã trở thành một cứ điểm mạnh do một tiểu đoàn Âu Phi chiếm đóng. Him Lam trở thành trung tâm phòng ngự kiên cố nhất của địch ở Điện Biên. Hồng Cúm trước chỉ là một vị trí ở phía nam nay đã trở thành cụm cứ điểm có sân bay dự bị, có trận địa pháo. Các cứ điểm ở tây sân bay Mường Thanh đã được củng cố.

Điện Biên Phủ không phải là một trận đánh quy mô lớn, tiến công quân địch trong công sự vững chắc

như trước đây chúng ta hình dung mà sẽ là một chiến dịch tiến công quân địch trong một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất từ trước tới nay. Ngay trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai quân Pháp chưa bao giờ xây dựng một tập đoàn cứ điểm mạnh như thế này.

Chúng tôi cùng nhìn về phía lòng chảo Điện Biên, nơi đang phát ra những tiếng động cơ xe, máy âm ỉ. Trong màn sương, một quầng ánh sáng đỏ bầm hắt lên nền trời. Những luồng sáng của đèn pha quét trên bầu trời đen thẫm. Tôi có cảm tưởng như dưới lòng chảo kia đang có cuộc hội tụ của những âm binh, ma quỷ trong truyện cổ tích.

Đồng chí Hoàng Văn Thái phân công đại đoàn chúng tôi cho một bộ phận nhỏ bố trí đề phòng địch nổ ra khi ta kéo pháo ra, còn toàn đại đoàn sẽ cùng với trung đoàn sơn pháo 675 kéo pháo. Giao nhiệm vụ xong, anh Hoàng Văn Thái tâm sự:

– Nói thật với các anh, trong chín ngày qua, Đảng ủy theo dõi từng buổi, từng ngày tình hình kéo pháo quá chậm chạp của chúng ta. Mặc dù cán bộ, chiến sĩ ta rất dũng cảm, chịu đựng gian khổ nhưng sức người chỉ có hạn.

Anh nhìn chúng tôi. Chúng tôi nhìn nhau. Anh nào anh nấy mặt mũi hốc hác vì thiếu ngủ, vì làm việc quá sức. Anh Thái tiếp:

– Đảng ủy băn khoăn với nhiều câu hỏi khó trả lời. Kéo pháo vào đã khó thế này, khi cần cơ động thì làm thế nào? Nếu khi ta nổ súng, địch đánh trả thì làm thế nào để bảo đảm an toàn cho người, cho pháo? Pháo 105 và cao xạ là vốn quý của ta hiện nay.

Anh dừng một lát, nhìn con đường kéo pháo nhỏ hẹp mất hút dưới chân núi nói tiếp, giọng trầm hẳn xuống:

– Pháo bị làm sao sẽ ảnh hưởng lớn tới sức chiến đấu trước mắt và tới cuộc kháng chiến của ta. Cho nên Đảng ủy phân công tôi xuống gặp các anh để truyền đạt nghị quyết của Đảng ủy và cùng các anh bàn chuyện lãnh đạo, chỉ huy kéo pháo ra, làm đường mới, đặt trận địa ngay trên đỉnh núi kia bắn xuống Mường Thanh. – Tham mưu trưởng khoát tay chỉ những đỉnh núi lẫn trong bóng đêm.

Bộ tư lệnh kéo pháo tiếp tục họp bàn. Đồng chí Phạm Ngọc Mậu vốn người bộc trực, rút trong túi áo bông to sù gói thuốc lào ngồi xếp bằng tròn lấy áo che lửa, rít một hơi dài rồi vừa thở vừa nói:

– Cái tin tung ra mà không có lãnh đạo chặt là lời thôi lảm đây! Anh em đang hăng máu vì bấy lâu nay im hơi lặng tiếng, cố nén để chờ cái ngày nện cho chúng nó một trận tới bờ mà nay lại kéo pháo ra anh nào cũng bị hăng. Đột ngột quá mà! Tuy vậy, tôi tin anh em khi đã thông thì quyết tâm sẽ rất cao. Tôi tin là chúng ta sẽ lãnh đạo được tư tưởng của anh em. Ta cứ nói thật với anh em, họ sẽ thông ngay.

Chúng tôi nhất trí với anh Mậu. Phải dựa vào chi bộ, vào cấp ủy và những đồng chí cốt cán làm công tác tư tưởng cho tốt để bảo đảm kéo pháo an toàn, bí mật. Về quân sự tôi đề nghị:

– Triệt để chấp hành mệnh lệnh rút pháo an toàn. Tranh thủ thời gian kéo ra càng nhanh, càng tốt. Anh

dũng vượt qua những nơi pháo địch hay bắn chặn, tránh thương vong vô ích. Ở những trọng điểm đó phải có cán bộ chủ trì trực tiếp chỉ huy. Tăng cường nguy trang giữ bí mật đường kéo pháo và nơi trú quân. Làm công sự cho người cho pháo.

Các anh đều nhất trí.

Để bảo đảm chỉ huy thông suốt, tôi cho huy động toàn bộ dây điện thoại của đại đoàn rải trên trục đường. Mỗi một dốc lại có một bộ phận chỉ huy. Mạc Ninh chính ủy trung đoàn 141 được anh em gọi là "chính ủy tời". Mạc Ninh trụ ở dốc "Bảy tời". Hôm kéo pháo phải dùng tới bảy tời mới kéo được pháo lên. Nay đổ dốc lại phải dùng ngần ấy tời thả pháo nhích từng đoạn ngắn. Ngược lại ở vực "Vườn chuối" trước phải ghìm dây thả pháo, nay phải gò lưng đẩy pháo lên.

Địch phát hiện ta kéo pháo ra qua những cảnh lá nguy trang trên đường đã bị khô héo. Ban ngày, chúng cho máy bay trinh sát sục sạo, dùng khu trục ném bom. Ban đêm, chúng cho pháo bắn chặn. Trong đợt kéo pháo vào chúng ta có Nguyễn Văn Chúc đã anh dũng hy sinh cứu pháo. Đợt kéo ra có Tô Vĩnh Diện đã quên mình chèn khẩu pháo cao xạ đổ dốc. Những gương anh dũng đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cả đại đoàn. Sáng ngày 5 tháng 2, đúng mừng ba Tết Nguyên đán, đại đoàn cùng với trung đoàn 675 đã kéo hết pháo ra. Cũng trong ngày hôm đó, bộ tư lệnh kéo pháo được Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập về nam Mường Phăng. Đồng chí Tư lệnh chiến dịch rất xúc động khi thấy anh em ai cũng hốc hác, có người quần còn nguyên bùn đất. Đồng chí nói:

– Các đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ kéo pháo. Bộ tư lệnh coi như các đồng chí đã chiến đấu và đã chiến thắng. Nếu không có chính quân chính trị, trình độ giác ngộ của chiến sĩ không được nâng cao thì không thể có được thành tích này.

Sau đó chúng tôi nhận nhiệm vụ làm đường cho pháo cơ động xung quanh Điện Biên. Trung đoàn trưởng trung đoàn công binh 151 Phạm Hoàng trình bày phương án làm đường.

Thực hiện phương châm đánh chắc, tiến chắc, để bảo đảm an toàn cho người và pháo, theo yêu cầu của pháo binh: hỏa khí phân tán nhưng hỏa lực tập trung, chúng ta sẽ làm sáu mạch đường để đưa pháo lên hai dãy núi Pú Hồng Mèo và Pú Tà Cọ. Sáu mạch đường gồm:

– Đường số 1, xa nhất từ Bản Tấu đến Tà Lèng dài 27 ki-lô-mét.

– Đường số 2 từ Bản Xôm, Mường Phăng đến Pú Hồng Mèo dài tám ki-lô-mét.

– Đường số 3 từ Đa Voong đến Nà Lờ dài ba ki-lô-mét.

– Đường số 4 từ Pe Na đến Nà Lờ dài chín ki-lô-mét.

– Đường số 5 từ Mường Phăng đến Nà Nham dài bảy ki-lô-mét.

– Đường số 6 từ Bản Xin qua đỉnh Pu Y Tao đến Bản Tấu dài 18 ki-lô-mét (phía bắc đồi Độc Lập).

Phạm Hoàng nói chắc nịch: "Ngồi trên Pú Hồng Mèo và Pú Tà Cọ mà bắn thì trăm phát trúng cả trăm !".

Lực lượng làm đường có trung đoàn công binh 151 làm nòng cốt, đại đoàn 316, đại đoàn 312 và phần lớn trung đoàn sơn pháo 675. Hôm nhận nhiệm vụ làm đường cho pháo cơ động, tôi đã dẫn cán bộ đại đoàn đi nhận cọc tiêu và bỏ những nhát cuốc đầu tiên. Làm đường cho xe kéo pháo được tiến hành khẩn trương trong điều kiện không có máy ủi, không được dùng thuốc nổ. Ngay những công cụ thô sơ như búa tạ, choòng cũng không đủ. Rìu để chặt cây không có. Anh em chỉ có những con dao rựa và chiếc xẻng bộ binh đã cũ. Chúng tôi chia ra mỗi đại đội là một công trường làm suốt ngày đêm. Công việc đã rèn luyện con người và chính con người đã đưa năng suất lao động tăng lên.

Không có choòng, xà-beng, anh em chặt gỗ cứng làm xà-beng. Không được dùng mìn, anh em kiên nhẫn theo thớ đá đục dần. Không có cưa anh em bới gốc cây chặt dần từng rễ rồi hạ cây bằng dao rựa. Gặp những tảng đá không thể phá được, anh em đào hố bên dưới, đánh tụt tảng đá xuống. Trong lao động, giữa pháo binh và bộ binh đã nảy sinh mối tình keo sơn, gắn bó. Ngày 10 tháng 2 khởi công, đến đêm 17 tháng 2 những chiếc xe ba cầu của trung đoàn lựu pháo đã có thể kéo pháo theo những con đường mới mở. Tiếp đó chúng tôi lại cùng anh em pháo binh làm hầm cho pháo.

Đào hầm cho pháo 105 công kênh, đồ sộ đòi hỏi khá nhiều công sức. Trận địa pháo của ta đặt bên này dốc để bắn vào Mường Thanh cho nên hầm pháo phải bảo đảm vừa bắn tốt, vừa an toàn. Nếu địch có dùng

máy bay ném bom hoặc đấu pháo, pháo ta vẫn an toàn cả người và vũ khí. Mỗi hầm pháo phải đào sâu vào vách núi moi từ 200 đến 300 mét khối đất đá. Gỗ cho hầm pháo phải có đường kính từ 30 xăng-ti-mét trở lên. Gỗ lại không được khai thác ở quanh đó mà phải đi xa từ năm đến mười ki-lô-mét. Nắp hầm phải dày trên ba mét, gồm nhiều lớp đất xen với gỗ và những bó trúc, bảo đảm có thể chịu đựng được bom tạ, đạn xuyên của địch. Cạnh mỗi hầm pháo là hầm chỉ huy, hầm chứa đạn. Cứ bốn khẩu đội lại có một hầm là nơi hội họp, vui chơi. Nối liền các hầm pháo là hào giao thông khá rộng và sâu, có rãnh thoát nước và hố tránh bom lửa. Lại có đường hào từ trận địa pháo về khu vực cung cấp nước ở tuyến giữa. Ở đây có hầm ăn, hầm ở, hầm thương binh, hầm bếp, hầm giấu xe... Đào xong hầm pháo có lối xẻng chỉ còn là một cái thìa con.

Thế trận của pháo binh ta bố trí rất hiểm: Một tiểu đoàn lựu pháo ở ngay trên đỉnh Tà Lèng phía đông Điện Biên Phủ. Một đại đội bố trí ở phía bắc trên cánh đồng Bản Tấu. Một tiểu đoàn trong khu Nà Lờ, cạnh đường Tuần Giáo - Điện Biên, cách Him Lam khoảng ba ki-lô-mét theo đường chim bay. Một đại đội bố trí ở phía nam để khống chế sân bay Hồng Cúm và cụm pháo địch ở đây.

Làm xong đường và trận địa pháo, anh em càng thấy chủ trương đánh chắc, tiến chắc của Bộ chỉ huy chiến dịch là chính xác. Chúng ta đã tạo điều kiện để chủ trương đó từ khả năng trở thành hiện thực.

Khi con đường kéo pháo đã hình thành, trận địa pháo đã bố trí xong, chúng tôi lại trở về nhiệm vụ của

mình: chuẩn bị cho trận đánh Him Lam, trận mở màn của chiến dịch Điện Biên lịch sử.



Chúng tôi chuẩn bị đánh Him Lam và Độc Lập. Theo kế hoạch thống nhất của Bộ chỉ huy chiến dịch trong đợt một, đêm 13 tháng 3, tiêu diệt Him Lam mở màn chiến dịch, đêm hôm sau tiêu diệt Độc Lập và Bản Kéo.

Lực lượng tiến công tiêu diệt Him Lam có trung đoàn 141 là lực lượng chủ yếu và trung đoàn 209. Trung đoàn 165 là lực lượng chủ yếu và trung đoàn 88 đại đoàn 308 có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt và chiếm lĩnh Độc Lập. Trung đoàn 36 đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ tiêu diệt trung tâm đề kháng Bản Kéo.

Trong đợt một, trung đoàn 57 đại đoàn 304 có nhiệm vụ kiểm chế pháo tại Hồng Cúm. Đại đoàn 316 cho một lực lượng nhỏ đánh nghi binh vào một số điểm cao ở phía đông. Đại đoàn 351 có nhiệm vụ yểm hộ đặc lực cho các đại đoàn bộ binh tiến công, kiểm chế pháo địch, tập kích vào sân bay và sở chỉ huy địch.

Kế hoạch tác chiến còn đề ra các mặt bảo đảm phòng không, phòng hóa, bảo đảm thông tin, bảo đảm hậu cần, dự kiến những tình huống cơ bản và cách xử trí trong quá trình chiến đấu.

Him Lam là một trung tâm phòng ngự kiên cố nhất của địch. Vị trí này thuộc phân khu trung tâm, cách Mường Thanh 2,5 ki-lô-mét, có nhiệm vụ bảo vệ phân

khu trung tâm Mường Thanh và án ngữ con đường từ Tuần Giáo đến Điện Biên. Binh lực ở Him Lam có một tiểu đoàn lê dương tăng cường thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13. Him Lam có ba mỏm hình thành ba cứ điểm vừa yểm hộ được cho nhau vừa có thể độc lập tác chiến. Hỏa lực chia làm nhiều tầng khá vững chắc, có nhiều hỏa điểm chéo, hỏa điểm lướt sườn. Hệ thống công sự phụ có bãi mìn và dây thép gai rộng từ 100 đến 200 mét.

Vị trí Độc Lập nằm trên một quả đồi dài 700 mét, rộng 150 mét, cách Mường Thanh bốn ki-lô-mét, do một tiểu đoàn Bắc Phi (tiểu đoàn 5 trung đoàn 7 An-giê-ri) và một đại đội lính Thái chiếm giữ. Độc Lập được tăng cường bốn khẩu cối 120 và được pháo ở Hồng Cúm, Mường Thanh chi viện, ngăn chặn ta từ phía bắc theo con đường Lai Châu – Điện Biên.

Bản Kéo ở trên một quả đồi ở tây – bắc sân bay, cách khu trung tâm hai ki-lô-mét, do một tiểu đoàn Thái chiếm đóng.

Các đại đoàn 308 và 312 có nhiệm vụ tiêu diệt và tổ chức chiếm giữ cả ba trung tâm đề kháng của địch. Mục đích của đợt tiến công này là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, tạo điều kiện cho quân ta thắt chặt vòng vây và mở cuộc tiến công vào khu trung tâm. Đây là trận đánh mở màn chiến dịch, cũng là trận đánh đầu tiên của quân đội ta vào một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất từ trước tới nay.

Tiến công một cứ điểm nằm trong một tập đoàn cứ điểm mạnh đặt ra cho chỉ huy những vấn đề mới mẻ.

Trước hết là trinh sát. Sau khi nhận nhiệm vụ, ngày nào chúng tôi cũng đi trinh sát thực địa. Ban ngày lên đài quan sát để nghiên cứu Him Lam. Ban đêm cán bộ lại tiếp cận. Muốn hiểu Him Lam cả ngoại vi và tung thâm phải đi từ nhiều hướng trong nhiều thời gian khác nhau rồi tổng hợp tình hình từ nhiều nguồn mới có thể kết luận chính xác. Tôi tự nhủ mình như vậy. Trong lúc cán bộ đi trinh sát, các chiến sĩ đào hào giao thông từ vị trí xuất phát tiến công đến tuyến xuất phát xung phong.

Địch dò biết ý định của ta nên tổ chức phản kích quyết liệt. Đêm 11 tháng 3, ta vừa đào xong tuyến xuất phát xung phong thì sáng ngày 12 chúng huy động bộ binh, có xe tăng yểm hộ và xe xúc đất ra lấp. Lính công binh địch cài mìn trên những đoạn hào ta đã đào rồi dùng xe ủi lấp lại. Lấp xong, chúng cho pháo bắn, cho máy bay ném bom từ tuyến xuất phát xung phong tới cửa rừng. Các tuyến xuất phát xung phong của các mũi đều bị lấp.

Tối 12 tháng 3, tranh thủ sương mù chúng ta lại đào. Anh em phải gỡ từng quả mìn, moi đất lẫn với cành cây trên từng đoạn hào. Địch dùng súng cối, pháo bắn chặn quyết liệt.

Ban ngày địch lấp hào, ban đêm chúng dùng đèn pha, pháo sáng. Chúng cho những phân đội nhỏ tuần tiễu và đặt vọng gác ở ngoài hàng rào để ngăn chặn trinh sát ta thâm nhập. Trong hai đêm liên các chiến sĩ không sao tiếp cận được chân rào. Có lần anh em phải giấu mình trong một bụi cỏ cả một ngày để quan sát rồi chờ đến đêm đi trinh sát tiếp. Nhiều chiến sĩ

quân báo dũng cảm của chúng ta đã bị thương vong. Nhưng đến lúc này tình hình tung thâm Him Lam ra sao chúng ta vẫn chưa hiểu cụ thể. Không thể thông qua một kế hoạch tiến công khi chưa thật hiểu cụ thể kẻ thù. Trận này phải tổ chức hiệp đồng tới từng mũi tiến công. Tôi cho gọi Lư, trung đội trưởng quân báo đại đoàn đến. Tôi hỏi Lư:

– Lư có nắm được quy luật hoạt động của địch ban ngày, ban đêm ở ngoài cứ điểm Him Lam không?

Trung đội trưởng Lư rất lo vì tưởng tôi gọi lên để hỏi về việc tổ cậu ta vừa qua không hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng thấy tôi thân mật, Lư nói:

– Báo cáo đại đoàn trưởng, tôi nắm được quy luật hành động của chúng nó. Ban ngày cứ khoảng hai đến ba giờ chúng lại cho một trung đội ra bờ sông Nậm Rốm lấy nước. Chúng đi theo lối này. – Lư chỉ trên tấm sơ đồ cụm cứ điểm Him Lam. – Ban đêm địch đi theo cống chính ra phục cách đồn khoảng 500 mét.

Đây là đoạn đường ngày nào tôi cũng quan sát. Hai bên đường có rãnh thoát nước, những mô đất, những vạt cỏ cháy sém lúp xúp. Có thể phục kích ở chỗ này được đây! Địch ngăn chặn không cho ta vào đồn lại tổ chức phục ở ngoài, ta tổ chức phản phục kích bắt chúng phải khai. Khi đã đi ra ngoài phục thì chắc chúng nó không đề phòng phía trong. Phải làm những điểm mà địch không tin ta làm được. Một trận phản phục kích của đối phương ở ngay sát chân đồn chắc là trong kế hoạch phòng ngự địch không tính đến. Nghĩ thế tôi bảo Lư:

– Ban đêm, khi địch mang quân ra phục kích, các đồng chí cho một trung đội bí mật bò sát vào gần đồn, chỗ cửa chính, dàn thành đội hình cái phễu, bí mật tiến về phía địch. Chờ nó đi phục về bắt sống lấy vài tên. Cố bắt cho được tên chỉ huy. Đi như thế không lo vấp mìn. Đánh như thế cũng không sợ hỏa lực bắn thẳng và pháo. Bởi vì đường đi của bọn lính đi phục, đường về và thời gian về của chúng đều nằm trong kế hoạch hiệp đồng rồi. Ta phải lợi dụng cách làm ăn bài bản của địch để đánh nó.

Lư chăm chú nghe tôi nói. Khuôn mặt thiếu ngủ của cậu trung đội trưởng quân báo bừng sáng:

– Báo cáo đại đoàn trưởng, có thể mà chúng tôi nghĩ không ra. Xin phép đại đoàn trưởng cho tôi về tổ chức anh em.

– Khoan đã! Kế hoạch của cậu như thế nào, ta cùng bàn.

Lư trình bày cách tổ chức bộ đội thật gọn nhẹ, ngụy trang bằng đất (ở vùng này không có cỏ). Lực lượng này sẽ tiến ra cửa rừng vào lúc địch đi lấy nước. Quan sát đường đến trận địa phục kích, phân công cho từng tay súng. Chọn độ mười người có sức khỏe để bắt sống tù binh. Cứ hai người vật một tên.

Tôi đưa Lư bao thuốc lá và ấm chè Phú Thọ mang về cho anh em. Tôi nói:

– Hẹn cho các cậu ba hôm phải bắt bằng được tù binh.

– Rõ! Ba hôm phải hoàn thành nhiệm vụ. – Lư phấn chấn trả lời.

Đúng ba ngày sau, Lư dẫn lên sở chỉ huy tên thiếu úy Giắc-cơ (trong trận này quân báo đại đoàn đã diệt hơn một tiểu đội địch, bắt sống ba lính lê dương).

Giắc-cơ là một thiếu úy trẻ mới tốt nghiệp ở trường ra. Tên thiếu úy đã khai hết những điều chúng tôi hỏi và cả những điều chưa kịp hỏi. Căn cứ vào những điều tổng hợp được, đối chiếu với lời khai của Giắc-cơ, chúng tôi thấy lời khai của tù binh này có thể tin cậy được.

Him Lam trước có năm mỏm, nay địch dùng máy ủi san đi còn ba. Địch bố trí theo kiểu điểm tựa phòng ngự hình tròn. Mỗi điểm tựa có thể vừa tự bảo vệ mình lại vừa có thể chi viện cho nhau. Do địa hình nên địch bố trí hỏa lực thành nhiều tầng. Giữa các hỏa điểm có hào giao thông nối liền. Giữa các cứ điểm có hàng rào và bãi mìn ngăn cách. Cứ điểm nào cũng có hầm ngầm và lực lượng phản kích. Trong khi tôi hỏi cung, anh em quân báo, tác chiến đã lên sơ đồ. Nhìn ngọn chì trong tay anh em tôi biết tất cả lời cung của Giắc-cơ đã được thể hiện lên sơ đồ.

Tôi cho Giắc-cơ điếu thuốc lá và một tách cà phê. Hắn cảm ơn rối rít. Tôi bảo hắn:

– Chúng tôi sẽ không giết anh đâu. Anh có điều gì cần nói không?

Giắc-cơ nói:

– Thưa ngài, tôi đã khai hết tất cả những gì tôi biết về Bê-a-tri-xơ (mật danh của Him Lam). Bây giờ tôi xin phép ngài cho tôi nói một điều từ trái tim tôi: các ngài không nên đụng đến Bê-a-tri-xơ. Đó không phải là một

vị trí thông thường. Nó là một pháo đài thực sự, một pháo đài bất khả xâm phạm.

Một cán bộ tác chiến có mặt trong cuộc hỏi cung nói với tên thiếu úy:

– Chúng tôi đã được nghe khá nhiều về những cái "bất khả xâm phạm" của các anh. Từ cụm cứ điểm kiểu Đông Khê của tướng Các-păng-chi-ê cho đến hệ thống boong-ke của tướng Đờ Lát. Như anh biết đấy, ở đời không có cái gì là không thể đánh chiếm được!

Tôi thấy tên thiếu úy đỏ mặt. Hắn nói tiếp:

– Thưa các ông, Bê-a-tri-xơ do chính một vị cố vấn Mỹ vừa ở Triều Tiên về thiết kế và trực tiếp đôn đốc thi công. Tướng Mỹ Ô Đa-ni-en và ngài đại tá Đờ Cát thân chinh tham gia bố phòng. Ngài bộ trưởng quốc phòng Plê-ven cũng đã đến tận nơi thanh tra. Chỉ huy Bê-a-tri-xơ là thiếu tá Pê-gô, một sĩ quan lê dương chính cống.

Tôi bảo hắn:

– Các anh hãy chờ đấy! Chúng tôi sẽ tiêu diệt Bê-a-tri-xơ. Đây là Việt Nam. Anh hiểu không?

Ngay sau khi tên tù binh ra khỏi hầm, chúng tôi bắt tay vào bổ sung kế hoạch tiến công Him Lam. Thời gian chỉ còn 12 giờ. Phải dành thời gian cho trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội triển khai cho tới từng chiến sĩ. Tôi tập trung vào ba vấn đề then chốt: một là hiệp đồng với pháo, hai là đột phá mở cửa và ba là đánh tung thâm.

Về hiệp đồng với pháo binh, ngay từ hôm chúng tôi nhận nhiệm vụ tiến công Him Lam, đài quan sát của

đại đội trưởng pháo Trần Kính đặt ở Quang Tum đã có quan hệ chặt chẽ với đại đoàn. Trong sở chỉ huy, bên cạnh bản đồ Điện Biên có yếu đồ Him Lam và yếu đồ hỏa lực của pháo binh. Yếu đồ hỏa lực ghi mục tiêu bắn của pháo, số lượng đạn tiêu thụ, khu vực bắn khi mở cửa, lúc đánh tung thâm, khi địch phản kích từ Mường Thanh ra. Cái khó nhất trong trận này là giai đoạn mở cửa. Phải thực hiện mở cửa nhanh, đúng hướng và tránh thương vong không cần thiết. Trước mắt phải đề nghị Bộ chỉ huy dùng pháo bảo vệ trận địa xuất phát xung phong. Thứ hai là tổ chức trận địa hỏa lực của trung đoàn, tiểu đoàn. Đây cũng là lần đầu tôi làm quen với chiến thuật của pháo. Anh em cho biết với thế trận hiểm hóc của pháo, từ trên cao bắn xuống thì chỉ cần mỗi đại đội bắn thử một viên, quan sát kết quả, hiệu chỉnh bắn tạt ngang một loạt rồi chuyển sang bắn hiệu lực ngay. Trong tình hình đạn dược còn rất thiếu, anh em đã tìm cách bắn tiết kiệm đạn nhưng có hiệu quả cao. Cách đánh pháo của con nhà nghèo. Vẫn tôn trọng những nguyên tắc chiến thuật, kỹ thuật của pháo binh nhưng không để mình bị ràng buộc vào sách vở.

Về đánh tung thâm phải lựa chọn những cán bộ, chiến sĩ có kinh nghiệm tổ chức những mũi thọc sâu được tăng cường lực lượng, thủ pháo đánh thẳng vào sở chỉ huy, khu thông tin địch, thực hiện chia cắt để tiêu diệt từng mục tiêu, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch. Kế hoạch tác chiến đã dự kiến địch có thể có những đơn vị phản kích từ Mường Thanh ra và ở ngay trong cứ điểm. Đường từ Mường Thanh ra rất thuận tiện cho việc sử dụng xe tăng.

Phổ biến xong kế hoạch, tôi và anh Trần Độ chia nhau đi xuống các đơn vị chủ công giúp anh em tổ chức thực hiện kế hoạch. Bởi vì chính anh em, những người cầm súng mới là người trực tiếp quyết định trong chiến đấu. Chúng tôi, những người chỉ huy làm công tác tổ chức phải cùng anh em bàn bạc để rồi đây trong chiến đấu sẽ tác động vào các tình huống của trận đánh, tạo điều kiện cho anh em hoàn thành nhiệm vụ.

Càng gần tới ngày nổ súng, việc tranh chấp giữa ta và địch càng quyết liệt.

Rà soát lại một lượt kế hoạch nổ súng, tôi vừa ngả lưng định lấy sức để thức đêm thì đài quan sát báo cáo có hai xe tăng địch dẫn một đại đội bộ binh từ Mường Thanh ra đánh chiếm tuyến xuất phát xung phong của ta. Nếu để địch đánh chiếm tuyến xuất phát xung phong thì tối nay đơn vị tiến công sẽ rất khó khăn. Tôi hội ý với anh Trần Độ, anh Quang Trung và gọi điện thoại đề nghị Bộ chỉ huy chiến dịch cho một bộ phận lựu pháo bắn để bảo vệ tuyến xuất phát xung phong. Ngay lúc đó, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng nhận được đề nghị của bộ tư lệnh đại đoàn 351. Bộ chỉ huy chiến dịch đồng ý với đề nghị của chúng tôi. Đại đội lựu pháo 806 được lệnh bắn 20 phát vào Him Lam.

Trừ hai phát bắn thử còn 18 phát đều rơi trúng sở chỉ huy địch, phá hủy một số công sự và hầm hào. Một phát đạn rơi trúng hầm chỉ huy. Khói tan, không thấy

gì ngoài một cái hố hình phễu trên chỗ trước đây mấy giây còn là một lô cốt to sù. Anh em reo lên: "Pháo bắn giỏi quá!". Tôi phải ra lệnh cho anh em cảnh vệ khôi phục trật tự trong sở chỉ huy. Vì ngay khi pháo bắn, anh em đã nhảy lên đài quan sát xem pháo ta bắn. Tôi hiểu tâm trạng của anh em, những người đã kéo pháo vào, kéo pháo ra, đã từng làm đường, làm hầm cho pháo. Tiếng gầm của pháo ta sau bao nhiêu ngày im lặng dễ kích thích lòng người. Trật tự được nhanh chóng khôi phục. Đài quan sát báo cáo cả hai xe tăng địch đều tháo chạy. Bọn lính bộ binh địch chạy còn nhanh hơn cả xe tăng. Tuyến xuất phát xung phong được bảo vệ.

Cả tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ báo động vì những quả đạn đầu tiên của lựu pháo 105 ta. Sau đợt pháo, địch dự kiến thế nào ta cũng tiến công nhưng vẫn chưa thấy. Sau này theo lời khai của Đờ Cát khi bị bắt làm tù binh thì khi chờ không thấy quân ta tiến công, Đờ Cát còn hẹn các sĩ quan đúng giờ đến hội báo như thường lệ, tức là 17 giờ ngày hôm sau. Những khẩu pháo "bò" lên được lên đỉnh núi hình như đã được khẳng định. Trong cuốn "Tôi đã là thầy thuốc ở Điện Biên Phủ", thiếu tá quân y Pôn Grô-uyn đã gọi "đó là những cú bắn bậc thầy".

Buổi chiều sương mù xuống mỗi lúc một dày đặc. Các anh bên bộ tư lệnh đại đoàn 351 đề nghị cho nổ súng sớm hơn giờ quy định. Chúng tôi nhất trí với đề nghị đó. Bắn càng sớm càng dễ trúng đích. Hơn nữa cùng với kế hoạch chi viện cho trận đánh mở màn, pháo binh còn có nhiệm vụ tập kích trận địa pháo, sân

bay, kho tàng, sở chỉ huy địch. Tôi nghe rõ tiếng Đại tướng Chỉ huy trưởng vang lên trong máy:

– Pháo binh đã sẵn sàng cả chưa?

– Báo cáo tất cả đã sẵn sàng chờ lệnh đồng chí.

– Bộ chỉ huy chiến dịch đồng ý với đề nghị của các đồng chí. Trận đầu mở màn cho chiến dịch lịch sử, tôi hạ lệnh cho các đồng chí: bắn trúng, bắn nhanh, bắn mạnh.

Chiến dịch lịch sử bắt đầu! Tôi nhìn đồng hồ: 17 giờ 10 phút. Đạn pháo của ta rớt trúng Him Lam, khu trung tâm tập đoàn cứ điểm, sân bay Mường Thanh, sân bay Hồng Cúm. Đòn phủ đầu của ta khá mạnh và rất bất ngờ (40 khẩu từ 75, cối 120 đến lựu pháo 105). Chỉ huy trưởng và phó cụm Him Lam cùng trung tá chỉ huy phân khu trung tâm và cả ban tham mưu đều bị chết trong đợt này.

Chúng tôi cho bộ binh triển khai đội hình chiến đấu từ 15 giờ. Anh em chuyển tay nhau đọc thư Bác Hồ và lệnh động viên của Đại tướng Chỉ huy trưởng. Đến giờ pháo bắn anh em ra khỏi cửa rừng. Cùng với sự chi viện của pháo binh, pháo cao xạ ta lần đầu xuất trận đã tạo nên không khí hào hùng chưa từng có kể từ ngày thành lập quân đội. Anh em bắt tay nhau, hứa với nhau, nhắc lại quyết tâm của tổ ba người, của tiểu đội. Bản thân tôi cũng rất xúc động. Là đầu mối của sự hiệp đồng, tôi không thể rời sở chỉ huy trong lúc này. Lý trí, trách nhiệm bảo tôi như vậy. Nhưng cái không khí hào hùng trên tuyến xuất phát tiến công cứ giục giã tôi đứng lên ra ngoài chiến hào cùng với các đồng

chí của mình. Hình như đoán được tâm trạng tôi lúc đó, các đồng chí cán bộ tác chiến theo dõi hướng của hai trung đoàn 141 (chủ yếu), 209 (thứ yếu) và đài quan sát đại đoàn đã ghi lại báo cáo của các cánh quân khá đầy đủ trên bản đồ tình huống.

Trong lúc pháo ta bắn chế áp, mọi việc đều diễn ra thuận lợi. Nhưng khi địch ở Him Lam hồi tỉnh sau cơn choáng váng, khi pháo địch phản pháo thì tình huống trở nên gay cấn. Trước hết là hào giao thông, chỗ này vừa nông lại không có hào nhánh nên vận động trong hào rất khó khăn. Hỏa lực tiểu đoàn không thể nào vượt qua đội hình xung kích lúc này đã đứng chật trong lòng hào để chuẩn bị xung phong. Trước tình hình đó, phân đội trợ chiến của tiểu đoàn 11 đã nhảy khỏi hào, bắt chấp hỏa lực địch, tiến lên gần sát hàng rào - nơi quy định cho trận địa hỏa lực tiểu đoàn. Phải bảo đảm cho bộc phá mở cửa. Càng chần chừ thương vong càng cao. Bên kia sông Nậm Rốm, địch đã tổ chức một tuyến bắn chặn không cho bộc phá ta vượt cầu ngầm sang. Chính trị viên đại đội 263 tiểu đoàn 428 nằm ngay nơi địch bắn dày đặc nhất chỉ huy cho từng tổ qua sông. Khi địch ngừng bắn lại cho anh em vượt cầu ngầm. Các cỗ pháo địch ở Mường Thanh bắn theo kiểu màn đạn di động từ chân đồn ra ngoài rồi từ ngoài vào trong. Nhiều đoạn hào bị sứt lở chỉ còn tới bụng chân. Đại đội trưởng, đại đội phó của đại đội trợ chiến tiểu đoàn 428 đều hy sinh, nhưng các chiến sĩ đại liên, ĐKZ vẫn xông lên đặt hỏa lực. Vị trí chỉ huy của tiểu đoàn 428 phải dời tới ba lần nhưng vẫn giữ vững sự chỉ huy đối với các mũi phía trước.

Mười bảy giờ, tôi được trung đoàn 141 báo cáo các tổ hỏa lực đã lên sát đồn đang dùng hỏa lực bản thân kiềm chế lô châu mai, yểm hộ cho bộc phá mở cửa. Trên hướng phụ, tiểu đoàn 130 trung đoàn 209 đã chiếm lĩnh trận địa xong lúc 18 giờ 25 phút. Hỏa điểm 1 và 2 của địch đã bị sơn pháo ta tiêu diệt ngay từ phút đầu. Hỏa điểm 3 và 4 vẫn bắn ra ác liệt trên hướng cửa mở. Tổ ĐKZ tiểu đoàn đã anh dũng tiêu diệt hai hỏa điểm này. Mười tám phút sau cửa mở đã thông. Xung kích tràn lên đánh thẳng vào tung thâm.

Tiểu đội trưởng Trần Can chỉ huy tiểu đội nhanh chóng chiếm lô cốt đầu cầu. Chiếm xong, Trần Can chỉ huy một tổ đánh lô cốt số 6 rồi đánh lên lô cốt cố thủ. Súng máy địch quét sát đất. Trần Can cho một tổ dùng thủ pháo bí mật tiến sau lô cốt và dùng tiểu liên bắn nghi binh thu hút hỏa lực địch về phía mình. Địch bắn phía trước, không đề phòng phía sau. Sau vài loạt thủ pháo, khẩu trung liên trong lô cốt cố thủ im bật. Trần Can cầm cờ "Quyết chiến quyết thắng" cắm trên nóc lô cốt để phía sau trông thấy mũi phát triển của mình rồi chỉ huy tiểu đội đánh vào bên trong lô cốt cố thủ. Trần Can đánh các ngách trong lô cốt, bắt sống tên quan ba lê dương. Các tổ khác đánh chiếm các lô cốt xung quanh.

Quân ta đang phát triển thì vấp phải một ổ đề kháng. Địch lợi dụng các bao cát bắn dọc theo hào. Các chiến sĩ dùng luôn một tên đội thạo tiếng Việt bắt nó gọi hàng. Một số tên địch ra hàng. Nhưng trên hướng phát triển của đơn vị vẫn còn một số tên địch ngoan cố chống cự. Hỏa lực ở đây quét là là mặt đất.

Trần Can biết đây là một hỏa điểm lợi hại. Anh đề nghị đánh bằng thuốc nổ. Trung đội trưởng đồng ý, giao nhiệm vụ cho chiến sĩ Thanh. Thanh ôm bộc phá xông lên. Thanh đang tiến thì bị đạn. Anh em thấy Thanh gục xuống, định cử người thay thì Thanh đã vùng dậy. Đợi lúc mũi súng của địch quét sang hướng khác, Thanh trườn lên rồi vọt tiến về phía hầm ngầm. Lát sau bộc phá nổ. Hầm ngầm bị diệt. Ở một ngách khác, tiểu đội phó Hiếu gọi hàng, nhưng địch vẫn bắn ra. Hiếu bí mật lại gần ụ súng, bất ngờ vùng dậy nắm nòng súng của địch giật mạnh và dùng báng súng đánh vào giữa mặt tên địch ngoan cố.

Sau một giờ chiến đấu, quân ta đã tiêu diệt gọn đại đội lê dương số 1. Cuộc chiến đấu ở mỏm hai lúc đầu thuận lợi. Tiểu đoàn 428 mở cửa bằng bộc phá đến hàng rào thứ bảy. Còn một hàng rào cuối cùng. Một chiến sĩ lên đánh quả cuối cùng bị hy sinh. Tiểu đội trưởng Phan Đình Giót xông lên đánh quả bộc phá quyết định. Lô cốt bị san bằng. Địch giạt cả vào trong. Tổ ném lựu đạn chân chữ không đánh chiếm ngay. Địch lại xông ra chiếm lại. Tổ đánh chiếm lô cốt đầu cầu vẫn chưa lên. Tổ trưởng bộc phá Phan Đình Giót thấy nếu chậm trễ thì trận đánh sẽ kéo dài nên quyết định dùng hỏa lực bản thân đánh chiếm lô cốt đầu cầu. Vì phải mang bộc phá nên trang bị của anh em làm nhiệm vụ mở cửa chỉ có tiểu liên và lựu đạn. Sau khi mở thông 60 mét hàng rào kẽm gai, cả tổ chỉ còn có bốn người và cả bốn đều bị thương. Anh em xông lên chiếm lô cốt. Mũi phản kích của địch bị chặn đứng. Cùng lúc đó tổ đột kích được điều sang chi viện. Đại

đội phó Khay ở tuyến trước nhận định đây là thời cơ xung phong liền đề nghị tiểu đoàn. Tiểu đoàn 428 ra lệnh đánh nhanh vào tung thâm. Lúc đó là 19 giờ. Địch rút lên tầng hai ra sức chống cự. Một hỏa điểm bắn ác liệt trên đường phát triển của xung kích. Pháo địch bắn sát chân rào.

Lúc này Phan Đình Giót thay mặt cán bộ chỉ huy trung đội ở cánh phải. Thấy hỏa điểm địch bắn chặn đồng đội, Phan Đình Giót dùng quả lựu đạn cuối cùng đánh hỏa điểm. Địch ngừng bắn. Xung kích ta tiến lên thì hỏa điểm lại khôi phục. Giót dùng tiểu liên đưa vào trong lô cốt bắn một băng, băng đạn cuối cùng. Lúc này Giót đã bị thương tới lần thứ ba. Lợi dụng lúc hỏa lực địch ngừng bắn trong vài giây, xung kích ta xông lên, thấy cả khuôn ngực của Phan Đình Giót áp vào lỗ châu mai địch. Khẩu tiểu liên của người đảng viên Phan Đình Giót không còn đạn. Một mình Giót đã thu hút cả một mạng lưới hỏa lực của địch về phía mình để tạo điều kiện cho đơn vị tiêu diệt những hỏa điểm cuối cùng trong cứ điểm.

Cuộc chiến đấu gay go nhất là ở cứ điểm 1. Trong khi trinh sát thực địa chúng tôi cũng dự kiến đây là hướng gay go nên đã phân công tiểu đoàn 11 Phủ Thông, đơn vị có kinh nghiệm và truyền thống đánh công sự kiên cố tiến công cứ điểm này.

Từ vị trí xuất phát xung phong ở bờ suối lên tới cửa mở, nơi ta đã có lần phục kích bắt tù binh đều bằng phẳng. Địch đã chú ý đoạn này nên ngay từ lúc pháo ta bắn vào Him Lam, chúng đã cho trận địa pháo sau đồi D bắn chặn di động. Hào giao thông bị sứt

từng đoạn lớn, có chỗ không còn gì. Suốt từ vị trí chỉ huy của tiểu đoàn lên đến tổ mở cửa chỉ thấy đất cát, khói bụi. Điện thoại bị đứt từ đầu. Vô tuyến điện bị đạn pháo tiện cụt cần ăng-ten. Liên lạc chạy bộ bị thương vong một số lớn. Trung đoàn trưởng trung đoàn 141 đề nghị cho dời vị trí chỉ huy lên đài quan sát để trực tiếp chỉ huy. Tôi nhất trí, đồng thời đề nghị lên Bộ chỉ huy chiến dịch cho pháo chi viện tiểu đoàn 11.

Lên vị trí chỉ huy mới, trung đoàn trưởng Tuyến lệnh cho tiểu đoàn 428 phát triển sang cứ điểm 1, lệnh cho hỏa lực tiểu đoàn điều hỏa lực lên chi viện cho bộc phá mở cửa, từ đó mở cửa thuận lợi. Nhưng tới hàng rào cuối cùng, quân ta lại vấp phải một hỏa điểm bắn ra ác liệt. Đây là một hỏa điểm địch bố trí xen kẽ giữa hai lớp rào. Súng phun lửa địch bắn ra cửa mở. Lần đầu tiên chúng ta gặp loại súng này. Cuộc chiến đấu kéo dài. Tôi nhìn đồng hồ. Chỉ còn một giờ nữa. Theo quy định của Bộ chỉ huy chiến dịch, đại đoàn phải hoàn thành tiêu diệt Him Lam vào 24 giờ ngày 13 để dùng thì giờ còn lại cải tiến công sự địch, biến Him Lam thành một bàn đạp cho đợt hai.

Giữa lúc đó, Bộ chỉ huy chiến dịch thông báo cho biết sẽ có lựu pháo chi viện cho tiểu đoàn 11. Số đạn quy định là 40 quả bắn trong ba phút. Đồng thời, theo yêu cầu của bộ binh, trung đoàn lựu pháo đã kịp thời thay đổi cách bắn kiểm chế pháo: tập trung năm đại đội pháo bắn cày đi cày lại với năm cự ly vào trận địa pháo địch ở sau đồi D. Hai trăm viên đạn của 40 nòng pháo nhất loạt bắn dồn dập trong mười phút. Sau này

theo Giuyn-lơ Roa, ký giả Pháp thuật lại, thì 12 khẩu pháo địch đã bị quật đổ trong đợt bắn cấp tập này.

Về mũi tiến công của tiểu đoàn 11, được pháo của trên chi viện, trung đoàn và tiểu đoàn đã tổ chức hỏa lực bản thân tiến lên sát hàng rào, tổ chức bắn tập trung vào những hỏa điểm lướt sườn của địch. Đồng chí Nguyễn Văn Dĩ trung đội trưởng chỉ huy pháo 105 đi cùng tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 11 đã đứng lên mặt đất quan sát điểm chạm, hiệu chỉnh pháo. Sau hai phát bắn thử, Dĩ báo cáo trúng mục tiêu, bắn tốt. Nhưng sau đó anh đã hy sinh vì nhiệm vụ.

Hỏa điểm của địch bị dập tắt. Tiểu đội trưởng Trần Oanh nhảy lên mặt đất, chia mục tiêu cho các chiến sĩ trong tiểu đội mỗi người đánh một lô cốt. Sau trận đánh tôi có hỏi Oanh:

– Vì sao đồng chí không cho tiểu đội phát triển theo hào giao thông của địch.

Oanh cười rất hiền:

– Báo cáo anh, em nghĩ theo hào phát triển chậm quá vì sau khi hỏa lực ta cấp tập, chúng nó chỉ choáng váng trong có vài phút. Nó mà hồi tỉnh thì lòi thoi to!

– Thế đánh trên mặt đất, Oanh không sợ thương vong à?

– Báo cáo anh, hào giao thông chúng nó đã tính sẵn. Còn mặt đất thì chúng nó không ngờ. Anh chả dạy chúng em là hãy làm những điều mà địch cho là ta không làm được là gì!

Thì ra cái sáng tạo, cái mạo hiểm của tiểu đội trưởng Trần Oanh đã được tính toán: đánh theo cách mà địch cho là ta không dám đánh.

Đại đội chủ công rồi thê đội 1, thê đội 2 của tiểu đoàn xông lên chia cắt cứ điểm 1 của địch từng mảng. Hai mươi ba giờ 30 phút tôi báo cáo lên Bộ chỉ huy chiến dịch, đại đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt Him Lam, thu toàn bộ vũ khí.

Giọng Chỉ huy trưởng ấm áp:

– 312 đã hoàn thành nhiệm vụ trước thời gian Bộ quy định 30 phút. Anh Tấn cho anh em sửa sang lại công sự. Chắc chắn sáng mai chúng nó sẽ phản kích.

– Anh Quang Trung đã lên Him Lam ngay sau khi tiếng súng vừa dứt. – Tôi báo cáo.

– Anh cho hỏi tên thiếu úy Giắc-cơ xem Him Lam có phải là pháo đài bất khả xâm phạm nữa không?

Tôi cho gọi Giắc-cơ lên. Hắn tròn xoe mắt kinh ngạc trước cái tin Bê-a-tri-xơ bị diệt. Hắn nói, lần này cũng nói thật:

– Thưa ngài, ngài đánh được Him Lam thì ngài có thể đánh được bất cứ chỗ nào ở Điện Biên Phủ.

Him Lam, cụm cứ điểm mạnh nhất được phòng ngự hiện đại chưa từng có đã bị tiêu diệt. Pháo 105 của ta "bò" lên được các đỉnh cao bao vây lòng chảo Điện Biên, sự xuất hiện của pháo cao xạ, tất cả đối với bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp và bộ tham mưu của Đờ

Cát là những điều không dự kiến trong kế hoạch phòng thủ Điện Biên.

Ngày 15 tháng 3 quân ta tiến công cứ điểm Độc Lập.

Bộ chỉ huy chiến dịch phân công đồng chí Vương Thừa Vũ, đại đoàn trưởng 308 là chỉ huy trưởng trận tiến công Độc Lập. Chỉ huy phó có các đồng chí Cao Văn Khánh đại đoàn phó 308 và Đàm Quang Trung đại đoàn phó đại đoàn 312. Trung đoàn trưởng trung đoàn 165 Lê Thùy đảm nhiệm hướng chủ yếu tiến công theo hướng đông-bắc. Trung đoàn 88 do trung đoàn trưởng Nam Hà chỉ huy đảm nhiệm hướng thứ yếu tiến công theo hướng đông-nam (trung đoàn 88 mới ở Lào về, chỉ có ba ngày vừa trình sát, tổ chức chiến đấu, vừa đào hào giao thông).

Hôm ấy trời mưa khá to. Đường xuất kích, hào giao thông đầy bùn đất. Ban chỉ huy trận đánh quyết định thay đổi cách bắn của lựu pháo, không bắn dồn dập trước lúc xung phong mà bắn rải ra để phá hoại một phần công sự địch.

Đúng 17 giờ, bốn đại đội lựu pháo cùng với cối trong lực lượng chi viện mở trận tập kích dữ dội vào toàn bộ khu trung tâm, trận địa pháo và sân bay Mường Thanh. Sau mỗi loạt pháo của ta, địch dùng pháo bắn chặn các đường xuất kích, các tuyến xung phong. Sự việc diễn đi diễn lại. Bọn lính trong cứ điểm phập phồng chờ đợi đợt tiến công của quân ta. Chúng yên trí pháo của chúng đã bẻ gãy các đợt tiến công của quân ta. Đến ba giờ 30 phút ngày 15, chờ cho sơn pháo và súng cối 120 lên đủ, trận đánh mới bắt đầu.

Những khẩu pháo của ta sau vài giờ im lặng lại lên tiếng, lần này bắn để bộ binh mở cửa. Pháo địch không bắn trả. Có lẽ chúng cho là không đại gì bắn tốn đạn, mắc mưu ta. Trận này pháo trực tiếp chi viện bắn tốt. Không đầy 40 phút, hỏa lực địch ở cửa mở đã hoàn toàn tê liệt. Anh em lên đánh 20 quả bộc phá. Cửa mở đã mở toang. Ở mũi của trung đoàn 165 nổi bật nhất là tiểu đội thọc sâu của đồng chí Doãn, tiểu đội cầm cờ "Quyết chiến quyết thắng". Tiểu đội đã bí mật phát triển, bỏ mặc các hỏa điểm trên đường tiến công, thọc thẳng vào tung thâm. Mặc dù lực lượng phía sau không lên kịp, không sợ đơn độc, tiểu đội nhằm lô cốt chính nổ súng, tiêu diệt trận địa cối 120, khu trung tâm thông tin và đánh tới hầm tên quan tư chỉ huy đồn thì gặp tiểu đoàn của trung đoàn 88 đại đoàn 308. Trong chiến đấu nhiều người bị thương hai, ba lần vẫn không rời trận địa. Hết lựu đạn, anh em dùng lựu đạn địch đánh địch. Cùng với đơn vị bạn, tiểu đội thọc sâu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bắt sống hai tên quan tư chỉ huy cứ điểm Độc Lập. Một tên mãn hạn sắp về nước, một tên mới đến chưa nhận bàn giao.

Ở hướng đông-nam, trung đoàn 88 lúc đầu mở cửa không đúng hướng. Đồng chí Nguyễn Văn Ty phát hiện hướng mở sai, đã chỉnh lại hướng mở. Mũi xung kích đầu tiên tiến thẳng lên sở chỉ huy địch bắt liên lạc với tiểu đội của Doãn (trung đoàn 165). Trận đánh kết thúc vào lúc sáu giờ 30 phút ngày 15 tháng 3.

Sáng ra địch cho năm xe tăng dẫn hai tiểu đoàn ứng chiến từ khu trung tâm ra phản kích. Đại đội 213

trung đoàn 88 đã hiệp đồng cùng pháo binh đánh tan cánh quân phản kích này. Sơn pháo của ta bố trí trên cánh đồng bắn thẳng vào xe tăng địch. Chúng vội vã tháo chạy. Súng cối, ĐKZ của ta bố trí trên đồi Độc Lập bắn theo. Lựu pháo 105 ở phía đông cũng tham gia. Nhiều tên địch bị gục. Đây là trận hiệp đồng rất đẹp giữa bộ binh và pháo binh, đánh địch giữa ban ngày trên cánh đồng trống.

Sau hai đòn đau, bộ chỉ huy Pháp từ chỗ quá tin vào pháo binh của họ, quá coi thường pháo binh ta đã đổ lỗi cho viên tư lệnh pháo của họ. Trung tá Pi-rốt không làm cảm hòng dù chỉ là một khẩu của pháo ta như trước đó đã huênh hoang. Ngược lại, một đại đội cối 120, hai khẩu 105 bị pháo ta hủy diệt hoàn toàn, một khẩu 155 bị hỏng và số đạn tiêu thụ quá lớn. Sau khi bị Đờ Cát khiển trách thậm tệ, đêm 16 tháng 3, trung tá Pi-rốt đã tự kết liễu đời mình bằng một quả lựu đạn. Xác y được chôn ngay dưới chiếc giường y nằm và được đại tá Đờ Cát đưa tin là "hy sinh trên chiến trường danh dự". Tiếp đó, tham mưu trưởng Ken-le bị mất tinh thần đến mức thần kinh rối loạn phải đưa về Hà Nội.

Sau Him Lam, Độc Lập, quân địch ở Bản Kéo ra hàng. Tiếp đó là tình trạng mất tinh thần của tiểu đoàn ngự Thái số 2. Quân Pháp bị mất thêm một phần năm lực lượng nữa.

Sau khi tiêu diệt Him Lam ngày 13, Độc Lập ngày 15 và bức hàng Bản Kéo ngày 17, chúng ta nhận định

địch có nhiều khó khăn, lúng túng nhưng chúng còn rất mạnh, và chúng đang ra sức đối phó.

Ngày 14 và 16, địch được tăng viện thêm ba tiểu đoàn dù. Súng nặng và đạn được được tăng cường. Công sự củng cố gấp rút đủ sức chịu đựng đạn pháo của ta. Chúng đưa lính Âu Phi ra vòng ngoài, tăng cường bảo vệ sân bay. Đờ Cát ra nhật lệnh: "Chúng ta đã trải qua một vài trận gay go và bị mất nhiều quân, nhưng số quân này đã được bù đắp ngay bằng ba tiểu đoàn dù. Còn năm tiểu đoàn dù nữa sẵn sàng nhảy xuống tăng viện. Pháo của ta còn nguyên vẹn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bắn chặn có bảo đảm. Có thêm nhiều pháo và pháo thủ được thả dù xuống. Như vậy là số viện binh hiện có đang bù đắp rộng rãi những thiệt hại của chúng ta. Quân Việt Minh thì không được như thế... Chỉ còn vài ngày nữa chúng ta sẽ thắng"(!).

Địch còn tin vào sức mạnh của không quân, xe tăng, pháo binh trong phòng ngự khu trung tâm.

Về ta, trong đợt tiến công sắp tới sẽ tiến công năm trung tâm đề kháng thuộc khu trung tâm gồm 36 cứ điểm do bảy tiểu đoàn Âu Phi và một tiểu đoàn ngụy chiếm giữ. Tại đây có sở chỉ huy, trận địa pháo, sân bay địch. Binh lực chúng còn trên một vạn quân. Đợt chiến đấu sắp tới chúng ta phải giải quyết một vấn đề cực kỳ quan trọng là tiếp cận tập đoàn cứ điểm trên địa hình bằng phẳng và chiến đấu liên tục cả ngày lẫn đêm trong điều kiện pháo binh, không quân, xe tăng địch hoạt động mạnh hơn trước.

Từ nhận định đó, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương vẫn đánh chắc, tiến chắc. Để thực hiện yêu cầu tiếp cận và tiến công liên tục cả ngày lẫn đêm, ta chủ trương xây dựng trận địa tiến công và bao vây. Đây là nhiệm vụ trọng tâm chuẩn bị của đợt tiến công thứ hai.

Trận địa tiến công, bao vây là một hệ thống trận địa gồm hào giao thông trực bao vây Mường Thanh, cắt đứt nó với phân khu Hồng Cúm. Những tuyến hào giao thông của các đại đoàn sẽ từ các triền núi chạy xuống lòng chảo Điện Biên, tới sát các mục tiêu tiến công. Ngoài ra, phải cấu trúc những tuyến hào ngang để cơ động lực lượng, hệ thống công sự cho hỏa lực, hầm tránh pháo, hầm đạn dược, hầm thương binh, hầm điều trị của các đội phẫu thuật...

Nhiệm vụ xây dựng trận địa tiến công và bao vây được quy định như sau:

Đại đoàn 308 xây dựng hào giao thông trực từ nam vị trí Độc Lập qua Bản Kéo, Pe Nội, Nậm Bó, Bản Mé, bản Cò Mị tới sông Nậm Rốm và đường hào giao thông trực từ Pe Nội vào vị trí tập kết của đại đoàn ở phía tây Mường Thanh. Làm trận địa tiến công để chuẩn bị công kích vị trí 106.

Đại đoàn 312 xây dựng hào giao thông trực từ vị trí đồi Độc Lập nối liền với đường hào trực của đại đoàn 308 qua Him Lam, Long Bua, nối liền với đường trực của đại đoàn 316. Làm trận địa tiến công, chuẩn bị công kích các vị trí D, E và 105.

Đại đoàn 316 xây dựng hào giao thông trực từ Long Bua nối với hào trực của đại đoàn 312 qua Bản Bánh,

Bản Ten tới suốt Nậm Kóm ngang bản Cò Mị, nối liền với hào giao thông trục của đại đoàn 308. Làm trận địa tiến công vào các vị trí A1 và C1.

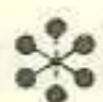
Chủ trương xây dựng hào giao thông của Bộ chỉ huy chiến dịch đã giải đáp đúng bản khoăn của anh em. Một trong những vấn đề anh em thắc mắc là làm sao bảo đảm được người và súng an toàn trong khi tiếp cận địch. Tất cả cán bộ, chiến sĩ phấn khởi bắt tay vào xây dựng một công trình chưa từng có kể từ khi xây dựng quân đội tới nay. Anh em truyền nhau câu:

*"Đúng rồi muốn đánh thì đào,
Muốn thất cổ địch phải có nhiều hào vây quanh.
Chiến hào cùng với chiến binh,
Họ "chiến" chúng mình quyết chiến lập công".*

Mỗi đêm đào công sự là một cuộc chiến đấu thực sự. Địch cho pháo binh, máy bay đánh phá. Ở từng vị trí địch dùng hỏa lực bản thân bắn ra quyết liệt. Cho tới đêm thứ tư khi chúng tôi đào tuyến xuất phát xung phong chỉ cách đồi E không đầy một trăm mét, tiểu đoàn 154 trung đoàn 209 vừa triển khai đội hình như mọi đêm, định đào tiếp thì tiểu đội đi đầu vấp phải mìn cóc bật lên sát thương gần hết. Thì ra trong khi phản kích, địch đã lợi dụng lúc quân ta mãi lo đánh phản kích đã cho công binh bí mật rải mìn. Từ lần vấp này, anh em có sáng kiến dùng gậy tải thương nối lại thành chiếc sào dài khua cho mìn nổ hết rồi mới tiếp tục đào.

Trong vòng mười ngày, quân ta đã đào trên 100 ki-lô-mét hào giao thông, hào chiến đấu và hàng vạn công

sự đủ các kiểu. Các cỡ hỏa lực của ta đưa lên phía trước bắn rất có hiệu quả. Vòng vây Điện Biên thật chặt. Lực lượng ta có thể cơ động ban ngày quanh vòng vây đó. Hỏa lực pháo binh, máy bay địch bị hạn chế. Bị uy hiếp mạnh, máy bay địch phải hạ cánh ban đêm, đến ngày 27 tháng 3 thì không thể hạ cánh được nữa. Địch chỉ còn có cách duy nhất là thả dù. Nhưng vòng vây ta siết chặt, nhiều dù đã lọt vào trận địa ta. Một cuộc tranh đoạt dù đầy hào hứng đã diễn ra trên vòng vây mới.



Đợt hai chiến dịch bắt đầu ngày 30 tháng 3 năm 1954. Nhiệm vụ trong đợt này là tiêu diệt năm điểm cao phòng ngự phía đông Mường Thanh. Đây là dãy điểm cao khống chế toàn khu lòng chảo, là khu then chốt phòng ngự của địch. Mất khu này sẽ mất Điện Biên Phủ.

Đặc điểm đợt này là cả năm đại đoàn tham gia tiến công một loạt cứ điểm có công sự kiên cố của địch.

Đại đoàn 312 được phối thuộc hai đại đội pháo 75, hai đại đội cối 120, một đại đội cối 82 có nhiệm vụ tiêu diệt các cứ điểm đồi E, đồi D1, D2, vị trí pháo địch ở 210 và cùng tiểu đoàn dù nguy số 5 hoặc một bộ phận tiểu đoàn dù 6 thuộc địa đóng ở đó. Sau khi tiêu diệt xong, để lại một bộ phận nhỏ binh lực tăng cường hỏa lực, cải tạo công sự chiếm giữ trận địa không cho địch chiếm lại, đồng thời tổ chức ngay

những trận địa hỏa lực để khống chế và sát thương quân địch ở Mường Thanh.

Đại đoàn 316 (thiếu một trung đoàn) được phối thuộc hai đại đội pháo 75, hai đại đội cối 120, hai trung đội cối 82 tiêu diệt các cứ điểm 301, 302, 304 (tức là A1, C1, C2). Sau khi tiêu diệt xong quân địch, để lại một bộ phận nhỏ binh lực chiếm giữ trận địa không cho địch phản kích chiếm lại, đồng thời tổ chức ngay những trận địa hỏa lực khống chế để sát thương quân địch ở Mường Thanh.

Đại đoàn 308 có nhiệm vụ tiêu diệt khu vực tung thâm của địch gồm: tiểu đoàn Thái số 2 và vị trí pháo binh địch ở đó, phối hợp cùng trung đoàn 98 tiêu diệt tiểu đoàn dù thuộc địa số 6. Dùng hỏa lực kiềm chế pháo binh địch ở tây Mường Thanh và dùng bộ đội nhỏ giương công tích cực các cứ điểm 106 và 310.

Đại đoàn 304 được phối thuộc tiểu đoàn 888 (đại đoàn 316), một đại đội pháo 105, một đại đội cối 120, bốn khẩu cối 82 và 12 khẩu 12,8 tổ chức kiềm chế đặc lực pháo địch ở Hồng Cúm; chặn quân viện từ Hồng Cúm lên Mường Thanh, đồng thời tiêu hao quân địch nhảy dù xung quanh và phía nam Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 trực tiếp yểm hộ cho bộ binh tiến công các cứ điểm: 301, 302, 201, 202; chế áp pháo binh địch, sát thương và tiêu diệt một bộ phận lực lượng cơ động của địch ở trung tâm phía đông Mường Thanh và kiềm chế pháo binh địch.

Chấp hành mệnh lệnh trên, đại đoàn 312 phân công trung đoàn 209 tiến công tiêu diệt đồi D1. Sau hai giờ chiến đấu các chiến sĩ 209 đã tiêu diệt gọn sở chỉ huy tiểu đoàn 3 trung đoàn An-giê-ri. Thừa thắng, trung đoàn trưởng cho tiểu đoàn 103 tiến công sang đồi D2. Trận đánh D2 kéo dài tới gần sáng. Địch hốt hoảng bỏ chạy vào Mường Thanh. Trung đoàn 141 tiến công đồi 3. Sau một giờ 30 phút trung đoàn đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn 3 trung đoàn An-giê-ri.

Ở hướng đại đoàn 316, được 30 viên đạn lựu pháo yểm hộ, sau 20 phút trung đoàn 98 đã chiếm được hai phần ba cứ điểm. Đại đội chủ công đã đánh chiếm được khu cột cờ, mỏm cao nhất của cứ điểm. Quân địch tổ chức ba đợt phản kích nhưng đều bị đánh bại. Thừa thắng, quân ta phát triển tiến công, chia cắt tiêu diệt từng bộ phận quân địch; đồng thời nhanh chóng thọc thẳng vào sở chỉ huy cứ điểm. Sau 45 phút, trung đoàn 98 đã tiêu diệt gọn quân địch ở C1 chiếm lĩnh cứ điểm, bắt sống 140 tên thuộc tiểu đoàn 1 trung đoàn Ma-rốc số 4.

Riêng trận đánh trên đồi A1 khá gay go, quyết liệt. Đây là đồn Pháp cũ, được Nhật củng cố. Sau khi nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ, quân Pháp lợi dụng những nền nhà cũ tổ chức thành điểm tựa khá vững chắc có đường ngầm và hào giao thông ngầm liên lạc với A2. Trung đoàn 174 đánh từ chiều 30 đến sáng 31 tháng 3 mới chiếm được hai phần ba vị trí địch. Tối ngày 31 tháng 3 trung đoàn 102 đại đoàn 308 và một bộ phận

của trung đoàn 174 lại tiến công lần thứ hai. Địch dựa vào thế cao liên tục phản kích. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng ngày 1 tháng 4, ta chiếm được hai phần ba cứ điểm nhưng không phát triển được phải dừng lại. Đêm 1 tháng 4 ta lại tiến công nhưng không thành công. Cùng với mũi tiến công chính diện, đại đoàn tổ chức tiểu đoàn 11 trung đoàn 141 và tiểu đoàn 115 trung đoàn 165 làm nhiệm vụ thọc sâu. Theo kế hoạch, các mũi thọc sâu có nhiệm vụ tiêu diệt trận địa pháo địch ở cứ điểm 210 và các tiểu đoàn dù nguy. Bước một, tiểu đoàn 11 và tiểu đoàn 115 hợp điểm ở cứ điểm 210. Bước hai, cả ba tiểu đoàn (thêm tiểu đoàn 54 trung đoàn 102) hợp điểm ở ngã ba đường số 41, đi vào cầu sắt Mường Thanh.

Hai tiểu đoàn 54 và 115 đã luôn qua nơi tiếp giáp giữa hai cứ điểm C1 và D2 tiến vào khu đông. Nhưng cả hai tiểu đoàn không mở được cửa qua các bãi dây thép gai nên không hoàn thành kế hoạch.

Tiểu đoàn 11, ngay từ khi tiếng súng ở đồi D đang nổ giòn giã, đã đi qua cửa mở của tiểu đoàn 16. Đại đội 243, đơn vị đi đầu tạt sang trái, nhanh chóng vượt qua quãng đường độc đạo dài và hẹp giữa đồi D và đồi E để luôn sâu vào trong. Phát hiện được địch tập trung hỏa lực định bẻ gãy mũi thọc sâu lợi hại này, gần một phần ba đại đội bị thương, nhưng đơn vị kiên quyết thọc sâu đánh vào tiểu đoàn dù nguy số 5. Địch không chịu đựng nổi sức tiến công mạnh của mũi thọc sâu đã bỏ chạy tán loạn. Tiếp đó, đại đội chia làm hai mũi.

Một mũi đánh thốc vào tiểu đoàn dù Âu Phi số 1. Mũi thứ hai đánh vào trận địa pháo địch. Địch bỏ pháo tháo chạy. Các chiến sĩ đại đội 243 đuổi tiểu đoàn dù nguy số 6 ra tận bờ sông Nậm Rốm. Rút kinh nghiệm của ba tiểu đoàn thọc sâu ta tổ chức những đội "dũng sĩ" binh lực ít hơn, tổ chức gọn nhẹ nên hiệu suất chiến đấu cũng cao hơn.

Đêm 1 tháng 4, trung đoàn 36 đại đoàn 308 ở hướng tây đã linh hoạt dùng cách đánh lén, chiếm được cứ điểm 106, tiêu diệt tiểu đoàn 1 trung đoàn lê dương số 2. Đêm 2 tháng 4, đội "dũng sĩ" đột nhập sân bay Mường Thanh tiêu diệt một số địch, bắt sống 10 tù binh. Cùng đêm, vị trí 311 bị uy hiếp. Trung đoàn 88 đại đoàn 308 vừa bao vây tiến công liên tục, gọi hàng, vừa bắn đạn cối có truyền đơn vào 311. Chiều ngày 2 tháng 4, hai đại đội lính Thái ở 311 ra hàng. Đêm 4 tháng 4, ta tiến công cứ điểm 105, nhưng không thành công. Đợt hai kết thúc.

Trong đợt này, chúng ta đã tiêu diệt 2.300 tên. Ngày 12 tháng 4, pháo cao xạ bắn rơi chiếc máy bay thứ 50. Dây điện cao phía đông bị tiêu diệt từng mảng lớn (D1, E1, C1 bị tiêu diệt; D2, 210 rút chạy).

Những đòn tiến công có hiệu quả trong đợt hai đã chứng minh chủ trương xây dựng trận địa tiến công và bao vây của Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch là hoàn toàn đúng đắn.

Trong đợt này, trận địa pháo và các đài quan sát đã nhích lên phía trước. Hai đại đội lựu pháo 801 và 802

đã rời đỉnh Tà Lèng ở phía đông sang phía tây bố trí trận địa ngay sau cứ điểm Bản Kéo. Đại đội 804 ở ki-lô-mét 73 đường số 42 đã chuyển lên cụm cứ điểm Him Lam cũ. Đại đội lựu pháo 805 rời Pú Hồng Mèo xuống phía nam thu ngắn tầm bắn vào Hồng Cúm hai ki-lô-mét. Các đài quan sát pháo đã nhất loạt chuyển lên phía trước. Sơn pháo, pháo cao xạ nằm trong đội hình chiến đấu của bộ binh. Pháo trong biên chế của đại đoàn, trung đoàn đều bắn có hiệu quả vào khu trung tâm. Hỏa lực ta tăng cả về số lượng (đầu pháo) và chất lượng (bắn trúng, tiêu thụ đạn ít). Cũng với biên chế, trang bị như khi mở đầu chiến dịch, bằng công tác tổ chức, chúng ta đã nâng cao chất lượng chiến đấu và sức mạnh của mình.

Tuy vậy chúng ta chưa hoàn thành tất cả các nhiệm vụ đề ra cho đợt hai. Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ đã đề ra trong đợt hai. Các đại đoàn tiến hành xây dựng trận địa bao vây, tiến công vào sát địch hơn, cải tạo địa hình, chiếm một vị trí quan trọng nhằm thắt chặt vòng vây hơn; đánh chiếm sân bay, triệt hản tiếp tế và tiếp viện của địch.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ, đại đoàn 312 đã xây dựng hệ thống trận địa ngày càng tiến gần vị trí địch. Các chiến sĩ đại đoàn ngày đêm giữ vững từng tấc đất trên các điểm cao E, D, C. Những trận địa phòng ngự được củng cố công sự, hào giao thông, hào chiến đấu, ụ súng, vị trí dự bị. Đài quan sát D1 trở thành cứ điểm phòng ngự mạnh của đại đoàn, có trận địa hỏa lực cho sơn pháo và súng cối với công sự kiên cố. Có nơi ta và

địch chỉ cách nhau từ 10 đến 12 mét. Có chiến sĩ bắn tĩa một mình dùng ba loại súng. Anh em bắn tĩa bọn địch đi lấy nước, chủ tâm bắn vào chân, chờ tên đi cứu ta bắn bị thương. Đến đêm địch ra cứu hai tên kia ta dùng súng cối 60, đại liên bắn bọn đi khiêng.

Từ kinh nghiệm bắn tĩa của trung đoàn 36 đại đoàn 308 phát triển lên thành chiến thuật đánh lấn. Một trong những trận tiêu biểu của chiến thuật đánh lấn là trận tiến công cứ điểm 206 (một cứ điểm ở sát sân bay) của trung đoàn 36 đêm 22 tháng 4.

Khi vòng vây của quân ta áp sát sân bay, Bộ chỉ huy chiến dịch phán đoán: khi ta đánh vào bất cứ điểm nào xung quanh sân bay, thế nào địch cũng phản kích. Bộ chỉ huy chủ trương dùng hỏa lực thật mạnh đánh bọn phản kích. Đồng chí Vương Thừa Vũ được giao nhiệm vụ chỉ huy chung hỏa lực đánh địch phản kích, chỉ huy phó là đồng chí Đàm Quang Trung. Cụm hỏa lực gồm có năm đại đội lựu pháo, tất cả hỏa lực súng cối của hai đại đoàn 308, 312 và hai trung đoàn bộ binh. Kế hoạch hiệp đồng giữa pháo binh và bộ binh được tổ chức thống nhất. Các đại đội pháo tính toán xong phần tử bắn vào các ngã ba, đường cơ động và vị trí tập kết của địch. Chỉ huy phó Đàm Quang Trung và các tiểu đoàn trưởng pháo lên đỉnh Hồng Lếch chỉ thị từng mục tiêu trên thực địa.

Chập tối ngày 20 tháng 4, đại đội lựu pháo 803, theo kế hoạch đã thống nhất với Hồng Sơn trung đoàn trưởng trung đoàn 36 bắn 20 phát vào vị trí 206. Trung đoàn trưởng trung đoàn 36 lệnh cho đơn vị hò hét xung phong, nhưng thực ra đó là xung phong giả,

còn anh em vẫn tiếp tục đào hào lấn dần vào hàng rào địch. Đêm 21 cũng diễn ra như đêm 20.

Tới đêm 22, đại đội lựu pháo lại bắn đúng 20 viên từ chập tối rồi lại hò hét xung phong. Đến một giờ sáng ngày 23, theo kế hoạch, đại đội lựu pháo lại bắn 20 quả. Trong lúc pháo bắn, anh em phá nốt những hàng rào còn lại (có những hàng rào, anh em phá sẵn nhưng vẫn cứ để dây thép gai như cũ để địch khỏi nghi). Bắn đến viên đạn thứ 13, thấy hàng rào đã bị phá hết, trung đoàn trưởng yêu cầu lựu pháo, súng cối ngừng bắn để bộ binh xung phong. Pháo ngừng bắn, bộ binh xông lên đánh một lúc ba lô cốt đầu cầu, bí mật xung phong không hò hét như khi xung phong giả. Thấy quân ta xuất hiện bất ngờ quân địch giật cả vào bên trong. Không để lỡ thời cơ, trung đoàn trưởng ra lệnh tiến công toàn diện. Cả ba mũi đánh thốc vào tung thâm. Sau 15 phút, trung đoàn đưa thêm vào hai trung đội. Các mũi nhanh chóng chia cắt tiêu diệt quân địch. Quân ta bắt sống 117 tên lính lê dương, tiêu diệt gọn cứ điểm 206 trong 45 phút. Đánh xong được biết điện đài của 206 đã bị hỏng ngay từ đầu trận đánh, trung đoàn trưởng 36 hạ lệnh cho bốn khẩu đại liên bắn tứ phía giả làm súng địch. Nghe tiếng súng Đờ Cát yên trí Huy-ghét (206) vẫn còn chống cự. Quân ta ung dung thu dọn chiến lợi phẩm và xây dựng công sự để đánh quân phản kích vào sáng hôm sau.

Những đòn tiến công của quân ta trong đợt một và đợt hai đã đặt bộ chỉ huy Pháp trước một sự thật, dù không muốn cũng buộc phải công nhận: "Điện Biên Phủ không còn là pháo đài bất khả xâm phạm nữa.

Đối phương đã giải quyết một cách thông minh chiến thuật tiến công trên địa hình bằng phẳng. Số phận của Điện Biên Phủ đang được định đoạt bởi những người mũ nan chân đất".

Tướng Na-va và bộ chỉ huy Pháp khẳng định chỉ có nhanh chóng mở rộng sự yểm trợ của không quân mới cứu vãn được tình thế. Cao ủy pháp Đờ Giăng đến gặp đại sứ Mỹ ở Sài Gòn đề nghị gửi gấp cho Pháp máy bay B.26, F.84, máy bay vận tải C.47 và đề nghị Mỹ chấp thuận cho Pháp dùng máy bay C.119 ném bom cháy quy mô lớn để cứu Điện Biên Phủ.

Ngày 20 tháng 3, tham mưu trưởng Ê-ly đi Oa-sinh-tơn đề nghị Mỹ tăng viện trợ và khẩn thiết yêu cầu Mỹ can thiệp bằng không quân. Kế hoạch của Mỹ mang mật danh "chiến dịch Điều hâu" dự định dùng 60 máy bay hạng nặng B.29 xuất phát từ căn cứ không quân Mỹ Cờ-lác ở Phi-líp-pin được 150 máy bay chiến đấu của hạm đội 7 hộ tống, lợi dụng đêm tối ném bom nhiều đợt, mỗi đợt chừng 450 tấn bom, nhằm hủy diệt vành đai bao vây của quân ta. Để tránh rắc rối về mặt quốc tế, máy bay Mỹ sẽ không sơn phù hiệu không lực Hoa Kỳ. Phi công là những người đang nghỉ phép sẽ không mang quân hàm, quân hiệu. Nhưng kế hoạch "Điều hâu" không thực hiện vì cả Anh lẫn Pháp đều không đồng ý. Đối với Pháp, Điện Biên Phủ là không thể cứu vãn được. Họ trông chờ hội nghị hòa bình đang chuẩn bị họp ở Thụy Sĩ.

Trước tình hình khẩn cấp, Na-va xoay sang thực hiện kế hoạch "Chim ưng". Kế hoạch dự kiến dùng sáu

tiểu đoàn bộ binh từ phía Nậm U, Nậm Bạc (Thượng Lào) phối hợp với binh đoàn không vận nhảy dù xuống Mường Nhạ tiến đánh Tây Trang rồi tràn vào Điện Biên Phủ, phối hợp với cánh quân bị vây, yểm trợ cho nhau phá vây rút về Thượng Lào. Nhưng khi cánh quân cứu viện cách Điện Biên Phủ 50 ki-lô-mét, viên chỉ huy thấy Điện Biên đang ngắc ngoải nên hạ lệnh lui quân. Kế hoạch "Chim ưng" không thành, Na-va đặt kế hoạch "Chim biển". Nhưng "Chim biển" cũng bị gãy cánh vì đang thực hiện dở dang thì Đờ Cát bị quân ta bắt sống.

Trong lúc chúng tôi bao vây tiến công Điện Biên Phủ, một nhà báo nước ngoài xin phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh về triển vọng cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Bác của chúng ta lật ngược cái mũ trên chiếc bàn tre, rồi nói: "Đây là Điện Biên Phủ". Bác đưa tay quanh vành mũ: "Núi ở đây, và chúng tôi cũng ở đây". Bác nắm tay lại, nhấn mạnh vào lòng mũ rồi nói tiếp: "Còn đây là quân Pháp. Họ không thoát khỏi chỗ này được. Có lẽ thời gian còn dài nhưng họ không thể thoát khỏi".

Câu chuyện trên tôi được nghe khi lên họp ở Bộ chỉ huy chiến dịch. Tại hội nghị, chúng tôi được phổ biến, trung tuần tháng 4 năm 1954 Bộ Chính trị họp nhận định: Hai đợt tiến công của quân ta ở mặt trận Điện Biên Phủ đều thắng lợi... tạo những điều kiện căn bản cho quân ta hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Những thắng lợi đó chứng tỏ sự chỉ đạo đúng đắn của Trung ương

Đảng và sự trưởng thành của quân đội. Trung ương rất vui mừng nhận thấy các cấp ủy, các đảng viên, các cán bộ của chúng ta đã cố gắng và tiến bộ nhiều. Nhưng vì cán bộ ta mắc nhiều khuyết điểm, nguyên nhân chủ yếu là tư tưởng hữu khuynh còn nghiêm trọng. Vì vậy đã gây tổn thất không cần thiết và hạn chế một phần thắng lợi của ta. Chiến dịch Điện Biên Phủ đối với tình hình quân sự và chính trị ở Đông Dương, đối với sự trưởng thành của quân đội ta cũng như đối với công cuộc bảo vệ hòa bình thế giới có một ý nghĩa rất quan trọng, nhất là trong lúc Hội nghị Giơ-ne-vơ sắp họp.

Bộ Chính trị chỉ thị: các cấp ủy, các đảng viên và toàn thể cán bộ phải nhận rõ những khả năng của quân đội và nhân dân ta hiện nay có đủ điều kiện tiêu diệt toàn bộ quân địch, ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, củng cố và đề cao quyết tâm, đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, quân đội và Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm vừa qua. Bộ Chính trị quyết định: toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này.

Sau khi phổ biến nghị quyết của Bộ Chính trị, đồng chí Bí thư Đảng ủy chiến dịch báo cáo nghị quyết của Đảng ủy. Nghị quyết của Đảng ủy nhấn mạnh đặc điểm quan trọng nhất của đợt tiến công đợt hai là tính chất gay go ác liệt của cuộc chiến đấu. Chúng ta phải chịu đựng sự căng thẳng ngày và đêm dưới hỏa lực

máy bay, pháo địch. Người và súng phải luôn luôn sẵn sàng từ ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác. Trời lại bắt đầu mưa. Các chiến hào trở thành những mương chứa một thứ bùn lầy bồng như cháo đặc. Mùa mưa mang đến bệnh hắc lao, nước ăn chân, bệnh kiết lỵ và sốt rét. Gạo thiếu, thức ăn không có, thuốc lao dự trữ cũng hết. Địch phản kích liên tục, cuộc chiến đấu phải kéo dài. Qua thực tiễn chiến đấu, những vấn đề về chiến thuật đều được giải quyết cụ thể, chủ trương tác chiến rõ ràng và chính xác. Vấn đề còn lại bây giờ là chống tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực biểu lộ dưới hai hình thức: một là ngại thương vong, ngại tiêu hao, mệt mỏi, ngại khó, ngại khổ, muốn dứt điểm ngay trong khi điều kiện khách quan chưa cho phép; hai là chủ quan khinh địch.

Hội nghị đã phê phán nghiêm khắc các khuyết điểm trên và khẳng định:

Tư tưởng của Đảng ta, của quân đội ta là tư tưởng tích cực cách mạng, là tinh thần đấu tranh bất khuất, đấu tranh đến cùng chống kẻ thù, là tinh thần đấu tranh không nhân nhượng, không thỏa hiệp của giai cấp công nhân. Tư tưởng đó là tinh thần triệt để cách mạng, lúc thắng lợi không say sưa, lúc khó khăn không chùn bước, bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng kiên trì đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng. Trong quân đội, tư tưởng đó của Đảng là tinh thần anh dũng chiến đấu, tích cực diệt địch, triệt để chấp hành mệnh lệnh. Đó là tinh thần kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, không sợ gian lao, nguy hiểm, không sợ mỏi

một thương vong, không sợ hy sinh tính mệnh. Đó là tinh thần liên tục chiến đấu, lúc thắng lợi không chủ quan tự mãn, lúc thất bại không hoang mang dao động, bất kỳ trong trường hợp nào cũng bình tĩnh, khẩn trương, kiên trì chiến đấu.

Anh Trần Độ và chúng tôi, những cán bộ chỉ huy và cơ quan bộ tư lệnh đại đoàn cùng các cán bộ trung đoàn đã tổ chức triển khai nghị quyết của Bộ Chính trị ngay tại chiến hào. Chúng tôi chân thành tự phê bình trong việc chỉ huy đánh vị trí 105 và trong việc chỉ đạo đào chiến hào đã không sâu sát, không kiểm tra đôn đốc, không khẩn trương cải thiện đời sống cho cán bộ chiến sĩ. Chúng tôi khẳng định những mặt ưu điểm nhưng cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm về chỉ huy, về lãnh đạo và tổ chức chiến đấu. Sau đó, ngay trên các trận địa phòng ngự, trên các đài quan sát, trong các căn hầm, toàn đại đoàn sinh hoạt liên hệ với yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt, nhìn lại những thành tích đã đạt được, tự phê bình và phê bình công khai những thiếu sót từ bộ tư lệnh đại đoàn cho đến người chiến sĩ. Cuộc sinh hoạt công khai, thẳng thắn và bình đẳng về chính trị đã thực sự mang lại sức chiến đấu mới cho đại đoàn.

Hệ thống trận địa được tổ chức lại, có hầm ngủ, hầm ăn, hầm hội họp. Các đường hào được be bờ, tát nước hàng ngày. Trần hầm có nơi anh em căng dù, sàn hầm được lát ván, vách hầm được lát phen nửa, hoặc các mảnh gỗ lấy từ hòm đạn của địch. Có hầm có cả ghế ngồi. Các bữa ăn được cải thiện. Anh em cấp

dưỡng lên rừng hái rau, đào củ, xuống suối bắt cá. Cơ quan hậu cần của đại đoàn đi lên các vùng cao mua rau về cải thiện. Ngoài thịt hộp còn có thêm thịt nhím, thịt cây.

Trong lúc đó, anh em pháo binh gặp một khó khăn là thiếu đạn. Bộ chỉ huy chiến dịch quy định cụ thể: Cục trưởng Tác chiến được phép ra lệnh bắn 10 viên, đại đoàn trưởng ba viên. Cấp trung đoàn, tiểu đoàn không được phép gọi pháo bắn. Có lần địch cho xe tăng ra phản kích, chúng tôi thấy không thể dùng ba viên đạn hạ xe tăng liền đề nghị lên Chỉ huy trưởng chiến dịch. Đồng chí Chỉ huy trưởng cho bắn tám viên. Thông cảm với anh em pháo, đồng thời vì lợi ích của bản thân bộ binh, một phong trào thi đua đoạt dù địch lấy đạn cho pháo đã dấy lên toàn mặt trận Điện Biên Phủ. Pháo cao xạ, bộ binh, pháo binh đã chủ động hiệp đồng, tạo điều kiện cho nhau đoạt dù tiếp tế đạn của địch, thu được 5.500 viên đạn pháo 105 và cối 120. Số đạn đó đã đỡ được một phần khó khăn cho anh em pháo. Nhưng nguồn đạn chủ yếu vẫn là từ hậu phương gửi lên.

Ngày 17 tháng 4, một đoàn xe 12 chiếc chở đạn từ hậu phương lên. Đồng chí Đinh Đức Thiện lúc đó là Cục trưởng Cục Vận tải đã ra lệnh cho đoàn xe: "Vì yêu cầu chiến đấu, đoàn xe phải chạy cả ban ngày thẳng tới hầm pháo. Qua phà, phà trực lên, qua binh trạm, binh trạm phải mở cửa".

Chúng tôi còn được biết, cùng với nghị quyết và những chỉ đạo quý báu, Bộ Chính trị đã cử nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng đi Việt Bắc, Khu 4, ra

mặt trận để kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết. Trên mười vạn dân công và bộ phận quan trọng cán bộ phát động quần chúng được tăng cường cho công tác phục vụ hỏa tuyến. Nhiều đồng chí chỉ ủy viên dẫn các đoàn thanh niên xung phong của cơ sở mình lên Điện Biên Phủ phục vụ rồi cả đơn vị xin nhập ngũ luôn. Tân binh được bổ sung và tiến hành huấn luyện ngay tại chiến trường. Chỉ qua vài trận, những anh em đó đã trở thành cán bộ tiểu đội vững vàng. Công tác cứu chữa, nuôi dưỡng thương binh do đội điều trị các đại đoàn tự lo liệu nên quân số được bổ sung rất nhanh.

Hậu phương đã chi viện cho chúng tôi cả sức mạnh vật chất và tinh thần để bảo đảm đánh thắng trước khi vào đợt chiến đấu quyết định.



Sức đề kháng của tập đoàn cứ điểm có công sự, hỏa lực, vật cản và lực lượng phản kích. Ở vào giai đoạn cuối, lực lượng phản kích là then chốt. Hết lực lượng phản kích, tập đoàn cứ điểm sẽ sụp đổ.

Ngay sau khi mất Him Lam, Độc Lập, Na-va đã cho tiểu đoàn dù biệt kích số 6 do thiếu tá Bi-gia, một sĩ quan dù kỳ cựu được liệt vào loại xông xáo và đã từng ở Tây Bắc lâu năm chuyên lo tổ chức các cuộc phản kích.

Trưa ngày 24 tháng 4, chúng tôi được Bộ chỉ huy chiến dịch thông báo: "Chuẩn bị chiến đấu. Tỏa rộng

đội hình. Định sẽ oanh tạc". Bộ đội vừa tản đội hình xong, thấy trên trời có chín chiếc B.26 bay thành ba tốp, theo đội hình tam giác. Sau đó chúng chuyển thành đội hình hàng dọc nối đuôi trút bom. Đây là những chiếc máy bay Mỹ đầu tiên trực tiếp đánh chúng ta. Tôi ra bên ngoài hầm quan sát cách đánh của Mỹ. Chúng chỉ hơn Pháp ở độ cao và nhiều bom hơn, đánh lâu hơn. Một cảm giác căm ghét bọn Mỹ đánh "hôi" nhen trong lòng tôi. Sau này, trong sáu năm ở miền Đông Nam Bộ, tôi gặp lại bọn Mỹ cùng với những tên giặc bị bắt làm tù binh trong cuộc phản công chiến lược mùa khô Gian-xơn Xi-ti.

Trong trận ném bom này, ngoài việc sát thương quân ta trên sân bay, chúng còn hy vọng sẽ tạo ra một dãy hố bom để cho đám lính dù do Bi-gia chỉ huy tiến ra vị trí 206 tập kết. Sau đợt bom, bọn lính dùng thuốc nổ phá hai cửa mở để tiến ra cho nhanh. Một cánh tiến thẳng vào khu vực của đại đoàn 308. Một cánh khác tiến vào khu vực của trung đoàn 141. Pháo ta được chuẩn bị từ trước do hai đồng chí Vương Thừa Vũ và Đàm Quang Trung chỉ huy đã bắn tập trung trúng đội hình địch. Xác địch tung lên quật xuống. Đội hình của chúng bị tan vỡ. Bọn còn lại nhảy vào các hố bom mà máy bay Mỹ đã tạo nên. Lập tức các khẩu cối của đại đoàn, trung đoàn rót vào các hố bom. Lính dù chết trong các hố bom khá nhiều. Số còn lại vội vã tháo chạy. Từ Mường Thanh, Bi-gia cho ba xe tăng xông ra để cản đám quân dù đang tháo chạy. ĐKZ của ta bắn hỏng một chiếc. Tuy vậy, một số địch đã lọt được vào chiến hào chia cắt sân bay của ta. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 23 Nguyễn Quốc Trị yêu cầu đài quan sát tiên tiêu

của pháo binh đi cùng tiểu đoàn 23 cho pháo bắn trực tiếp vào chiến hào của mình để chuẩn bị phản xung phong. Thấy cự ly quá gần, pháo không dám bắn. Pháo đề nghị bộ binh giãn ra vài trăm mét để bảo đảm an toàn. Nhưng tiểu đoàn trưởng bộ binh Nguyễn Quốc Trị cho rằng nếu ta giãn đội hình, địch sẽ bám theo nên đề nghị pháo cứ bắn. Sau khi cân nhắc, Bộ chỉ huy hỏa lực quyết định bộ binh cầm một lá cờ chuẩn màu đỏ để pháo binh dễ nhận mục tiêu và ra lệnh cho tiểu đoàn trưởng cho đội hình lui về sau cờ chuẩn 50 mét. Đại đội lựu pháo 802 đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đánh bật địch ra khỏi chiến hào. Bọn địch tháo chạy về Mường Thanh bị quân ta phản xung phong, dùng hỏa lực bắn đuổi. Đờ Cát vội vã thúc ba xe tăng ra cứu nguy, nhưng sơn pháo của ta trên đồi E và D lập tức nổ súng bắn chặn, xe tăng không dám tiến. Bi-gia không còn cách nào để thúc đám lính phản kích.

Đây là đợt phản kích cuối cùng của tướng Đờ Cát (Đờ Cát được phong tướng vào cuối tháng 4, tiếp đến là Lăng-gle, La-lăng được phong đại tá và Bi-gia trung tá đúng vào lúc quân Pháp ở Điện Biên Phủ lâm vào tình trạng cực kỳ nguy khốn).

Vùng chiếm đóng của quân Pháp bị thu hẹp tới mức mọi mục tiêu đều nằm trong tầm uy hiếp của súng trường. Dự trữ hậu cần bị tụt tới mức báo động khẩn cấp. Đến ngày 1 tháng 5 năm 1954, cả tập đoàn cứ điểm chỉ còn ba ngày lương thực, 275 viên đạn pháo 155, mười bốn nghìn viên đạn pháo 105, năm nghìn viên đạn cối 120. Tăng viện cho Điện Biên Phủ đã trở thành tuyệt vọng. Tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 nhiều lần bay lên rồi lại bay về vì không có bãi thả và

đạn ta bắn lên rất rất. Có tên được thả xuống thì không biết chỗ nào là quân chúng, chỗ nào là quân ta.

Cuối tháng 4 ở Điện Biên Phủ là mùa mưa. Điện Biên Phủ trở thành một địa ngục thực sự. Tướng Đờ Cát đã phải ra lệnh hạn chế khẩu phần ăn hàng ngày. Nạn ăn cắp xảy ra nghiêm trọng đến nỗi Đờ Cát phải ra lệnh bắn tại chỗ những tên ăn cắp. Binh lính, sĩ quan phải đi đại tiện, tiểu tiện ở ngay trong hầm, vào các vỏ đồ hộp rồi quăng lên. Đã xảy ra những vụ bắn nhau vì tranh đoạt đồ giữa đơn vị nọ với đơn vị kia. Lính bị thương xếp thành tầng trong hầm. Lúc đầu khu hầm dự kiến xếp chừng 400 tên. Nay đường hàng không bị cắt, hầm phải chứa hàng nghìn tên. Cánh nọ nằm trên cánh kia. Máu mủ của cánh trên chảy xuống cánh dưới. Ruồi, dòi phát sinh. Cuộc sống trong các hầm hố khổ đến mức có tên sĩ quan không chịu đựng được đã tự sát.



Đợt ba chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày 1 tháng 5.

Ở hướng đại đoàn 308, trung đoàn 36 đã phát triển cách hàng rào cứ điểm 311B khoảng 50 mét. Trận địa của trung đoàn 88 cũng cách cứ điểm 311A tương tự. Trung đoàn 102 sau một thời gian củng cố đang sung sức.

Đại đoàn 312 đã áp sát vị trí 505.

Đại đoàn 316 vẫn chiếm giữ hai vị trí A1 và C1. Trận địa của đại đoàn đã có thêm hai vị trí tiến công quan trọng là trận địa hỏa lực trên Đồi Cháy và trung đoàn 174, đơn vị sẽ đánh A1 đã có thêm một mũi chia cắt lợi hại giữa A1 và A2. Ngoài ra trung đoàn được sự giúp đỡ của công binh đã đào một đường ngầm để đặt một tấn thuốc nổ đánh vào khu hầm ngầm của địch trên đồi A1.

Ở hướng đại đoàn 304 có thêm trung đoàn 9, cùng với trung đoàn 57 lên từ trước đã áp sát Hồng Cúm hình thành một vòng vây ngăn chặn không cho địch chạy sang Lào.

Pháo binh trong đợt này có thêm một tiểu đoàn ĐKZ75 và một tiểu đoàn hỏa tiễn 75 mi-li-mét sáu nòng. Một trăm linh tám nòng hỏa tiễn 75 sẽ là hỏa lực dự bị quyết định.

Nhiệm vụ của các đại đoàn trong đợt ba là đánh chiếm các điểm cao địch còn chiếm giữ ở phía đông, tiêu diệt một số vị trí địch ở phía tây, tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực địch, phát triển sâu hơn nữa trận địa tiến công và bao vây, phát huy tất cả các loại hỏa lực bắn phá tung thâm, uy hiếp vùng trời của địch, chuẩn bị chuyển sang tổng công kích.

Chiều ngày 29 tháng 4 hàng trăm khẩu pháo của ta đã nhất loạt nổ súng bắn vào khu trung tâm Mường Thanh, phá một kho lương thực và một kho 3.000 viên đạn pháo 105.

Trưa ngày 30 tháng 4, ta tổ chức một trận tập kích hỏa lực xuống toàn bộ phân khu Hồng Cúm. Lực lượng

tham gia có bốn khẩu lựu pháo 105, ba khẩu sơn pháo 75, ba khẩu cối 120, gần 100 khẩu cối 81 và 60 của đại đoàn 304. Trận tập kích kéo dài gần một giờ. Pháo địch không bắn trả được phát nào. La-lăng đại tá chỉ huy phân khu điện về Hà Nội báo cáo: "Tất cả số pháo ở I-da-ben (mặt danh Hồng Cúm) đã bị diệt, chỉ còn một khẩu. Xin thả dù gấp những bộ phận thay thế". Trận tập kích bằng hỏa lực vào Hồng Cúm đã tạo điều kiện thuận lợi cho trận đánh đêm hôm sau.

Sau mấy ngày mưa liên miên, sáng 1 tháng 5 trời nắng đẹp. Trưa ngày 1, pháo ta bắn mãnh liệt vào toàn bộ khu trung tâm. Trung đoàn 98 tiến công C1. Theo kế hoạch, lúc 18 giờ đơn vị phòng ngự trên C1 lui xuống cửa mở. Mười chín giờ 27 phút, hỏa lực của trung đoàn bắn dồn dập vào các hỏa điểm địch trên C1. Hai khẩu sơn pháo của ta đặt trên đồi D cách C1 vài trăm mét bắn rất chính xác. Pháo vừa ngừng, bộ binh lập tức xung phong. Một mũi nhanh chóng cắt đứt đường địch rút về C2. Địch dùng súng phun lửa bắn ra cửa mở. Một mũi của ta bí mật vòng phía sau tiêu diệt khẩu súng phun lửa, diệt hai lô cốt rồi cắt đứt đường địch rút về đồi Mâm Xôi. Sau một giờ chiến đấu, quân ta làm chủ C1, diệt tại trận 144 tên, bắt sống 44 tên, thu toàn bộ vũ khí. Ở A1 trong đêm hôm đó quân ta cũng đánh chiếm thêm hai ụ súng.

Ở hướng tây, trung đoàn 88 đại đoàn 308 với kinh nghiệm đánh lán đã bí mật cắt hàng rào từ mấy hôm trước, đưa hỏa lực vào gần. Khi pháo bắn xong, lập tức xung phong tiêu diệt cứ điểm 311 trong lúc địch đang

thay quân. Đêm 3 tháng 5 trung đoàn 36 lại tiêu diệt và chiếm lĩnh vị trí 311B.

Trong đợt ba, đại đoàn chúng tôi được phân công tiêu diệt 505A, 505B. Cả hai cứ điểm đều nằm trên địa hình bằng phẳng. Để bảo đảm cho trung đoàn 209 hoàn thành nhiệm vụ, chúng tôi huy động lực lượng cơ quan thành lập các đơn vị vận tải đặt tên là đội "Vinh Quang" làm nhiệm vụ chuyên chở lương thực, đạn dược lên tuyến trước và đưa thương binh về phía sau. Chúng tôi theo dõi kết quả đánh lấn của từng đêm. Ban ngày cùng anh em cán bộ rà soát lại kế hoạch tiến công tới từng mũi. Anh Quang Trung xuống trung đoàn 209 cùng trung đoàn trưởng Hoàng Cẩm kiểm tra và trực tiếp tổ chức tiến công cứ điểm 505B. Vị trí 505B bằng phẳng nằm cạnh đường số 41, tiếp đó là hàng loạt vị trí nối liền nhau: 506, 507, 508, 509 chạy tới hẻm của tướng Đờ Cát. Bên tay phải là vị trí 505A. Trận đánh 505 diễn ra ác liệt. Hai mươi giờ 30 phút, trung đoàn chiếm được cửa mở sau nhiều lần phải dừng lại để củng cố. Hai mươi giờ 45 phút quân ta lọt vào chiến hào địch, chia làm hai mũi phát triển. Đây là trung đội cuối cùng của đại đội. Trung đội lọt vào giữa vùng hỏa lực dày đặc nhất của địch. Phía nào cũng có súng bắn tới. Dũng cảm và mưu trí, anh em chia nhau diệt từng hỏa điểm địch. Tiểu liên bị tắc, anh em phải dùng lựu đạn để đánh từng ổ đề kháng. Tiểu đoàn đưa thêm thê đội hai vào chiến đấu lúc 21 giờ 37 phút. Từ 507, địch cho bộ binh và xe tăng xông ra phản kích. Đơn vị sau không lên kịp, các chiến sĩ đã tự động đánh địch. ĐKZ của ta bắn đứt xích chiếc xe tăng. Các chiến sĩ bám sát từng ngách hào, dùng lựu đạn địch đánh địch. Lúc

này pháo của ta vẫn bắn vào 507, trận địa pháo địch và trên các con đường địch di chuyển. Đường vào 505B vừa nhỏ hẹp, vừa trơn. Địch bắn pháo không ngớt. Nhưng hai trung đội tăng viện của ta cũng đã lọt được vào 505B. Bốn giờ 20 phút, tiểu đoàn 166, trung đoàn 209 đã tiêu diệt xong cứ điểm này. Trung đoàn trưởng ra lệnh cho tiểu đoàn 166 tiểu đoàn 154 nhanh chóng cải tạo công sự, chuẩn bị tiến công 507, 509.

Khoảng cách từ đây đến hầm của tướng Đờ Cát chỉ còn 500 mét theo đường chim bay. Từ vị trí 505B, anh em đã đào một hào giao thông xuyên qua ba lớp rào thép gai, cách lô cốt đầu tiên của vị trí 507 mười lăm mét. Bên hướng phụ, tiểu đoàn 115 cũng đã cắt hai hàng rào và đào hào thẳng vào một lô cốt địch ở tây - bắc. Tiểu đoàn trưởng Thiết Cương được giao nhiệm vụ chỉ huy tiến công 506. Trên trận địa của 505B, quân ta đã dùng súng trường, tiểu liên bắn tỉa địch ở 506. ĐKZ và cối 120 bắn sập một số hầm và lô cốt địch. Trưa ngày 5 tháng 5, anh em đã bắt sống năm tên lính Pháp và lính ngự nhảy dù xuống 505B. Địch từ Hồng Cúm, 704 và A1 bắn ra ác liệt, nhưng trận địa của ta trên 505B vẫn như một mũi dao sắc nhọn chìa về phía hầm tướng Đờ Cát. Lúc này điện thoại bị đứt. Máy bộ đàm bị hỏng, các cán bộ tác chiến đã xuống từng đơn vị trực tiếp truyền đạt mệnh lệnh. Sau hai phút pháo chế áp, đơn vị xung phong. Mười lăm phút sau, anh em đã vượt qua cửa mở, lực lượng chỉ còn hơn một trung đội. Theo đúng kế hoạch, hơn một trung đội ấy chia làm hai cánh chia cắt 506. Nhưng khi hai mũi gặp nhau thì lực lượng chỉ còn một tiểu đội. Địch dùng lựu đạn từ các ngách hào ném ra tới tấp. Chiến sĩ ta đã chộp lựu đạn địch đánh trả quyết liệt. Lúc

này địch tập trung vào hầm ngầm cố thủ. Không có thuốc nổ đánh hầm ngầm, anh em tạm dừng chờ lực lượng phía sau.

Biết phía trước gặp khó khăn, tiểu đoàn trưởng Thiết Cương liền tập hợp lực lượng vượt qua cửa mở tiến về phía tiểu đội đang tạm thời dừng lại. Khi vào đến nơi thì bộ phận này chỉ còn có mười người. Lúc đó là 23 giờ 23 phút. Tiểu đoàn trưởng điểm lại lực lượng mới tăng viện và lực lượng đã có từ trước, thấy chỉ còn lại 13 người kể cả tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn trưởng chia thành ba mũi, mỗi mũi do một cán bộ phụ trách, tiểu đoàn trưởng chỉ huy một mũi. Địch tướng đã đánh bật được ta ra khỏi 506 liền tổ chức phản kích. Bọn địch ở 509 cũng tràn sang. Cuộc chiến đấu khá chênh lệch về lực lượng đã diễn ra quyết liệt. Sau một giờ chiến đấu ta chỉ còn năm chiến sĩ và tiểu đoàn trưởng. Mỗi người còn hai quả lựu đạn. Trung đoàn trưởng lập tức tổ chức lực lượng tăng viện lấy từ nhân viên cơ quan trung đoàn, tiểu đoàn. Địch vẫn bắn vào khu cửa mở quyết liệt. Trời đã gần sáng. Địch xông ra phản kích. Tiểu đoàn trưởng Thiết Cương chỉ huy năm chiến sĩ ném một loạt lựu đạn. Mỗi người chỉ còn lại một quả. Đợt xung phong của địch bị chặn đứng. Lúc đó quân tăng viện đã đến. Tiểu đoàn trưởng chỉ huy đánh đợt xung phong thứ hai của địch. Đúng tám giờ sáng, quân ta chiếm hoàn toàn sở chỉ huy địch ở 506, bắt sống 30 lính dù thuộc tiểu đoàn dù số 6, trong đó có một quan ba từ C2 chạy sang và tên quan tư chỉ huy 506. Ngay sau đó, một bộ phận tiểu đoàn 542 tổ chức trận địa phòng ngự trên vị trí 506 vừa đánh

chiếm, chuẩn bị tiến công 509. Địch dùng pháo, máy bay oanh tạc dữ dội lên 506. Do ta và địch ở gần nhau nên địch dùng bom lửa. Anh em dùng đất dập tắt ngọn lửa bén vào người, quyết không rời trận địa.

Như vậy là cùng với đại đoàn 308, đại đoàn 312 đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt một số vị trí bảo vệ sở chỉ huy địch.

Lúc này, trong sở chỉ huy địch đang có cuộc tranh luận gay gắt về việc thực hiện kế hoạch rút lui khỏi Điện Biên Phủ. Sau này, khi bắt sống tướng Đờ Cát, chúng ta được biết kế hoạch như sau:

Sau khi kế hoạch "Chim ưng" không thực hiện được, Na-va thông qua kế hoạch "Chim biển" với mục đích tránh cho quân viễn chinh Pháp một sự đầu hàng nhục nhã. Ba tiểu đoàn dự bị chiến lược cuối cùng của bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp được Na-va ném vào kế hoạch này. Một trong ba tiểu đoàn sẽ được thả xuống Điện Biên Phủ cùng lực lượng của tập đoàn cứ điểm tự phá vây. Từ Lào sẽ có từ bốn đến năm tiểu đoàn bộ binh cùng với hai tiểu đoàn dù còn lại sẽ được ném xuống, tạo thành một vùng hành lang an toàn trong vùng thung lũng Nậm Nưa, Mường Nhạ, Nậm Hợp đón quân ở Điện Biên Phủ chạy sang Lào.

Ngày 4 tháng 5, lúc Đờ Cát được thông báo về kế hoạch "Chim biển" cũng là lúc quân của Đờ Cát chỉ còn đóng trên 20 cứ điểm trên một diện tích hẹp. Đợt tiến công thứ ba của quân ta đã làm cho các sĩ quan

trong tập đoàn cứ điểm coi như số phận tập đoàn cứ điểm đã được định đoạt.

Ngày 4 tháng 5, tướng Đờ Cát triệu tập sĩ quan chỉ huy các đơn vị còn lại bàn cách thực hiện kế hoạch rút chạy mà Na-va vừa thông báo. Lực lượng còn lại sẽ chia làm ba cánh quân rút sang Thượng Lào theo ba hướng, nếu từng cánh quân phá vây thành công. Trong ba hướng đông, tây và nam thì hướng nam xem ra có nhiều may mắn hơn cả. Viên chỉ huy nào cũng muốn rút theo hướng nam, không ai chịu ai. Cuối cùng Đờ Cát phải dùng cách rút thăm. Kết quả quân dù do đại tá Lăng-gle và trung tá Bi-gia chỉ huy sẽ rút chạy theo hướng đông-nam. Quân lê dương và Bắc Phi do các đại tá Lơ-mơ-ni-ê và Vê-đô chỉ huy sẽ rút theo hướng nam. Quân hỗn hợp ở Hồng Cúm do đại tá La-lăng chỉ huy chạy theo hướng tây. Còn lính bị thương và nhân viên quân y sẽ bỏ lại.

Rút thăm xong mọi người nhất trí: "Chim biển" sẽ cất cánh vào hồi 20 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954. Nhưng có một chi tiết kế hoạch "Chim biển" không tính đến là quân ta đã biết được một phần kế hoạch này.

Nắm được những dấu hiệu chuẩn bị rút lui của địch, trong kế hoạch tác chiến, Bộ chỉ huy chiến dịch đã lệnh cho đại đoàn 308 kiểm soát chặt chẽ các con đường đi sang hướng tây. Ở phía nam, đại đoàn 304 (thiếu) được lệnh phái một đơn vị bí mật bố trí tại Bản Ty bịt chặt con đường rút chạy của địch sang Lào.

Đại đoàn 312 chúng tôi nhận được lệnh bám thật sát địch để đón thời cơ tổng công kích, đồng thời đề phòng địch tháo chạy.

Thời gian nổ súng của toàn mặt trận là 20 giờ 30 phút ngày 6 tháng 5 năm 1954, lấy tiếng nổ của khối bộc phá 1.000 ki-lô-gam trên đồi A1 làm hiệu lệnh tiến công.

Trên đồi A1, trung đoàn 174 đại đoàn 316 chia làm hai mũi. Một mũi do tiểu đoàn 249 từ trận địa phòng ngự của trung đoàn trên A1 tiến công từ hướng đông-nam. Một mũi của tiểu đoàn 251 đánh vào "Ụ thẳng người" tức lô cốt số 17. Đây là một mũi hiểm đánh thúc vào sau lưng A1, bịt hản đường địch tháo chạy, đồng thời cắt đứt hoàn toàn A1 với khu trung tâm Mường Thanh, khiến viện binh của chúng không thể phản kích được. Khối thuốc nổ 1.000 ki-lô-gam được chia thành 50 gói, mỗi gói 20 ki-lô-gam được chuyển theo một đường ngầm dài 60 mét đặt vào căn hầm chứa thuốc nổ do công binh đào suốt mười ngày đêm.

Đúng 20 giờ 30 phút ngày 6 tháng 5, đại đoàn ra lệnh điểm hỏa. Nhưng ngoài dự kiến của Bộ tư lệnh và cả của chúng tôi, khối bộc phá một tấn do nổ ngầm dưới đất nên chỉ nghe thấy một tiếng ục và một cột khói bốc lên. Đường dây điện thoại liên lạc với công binh bị đứt, nhưng quan sát thấy trên A1 có ánh chớp rất sáng, trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An liền cho bộ đội nổ súng đồng thời báo cáo lên đại đoàn. Pháo bắn chế áp trong 15 phút rồi bộ binh xung phong. Sau 15 phút, trung đội đầu cầu đã chiếm được bắc khu A

và một phần khu nam. Một đại đội đánh lên hầm ngầm và khu thông tin, một đại đội đánh vào trận địa súng cối. Ở hướng tây-nam, đại đội 674 tiểu đoàn 251 cho một bộ phận đánh chiếm "Ụ thẳng người", một lực lượng đánh xuống A3. Trên A1, địch chống cự quyết liệt. Thấy tình hình khó khăn, trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An trực tiếp đi cùng đại đội thuộc đội dự bị lên A1. Đại đội hướng đông-nam đánh chiếm khu B, đánh vào hầm ngầm bắt được một số tù binh rồi đánh sang khu C, bắt liên lạc với tiểu đoàn 251 từ phía tây đánh lên. Đến trận địa súng cối thì trận chiến đấu diễn ra giằng co. Cả hai tiểu đoàn đều không phát triển được. Đến 23 giờ, trung đoàn điều một đại đội vào tăng cường. Ba giờ sáng ngày 7 tháng 5 thì chiếm được trận địa súng cối, bắt được 120 tù binh trong đó có tên Pu-giê chỉ huy A1. Ta đã bao vây khu cố thủ nhưng địch vẫn chống cự. Tổ ba người tiến đánh, người đi trước lia tiểu liên, người đi sau ném lựu đạn. Đến bốn giờ 30 sáng ngày 7 tháng 5, trung đoàn 174 đã đập tan hoàn toàn sức kháng cự cuối cùng của địch, làm chủ hoàn toàn A1. Trung đoàn dùng hỏa lực bắn mạnh sang C2 chi viện cho trung đoàn 98, đồng thời chuẩn bị đánh A3.

Cũng trong đêm hôm đó trung đoàn 98 tiến công C2. Địch đã đưa lên C2 sáu đại đội thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 2 và tiểu đoàn dù ngụy số 5 quyết giữ C2. Cuộc chiến đấu diễn ra gay go ngay từ phút đầu. Địch dùng pháo và cối 120 bắn chặn dữ dội. Sau mấy đợt xung phong, quân ta chỉ chiếm được hai lô cốt. Ở hướng phối hợp từ C1 qua Yên Ngựa cũng bị hỏa lực

địch chặn lại. Cánh vu hồi do địa hình trống trải bị hỏa lực của địch bắn ngang sườn. Trong khi đó tại hướng chủ yếu, một tiểu đội do chính trị viên dẫn đầu đã vượt qua lưới lửa của địch lọt được vào cứ điểm. Tiểu đội chia làm hai mũi đánh vào trận địa súng cối, phá tám khẩu, diệt sở chỉ huy, trong đó có một quan ba. Mặc dù lực lượng ít nhưng các chiến sĩ ta rất dũng cảm, lấy súng địch đánh địch, có lúc nhảy ra khỏi chiến hào chiến đấu đánh ngang sườn địch. Tuy không bắt được liên lạc với tiểu đội này nhưng nghe súng ta nổ, trung đoàn trưởng Vũ Lăng ra lệnh chi viện, đồng thời tổ chức đưa đội dự bị vào chiến đấu. Đội dự bị bị pháo ngăn chặn không vượt qua được cửa mở. Bộ phận trong cứ điểm bị thương vong gần hết. Lúc này trung đoàn 174 đã đánh chiếm được A1. Bộ tư lệnh đại đoàn 316 nhận định: địch trên C2 còn đông và ngoan cố nhưng không thể chống lại được quân ta. Trung đoàn 98 vẫn còn khả năng chiến đấu. Bộ tư lệnh đại đoàn đưa tiểu đoàn dự bị của đại đoàn vào chiến đấu; lệnh cho trung đoàn 174 dùng hỏa lực chi viện cho trung đoàn 98, chuẩn bị tiến công A3 và phối hợp với trung đoàn 98 chặn không cho địch tăng viện lên C2. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cho 200 viên đạn lựu pháo bắn vào C2 chi viện tiểu đoàn dự bị của đại đoàn 316 hoàn thành nhiệm vụ.

Bảy giờ 30 phút, pháo vừa ngừng chế áp, quân ta đã nhanh chóng chia làm ba mũi đánh vào C2. Địch đưa tám trung đội ra phản kích bị ta chặn đánh phải rút về Mường Thanh. Chín giờ 30 phút quân ta làm

chủ C2. Sáu đại đội thuộc tiểu đoàn dù lê dương số 2 và tiểu đoàn dù nguy số 5 gồm hơn 600 tên bị diệt và bị bắt sống. Trung đoàn 174 cũng đánh chiếm, làm chủ A3.

Toàn bộ dãy điểm cao phía đông tập đoàn cứ điểm đã bị tiêu diệt. Ở phía tây, trung đoàn Thủ đô đại đoàn 308 đã tiêu diệt cứ điểm 510. Trận địa tiến công của trung đoàn chỉ còn cách hầm Đờ Cát 300 mét. Điều kiện để chuyển sang tổng công kích đã chín muồi.

Sáng ngày 7 tháng 5 có những dấu hiệu rất đáng chú ý về địch. Máy bay tiếp tế đạn dược đều quay về Hà Nội, không thả dù như mọi hôm. Máy bay thả lương thực, thực phẩm cũng ít hơn. Lác đác ở một số cứ điểm có nhiều tiếng nổ: địch đang phá vũ khí. Một số địch vứt súng đạn xuống sông Nam Rốm.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho bộ đội sẵn sàng.

Tôi ra lệnh cho trung đoàn 141 lúc này đang ở phía sau chuẩn bị và cho cán bộ tác chiến, quân lực, hậu cần xuống các trung đoàn 165 và 209.

Ở hướng trung đoàn 165, địch dùng bom lửa đánh trúng vị trí 506, nhưng trận địa ta vẫn giữ vững. Hướng trung đoàn 209 có khó khăn. Trời đã sáng nhưng cửa mở đánh vào 507 vẫn chưa mở được. Hỏa lực bắn yểm hộ đã bắn đỏ cả nòng. Bộc phá đã đánh hàng chục quả nhưng vẫn còn hàng rào chưa mở. Suốt đêm theo dõi, hướng 209 lúc thì báo cáo còn một hàng rào, lúc khác lại có tin hàng rào còn nguyên. Tôi, anh Trần Độ, anh Quang Trung gần như cả đêm không ngủ. Bốn giờ sáng, anh Quang Trung nói: "Anh ở nhà

chuẩn bị cho 141 tham gia tổng công kích. Tôi phải xuống 209 xem sao!". Anh Quang Trung xuống đến nơi thì cả Hoàng Cầm trung đoàn trưởng và Thăng Bình trung đoàn phó đều ra 507. Sáng ra mới rõ suốt đêm hôm qua, quân ta đã đánh bộc phá vào hàng rào bùng nhùng. Bộc phá nổ, hàng rào bị hất tung lên rồi lại xẹp xuống. Hoàng Cầm cho điều ĐKZ75 lên tổ chức hỏa lực yểm hộ. Thăng Bình cho thu nhặt bao tải và ván đặt lên trên hàng rào bùng nhùng. Trung đội trưởng Trần Can cho anh em dỡ chướng ngại vật lên trên. Lúc này quân ta chỉ còn cách hầm Đờ Cát khoảng 300 mét. Hỏa lực địch bắn ra ác liệt. Sau khi được hỏa lực yểm hộ, quân ta xung phong. Trần Can dẫn đầu đội hình trung đội vượt qua hàng rào bùng nhùng nhưng do vận động cao nên một số anh em bị sát thương. Hoàng Cầm lên quan sát thấy có thể mở ở chỗ khác mà vẫn có thể đánh được vào 507. Hoàng Cầm xin ý kiến anh Quang Trung. Được sự đồng ý của đại đoàn, trung đoàn 209 đã mở xong cửa mở. Trần Can vọt tiến qua cửa mở, nửa chừng bị thương. Ba đồng chí sau thì một bị thương, hai hy sinh. Vừa đi xuống thì có lệnh tiểu đoàn: đại đội trưởng, đại đội phó đều bị thương nặng, trung đoàn chỉ định Trần Can lên thay. Địch dùng lựu đạn đánh ra, anh em nhặt ném trả. Cuộc chiến đấu giằng co bên cửa mở diễn ra đến quá trưa.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp gọi điện thoại thẳng cho Hoàng Cầm động viên trung đoàn 209 cố gắng chặn chĩnh lại lực lượng tiến công bằng được 507. Tôi thống nhất với các anh Quang Trung và Hoàng Cầm 14 giờ sẽ cho pháo bắn. Tới 15 giờ, đại đội 360 do đại đội

trưởng Tạ Quốc Luật chỉ huy phối hợp cùng sáu chiến sĩ còn lại của đại đội 366 đột phá thắng lợi 507 và đánh chiếm toàn bộ 507.

Thấy cờ trắng lác đác xuất hiện, Hoàng Cầm gọi điện xin cho trung đoàn xuất kích. Tôi hỏi kỹ lại tình hình 507 và các vị trí 508, 509. Hoàng Cầm nhận định địch hoang mang lắm rồi, xin cho cả trung đoàn đánh. Tôi có cân nhắc vì suốt đêm hôm qua (6 tháng 5) cả bộ tư lệnh đại đoàn không ngủ vì những báo cáo của 209. Tôi hỏi:

– Hiện nay anh ở đâu?

– Báo cáo tôi đang ở đồi D.

– Thăng Bình đâu?

– Ở dưới 507.

Vừa lúc đó một cán bộ ghé tai tôi nói nhỏ: "Anh Quang Trung bị bom vùi lúc mười giờ. Anh em đang moi hầm để cứu".

Tôi cố nén xúc động dặn Hoàng Cầm:

– Cẩn thận, trận cuối cùng dễ sượng lắm đấy!

Hoàng Cầm quả quyết:

– "Ăn" đấy anh ạ! Địa hình ở đây bằng phẳng. Còn quân của nó thì hoang mang lắm rồi, anh cứ cho xuất kích toàn trung đoàn.

Tôi bảo để báo cáo Đại tướng xin ít pháo cho chắc tay. Một lát sau pháo binh các cỡ của Bộ chỉ huy bắn dồn dập vào khu trung tâm.

Mười lăm giờ, tôi được Đại tướng Võ Nguyên Giáp thông báo: "Tất cả các đơn vị đã được lệnh tổng công

kích". Tôi ra lệnh cho trung đoàn 141 tiến sau đội hình trung đoàn 209. Lúc này trung đoàn phó Thăng Bình đã ra lệnh cho đại đội 360 phát triển sang 508, 509. Tôi ra lệnh cho Hoàng Cẩm bám sát địch, thọc thẳng vào Mường Thanh. Đại đội 360 đã như một mũi tên chạy đến cầu sắt bắc qua sông Nậm Rốm. Tiếng hô "bắt sống Đờ Cát" đã cổ vũ anh em xông lên. Khẩu đại liên bốn nòng của địch lồng lộn bắn sang. Đạn cối nổ trên mặt cầu. Tạ Quốc Luật chỉ huy tổ đi đầu ném thủ pháo sang. Vừa lúc đó, một loạt đạn pháo của ta giập trúng trận địa hỏa lực địch bên kia cầu. Tổ ba người vọt tiến sang bên kia cầu. Một quả bom địch ném trúng mặt đường. Tổ đi đầu dừng lại trước ngã ba. Vừa lúc đó có tên cai đồng chạy qua. Anh em hỏi hầm Đờ Cát. Tên cai đồng chỉ vào ụ cao to xung quanh có bốn xe tăng đang bắn ra loạn xạ. Luật cho đánh thủ pháo đứt xích một xe tăng. Một chiếc khác bốc cháy. Hai chiếc còn lại bỏ chạy. Luật ra lệnh đánh hầm. Vinh và Nhỏ phân công nhau: Nhỏ bịt một cửa hầm, Vinh tiến vào cửa hầm chính. Theo một hiệu lệnh chung, Vinh và Nhỏ ném hai quả thủ pháo. Khói vừa tan thì một sĩ quan trong bộ tham mưu của tướng Đờ Cát ra giờ tay xin hàng. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật xuống hầm cùng hai chiến sĩ Vinh và Nhỏ bắt sống toàn bộ bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm, trong đó có thiếu tướng Đờ Cát. Đó là lúc Đờ Cát vừa ra lệnh đầu hàng và qua làn sóng điện từ biệt vợ con. Câu đầu tiên Đờ Cát nói với Tạ Quốc Luật là: "Xin đừng bắn tôi!".

Nhận được báo cáo của 209 đã bắt được tướng Đờ Cát lúc 17 giờ 30, tôi ra lệnh giải ngay Đờ Cát và toàn

bộ ban tham mưu lên sở chỉ huy đại đoàn. Tôi hỏi Hoàng Cầm:

– Anh Quang Trung thế nào?

– Báo cáo, anh em đã bối được rồi. Không việc gì. Anh ấy đã hút thuốc lá.

Tôi nhẹ người, hỏi tiếp:

– Anh đã trông thấy Đờ Cát chưa?

– Báo cáo thấy rồi.

– Ăn mặc thế nào?

– Báo cáo anh, Đờ Cát mặc quần áo màu vàng nhạt, đội ca-lô đỏ, đeo quân hàm cấp tướng.

– Quân hàm nó thế nào mà anh biết là cấp tướng?

– Có sao anh ạ!

– Được rồi, thế ai giải nó đi đấy?

– Anh Thăng Bình đã đánh xe gíp đi rồi ạ!

– Xe nào, ai lái?

– Báo cáo, anh Thăng Bình dùng xe chiến lợi phẩm và bắt một tù binh da đen lái.

Một lát sau anh em dẫn tướng Đờ Cát vào. Tôi và anh Trần Độ so ảnh. Đúng là Đờ Cát, tuy có xanh và gầy hơn so với lúc còn đeo lon đại tá. Nhìn cái mũ ca-lô đỏ tôi lại nhớ tới câu nói của Đờ Cát khi thấy quân ta chưa đánh Điện Biên: "Tôi sẽ đội cái mũ đỏ này để Việt Minh dễ nhận rõ mục tiêu!".

Tôi gọi điện báo cáo đồng chí Tổng chỉ huy chiến dịch: "Tướng Đờ Cát hiện nay đang ở trước mặt tôi. Đã so ảnh của Bộ chỉ huy chiến dịch gửi xuống. Xác định đúng là thiếu tướng Đờ Cát và toàn bộ bộ tham mưu".

Lúc này cả không gian Điện Biên Phủ im lặng khác thường. Ngoài trời, một luồng gió mát làm dịu những dây thần kinh căng thẳng. Trời có trăng. Tôi cứ nhìn mãi vầng trăng non thấp thoáng trong đám mây mỏng xấp như bông. Anh Độ bảo tôi: "Nhìn kìa anh Tấn!". Tôi nhìn xuống, cả thung lũng Điện Biên rực rỡ trong ánh đuốc. Đoàn tù binh đang nối đuôi nhau đi ra khỏi Mường Thanh. Các chiến sĩ ta chốt trên các ngả, súng lấp ló lên, vẫn mũ nan chân đất trong bộ quần áo còn dính bùn đang chỉ đường cho đám tù binh đi ra theo loa phóng thanh.

Sau chiến thắng, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định duyệt binh vào ngày 13 tháng 5, tức đúng một tuần lễ sau ngày địch ở Điện Biên Phủ đầu hàng để phát huy thắng lợi và trao cờ "Quyết chiến quyết thắng" của Bác Hồ cho đại đoàn. Thường vụ đảng ủy hợp triển khai công tác chuẩn bị và quyết định để đồng chí Quang Trung thay mặt đại đoàn nhận cờ.

Đàm Quang Trung, người chiến sĩ Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân mười năm về trước, mũ nồi chân đất dưới lá cờ đỏ sao vàng bên gốc đa Tân Trào, nay là đại đoàn phó một đại đoàn đã đánh Him Lam mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ và kết thúc chiến dịch bằng trận đánh bắt sống tướng Đờ Cát. Hình ảnh Quang Trung được cử để nhận cờ vừa cụ thể lại vừa tượng trưng cho sự lớn mạnh của quân đội ta.

Tôi giục Quang Trung cắt tóc, cạo râu và chọn bộ quần phục mới nhất để chuẩn bị đi nhận cờ của Bác.

Vài ngày sau, chúng tôi xin phép Bộ chỉ huy chiến dịch đi xem cách bố phòng của địch. Chúng tôi mượn một chiếc xe chiến lợi phẩm đi theo những trục đường chính để tránh mìn. Từ Him Lam chúng tôi theo trục đường mà mấy hôm trước đây địch thường dùng để phản kích, thọc thẳng xuống sở chỉ huy của tướng Đờ Cát.

Chứng tích của một sức mạnh bị đánh bại lớp lớp, tầng tầng trên toàn bộ lòng chảo Điện Biên. Có những cứ điểm còn nguyên vẹn những bãi mìn, những lớp rào kẽm gai, những lô cốt, hỏa điểm bắn thẳng, bắn chéo, bắn lướt sườn, hầm ngầm, điểm tựa, sở chỉ huy... Có những cứ điểm bị đập nát từng mảng, những đồng vỏ đạn dày có ngọn, bông băng, vỏ đồ hộp, vải dù, tăng bạt xen lẫn với những tranh ảnh khóa thân và những cuốn sách "diễm tình", những cuốn nói về người lính lê dương, kinh thánh, lịch bỏ túi của tướng Na-va dạy lính cách sống ở Việt Nam. Những con ruồi đuổi không thềm bay tranh nhau ăn trên đồng vỏ đồ hộp, những cuộn bông băng lẫn máu và bùn. Một chiếc máy bay Hen-cát cắm đầu xuống một đoạn hào giao thông trục, thân nát vụn. Những chiếc xe tăng đứt xích bị lật nghiêng bên cạnh những khẩu súng máy nát vụn.

Xe chúng tôi qua cầu Nậm Rốm, nơi đã diễn ra cuộc chiến đấu ác liệt giữa ta và địch trước khi vào hầm tướng Đờ Cát. Bên kia cầu, khẩu đại liên bốn nòng nước thép còn mới bên cạnh đồng vỏ đạn vàng chóa. Nghe nói trước đây là nương dâu xanh ngắt chạy dọc theo sông Nậm Rốm. Anh em biết tiếng Thái nói với tôi Nậm là sông, Rốm nghĩa là gỗ lát. Nậm Rốm là

con sông có gỗ lát. Từ đầu cầu rẽ sang trái khoảng 150 mét là hầm tướng Đờ Cát. Những cỗ lựu pháo của chúng ta đặt trên đỉnh núi đã bắn rất trúng trận địa pháo của địch. Một chiếc xe gíp từ hầm Đờ Cát đi ra. Tôi gặp anh Cao Văn Khánh trên xe. Anh Khánh được phân công trao trả thương binh địch tại Điện Biên Phủ. Thấp thoáng phía sau là một phụ nữ dáng người chắc nịch. Cô chào tôi, giọng Huế ngọt ngào. Anh Khánh giới thiệu cô Toàn, y sĩ. Tôi có biết tên nhưng nay mới gặp người. Và tôi cũng biết chỉ vài ngày nữa cô gái Huế dịu dàng thùy mị này sẽ trở thành chị Khánh ở ngay trên mảnh đất Điện Biên lịch sử này. Tôi chúc mừng hạnh phúc của hai anh chị.

Chúng tôi vào hầm Đờ Cát. Trên nắp hầm là những bao cát. Xung quanh hầm là dây thừng phuy đổ đầy đất xếp bao cát. Dưới lớp bao cát dày hơn hai mét là những tấm tôn thép uốn cong rồi đến những tấm vỉ sắt lót sân bay. Dưới cùng là những tấm gỗ thông dày. Hầm có bốn gian dài khoảng chín mét, rộng bốn mét, cao 2,5 mét. Mỗi gian có tường ngăn cách dày một mét. Một hành lang chạy dọc nối các gian hầm. Tường hầm ốp ván gỗ, căng vải dù. Sàn cũng trải vải dù. Những chiếc cột gỗ chắc chắn bằng gỗ lim đã lên nước bóng loáng. Đó là những cột nhà của nhân dân Long Nhai, Cà My. Phía nam có đường thông sang khu vực tổng đài. Gian nào cũng có giường gấp, căng vải bạt, ghế gấp, bàn gấp, kiểu bàn ghế dã ngoại, lại có cả bồn tắm và máy điều hòa. Thật là một sở chỉ huy có đầy đủ tiện nghi cho sinh hoạt của con người và đầy đủ phương tiện chỉ huy, vừa hiện đại, vừa an toàn. Anh

em quân báo của Bộ làm nhiệm vụ thu thập tài liệu trên bàn Đờ Cát đưa cho tôi xem một mệnh lệnh của Đờ Cát ký ngày 20 tháng 4 năm 1954: "... Sự cần thiết về tiếp tế đạn dược bắt buộc phải rút xuống đến mức tối thiểu yêu cầu về lương thực hàng ngày..."

Một cán bộ nói vui:

– Đờ Cát cũng biết bớt ăn để lấy đạn đánh ta đấy chứ!

– Chắc chắn là chỉ bớt của lính thôi.

Tôi đọc tiếp mệnh lệnh của Đờ Cát: "Các ông chỉ huy các cứ điểm chịu trách nhiệm về việc thu hồi dù tiếp tế trong phạm vi của mình. Mỗi cứ điểm phải cử ra một trung đội có một sĩ quan chỉ huy chịu trách nhiệm giữ trật tự về việc thu hồi. Kẻ nào bị bắt quả tang ăn cướp sẽ bị bắn ngay, không cần xét xử. Lệnh này phải được thi hành một cách nghiêm ngặt ngay lập tức".

Từ một sở chỉ huy đầy đủ tiện nghi, viên tướng đã ra những mệnh lệnh như thế!

Tôi bỗng nhớ tới những sở chỉ huy của những tên chỉ huy thấp hơn tướng Đờ Cát. Từ chỗ ăn ở của tên cai bảo an binh đồn Đồng Quan vừa chỉ huy vừa đánh tổ tôm đến trại lính khố xanh của quân Dưỡng ở thị xã Hà Đông, hầm của tên chỉ huy Đông Khê, vị trí chỉ huy của tướng Gin chỉ huy tập đoàn cứ điểm Nà Sản cho đến sở chỉ huy của tướng Đờ Cát ở tập đoàn cứ điểm này có biết bao thay đổi.

Hôm nay, đứng trước hầm Đờ Cát, tôi nghĩ về một chặng đường đã đi qua. Điềm lại những đối tượng tác

chiến chúng tôi đã gặp, tôi thấy không phải ngay từ đầu tôi đã hiểu chúng như hôm nay tôi hiểu chúng, khi đứng trong sào huyết của viên tướng giặc. Trong những ngày đầu tôi chỉ biết đây là bọn xâm lược dù nó có tàu bay, xe tăng, nhưng không đánh chúng thì mãi mãi đất nước sẽ là thuộc địa, mãi mãi nhân dân còn là bọn "An-na-mít".

Ở Sơn La năm 1945, tôi đã dùng chiến thuật trận địa rải mảnh mảnh chống lại lối đánh vu hồi của bọn A-léch-xăng-đri. Từ những đồn binh kiểu đồn cai trị ở Tuần Giáo năm 1945 cho tới nay (1954), kẻ thù đã có biết bao thay đổi. Từ đồn cai trị đến tháp canh, cứ điểm trung đội, đại đội, cụm cứ điểm, hệ thống bong-ke, tập đoàn cứ điểm ở trình độ thấp như Hòa Bình, tập đoàn cứ điểm hoàn chỉnh ở Nà Sản, Sầm Nưa cho đến tập đoàn cứ điểm hiện đại Điện Biên Phủ; cứ mỗi bước trưởng thành của quân đội ta, kẻ thù lại có cách đối phó mới. Chúng ta chưa dự kiến hết mọi thủ đoạn của kẻ thù, cũng như chính chúng cũng chưa tính toán hết ngay từ đầu sức mạnh của chúng ta.

Kẻ thù thua chúng ta không phải vì chúng không mạnh về trang bị và kỹ thuật. Nước Pháp bị kiệt quệ sau cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã được Mỹ giúp sức. Trong tất cả các trận đánh, các chiến dịch chúng đều mạnh hơn ta về trang bị. Nếu mang số tấn sắt thép chúng đã dùng so với số đạn tính từng viên của chúng ta đã dùng ra so sánh thì có thể là khó hiểu với những người quen tính toán chiến tranh chỉ bằng con số. Nhưng trong chiến tranh vấn đề thắng bại đâu có phải là ai bắn nhiều hơn ai mà là ai nghĩ nhiều hơn ai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, vận dụng đúng đắn chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chúng ta đã hiểu rõ kẻ thù đúng như nó có. Chúng ta phân tích kẻ thù một cách toàn diện về chính trị, kinh tế, xã hội cho đến từng chủ trương chiến lược của từng tên tướng trong mỗi giai đoạn chiến lược. Và trong từng chiến dịch tiến công lại biết khoét sâu những nhược điểm cơ bản của chúng, vừa dám đánh ở những nơi chúng cho là ta không thể đánh được, vừa hình thành ưu thế đánh vào những nơi mà chúng cho là đã mạnh. Như kim chỉ nam cho người đi đường, những quan điểm của Đảng đã chỉ ra cho chúng tôi phương hướng hành động về xây dựng đơn vị và tác chiến.

Qua việc nghiên cứu tổng kết, chúng ta đã nâng những kinh nghiệm lên thành những vấn đề nguyên tắc có ý nghĩa khái quát để phổ biến kịp thời. Với phương pháp phê bình và tự phê bình, không thoái chí trước những thất bại tạm thời, không say sưa với thắng lợi đã giành được, nghệ thuật chiến dịch, những vấn đề về chiến thuật của chúng ta đã không ngừng phát triển theo với tháng năm và qua từng trận đánh.

Những nguyên tắc về xây dựng đội quân kiểu mới – quân đội nhân dân – đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà hy sinh chiến đấu được dần dần hình thành. Trong việc tổ chức và sử dụng lực lượng, chúng ta căn cứ vào nội dung nhiệm vụ trước mắt và xu hướng phát triển trong tương lai để xây dựng lực lượng. Trong những ngày đầu chiến tranh khi nhân dân chưa được vũ trang, chính quyền còn non trẻ,

chúng ta đã dùng hình thức đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung để tổ chức dân quân du kích. Dám phân tán những trung đoàn tập trung để phát động nhân dân tham gia chiến tranh, mới thoát nhìn có vẻ như một bước lùi về hình thức tổ chức. Nhưng nếu không có sự mềm dẻo về tổ chức đó, chắc rằng khó có thể có phong trào chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích phát triển cả chiều rộng và chiều sâu trong những năm tháng sau đó. Khi chiến tranh nhân dân đã phát triển, chúng ta lại kiên quyết tập trung các đại đội độc lập, các tiểu đoàn tập trung, dồn mọi cố gắng về cán bộ, về trang bị để thành lập các trung đoàn chủ lực trực thuộc Bộ rồi chỉ trong một thời gian ngắn, các đại đoàn bộ binh ra đời. Sử dụng tập trung những đại đoàn mạnh đánh vào những nơi mà sức mạnh của địch bị hạn chế, ta có điều kiện hình thành ưu thế trong cả quá trình chiến dịch, chúng ta đã tạo nên sức mạnh đánh thắng kẻ thù có trang bị mạnh hơn.

Từ căn hầm Đờ Cát, xe chúng tôi đi xuống Hồng Cúm. Không gian ì ảm tiếng động cơ. Nhưng không ai nhìn lên trời vì chúng tôi biết hôm nay là ngày ta cho phép bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đến lấy thương binh. Và cũng vào những ngày này, trên mặt trận ngoại giao phái đoàn Chính phủ ta họp phiên đầu tiên với phái đoàn chính phủ Pháp. Chợt ai đó reo lên: "Vẫn còn một cây xanh, đẹp quá!".

Đúng là một cây cổ thụ lá xanh mơn mớn sau những cơn mưa đầu mùa hạ. Màu xanh duy nhất giữa bãi sắt thép đổ nát ngổn ngang. Dưới gốc cây là một

đền thờ. Hỏi ra mới biết đây là đền thờ ông Hoàng Công Chất, vị chỉ huy nghĩa quân chống Pháp, người anh hùng thành Bản Phủ. Thành cao hào sâu của người anh hùng, những bụi tre gai còn đó... Nhân dân các dân tộc Điện Biên qua các thế hệ mãi mãi tôn thờ người anh hùng đã từ bỏ chức quan để cùng nhân dân chống Pháp cứu nước. Lúc ấy, trong chúng tôi chưa ai biết rõ công tích của Hoàng Công Chất nhưng cứ nhìn những bộ đồ thờ được lau chùi sáng bóng, nhìn những nén hương đang nghi ngút cháy, chúng tôi hiểu rằng sức mạnh chúng tôi có được hôm nay chính là bắt nguồn từ truyền thống đánh giặc bất khuất của cha ông thuở trước. Không phải ai khác mà chính là nhân dân, nhân dân cùng với lãnh tụ của mình đời đời kế tiếp nhau xây dựng nên truyền thống quý báu ấy – truyền thống Việt Nam – sức mạnh Việt Nam – sức mạnh làm nên một Điện Biên Phủ lịch sử vĩ đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác – Lê-nin chân chính, truyền thống đó đã được phát huy, được không ngừng nhân lên. Bất giác tôi nghĩ đến ý tứ của các cụ ta ngày trước đã đặt tên cho Mường Thanh là phủ Điện Biên. Điện nghĩa là vững. Điện Biên Phủ là một phủ vững vàng ở biên giới phía tây Tổ quốc.

Đã qua rồi hàng trăm năm với những bước thăng trầm. Cho đến hôm nay, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã chứng minh điều đó.

MỤC LỤC

	Trang
- Lời nhà xuất bản	5
- Lời giới thiệu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp	7
- <i>Chương một</i> : Bài học vỡ lòng	9
- <i>Chương hai</i> : Sương mù	30
- <i>Chương ba</i> : Không được xuôi tay	56
- <i>Chương bốn</i> : Hành động theo yêu cầu của cuộc sống	77
- <i>Chương năm</i> : Những cuộc tập dượt	100
- <i>Chương sáu</i> : Tự vượt mình	116
- <i>Chương bảy</i> : Đại đoàn cơ động	147
- <i>Chương tám</i> : Thu Đông thứ ba - Tây Bắc toàn thắng	217
- <i>Chương chín</i> : Chung một chiến hào	252
- <i>Chương mười</i> : Mở đầu tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954	270
- <i>Chương mười một</i> : Điện Biên Phủ	325

TỪ ĐỒNG QUAN ĐẾN ĐIỆN BIÊN

Hồi ức của Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

Chịu trách nhiệm xuất bản :

P.T.S PHẠM GIA ĐỨC

Biên tập : ĐỖ TẤT THẮNG

Trình bày : PHẠM VĂN BẢNG

Sửa bản in : VU THỊ NGÀ

Bìa : TRƯƠNG HIẾU

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

23 Lý Nam Đế, Hà Nội. DN 255766

MỤC LỤC

Trung

TỪ ĐỒNG QUAN ĐẾN ĐIỆN BIÊN

Hồi ức của Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

Bắt đầu in: 1-1-1994. In xong: 6-2-1994

Nộp lưu chiếu: 01-1994. Khổ sách: 13 x 19

Số trang: 400. Số lượng: 2.050c.

Số xuất bản: 1413CT/QĐ. Số in: 3364

Sắp chữ, in ruột và đóng sách tại:

Nhà máy in Quân đội.

- Lời mở đầu	5
- Lời giới thiệu của Đại tướng	7
- Chương một	9
- Chương hai	30
- Chương ba	56
- Chương bốn	77
- Chương năm	100
- Chương sáu	116
- Chương bảy	147
- Chương tám	217
- Chương chín	262
- Chương mười	270
- Chương mười một	325